DANH SÁCH NHỜ THU HỌC PHÍ HỌC KỲ HÈ
NĂM HỌC 2017-2018

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1	110103189	110161101116	Lê Nhân Đức	10X1A	4,642,000
2	109102883	109161101152	Đậu Trọng Quang	10X3A	1,638,000
3	101110198	101110198	Đỗ Mạnh Tuấn	11C1A	3,276,000
4	103110196	103110196	Nguyễn Ngọc Thanh Huy	11C4B	819,000
5	105110095	105110095	Mai Vũ Duy Ân	11D1	683,000
6	106110180	106110180	Phan Văn Tân	11DT2	2,048,000
7	109110452	109110452	Trần Công Hậu	11VLXD	683,000
8	110110249	110110249	Nguyễn Duy Lộc	11X1A	410,000
9	110110389	110110389	Trần Văn Thiết	11X1B	2,867,000
10	110110501	110110501	Trần Hữu Tiến	11X1C	819,000
11	111110100	111110100	Trần Mạnh Tùng	11X2A	1,638,000
12	111110131	111110131	Bùi Minh Phú	11X2B	820,000
13	109110150	109110150	Nguyễn Minh Trí	11X3A	492,000
14	109110153	109110153	Nguyễn Anh Tuấn	11X3A	1,639,000
15	109110160	109110160	Nguyễn Bảo Anh	11X3B	2,458,000
16	109110174	109110174	Đặng Anh Dũng	11X3B	819,000
17	109110235	109110235	Nguyễn Văn Thái	11X3B	819,000
18	101120102	101120102	Nguyễn Ngọc Công	12C1A	2,867,000
19	101120198	101120198	Võ Hoài Sơn	12C1B	819,000
20	101120273	101120273	Phạm Đăng Văn	12C1C	1,721,000
21	103120088	103120088	Nguyễn Đắc Quốc	12C4A	2,457,000
22	103120096	103120096	Phạm Văn Thiết	12C4A	1,229,000
23	101120294	101120294	Đàm Đình Hòa	12CDT1	3,072,000
24	101120319	101120319	La Văn Tiến	12CDT1	819,000
25	105120126	105120126	Lê Khánh Toàn	12D1	1,229,000
26	105120230	105120230	Lê Công Tuấn Vũ	12D2	819,000
27	105120236	105120236	Võ Quốc Cường	12D3	246,000
28	105120259	105120259	Nguyễn Văn Linh	12D3	1,638,000
29	105120318	105120318	Phan Đức Huy	12DCLC	3,686,000
30	107120130	107120130	Lưu Tấn Hùng	12H2	1,229,000
31	121120030	121120030	Tôn Thất Hiệp	12KT	1,024,000
32	121120045	121120045	Nguyễn Văn Linh	12KT	1,229,000
33	103120206	103120206	Nguyễn Ngọc Thành Quang	12KTTT	4,506,000
34	117120071	117120071	Trần Trọng Qúi	12MT	1,024,000
35	117120120	117120120	Lưu Hoàng Khánh	12QLMT	2,130,000
36	117120162	117120162	Bùi Anh Trịnh	12QLMT	819,000
37	117120166	117120166	Nguyễn Văn Duy Tùng	12QLMT	1,229,000
38	108120025	108120025	Đinh Văn Sô	12SK	2,458,000
39	102120133	102120133	Nguyễn Đỗ Việt Đức	12T2	2,048,000
40	102120148	102120148	Phan Tấn Minh	12T2	1,229,000
41	102120149	102120149	Nguyễn Duy Phong	12T2	2,048,000
42	102120256	102120256	Nguyễn Phước Thạch	12T4	1,638,000
43	105120377	105120377	Lê Văn Lý Hùng	12TDH	1,638,000
44	105120389	105120389	Trần Thanh Long	12TDH	1,311,000
45	105120419	105120419	Võ Hoàng Sơn	12TDH	1,638,000
46	105120438	105120438	Huỳnh Quang Triết	12TDH	4,096,000
47	111120017	111120017	Dương Kim Hậu	12THXD	1,311,000
48	111120020	111120020	Bùi Xuân Hoàng	12THXD	1,229,000
49	111120044	111120044	Lê Anh Tân	12THXD	1,229,000
50	109120125	109120125	Phạm Đức Thịnh	12VLXD	2,867,000
51	110120082	110120082	Ngô Quang Hào	12X1A	1,229,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
52	110120195	110120195	Văn Phú Linh	12X1B	2,048,000
53	110120235	110120235	Lò Đức Thuần	12X1B	2,867,000
54	110120248	110120248	Lê Văn Vinh	12X1B	819,000
55	110120314	110120314	Lê Văn Anh Quân	12X1C	1,230,000
56	110120315	110120315	Ngô Văn Quốc	12X1C	410,000
57	110120321	110120321	Bùi Thành Tài	12X1C	1,639,000
58	110120345	110120345	Nguyễn Thanh Tùng	12X1C	1,638,000
59	109120163	109120163	Phạm Hưng	12X3A	1,229,000
60	109120178	109120178	Nguyễn Hoàng Nghĩa	12X3A	410,000
61	109120241	109120241	Nguyễn Hạnh	12X3B	820,000
62	109120285	109120285	Hoàng Viết Thành	12X3B	2,253,000
63	109120303	109120303	Hồ Đức Tuyên	12X3B	819,000
64	109120377	109120377	Nguyễn Vĩnh Thịnh	12X3C	1,639,000
65	101130010	101130010	Hồ Viết Như Cường	13C1A	2,868,000
66	101130017	101130017	Lê Minh Dũng	13C1A	819,000
67	101130020	101130020	Mai Xuân Ngọc Hân	13C1A	2,595,000
68	101130022	101130022	Huỳnh Văn Hiệp	13C1A	410,000
69	101130028	101130028	Đặng Bá Hưng	13C1A	3,005,000
70	101130047	101130047	Nguyễn Đình Phúc	13C1A	2,867,000
71	101130055	101130055	Lê Văn Tân	13C1A	1,229,000
72	101130097	101130097	Lê Công Hiếu	13C1B	3,277,000
73	101130114	101130114	Lê Quang Nghĩa	13C1B	819,000
74	101130115	101130115	Đoàn Huệ Nhơn	13C1B	1,229,000
75	101130126	101130126	Nguyễn Thanh Tâm	13C1B	819,000
76	101130129	101130129	Phan Cao Thái	13C1B	410,000
77	101130137	101130137	Nguyễn Duy Tiến	13C1B	1,229,000
78	101130143	101130143	Nguyễn Tiến Trung	13C1B	3,686,000
79	101139002	101139002	Nguyễn Tuấn Anh	13C1VA	2,048,000
80	101139021	101139021	Trương Vũ Quốc	13C1VA	819,000
81	101139024	101139024	Phạm Sơn	13C1VA	2,868,000
82	101139028	101139028	Phan Thanh Toàn	13C1VA	410,000
83	103130013	103130013	Phan Văn Cường	13C4A	819,000
84	103130054	103130054	Nguyễn Đức Nghĩa	13C4A	2,867,000
85	103130063	103130063	Võ Lê Tấn Phong	13C4A	4,096,000
86	103130082	103130082	Nguyễn Minh Thuận	13C4A	1,638,000
87	103130087	103130087	Lê Đức Trí	13C4A	2,867,000
88	103130090	103130090	Dương Xuân Trường	13C4A	2,048,000
89	103130101	103130101	Lê Đình Vũ	13C4A	1,638,000
90	103130106	103130106	Nguyễn Thành Chiến	13C4B	2,048,000
91	103130128	103130128	Nguyễn Hữu Hùng	13C4B	1,229,000
92	103130135	103130135	Hà Đăng Khánh	13C4B	2,458,000
93	103130136	103130136	Nguyễn Trần Quốc Khánh	13C4B	2,458,000
94	103130166	103130166	Nguyễn Văn Phúc	13C4B	819,000
95	103130169	103130169	Hồ Văn Quang	13C4B	819,000
96	103130171	103130171	Trần Minh Quyền	13C4B	819,000
97	103130175	103130175	Phạm Quốc Tài	13C4B	1,638,000
98	103130176	103130176	Lê Thanh Tâm	13C4B	819,000
99	103130178	103130178	Nguyễn Phan Thanh	13C4B	1,229,000
100	103130187	103130187	Lê Thanh Toản	13C4B	2,048,000
101	103130189	103130189	Huỳnh Minh Triết	13C4B	819,000
102	103130201	103130201	Cao Hữu Vượng	13C4B	2,048,000
103	101130156	101130156	Trần Vĩnh Đạt	13CDT1	1,229,000
104	101130157	101130157	Lê Văn Đây	13CDT1	819,000
105	101130171	101130171	Lữ Thành Nhân	13CDT1	1,638,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
106	101130172	101130172	Hoàng Quý Quyền	13CDT1	683,000
107	101130213	101130213	Vũ Minh Tân	13CDT2	410,000
108	101130218	101130218	Nguyễn Hoàng Thiện	13CDT2	683,000
109	105130016	105130016	Lương Văn Đạt	13D1	819,000
110	105130019	105130019	Lộc Văn Đức	13D1	819,000
111	105130030	105130030	Hồ Bảo Anh Huy	13D1	2,867,000
112	105130056	105130056	Đỗ Văn Sư	13D1	2,457,000
113	105130058	105130058	Võ Anh Thạch	13D1	2,457,000
114	105130924	105130924	Nguyễn Thành Công	13D1VA	1,638,000
115	105130927	105130927	Nguyễn Mạnh Đàn	13D1VA	1,229,000
116	105130930	105130930	Phan Viết Hoàng	13D1VA	2,867,000
117	105130932	105130932	Trần Huy Hùng	13D1VA	3,523,000
118	105130933	105130933	Trần Quốc Hùng	13D1VA	819,000
119	105130937	105130937	Trần Gia Lưu	13D1VA	1,229,000
120	105130938	105130938	Trần Đức Mại	13D1VA	2,867,000
121	105130940	105130940	Phan Văn Ngọc	13D1VA	1,638,000
122	105130948	105130948	Phan Văn Thành	13D1VA	819,000
123	105130953	105130953	Phạm Anh Tuấn	13D1VA	2,867,000
124	105130955	105130955	Hồ Đức Việt	13D1VA	1,638,000
125	105130956	105130956	Nguyễn Huy Vũ	13D1VA	1,229,000
126	105130957	105130957	Nguyễn Tuấn Vũ	13D1VA	3,276,000
127	105130960	105130960	Phạm Vũ Linh	13D1VA	819,000
128	105130084	105130084	Trương Công Thành Đạt	13D2	1,229,000
129	105130088	105130088	Lê Văn Dương	13D2	2,867,000
130	105130117	105130117	Nguyễn Văn Phương	13D2	3,277,000
131	105130134	105130134	Nguyễn Quang Trí	13D2	819,000
132	105130157	105130157	Phan Hoàng	13D3	4,506,000
133	105130169	105130169	Trà Thành Mạnh	13D3	1,229,000
134	105130178	105130178	Hồ Xuân Phương	13D3	2,457,000
135	105130187	105130187	Nguyễn Công Thắng	13D3	1,065,000
136	105130190	105130190	Đặng Văn Thạo	13D3	683,000
137	105130194	105130194	Trần Vĩnh Tiến	13D3	1,638,000
138	106130012	106130012	Nguyễn Sỹ Đạt	13DT1	819,000
139	106130067	106130067	Phạm Xuân Tú	13DT1	683,000
140	106130072	106130072	Nguyễn Văn Tý	13DT1	1,229,000
141	106130076	106130076	Nguyễn Nam Anh	13DT2	819,000
142	106130094	106130094	Nguyễn Trọng Hữu	13DT2	819,000
143	106130096	106130096	Phan Văn Huy	13DT2	819,000
144	106130102	106130102	Nguyễn Xuân Lộc	13DT2	2,868,000
145	106130112	106130112	Phan Thanh Phú	13DT2	819,000
146	106130127	106130127	Trần Kim Thảnh	13DT2	1,230,000
147	106130132	106130132	Lưu Quang Tín	13DT2	819,000
148	106130135	106130135	Phùng Trần Tra	13DT2	2,867,000
149	106130137	106130137	Nguyễn Anh Trí	13DT2	2,459,000
150	106130157	106130157	Nguyễn Như Hậu	13DT3	1,230,000
151	106130183	106130183	Hoàng Trần Nhật	13DT3	1,638,000
152	106130199	106130199	Nguyễn Quốc Thịnh	13DT3	683,000
153	106130200	106130200	Hồ Văn Thuận	13DT3	2,459,000
154	107130037	107130037	Phạm Phú Quỳnh	13H1,4	1,229,000
155	107130135	107130135	Nguyễn Văn Diệu	13H5	1,229,000
156	107130138	107130138	Nguyễn Dương	13H5	2,048,000
157	107130147	107130147	Trần Công Mỹ	13H5	2,867,000
158	107130170	107130170	Nguyễn Thanh Tuấn	13H5	683,000
159	121130005	121130005	Nguyễn Quốc Đạt	13KT1	1,229,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
160	121130007	121130007	Nguyễn Văn Đức	13KT1	819,000
161	121130032	121130032	Võ Thành Nhân	13KT1	3,277,000
162	121130037	121130037	Trần Liêu Quý	13KT1	1,229,000
163	121130044	121130044	Dương Văn Thiện	13KT1	4,096,000
164	121130067	121130067	Nguyễn Đình Cường	13KT2	819,000
165	121130078	121130078	Trần Thanh Hiếu	13KT2	1,638,000
166	121130079	121130079	Nguyễn Trí Huy Hoàng	13KT2	2,185,000
167	121130083	121130083	Ngô Minh Quốc Huy	13KT2	5,324,000
168	121130105	121130105	Văn Quốc Thắng	13KT2	1,229,000
169	121130113	121130113	Nguyễn Văn Tiến	13KT2	4,915,000
170	103130221	103130221	Nguyễn Hữu Quốc	13KTTT	819,000
171	103130228	103130228	Lê Hồng Tiến	13KTTT	1,229,000
172	118130005	118130005	Hiền Chúc	13KX1	3,686,000
173	118130026	118130026	Đinh Thị Loan	13KX1	3,686,000
174	118130038	118130038	Phạm Văn ối	13KX1	2,458,000
175	118130039	118130039	Đinh Văn Phân	13KX1	819,000
176	118130061	118130061	Trần Huỳnh Anh Tuấn	13KX1	1,229,000
177	118130064	118130064	Lê Viết Khánh Vũ	13KX1	410,000
178	118130068	118130068	Hoàng Quốc Vương Ánh	13KX2	410,000
179	118130069	118130069	Nguyễn Ngọc Cảm	13KX2	2,977,000
180	118130080	118130080	Nguyễn Đôn Hậu	13KX2	1,638,000
181	118130105	118130105	Phan Bảo Quý	13KX2	1,230,000
182	118130115	118130115	Đặng Thị Quỳnh Trâm	13KX2	410,000
183	117130035	117130035	Lê Xuân Nhân	13MT	2,867,000
184	117130066	117130066	Nguyễn Hoàng Tuyến	13MT	683,000
185	104130013	104130013	Nguyễn Du	13N1	1,229,000
186	104130014	104130014	Hà Minh Đức	13N1	2,867,000
187	104130019	104130019	Đặng Minh Hiếu	13N1	492,000
188	104130021	104130021	Nguyễn Đoàn Bá Hòa	13N1	2,867,000
189	104130031	104130031	Lê Trung Lâm	13N1	819,000
190	104130045	104130045	Nguyễn Lê Nguyên	13N1	2,867,000
191	104130064	104130064	Nguyễn Đức Tín	13N1	171,000
192	104130065	104130065	Nguyễn Trọng Tín	13N1	2,458,000
193	104130077	104130077	Bạch Văn Hoàng Bảo	13NL	2,867,000
194	104130080	104130080	Đặng Công Đạt	13NL	4,096,000
195	104130081	104130081	Trần Thế Đoàn	13NL	819,000
196	104130093	104130093	Phan Gia Hướng	13NL	1,638,000
197	104130097	104130097	Phạm Lập	13NL	1,229,000
198	104130111	104130111	Hoàng Ngọc Phương	13NL	3,686,000
199	104130114	104130114	Trần Văn Sang	13NL	4,505,000
200	104130118	104130118	Nguyễn Hữu Thành	13NL	1,638,000
201	104130123	104130123	Nguyễn Đức Trình	13NL	2,457,000
202	104130124	104130124	Nguyễn Xuân Trung	13NL	1,229,000
203	118130131	118130131	Nguyễn Thanh Cường	13QLCN	819,000
204	118130141	118130141	Đặng Nhật Duy	13QLCN	4,096,000
205	118130144	118130144	Lê Phúc Hạnh	13QLCN	1,229,000
206	118130184	118130184	Phan Đăng Quốc	13QLCN	2,867,000
207	118130218	118130218	Trần Văn Vinh	13QLCN	3,960,000
208	117130078	117130078	Võ Tá Anh	13QLMT	2,048,000
209	107130183	107130183	Trần Trung Hiếu	13SH	1,229,000
210	107130222	107130222	Nguyễn Thị Anh Tú	13SH	1,229,000
211	108130002	108130002	Phạm Phú Ân	13SK	1,229,000
212	108130004	108130004	Trần Văn Bộ	13SK	2,048,000
213	108130026	108130026	Lê Hoài Nhân	13SK	2,867,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
214	108130036	108130036	Lê Ngọc Tiến	13SK	819,000
215	102130056	102130056	Nguyễn Đức An	13T2	819,000
216	102130070	102130070	Lê Minh Huy	13T2	1,638,000
217	102130071	102130071	Nguyễn Đình Kha	13T2	819,000
218	102130085	102130085	Phan Văn Tấn	13T2	2,457,000
219	102130098	102130098	Nguyễn Quốc Ân	13T3	819,000
220	102130116	102130116	Nguyễn Tuấn Linh	13T3	1,638,000
221	102130125	102130125	Nguyễn Phước Vĩnh Phú	13T3	2,867,000
222	102130226	102130226	Lê Thanh Hảo	13T3	819,000
223	102130156	102130156	Cáp Xuân Hiếu	13T4	819,000
224	102130170	102130170	Nguyễn Quang Nghĩa	13T4	1,638,000
225	102130192	102130192	Trần Lê Thành Đạt	13TCLC	819,000
226	102130222	102130222	Trần Văn Trí	13TCLC	2,867,000
227	105130248	105130248	Võ Tá Ân	13TDH1	819,000
228	105130298	105130298	Lê Anh Tú	13TDH1	819,000
229	105130303	105130303	Lê Thiện Vũ	13TDH1	1,229,000
230	105130340	105130340	Lê Chánh Quảng	13TDH2	3,686,000
231	105130343	105130343	Ngô Văn Tài	13TDH2	819,000
232	105130349	105130349	Nguyễn Phi Thường	13TDH2	1,024,000
233	111130019	111130019	Nguyễn Ngọc Hòa	13THXD1	820,000
234	111130040	111130040	Dương Tuấn Tài	13THXD1	1,229,000
235	111130041	111130041	Nguyễn Thanh Tâm	13THXD1	2,867,000
236	111130055	111130055	Lê Văn Tuấn	13THXD1	1,229,000
237	111130061	111130061	Văn Tuấn Vũ	13THXD1	683,000
238	111130064	111130064	Phạm Ngọc Anh	13THXD2	2,458,000
239	111130068	111130068	Nguyễn Đình Chung	13THXD2	410,000
240	111130086	111130086	Nguyễn Văn Minh	13THXD2	2,048,000
241	111130108	111130108	Lê Duy Triệu	13THXD2	1,639,000
242	109130011	109130011	Trịnh Trần Không Động	13VLXD	492,000
243	109130018	109130018	Lê Văn Hiếu	13VLXD	1,639,000
244	109130028	109130028	Phạm Nguyễn Như Sang	13VLXD	492,000
245	109130039	109130039	Trần Văn Trí	13VLXD	3,686,000
246	110130014	110130014	Trần Quốc Anh	13X1A	2,867,000
247	110130015	110130015	Lê Hữu Bình	13X1A	3,960,000
248	110130027	110130027	Phạm Nguyễn Hiệp	13X1A	683,000
249	110130031	110130031	Trần Đình Hoàng	13X1A	819,000
250	110130051	110130051	Lê Bá Quân	13X1A	1,639,000
251	110130056	110130056	Lê Tự Thạnh	13X1A	1,229,000
252	110130063	110130063	Dụng Toán	13X1A	1,366,000
253	110130078	110130078	Trần Quang Ánh	13X1B	683,000
254	110130092	110130092	Trần Phước Đăng Hậu	13X1B	4,097,000
255	110130094	110130094	Nguyễn Văn Hoá	13X1B	410,000
256	110130096	110130096	Trương Văn Hội	13X1B	410,000
257	110130100	110130100	Phan Nhật Khải	13X1B	4,506,000
258	110130101	110130101	Đặng Sung Khang	13X1B	1,229,000
259	110130111	110130111	Lê Hưng Phú	13X1B	2,458,000
260	110130113	110130113	Lê Thành Phương	13X1B	1,912,000
261	110130124	110130124	Đặng Ngọc Tiên	13X1B	1,638,000
262	110130127	110130127	Hà Trọng Trí	13X1B	3,276,000
263	110130131	110130131	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	13X1B	2,458,000
264	110130134	110130134	Hồ Nguyễn Tuyến	13X1B	1,339,000
265	110130148	110130148	Nguyễn Hùng Cường	13X1C	1,229,000
266	110130149	110130149	Nguyễn Phùng Cường	13X1C	2,048,000
267	110130153	110130153	Trần Minh Đại	13X1C	2,458,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
268	110130159	110130159	Nguyễn Hoàng Giang	13X1C	819,000
269	110130168	110130168	Trần Minh Kha	13X1C	683,000
270	110130184	110130184	Nguyễn Nguyễn Quế	13X1C	2,048,000
271	110130199	110130199	Trần Tiến	13X1C	2,867,000
272	110130204	110130204	Trần Phan Bảo Trung	13X1C	2,458,000
273	110130205	110130205	Mai Xuân Tú	13X1C	819,000
274	110130207	110130207	Nguyễn Văn Tuấn	13X1C	1,093,000
275	110130210	110130210	Nguyễn Đình Tùng	13X1C	410,000
276	111130125	111130125	Hoàng Công Chính	13X2	1,638,000
277	111130137	111130137	Đặng Bá Hưng	13X2	820,000
278	111130140	111130140	Nguyễn Văn Huy	13X2	819,000
279	111130141	111130141	Trần Vũ Đức Huy	13X2	2,458,000
280	111130142	111130142	Phan Trần Thanh Khôi	13X2	820,000
281	111130145	111130145	Lê Đức Lớn	13X2	2,867,000
282	111130152	111130152	Phan Văn Phi	13X2	3,277,000
283	111130161	111130161	Nguyễn Thị Tình	13X2	2,867,000
284	111130165	111130165	Nguyễn Viết Quang Tuấn	13X2	1,229,000
285	109130054	109130054	Võ Thiện Bình	13X3A	820,000
286	109130056	109130056	Nguyễn Đăng Danh	13X3A	2,868,000
287	109130067	109130067	Phạm Tấn Huy	13X3A	4,915,000
288	109130077	109130077	Võ Văn Nghĩa	13X3A	2,869,000
289	109130082	109130082	Nguyễn Văn Phong	13X3A	410,000
290	109130083	109130083	Huỳnh Đức Phú	13X3A	410,000
291	109130087	109130087	Nguyễn Phạm Đức Rin	13X3A	1,639,000
292	109130093	109130093	Ngô Phú Thạnh	13X3A	2,458,000
293	109130096	109130096	Phạm Hoàng Thương	13X3A	4,917,000
294	109130097	109130097	Châu Ngọc Tình	13X3A	410,000
295	109130098	109130098	Trần Trọng Trí	13X3A	1,639,000
296	109130100	109130100	Nguyễn Quốc Tú	13X3A	819,000
297	109130105	109130105	Văn Đình Minh Tuấn	13X3A	2,458,000
298	109130109	109130109	Nguyễn Ngọc Vũ	13X3A	2,459,000
299	109130117	109130117	Nguyễn Cao Cường	13X3B	2,049,000
300	109130118	109130118	Lê Thành Đạt	13X3B	2,458,000
301	109130122	109130122	Đỗ Trung Hiệp	13X3B	1,229,000
302	109130128	109130128	Trần Hoàng Huy	13X3B	2,867,000
303	109130133	109130133	Trần Bá Lưu	13X3B	2,458,000
304	109130143	109130143	Trần Hữu Quang	13X3B	1,639,000
305	109130146	109130146	Huỳnh Trung Sang	13X3B	410,000
306	109130157	109130157	Nguyễn Hữu Trình	13X3B	1,229,000
307	109130180	109130180	Trần Quang Hiếu	13X3C	3,687,000
308	109130225	109130225	Đoàn Quốc Anh	13X3C	1,229,000
309	101140008	101140008	Nguyễn Tiến Bách	14C1A	2,335,000
310	101140010	101140010	Nguyễn Ngọc Chi	14C1A	683,000
311	101140011	101140011	Nguyễn Công Chính	14C1A	1,366,000
312	101140012	101140012	Hồ Cao Cường	14C1A	2,731,000
313	101140013	101140013	Phạm Nguyên Danh	14C1A	2,458,000
314	101140019	101140019	Ngô Nguyễn Mạnh Đức	14C1A	1,366,000
315	101140020	101140020	Nguyễn Văn Dương	14C1A	2,049,000
316	101140022	101140022	Ngô Xuân Hạ	14C1A	2,390,000
317	101140023	101140023	Trần Văn Hạng	14C1A	1,366,000
318	101140024	101140024	Nguyễn Ngọc Hậu	14C1A	1,502,000
319	101140025	101140025	Trần Thanh Hậu	14C1A	1,366,000
320	101140026	101140026	Huỳnh Bá Hiển	14C1A	1,707,000
321	101140027	101140027	Trần Văn Hiệp	14C1A	819,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
322	101140030	101140030	Nguyễn Tuấn Hoàng	14C1A	2,731,000
323	101140032	101140032	Phạm Minh Hùng	14C1A	1,707,000
324	101140033	101140033	Hồ Vinh Hưng	14C1A	683,000
325	101140036	101140036	Võ Hoài Lộc	14C1A	2,936,000
326	101140038	101140038	Lê Cu Lỳ	14C1A	1,707,000
327	101140039	101140039	Trần Thế Mạnh	14C1A	2,950,000
328	101140040	101140040	Nguyễn Tấn Nam	14C1A	1,707,000
329	101140042	101140042	Hà Tấn Nguyên	14C1A	2,868,000
330	101140043	101140043	Nguyễn Thành Nhân	14C1A	1,707,000
331	101140044	101140044	Nguyễn Ngọc Nho	14C1A	1,229,000
332	101140045	101140045	Nguyễn Đình Phước	14C1A	683,000
333	101140046	101140046	Hồ Hữu Phương	14C1A	683,000
334	101140049	101140049	Phạm Văn Nhật Quang	14C1A	1,707,000
335	101140055	101140055	Nguyễn Viết Anh Tài	14C1A	819,000
336	101140056	101140056	Trương Văn Thanh	14C1A	1,707,000
337	101140058	101140058	Võ Đình Thuấn	14C1A	2,049,000
338	101140059	101140059	Nguyễn Duy Tiến	14C1A	1,024,000
339	101140060	101140060	Hà Văn Toàn	14C1A	1,707,000
340	101140062	101140062	Trần Trung	14C1A	1,912,000
341	101140063	101140063	Nguyễn Văn Tư	14C1A	1,024,000
342	101140065	101140065	Trần Thanh Tùng	14C1A	2,526,000
343	101140067	101140067	Phạm Thanh Việt	14C1A	1,366,000
344	101140068	101140068	Bùi Anh Vũ	14C1A	1,024,000
345	101140072	101140072	Lê Quang Bình	14C1B	1,707,000
346	101140073	101140073	Lê Quang Chinh	14C1B	1,707,000
347	101140074	101140074	Hồ Văn Đại	14C1B	2,199,000
348	101140075	101140075	Lê Thành Đạt	14C1B	1,638,000
349	101140076	101140076	Nguyễn Hữu Thành Đạt	14C1B	2,253,000
350	101140077	101140077	Nguyễn Thành Điểm	14C1B	1,516,000
351	101140079	101140079	Nguyễn Quốc Duẩn	14C1B	1,912,000
352	101140081	101140081	Nguyễn Trọng Dũng	14C1B	819,000
353	101140083	101140083	Nguyễn Văn Giang	14C1B	683,000
354	101140084	101140084	Nguyễn Thanh Hải	14C1B	2,745,000
355	101140085	101140085	Đỗ Văn Hậu	14C1B	2,390,000
356	101140086	101140086	Đỗ Văn Hiệp	14C1B	1,570,000
357	101140088	101140088	Đặng Huy Hoàng	14C1B	819,000
358	101140089	101140089	Nguyễn Minh Hoàng	14C1B	1,502,000
359	101140090	101140090	Nguyễn Tuấn Hoàng	14C1B	683,000
360	101140093	101140093	Nguyễn Chí Hướng	14C1B	3,687,000
361	101140094	101140094	Nguyễn Hữu Gia Khánh	14C1B	3,278,000
362	101140099	101140099	Nguyễn Văn Mỹ	14C1B	1,843,000
363	101140100	101140100	Hoàng Đại Nghĩa	14C1B	2,526,000
364	101140101	101140101	Chu Văn Nghiệp	14C1B	614,900
365	101140102	101140102	Nguyễn Tấn Nguyên	14C1B	683,000
366	101140103	101140103	Nguyễn Văn Nhật	14C1B	2,663,000
367	101140104	101140104	Phạm Thanh Phi	14C1B	2,049,000
368	101140106	101140106	Đinh Trần Minh Quân	14C1B	683,000
369	101140108	101140108	Nguyễn Đức Quang	14C1B	2,936,000
370	101140110	101140110	Nguyễn Anh Quốc	14C1B	2,253,000
371	101140111	101140111	Nguyễn Quyết	14C1B	2,882,000
372	101140112	101140112	Lê Văn Trường Sơn	14C1B	1,707,000
373	101140114	101140114	Nguyễn Thế Ngọc Tài	14C1B	2,048,000
374	101140115	101140115	Trương Hữu Tấn	14C1B	1,024,000
375	101140116	101140116	Nguyễn Đăng Thắng	14C1B	1,707,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
376	101140117	101140117	Võ Đăng Thật	14C1B	1,570,000
377	101140119	101140119	Thái Bá Thông	14C1B	4,028,000
378	101140120	101140120	Lê Đức Tiến	14C1B	2,321,000
379	101140121	101140121	Đường Nhân Tín	14C1B	3,960,000
380	101140122	101140122	Lê Văn Trí	14C1B	2,048,000
381	101140123	101140123	Phan Thanh Tú	14C1B	1,707,000
382	101140124	101140124	Giản Viết Tuấn	14C1B	1,707,000
383	101140125	101140125	Phan Anh Tuấn	14C1B	1,707,000
384	101140127	101140127	Phan Công Vĩ	14C1B	1,024,000
385	101140215	101140215	Lê Quốc Bảo	14C1VA	2,868,000
386	101140216	101140216	Phạm Hoàng Bảo	14C1VA	3,482,000
387	101140218	101140218	Hoàng Hữu Cường	14C1VA	819,000
388	101140219	101140219	Võ Phước Doanh	14C1VA	2,390,000
389	101140221	101140221	Trần Đình Đạo	14C1VA	1,707,000
390	101140222	101140222	Ngô Mậu Đạt	14C1VA	3,824,000
391	101140223	101140223	Đinh Kỳ Đông	14C1VA	2,526,000
392	101140224	101140224	Nguyễn Văn Hoàng	14C1VA	683,000
393	101140225	101140225	Lê Anh Học	14C1VA	2,390,000
394	101140226	101140226	Võ Văn Hợi	14C1VA	2,731,000
395	101140227	101140227	Lê Đình Hợp	14C1VA	2,049,000
396	101140228	101140228	Nguyễn Hữu Hợp	14C1VA	1,366,000
397	101140230	101140230	Nguyễn Tuấn Hùng	14C1VA	2,253,000
398	101140231	101140231	Nguyễn Viết Hùng	14C1VA	2,458,000
399	101140232	101140232	Cao Xuân Huy	14C1VA	2,321,000
400	101140233	101140233	Mai Văn Huy	14C1VA	2,731,000
401	101140234	101140234	Phạm Đình Huy	14C1VA	3,960,000
402	101140236	101140236	Lê Xuân Bảo Long	14C1VA	1,638,000
403	101140237	101140237	Bùi Văn Lộc	14C1VA	410,000
404	101140238	101140238	Cao Thanh Nam	14C1VA	1,707,000
405	101140239	101140239	Nguyễn Hoài Nam	14C1VA	1,229,000
406	101140240	101140240	Đinh Sĩ Ngọc	14C1VA	683,000
407	101140241	101140241	Phan Viết Ngọc	14C1VA	2,390,000
408	101140242	101140242	Trần Xuân Nhật	14C1VA	2,595,000
409	101140247	101140247	Lê Hồng Quân	14C1VA	3,824,000
410	101140249	101140249	Đinh Quốc Sơn	14C1VA	2,390,000
411	101140250	101140250	Võ Xuân Thái	14C1VA	2,868,000
412	101140251	101140251	Đinh Ngọc Thành	14C1VA	2,049,000
413	101140252	101140252	Nguyễn Đăng Thảo	14C1VA	2,882,000
414	101140253	101140253	Vỏ Tâm Thức	14C1VA	2,936,000
415	101140254	101140254	Trần Anh Tiệp	14C1VA	2,732,000
416	101140256	101140256	Dương Lê Tú	14C1VA	2,731,000
417	101140257	101140257	Nguyễn Minh Tuấn	14C1VA	3,824,000
418	101140258	101140258	Lê Công Vũ	14C1VA	2,390,000
419	103140002	103140002	Trương Ngọc Anh	14C4A	2,321,000
420	103140005	103140005	Trần Thanh Bảo	14C4A	3,550,000
421	103140008	103140008	Hứa Văn Chính	14C4A	819,000
422	103140009	103140009	Nguyễn Lê Chính	14C4A	4,384,000
423	103140012	103140012	Nguyễn Hữu Đang	14C4A	3,550,000
424	103140013	103140013	Lê Thành Đạt	14C4A	2,321,000
425	103140014	103140014	Bùi Khắc Điệp	14C4A	683,000
426	103140015	103140015	Hồ Văn Đức	14C4A	2,731,000
427	103140017	103140017	Trần Dũng	14C4A	3,686,000
428	103140018	103140018	Lê Văn Hải	14C4A	3,633,000
429	103140019	103140019	Trà Thanh Hân	14C4A	3,004,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
430	103140020	103140020	Đoàn Phước Hiền	14C4A	2,560,000
431	103140022	103140022	Phạm Hiếu	14C4A	1,912,000
432	103140024	103140024	Võ Văn Hoan	14C4A	2,731,000
433	103140025	103140025	Nguyễn Đình Hưng	14C4A	2,731,000
434	103140026	103140026	Trần Đức Huy	14C4A	2,321,000
435	103140027	103140027	Phùng Xuân Khánh	14C4A	1,502,000
436	103140028	103140028	Đoàn Văn Kiệt	14C4A	1,229,000
437	103140029	103140029	Hoàng Nhật Linh	14C4A	3,277,000
438	103140031	103140031	Phan Đình Lực	14C4A	3,686,000
439	103140032	103140032	Nguyễn Ngọc Minh	14C4A	3,960,000
440	103140033	103140033	Lê Văn Nam	14C4A	2,676,000
441	103140034	103140034	Hoàng Minh Nghĩa	14C4A	2,731,000
442	103140035	103140035	Nguyễn Văn Nguyên	14C4A	1,366,000
443	103140036	103140036	Nguyễn Hoàng Nhật	14C4A	3,414,000
444	103140037	103140037	Nguyễn Hoài Nhơn	14C4A	3,140,000
445	103140039	103140039	Lê Minh Phụng	14C4A	2,731,000
446	103140040	103140040	Huỳnh Hoài Phương	14C4A	4,506,000
447	103140041	103140041	Lê Đức Quang	14C4A	3,141,000
448	103140042	103140042	Phạm Ngọc Quốc	14C4A	683,000
449	103140043	103140043	Nguyễn Đức Minh Quý	14C4A	2,731,000
450	103140044	103140044	Nguyễn Văn Quyền	14C4A	1,502,000
451	103140045	103140045	Trần Minh Sang	14C4A	1,638,000
452	103140046	103140046	Phan Nguyễn Quang Sơn	14C4A	3,550,000
453	103140048	103140048	Nguyễn Thành Tâm	14C4A	3,824,000
454	103140051	103140051	Nguyễn Văn Thịnh	14C4A	3,141,000
455	103140055	103140055	Nguyễn Lê Ngọc Trí	14C4A	2,595,000
456	103140056	103140056	Nguyễn Văn Triêm	14C4A	2,731,000
457	103140058	103140058	Hà Hữu Trường	14C4A	2,048,000
458	103140060	103140060	Dương Quốc Tuấn	14C4A	4,813,000
459	103140064	103140064	Huỳnh Ngọc Việt	14C4A	1,912,000
460	103140067	103140067	Hoàng Như Ý	14C4A	4,369,000
461	103140068	103140068	Nguyễn Hữu Bão	14C4B	2,540,000
462	103140072	103140072	Hoàng Ngọc Cảnh	14C4B	683,000
463	103140075	103140075	Nguyễn Đức Cường	14C4B	3,072,000
464	103140076	103140076	Nguyễn Xuân Danh	14C4B	3,414,000
465	103140080	103140080	Thái Văn Dũng	14C4B	4,369,000
466	103140082	103140082	Phạm Thế Duy	14C4B	1,639,000
467	103140085	103140085	Lê Văn Hậu	14C4B	3,223,000
468	103140086	103140086	Lê Đức Hiền	14C4B	683,000
469	103140088	103140088	Tô Bá Hiếu	14C4B	2,458,000
470	103140089	103140089	Lê Đắc Hòa	14C4B	683,000
471	103140090	103140090	Lê Văn Hoành	14C4B	3,769,000
472	103140091	103140091	Nguyễn Xuân Hương	14C4B	3,276,000
473	103140096	103140096	Ngô Văn Minh	14C4B	3,414,000
474	103140099	103140099	Nguyễn Hữu Nghĩa	14C4B	4,096,000
475	103140101	103140101	Phạm Minh Nhãn	14C4B	1,502,000
476	103140102	103140102	Trần Minh Phan	14C4B	1,912,000
477	103140104	103140104	Nguyễn Hồng Phúc	14C4B	2,458,000
478	103140106	103140106	Hồ Đăng Phương	14C4B	2,595,000
479	103140108	103140108	Trương Minh Quốc	14C4B	1,229,000
480	103140112	103140112	Nguyễn Đăng Tài	14C4B	3,141,000
481	103140114	103140114	Phan Văn Tâm	14C4B	1,912,000
482	103140117	103140117	Đặng Bá Thành	14C4B	1,229,000
483	103140118	103140118	Trần Tấn Thịnh	14C4B	1,912,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
484	103140120	103140120	Nguyễn Văn Thức	14C4B	1,912,000
485	103140123	103140123	Thái Công Trí	14C4B	3,960,000
486	103140124	103140124	Nguyễn Hữu Trọng	14C4B	3,755,000
487	103140125	103140125	Cao Văn Trung	14C4B	2,950,000
488	103140127	103140127	Trần Văn Trường	14C4B	3,686,000
489	103140130	103140130	Nguyễn Quang Tùng	14C4B	2,867,000
490	103140131	103140131	Nguyễn Văn Tùng	14C4B	2,458,000
491	103140133	103140133	Nguyễn Hoài Văn	14C4B	819,000
492	103140134	103140134	Lương Hoàng Vũ	14C4B	3,960,000
493	103140136	103140136	Huỳnh Lập Xuân	14C4B	4,131,000
494	101140131	101140131	Nguyễn Đăng Bình	14CDT1	3,858,000
495	101140135	101140135	Nông Văn Đức	14CDT1	1,229,000
496	101140136	101140136	Nguyễn Phan Hoàng Dũng	14CDT1	1,366,000
497	101140137	101140137	Triệu Thị Thu Duyên	14CDT1	683,000
498	101140139	101140139	Võ Đình Hậu	14CDT1	854,000
499	101140140	101140140	Lê Chí Hiếu	14CDT1	1,366,000
500	101140141	101140141	Võ Trung Hiếu	14CDT1	683,000
501	101140143	101140143	Nguyễn Duy Hùng	14CDT1	1,537,000
502	101140149	101140149	Hoàng Tài Linh	14CDT1	2,185,000
503	101140151	101140151	Đỗ Luật	14CDT1	1,366,000
504	101140152	101140152	Nguyễn Đặng Mẫn	14CDT1	683,000
505	101140153	101140153	Trần Hữu Nghĩa	14CDT1	2,219,000
506	101140154	101140154	Đỗ Anh Nguyên	14CDT1	2,219,000
507	101140155	101140155	Vương Đình Nhân	14CDT1	990,000
508	101140157	101140157	Trần Thanh Ninh	14CDT1	854,000
509	101140158	101140158	Lương Đình Phước	14CDT1	1,366,000
510	101140159	101140159	Hoàng Phương	14CDT1	1,537,000
511	101140162	101140162	Nguyễn Văn Sơn	14CDT1	1,673,000
512	101140164	101140164	Nguyễn Văn Thân	14CDT1	854,000
513	101140165	101140165	Lưu Thị Thu	14CDT1	4,261,000
514	101140166	101140166	Trần Văn Tiến	14CDT1	1,639,000
515	101140168	101140168	Nguyễn Quang Tuấn	14CDT1	1,673,000
516	101140169	101140169	Trần Công Viện	14CDT1	2,185,000
517	101140175	101140175	Nguyễn Văn Bình	14CDT2	2,083,000
518	101140176	101140176	Alăng Brắc	14CDT2	1,229,000
519	101140177	101140177	Huỳnh Bá Công	14CDT2	3,277,000
520	101140178	101140178	Nguyễn Quang Đạt	14CDT2	1,537,000
521	101140180	101140180	Trần Quang Hiếu	14CDT2	1,673,000
522	101140181	101140181	Bùi Hữu Hòa	14CDT2	683,000
523	101140182	101140182	Nguyễn Văn Hoan	14CDT2	1,366,000
524	101140183	101140183	Nguyễn Bá Hoành	14CDT2	410,000
525	101140185	101140185	Trần Đình Huy	14CDT2	854,000
526	101140188	101140188	Huỳnh Trí Lễ	14CDT2	683,000
527	101140191	101140191	Lê Đình Ngọc	14CDT2	683,000
528	101140193	101140193	Hà Hồng Nhật	14CDT2	683,000
529	101140194	101140194	Võ Minh Nhật	14CDT2	2,884,000
530	101140196	101140196	Bùi Đăng Quân	14CDT2	410,000
531	101140197	101140197	Nguyễn Văn Sơn	14CDT2	2,766,000
532	101140198	101140198	Nguyễn Hữu Tân	14CDT2	1,537,000
533	101140200	101140200	Đoàn Đại Thắng	14CDT2	683,000
534	101140201	101140201	Nguyễn Hữu Thọ	14CDT2	683,000
535	101140202	101140202	Phạm Văn Thương	14CDT2	854,000
536	101140203	101140203	Đặng Hữu Tiến	14CDT2	1,093,000
537	101140204	101140204	Trần Nhật Trình	14CDT2	1,366,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
538	101140205	101140205	Đoàn Hồng Trung	14CDT2	2,867,000
539	101140206	101140206	Nguyễn Tuấn Tú	14CDT2	819,000
540	101140207	101140207	Phạm Văn Tuấn	14CDT2	683,000
541	101140208	101140208	Huỳnh Hoàng Vũ	14CDT2	683,000
542	101140210	101140210	Phạm Phú Vỹ	14CDT2	1,673,000
543	105140011	105140011	Đào Văn Ấn	14D1	1,537,000
544	105140012	105140012	Lê Văn Bão	14D1	1,537,000
545	105140016	105140016	Nguyễn Thiên Chí	14D1	1,809,000
546	105140017	105140017	Huỳnh Đình Cương	14D1	2,048,000
547	105140018	105140018	Trần Như Đại	14D1	1,502,000
548	105140019	105140019	Lê Viết Đấu	14D1	2,629,000
549	105140020	105140020	Huỳnh Ngọc Diệp	14D1	4,096,000
550	105140024	105140024	Trần Chí Dũng	14D1	2,356,000
551	105140025	105140025	Phạm Anh Dương	14D1	819,000
552	105140029	105140029	Trần Đình Hải	14D1	2,321,000
553	105140033	105140033	Nguyễn Đức Huy Hoàng	14D1	819,000
554	105140034	105140034	Phạm Văn Hoàng	14D1	1,638,000
555	105140035	105140035	Trần Hoàng	14D1	3,688,000
556	105140037	105140037	Trần Việt Hùng	14D1	2,048,000
557	105140038	105140038	Nguyễn Quang Hưng	14D1	2,048,000
558	105140039	105140039	Phan Ngọc Khải	14D1	1,748,000
559	105140040	105140040	Hồ Văn Khánh	14D1	2,356,000
560	105140041	105140041	Trần Quang Khoa	14D1	2,048,000
561	105140042	105140042	Trần Hoàng Lân	14D1	4,096,000
562	105140044	105140044	Lê Tiến Lịnh	14D1	1,638,000
563	105140045	105140045	Lê Thanh Long	14D1	819,000
564	105140046	105140046	Nguyễn Đình Mỹ	14D1	4,779,000
565	105140047	105140047	Nguyễn Hoài Nam	14D1	2,048,000
566	105140050	105140050	Vũ Mạnh Nguyên	14D1	819,000
567	105140053	105140053	Nguyễn Xuân Phú	14D1	1,229,000
568	105140056	105140056	Đặng Hồng Quân	14D1	2,731,000
569	105140058	105140058	Nguyễn Hữu Quang	14D1	3,960,000
570	105140059	105140059	Nguyễn Văn Quốc	14D1	1,093,000
571	105140060	105140060	Dương Ngọc Quý	14D1	2,766,000
572	105140061	105140061	Lê Hồng Sơn	14D1	1,884,000
573	105140062	105140062	Võ Huỳnh Sơn	14D1	3,414,000
574	105140064	105140064	Huỳnh Văn Tâm	14D1	819,000
575	105140066	105140066	Đặng Như Ngọc Thạch	14D1	3,277,000
576	105140067	105140067	Hoàng Như Thành	14D1	2,867,000
577	105140068	105140068	Phạm Văn Thành	14D1	1,639,000
578	105140070	105140070	Nguyễn Ngọc Thi	14D1	492,000
579	105140071	105140071	Nguyễn Anh Thịnh	14D1	2,867,000
580	105140072	105140072	Nguyễn Quang Thông	14D1	2,766,000
581	105140075	105140075	Đặng Văn Tĩnh	14D1	1,229,000
582	105140076	105140076	Trương Lại Việt Toàn	14D1	819,000
583	105140077	105140077	Phan Công Minh Triết	14D1	2,867,000
584	105140080	105140080	Trần Thành Trung	14D1	2,766,000
585	105140082	105140082	Đặng Ngọc Tuấn	14D1	3,140,000
586	105140085	105140085	Hoàng Minh Tùng	14D1	410,000
587	105140088	105140088	Đào Hữu Vinh	14D1	492,000
588	105140090	105140090	Nguyễn Doãn Vũ	14D1	2,867,000
589	105140418	105140418	Nguyễn Văn Vui	14D1	3,823,000
590	105140091	105140091	Cao Đình An	14D2	1,638,000
591	105140092	105140092	Huỳnh Thái Ất	14D2	3,140,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
592	105140093	105140093	Lê Quốc Bảo	14D2	3,960,000
593	105140094	105140094	Ngô Bảo Bình	14D2	3,141,000
594	105140097	105140097	Đặng Văn Chiến	14D2	2,949,000
595	105140098	105140098	Hồ Quốc Cường	14D2	2,048,000
596	105140099	105140099	Nguyễn Trọng Cường	14D2	5,325,000
597	105140100	105140100	Hoàng Trọng Danh	14D2	819,000
598	105140101	105140101	Nguyễn Thành Đạt	14D2	3,277,000
599	105140102	105140102	Huỳnh Tấn Điền	14D2	3,140,000
600	105140103	105140103	Nguyễn Trường Định	14D2	2,594,000
601	105140104	105140104	Đinh Công Đức	14D2	683,000
602	105140105	105140105	Nguyễn Văn Đức	14D2	819,000
603	105140107	105140107	Trần Công Dũng	14D2	3,633,000
604	105140110	105140110	Ngô Thanh Hải	14D2	4,233,000
605	105140111	105140111	Nguyễn Quang Hào	14D2	3,140,000
606	105140112	105140112	Đặng Quốc Hiếu	14D2	683,000
607	105140114	105140114	Lê Thạc Hoàn	14D2	683,000
608	105140115	105140115	Lê Thanh Hoàng	14D2	2,048,000
609	105140117	105140117	Hồ Phúc Hoành	14D2	819,000
610	105140118	105140118	Hồ Ngọc Hùng	14D2	3,960,000
611	105140120	105140120	Võ Văn Hùng	14D2	3,359,000
612	105140122	105140122	Nguyễn Công Bảo Huy	14D2	3,687,000
613	105140123	105140123	Trần Vũ Huy	14D2	1,912,000
614	105140125	105140125	Lê Văn Kiểm	14D2	1,229,000
615	105140126	105140126	Võ Thiên Lang	14D2	4,096,000
616	105140127	105140127	Nguyễn Như Liêm	14D2	1,537,000
617	105140128	105140128	Hồ Xuân Lộc	14D2	819,000
618	105140129	105140129	Lê Công Mẫn	14D2	683,000
619	105140130	105140130	Nguyễn An Ngành	14D2	2,404,000
620	105140131	105140131	Đặng Hữu Nghiêm	14D2	410,000
621	105140133	105140133	Lê Văn Nhân	14D2	1,571,000
622	105140134	105140134	Đỗ Đình Nhất	14D2	3,448,000
623	105140135	105140135	Đoàn Xuân Phát	14D2	2,731,000
624	105140136	105140136	Đỗ Văn Quốc Phú	14D2	2,867,000
625	105140138	105140138	Nguyễn Văn Phúc	14D2	3,585,000
626	105140139	105140139	Lê Hữu Quân	14D2	4,505,000
627	105140141	105140141	Trương Văn Quyết	14D2	2,185,000
628	105140142	105140142	Nguyễn Xuân Ngọc Sáng	14D2	2,867,000
629	105140143	105140143	Lê Trung Sỹ	14D2	410,000
630	105140144	105140144	Trần Quốc Tài	14D2	819,000
631	105140145	105140145	Lê Tự Tâm	14D2	4,711,000
632	105140147	105140147	Trần Phước Nguyên Thành	14D2	819,000
633	105140148	105140148	Phạm Ngọc Thảo	14D2	3,141,000
634	105140149	105140149	Đặng Xuân Thiện	14D2	819,000
635	105140153	105140153	Tô Văn Tiến	14D2	2,048,000
636	105140154	105140154	Lê Minh Tính	14D2	683,000
637	105140156	105140156	Trương Thế Toàn	14D2	819,000
638	105140158	105140158	Bạch Đức Trịnh	14D2	3,448,000
639	105140159	105140159	Phạm Văn Anh Tú	14D2	2,867,000
640	105140162	105140162	Nguyễn Hữu Việt	14D2	171,000
641	105140163	105140163	Phạm Quang Vinh	14D2	2,048,000
642	105140271	105140271	Lê Tuấn	14D2	171,000
643	105140166	105140166	Vũ Đăng Trường An	14D3	4,096,000
644	105140168	105140168	Nguyễn Văn Bình	14D3	3,960,000
645	105140169	105140169	Nguyễn Duy Cảnh	14D3	3,686,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
646	105140171	105140171	Nguyễn Nhật Cường	14D3	410,000
647	105140173	105140173	Nguyễn Quang Danh	14D3	3,769,000
648	105140175	105140175	Đinh Văn Đức	14D3	3,277,000
649	105140176	105140176	Trương Thành Đức	14D3	1,707,000
650	105140177	105140177	Hồ Anh Dương	14D3	1,229,000
651	105140178	105140178	Lê Duy	14D3	3,652,000
652	105140180	105140180	Lê Thọ Hải	14D3	2,321,000
653	105140182	105140182	Trần Đinh Hậu	14D3	683,000
654	105140185	105140185	Chu Văn Hộ	14D3	3,004,000
655	105140186	105140186	Nguyễn Hương Hoàn	14D3	2,458,000
656	105140188	105140188	Nguyễn Viết Hoàng	14D3	683,000
657	105140189	105140189	Hoàng Nhật Hùng	14D3	2,457,000
658	105140190	105140190	Nguyễn Văn Hùng	14D3	1,502,000
659	105140191	105140191	Hoàng Thái Hưng	14D3	171,000
660	105140193	105140193	Văn Bá Huy	14D3	1,912,000
661	105140195	105140195	Phan Trung Quốc Khánh	14D3	2,629,000
662	105140196	105140196	Nguyễn Lên	14D3	819,000
663	105140199	105140199	Võ Minh Long	14D3	683,000
664	105140200	105140200	Châu Khánh Minh	14D3	1,502,000
665	105140201	105140201	Lê Văn Trung Nghĩa	14D3	3,686,000
666	105140202	105140202	Lê Viết Thành Nhân	14D3	4,369,000
667	105140203	105140203	Nguyễn Cữu Nhị	14D3	1,639,000
668	105140204	105140204	Lê Công Tuấn Phong	14D3	4,096,000
669	105140205	105140205	Nguyễn Huy Phú	14D3	2,048,000
670	105140206	105140206	Dương Ngọc Phúc	14D3	1,912,000
671	105140208	105140208	Trần Mạnh Quân	14D3	3,823,000
672	105140209	105140209	Nguyễn Bá Quang	14D3	3,686,000
673	105140210	105140210	Dương Ngọc Quốc	14D3	171,000
674	105140211	105140211	Châu Ngọc Quý	14D3	2,540,000
675	105140212	105140212	Lê Quốc Ri	14D3	3,243,000
676	105140213	105140213	Võ Tiến Sinh	14D3	581,000
677	105140215	105140215	Trương Khắc Tài	14D3	819,000
678	105140216	105140216	Đoàn Quang Tân	14D3	683,000
679	105140218	105140218	Hồ Nhật Thành	14D3	2,867,000
680	105140219	105140219	Dương Hiển Thao	14D3	342,000
681	105140220	105140220	Nguyễn Quang Thế	14D3	2,868,000
682	105140223	105140223	Võ Thôn	14D3	1,809,000
683	105140226	105140226	Võ Văn Toàn	14D3	2,731,000
684	105140227	105140227	Hồ Quang Triệu	14D3	4,506,000
685	105140229	105140229	Nguyễn Thanh Trung	14D3	1,912,000
686	105140230	105140230	Võ Thành Trung	14D3	2,731,000
687	105140232	105140232	Lê Anh Tuấn	14D3	1,878,000
688	105140233	105140233	Đỗ Văn Tùng	14D3	3,141,000
689	105140234	105140234	Trần Văn Tùng	14D3	4,506,000
690	105140235	105140235	Nguyễn Đình Việt	14D3	2,868,000
691	105140236	105140236	Tô Ngọc Vinh	14D3	4,506,000
692	105140238	105140238	Trương Văn Vũ	14D3	1,093,000
693	105140240	105140240	Thái Thái Bảo	14DCLC	819,000
694	105140241	105140241	Huỳnh Nam Cát	14DCLC	819,000
695	105140242	105140242	Trác Trọng Đạt	14DCLC	3,276,000
696	105140243	105140243	Trần Quang Duy	14DCLC	4,506,000
697	105140248	105140248	Trần Mạnh Khương	14DCLC	2,867,000
698	105140249	105140249	Hoàng Xuân Lân	14DCLC	4,916,000
699	105140250	105140250	Lê Quang Lương	14DCLC	4,998,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
700	105140254	105140254	Lê Phú Ngọc	14DCLC	4,096,000
701	105140259	105140259	Phạm Văn Quang	14DCLC	1,229,000
702	105140260	105140260	Phạm Đình Quốc	14DCLC	819,000
703	105140261	105140261	Lê Quỳnh	14DCLC	819,000
704	105140262	105140262	Trần Đình Tài	14DCLC	819,000
705	105140266	105140266	Lê Đình Trí	14DCLC	1,229,000
706	105140269	105140269	Nguyễn Đình Trung	14DCLC	819,000
707	105140272	105140272	Thái Hoàng Anh Tuấn	14DCLC	2,048,000
708	105140273	105140273	Võ Quang Tùng	14DCLC	2,457,000
709	106140007	106140007	Nguyễn Đình Cường	14DT1	3,032,000
710	106140008	106140008	Võ Mạnh Cường	14DT1	2,048,000
711	106140013	106140013	Ngô Thị Phương Dung	14DT1	2,130,000
712	106140014	106140014	Nguyễn Anh Dũng	14DT1	4,998,000
713	106140015	106140015	Võ Trí Dũng	14DT1	2,048,000
714	106140016	106140016	Lương Công Hậu	14DT1	683,000
715	106140018	106140018	Bùi Công Minh Hoàng	14DT1	683,000
716	106140019	106140019	Nguyễn Văn Hoàng	14DT1	3,768,000
717	106140023	106140023	Trần Lê Đức Huy	14DT1	819,000
718	106140024	106140024	Lê Xuân Khoa	14DT1	1,230,000
719	106140025	106140025	Nguyễn Bá Mạnh Kiệt	14DT1	1,230,000
720	106140029	106140029	Nguyễn Đình Mẫn	14DT1	2,540,000
721	106140030	106140030	Nguyễn Thị Ngọc	14DT1	492,000
722	106140032	106140032	Lê Chí Nguyện	14DT1	853,000
723	106140033	106140033	Đặng Công Duy Nhất	14DT1	1,230,000
724	106140034	106140034	Văn Thị Thảo Nhi	14DT1	683,000
725	106140036	106140036	Phạm Đình Phúc	14DT1	2,164,000
726	106140037	106140037	Trần Vĩnh Phương	14DT1	2,048,000
727	106140040	106140040	Bùi Xuân Quý	14DT1	853,000
728	106140045	106140045	Lưu Quang Thái	14DT1	854,000
729	106140048	106140048	Trương Công Bảo Thạnh	14DT1	1,311,000
730	106140049	106140049	Nguyễn Phước Ngưỡng Thiện	14DT1	341,000
731	106140052	106140052	Nguyễn Thị Hoài Tiến	14DT1	819,000
732	106140053	106140053	Tống Quang Tiến	14DT1	1,230,000
733	106140056	106140056	Nguyễn Lê Tất Triệu	14DT1	819,000
734	106140063	106140063	Võ Thái Tuyển	14DT1	683,000
735	106140064	106140064	Phan Phước Uý	14DT1	683,000
736	106140066	106140066	Phan Hoàng Vũ	14DT1	2,540,000
737	106140067	106140067	Trịnh Đăng Vượng	14DT1	3,276,000
738	106140073	106140073	Nguyễn Mạnh Cường	14DT2	2,949,000
739	106140074	106140074	Nguyễn Quốc Cường	14DT2	1,230,000
740	106140078	106140078	Nguyễn Khắc Đức	14DT2	819,000
741	106140080	106140080	Lê Công Dương	14DT2	2,949,000
742	106140081	106140081	Thái Bình Dương	14DT2	2,048,000
743	106140082	106140082	Hoàng Văn Hà	14DT2	3,769,000
744	106140083	106140083	Lê Văn Hậu	14DT2	1,912,000
745	106140085	106140085	Phạm Trần Trung Hiếu	14DT2	1,672,000
746	106140087	106140087	Hà Văn Hoàng	14DT2	2,540,000
747	106140088	106140088	Phạm Huy Hoàng	14DT2	2,540,000
748	106140095	106140095	Huỳnh Đình Tấn Minh	14DT2	819,000
749	106140097	106140097	Nguyễn Quốc Nam	14DT2	1,230,000
750	106140099	106140099	Bùi Ngọc Nhân	14DT2	819,000
751	106140102	106140102	Lê Tôn Phúc	14DT2	2,048,000
752	106140104	106140104	Nguyễn Công Minh Quang	14DT2	4,588,000
753	106140106	106140106	Nguyễn Văn Nhật Quang	14DT2	1,175,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
754	106140107	106140107	Lâm Đức Quí	14DT2	853,000
755	106140108	106140108	Lê Văn Quốc	14DT2	853,000
756	106140110	106140110	Trần Minh Sang	14DT2	819,000
757	106140111	106140111	Hà Đức Tài	14DT2	1,230,000
758	106140112	106140112	Lê Xuân Tâm	14DT2	819,000
759	106140113	106140113	Nguyễn Ngọc Vũ Thắng	14DT2	2,404,000
760	106140114	106140114	Nguyễn Văn Thạnh	14DT2	2,048,000
761	106140116	106140116	Phạm Viết Thiện	14DT2	1,803,000
762	106140117	106140117	Lê Doãn Thọ	14DT2	2,540,000
763	106140119	106140119	Chu Văn Tình	14DT2	3,769,000
764	106140121	106140121	Nguyễn Gia Trình	14DT2	1,311,000
765	106140122	106140122	Bùi Khắc Trung	14DT2	1,230,000
766	106140125	106140125	Trịnh Vĩnh Trường	14DT2	683,000
767	106140126	106140126	Nguyễn Duy Tú	14DT2	819,000
768	106140127	106140127	Hà Thúc Tuấn	14DT2	1,230,000
769	106140131	106140131	Nguyễn Công Viên	14DT2	819,000
770	106140132	106140132	Phan Quốc Vượng	14DT2	2,540,000
771	106140133	106140133	Trịnh Vỹ	14DT2	2,048,000
772	106140134	106140134	Nguyễn Trung Anh	14DT3	819,000
773	106140138	106140138	Lê Văn Chiến	14DT3	819,000
774	106140139	106140139	Hồ Tất Huy Cường	14DT3	819,000
775	106140140	106140140	Trương Mạnh Cường	14DT3	2,048,000
776	106140141	106140141	Mạc Quốc Đạt	14DT3	4,110,000
777	106140142	106140142	Ngô Phi Đạt	14DT3	1,365,000
778	106140147	106140147	Nguyễn Xuân Đức	14DT3	853,000
779	106140149	106140149	Bùi Thị Dương	14DT3	819,000
780	106140150	106140150	Lê Khắc Duy	14DT3	853,000
781	106140152	106140152	Trần Hiếu	14DT3	819,000
782	106140153	106140153	Hồ Thanh Hoài	14DT3	819,000
783	106140154	106140154	Nguyễn Mạnh Hoàng	14DT3	1,912,000
784	106140156	106140156	Trần Như Hưng	14DT3	1,175,000
785	106140157	106140157	Bùi Đăng Khoa	14DT3	2,048,000
786	106140158	106140158	Trần Tấn Khoa	14DT3	3,277,000
787	106140159	106140159	Lê Đức Linh	14DT3	1,229,000
788	106140160	106140160	Phan Hoài Linh	14DT3	2,459,000
789	106140161	106140161	Phạm Thị Hồng Mai	14DT3	1,912,000
790	106140163	106140163	Đặng Hữu Nhân	14DT3	4,915,000
791	106140164	106140164	Nguyễn Thị Hồng Nhật	14DT3	853,000
792	106140165	106140165	Hoàng Yến Nhi	14DT3	1,229,000
793	106140166	106140166	Nguyễn Văn Phong	14DT3	1,345,000
794	106140168	106140168	Nguyễn Đức Thiện Quang	14DT3	1,345,000
795	106140170	106140170	Hồ Văn Quốc	14DT3	1,672,000
796	106140171	106140171	Võ Trọng Quý	14DT3	2,540,000
797	106140172	106140172	Phạm Hồng Sơn	14DT3	492,000
798	106140173	106140173	Lê Minh Tâm	14DT3	1,311,000
799	106140174	106140174	Võ Công Tây	14DT3	2,048,000
800	106140175	106140175	Nguyễn Song Ngọc Thạch	14DT3	1,722,000
801	106140176	106140176	Nguyễn Anh Thắng	14DT3	1,638,000
802	106140177	106140177	Phạm Cao Thắng	14DT3	1,230,000
803	106140178	106140178	Dương Công Thi	14DT3	853,000
804	106140179	106140179	Nguyễn Đình Tín	14DT3	1,230,000
805	106140180	106140180	Nguyễn Quang Toàn	14DT3	1,230,000
806	106140181	106140181	Ma Trí	14DT3	2,867,000
807	106140182	106140182	Phan Xuân Trí	14DT3	2,458,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
808	106140183	106140183	Cao Tiến Trung	14DT3	1,230,000
809	106140184	106140184	Ngô Văn Trung	14DT3	853,000
810	106140185	106140185	Nguyễn Thành Trung	14DT3	1,230,000
811	106140186	106140186	Nguyễn Xuân Trường	14DT3	1,229,000
812	106140187	106140187	Tăng Quang Tú	14DT3	1,230,000
813	106140189	106140189	Nguyễn Minh Tuấn	14DT3	2,048,000
814	106140190	106140190	Nguyễn Thanh Tùng	14DT3	2,867,000
815	106140193	106140193	Nguyễn Phước Yên	14DT3	819,000
816	107140002	107140002	Bùi Thị An	14H1,4	683,000
817	107140005	107140005	Hồ Trần Văn Cường	14H1,4	3,550,000
818	107140006	107140006	Nguyễn Duy Đức	14H1,4	1,366,000
819	107140007	107140007	Văn Thị Phương Dung	14H1,4	683,000
820	107140008	107140008	Lê Trang Hoàng Duyên	14H1,4	1,366,000
821	107140009	107140009	Võ Thị Duyên	14H1,4	2,390,000
822	107140010	107140010	Trần Thị Bích Hải	14H1,4	683,000
823	107140014	107140014	Trần Hoàng Hạnh	14H1,4	1,366,000
824	107140015	107140015	Lê Thị Thu Hồng	14H1,4	2,595,000
825	107140016	107140016	Nguyễn Đức Hùng	14H1,4	2,048,000
826	107140017	107140017	Nguyễn Đăng Khoa	14H1,4	2,595,000
827	107140018	107140018	Ngô Hoàng Linh	14H1,4	2,185,000
828	107140020	107140020	Trịnh Văn Lợi	14H1,4	2,882,000
829	107140023	107140023	Nguyễn Văn Trung Nhân	14H1,4	1,366,000
830	107140025	107140025	Nguyễn Công Phong	14H1,4	1,366,000
831	107140026	107140026	Hồ Đắc Phú	14H1,4	2,049,000
832	107140027	107140027	Võ Văn Phước	14H1,4	2,390,000
833	107140028	107140028	Đỗ Thị Phương	14H1,4	2,390,000
834	107140029	107140029	Trần Công Phương	14H1,4	683,000
835	107140033	107140033	Dương Sửu	14H1,4	683,000
836	107140036	107140036	Lê Thanh Tân	14H1,4	683,000
837	107140037	107140037	Trần Thị Thắm	14H1,4	2,390,000
838	107140038	107140038	Nguyễn Văn Thanh	14H1,4	2,390,000
839	107140041	107140041	Huỳnh Minh Tho	14H1,4	2,390,000
840	107140042	107140042	Nguyễn Thị Thơ	14H1,4	683,000
841	107140043	107140043	Nguyễn Thị Thu	14H1,4	683,000
842	107140045	107140045	Trần Đình Tín	14H1,4	1,912,000
843	107140046	107140046	Võ Quang Tính	14H1,4	1,366,000
844	107140047	107140047	Phan Hữu Toàn	14H1,4	819,000
845	107140048	107140048	Đặng Thị Bích Trâm	14H1,4	683,000
846	107140050	107140050	Nguyễn Trương Thùy Trang	14H1,4	683,000
847	107140052	107140052	Trần Văn Tuấn	14H1,4	2,049,000
848	107140053	107140053	Nguyễn Thị Thúy Vi	14H1,4	1,366,000
849	107140054	107140054	Trương Xuân Vinh	14H1,4	3,277,000
850	107140055	107140055	Trương Thị Vy	14H1,4	683,000
851	107140060	107140060	Lê Quốc Cường	14H2A	1,024,000
852	107140065	107140065	Nguyễn Thị Hiệp	14H2A	1,024,000
853	107140068	107140068	Huỳnh Thị Hoà	14H2A	1,195,000
854	107140070	107140070	Dương Văn Hưng	14H2A	1,024,000
855	107140072	107140072	Nguyễn Thị Hồng Kha	14H2A	1,024,000
856	107140078	107140078	Phan Thị Khánh Linh	14H2A	1,878,000
857	107140081	107140081	Phan Thị Trà My	14H2A	1,229,000
858	107140085	107140085	Văn Thị Thu Nguyệt	14H2A	3,258,000
859	107140086	107140086	Trần Thị Nhi	14H2A	819,000
860	107140087	107140087	Phạm Thị Oanh	14H2A	1,195,000
861	107140089	107140089	Hồ Thị Ngọc Phượng	14H2A	171,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
862	107140093	107140093	Hứa Thị Tạo	14H2A	492,000
863	107140096	107140096	Hà Thị Phương Thảo	14H2A	2,526,000
864	107140099	107140099	Huỳnh Thị Diệu Thiện	14H2A	1,346,000
865	107140100	107140100	Phan Thị Hồng Thơm	14H2A	2,048,000
866	107140101	107140101	Huỳnh Đức Thuận	14H2A	819,000
867	107140112	107140112	Nguyễn Thị Xuân	14H2A	683,000
868	107140119	107140119	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	14H2B	2,424,000
869	107140120	107140120	Đinh Thị Mỹ Hão	14H2B	1,638,000
870	107140125	107140125	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	14H2B	683,000
871	107140135	107140135	Lê Thị Thuỳ Linh	14H2B	1,502,000
872	107140137	107140137	Hà Thị Thanh Nga	14H2B	1,537,000
873	107140140	107140140	Phan Thị Thanh Nhàn	14H2B	1,024,000
874	107140142	107140142	Trần Thị Phúc	14H2B	1,687,000
875	107140151	107140151	Lê Thị Thảo	14H2B	854,000
876	107140157	107140157	Lê Thị Thúy	14H2B	492,000
877	107140158	107140158	Đào Thị Thùy	14H2B	3,154,000
878	107140164	107140164	Huỳnh Thị Tố Uyên	14H2B	1,195,000
879	107140165	107140165	Phạm Thị Tường Vi	14H2B	683,000
880	107140166	107140166	Trần Thị Xiêm	14H2B	683,000
881	107140168	107140168	Đỗ Đức Anh	14H5	1,365,000
882	107140169	107140169	Nguyễn Thị Anh	14H5	1,994,000
883	107140170	107140170	Phan Hồng Bạch	14H5	2,731,000
884	107140172	107140172	Nguyễn Công Bình	14H5	2,731,000
885	107140175	107140175	Trương Văn Bốn	14H5	819,000
886	107140179	107140179	Trần Đức	14H5	2,458,000
887	107140181	107140181	Nguyễn Cảnh Phước Em	14H5	683,000
888	107140182	107140182	Trần Thị Hiến	14H5	683,000
889	107140183	107140183	Nguyễn Thị Hiền	14H5	1,912,000
890	107140185	107140185	Võ Minh Hiếu	14H5	3,686,000
891	107140187	107140187	Lê Văn Huy	14H5	2,048,000
892	107140188	107140188	Trần Khắc Huy	14H5	3,141,000
893	107140193	107140193	Nguyễn Quang Hoàng Mỹ	14H5	3,550,000
894	107140195	107140195	Hoàng Hữu Nghị	14H5	1,502,000
895	107140199	107140199	Nguyễn Văn Nhàn	14H5	683,000
896	107140201	107140201	Hoàng Kim Nhân	14H5	1,502,000
897	107140202	107140202	Lê Hữu Nhân	14H5	683,000
898	107140204	107140204	Ngô Phi Nhật	14H5	683,000
899	107140207	107140207	Mai Thanh Phương	14H5	683,000
900	107140208	107140208	Võ Hồng Quân	14H5	492,000
901	107140211	107140211	Nguyễn Hữu Quý	14H5	1,366,000
902	107140215	107140215	Hồ Bá Sơn	14H5	3,140,000
903	107140217	107140217	Trần Thanh Sơn	14H5	1,229,000
904	107140218	107140218	Nguyễn Đức Tân	14H5	2,867,000
905	107140220	107140220	Huỳnh Thị Thắm	14H5	683,000
906	107140222	107140222	Trần Hữu Thắng	14H5	683,000
907	107140225	107140225	Nguyễn Thanh Thảo	14H5	683,000
908	107140226	107140226	Phan Đình Phương Thảo	14H5	2,130,000
909	107140229	107140229	Nguyễn Trí Thông	14H5	492,000
910	107140235	107140235	Lê Nhật Trung	14H5	3,140,000
911	107140240	107140240	Nguyễn Đức Tuấn	14H5	2,867,000
912	107140245	107140245	Trần Minh Vương	14H5	3,687,000
913	121140001	121140001	Nguyễn Hưng Anh	14KT1	2,048,000
914	121140003	121140003	Phạm Thanh Bình	14KT1	3,208,000
915	121140004	121140004	Nguyễn Phan Hoài Chiêu	14KT1	2,185,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
916	121140006	121140006	Lê Tất Đạt	14KT1	1,229,000
917	121140007	121140007	Đinh Ngô Diễm	14KT1	2,390,000
918	121140008	121140008	Hoàng Minh Đức	14KT1	2,867,000
919	121140009	121140009	Võ Thị Dung	14KT1	1,638,000
920	121140014	121140014	Trần Đỗ Hoàng	14KT1	1,175,000
921	121140015	121140015	Trần Đình Hưng	14KT1	4,983,000
922	121140018	121140018	Lê Kha Khang	14KT1	4,370,000
923	121140023	121140023	Trần Quang Lộc	14KT1	1,707,000
924	121140024	121140024	Lê Thị Luyên	14KT1	3,686,000
925	121140025	121140025	Hỏa Tiến Mạnh	14KT1	3,550,000
926	121140027	121140027	Huỳnh Trung Nghĩa	14KT1	3,004,000
927	121140030	121140030	Lâm Thành Nhân	14KT1	3,481,000
928	121140031	121140031	Trần Trọng Minh Nhật	14KT1	1,229,000
929	121140032	121140032	Nguyễn Thị Tố Nhi	14KT1	1,707,000
930	121140033	121140033	Nguyễn Thị Hồng Nhị	14KT1	1,366,000
931	121140034	121140034	Phạm Thị ái Nhựt	14KT1	1,366,000
932	121140035	121140035	Võ Thị Kim Oanh	14KT1	1,175,000
933	121140039	121140039	Nguyễn Duy Quang	14KT1	683,000
934	121140040	121140040	Nguyễn Văn Quý	14KT1	1,229,000
935	121140042	121140042	Trần Quang Sang	14KT1	683,000
936	121140044	121140044	Lê Thanh Tài	14KT1	3,141,000
937	121140045	121140045	Cao Đình Tạo	14KT1	4,914,000
938	121140046	121140046	Phùng Hữu Hoàng Thao	14KT1	2,458,000
939	121140047	121140047	Trần Thị Phương Thảo	14KT1	683,000
940	121140048	121140048	Võ Thị Thu Thảo	14KT1	819,000
941	121140049	121140049	Văn Phú Thịnh	14KT1	1,229,000
942	121140050	121140050	Lê Đăng Thuận	14KT1	1,912,000
943	121140051	121140051	Lê Thị Hoài Thương	14KT1	683,000
944	121140053	121140053	Lâm Khánh Tiên	14KT1	3,550,000
945	121140055	121140055	Nguyễn Đức Hồng Tín	14KT1	1,912,000
946	121140056	121140056	Thân Mạnh Tín	14KT1	1,912,000
947	121140060	121140060	Nguyễn Ngọc Tú	14KT1	1,366,000
948	121140061	121140061	Nguyễn Hoàng Tuấn	14KT1	683,000
949	121140062	121140062	Mai Thanh Tùng	14KT1	1,721,000
950	121140063	121140063	Phan Thị ánh Tuyết	14KT1	2,390,000
951	121140064	121140064	Đỗ Hữu Văn	14KT1	1,912,000
952	121140066	121140066	Lưu Trần Anh Vũ	14KT1	683,000
953	121140067	121140067	Trần Mai Tuấn Vũ	14KT1	1,365,000
954	121140069	121140069	Huỳnh Quốc Anh	14KT2	1,229,000
955	121140070	121140070	Lê Ngọc Ánh	14KT2	683,000
956	121140071	121140071	Bùi Thanh Bình	14KT2	2,731,000
957	121140072	121140072	Lê ánh Chí	14KT2	1,912,000
958	121140073	121140073	Nguyễn Phan Ngọc Chiêu	14KT2	2,185,000
959	121140074	121140074	Ngô Thành Đạo	14KT2	1,707,000
960	121140075	121140075	Nguyễn Quốc Đạt	14KT2	4,506,000
961	121140076	121140076	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	14KT2	1,707,000
962	121140079	121140079	Trần Thị Ngọc Hà	14KT2	1,175,000
963	121140080	121140080	Nguyễn Thùy Phúc Hạnh	14KT2	4,574,000
964	121140082	121140082	Trương Thị Hòa	14KT2	3,072,000
965	121140083	121140083	Nguyễn Vũ Hùng	14KT2	1,175,000
966	121140087	121140087	Nguyễn Văn Khánh	14KT2	683,000
967	121140088	121140088	Nguyễn Hữu Kiền	14KT2	3,891,000
968	121140089	121140089	Đặng Phước Linh	14KT2	1,502,000
969	121140094	121140094	Đặng Thanh Nam	14KT2	2,458,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
970	121140096	121140096	Trần Đại Nghĩa	14KT2	1,502,000
971	121140097	121140097	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	14KT2	683,000
972	121140098	121140098	Trương Thị Kim Nguyệt	14KT2	1,912,000
973	121140099	121140099	Nguyễn Trọng Nhân	14KT2	4,028,000
974	121140100	121140100	Lê Thị Hoài Nhi	14KT2	1,502,000
975	121140101	121140101	Trương Thị Sương Nhi	14KT2	4,505,000
976	121140103	121140103	Trần Thị Oanh	14KT2	2,321,000
977	121140104	121140104	Hồ Minh Phát	14KT2	2,595,000
978	121140106	121140106	Phạm Thị Bích Phương	14KT2	1,707,000
979	121140108	121140108	Trịnh Ngọc Quang	14KT2	1,912,000
980	121140109	121140109	Trần Ngọc Quý	14KT2	1,721,000
981	121140110	121140110	Nguyễn Duy Sang	14KT2	683,000
982	121140112	121140112	Lê Hoài Song	14KT2	1,502,000
983	121140115	121140115	Võ Thị Thanh Thảo	14KT2	683,000
984	121140118	121140118	Đỗ Thị Thương	14KT2	1,229,000
985	121140120	121140120	Nguyễn Thanh Thuyên	14KT2	819,000
986	121140121	121140121	Quách Minh Tiến	14KT2	1,366,000
987	121140122	121140122	Nguyễn Lê Trường Tin	14KT2	1,366,000
988	121140125	121140125	Nguyễn Thị Trang	14KT2	1,707,000
989	121140126	121140126	Ngô Trường Trình	14KT2	2,867,000
990	121140127	121140127	Lê Thị Ngọc Tú	14KT2	683,000
991	121140128	121140128	Nguyễn Như Minh Tú	14KT2	819,000
992	121140129	121140129	Huỳnh Thanh Tùng	14KT2	1,229,000
993	121140130	121140130	Hồ Văn Tuyến	14KT2	2,936,000
994	121140134	121140134	Nguyễn Sĩ Tiến Vũ	14KT2	3,141,000
995	121140135	121140135	Nguyễn Thị Thanh Vy	14KT2	2,048,000
996	103140138	103140138	Trương Văn Bình	14KTTT	683,000
997	103140139	103140139	Nguyễn Tấn Cảnh	14KTTT	1,502,000
998	103140140	103140140	Nguyễn Mạnh Cường	14KTTT	4,506,000
999	103140142	103140142	Nguyễn Văn Đức	14KTTT	2,936,000
1000	103140144	103140144	Lê Phước Hà	14KTTT	2,458,000
1001	103140149	103140149	Nguyễn Xuân Hùng	14KTTT	1,721,000
1002	103140150	103140150	Nguyễn Xuân Hưng	14KTTT	1,175,000
1003	103140152	103140152	Võ Anh Khoa	14KTTT	683,000
1004	103140153	103140153	Lê Chí Lâm	14KTTT	1,229,000
1005	103140154	103140154	Hứa Văn Lộc	14KTTT	2,253,000
1006	103140157	103140157	Võ Thành Long	14KTTT	2,731,000
1007	103140159	103140159	Nguyễn Viết Nguyên	14KTTT	1,502,000
1008	103140160	103140160	Trần Văn Nhật	14KTTT	4,916,000
1009	103140161	103140161	Bùi Ngọc Pháp	14KTTT	683,000
1010	103140164	103140164	Lê Văn Phước	14KTTT	3,550,000
1011	103140165	103140165	Nguyễn Văn Quân	14KTTT	1,912,000
1012	103140167	103140167	Nguyễn Văn Quốc	14KTTT	819,000
1013	103140168	103140168	Trần Quốc	14KTTT	1,229,000
1014	103140169	103140169	Trịnh Anh Quốc	14KTTT	1,229,000
1015	103140172	103140172	Phan Ngọc Thành	14KTTT	2,458,000
1016	103140175	103140175	Tôn Thất Minh Thông	14KTTT	3,141,000
1017	103140177	103140177	Nguyễn Văn Tín	14KTTT	3,960,000
1018	103140179	103140179	Huỳnh Ngọc Tú	14KTTT	4,915,000
1019	103140181	103140181	Nguyễn Thanh Tuấn	14KTTT	3,277,000
1020	103140182	103140182	Phan Minh Viễn	14KTTT	2,458,000
1021	103140183	103140183	Hoàng Nam Vương	14KTTT	2,458,000
1022	118140002	118140002	Lê Tuấn Anh	14KX1	3,346,000
1023	118140003	118140003	Hồ Viễn Bảo	14KX1	2,458,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1024	118140006	118140006	Nguyễn Hưng Chĩnh	14KX1	1,024,000
1025	118140007	118140007	Nguyễn Văn Dũng	14KX1	4,179,000
1026	118140013	118140013	Trần Thị Mỹ Hằng	14KX1	1,434,000
1027	118140014	118140014	Đinh Quốc Hào	14KX1	2,254,000
1028	118140018	118140018	Phạm Ngô Hoàng	14KX1	2,527,000
1029	118140020	118140020	Nguyễn Thị Huyền	14KX1	1,024,000
1030	118140023	118140023	Nguyễn Công Lân	14KX1	1,024,000
1031	118140026	118140026	Lê Phước Lộc	14KX1	4,248,000
1032	118140027	118140027	Nguyễn Tấn Mãnh	14KX1	1,024,000
1033	118140028	118140028	Đoàn Thị Bình Minh	14KX1	1,024,000
1034	118140029	118140029	Hồ Hoàng Minh	14KX1	410,000
1035	118140031	118140031	Hoàng Thị Kiều My	14KX1	1,365,000
1036	118140034	118140034	Lê Bích Nguyệt	14KX1	3,360,000
1037	118140036	118140036	Nguyễn Thị Nhàn	14KX1	1,024,000
1038	118140038	118140038	Nguyễn Tấn Pho	14KX1	1,024,000
1039	118140039	118140039	Trần Kim Phụng	14KX1	2,117,000
1040	118140042	118140042	Giang Hồng Phượng	14KX1	1,024,000
1041	118140044	118140044	Nguyễn Hữu Quốc	14KX1	3,360,000
1042	118140045	118140045	Nguyễn Vũ Quyền	14KX1	4,451,000
1043	118140046	118140046	Phạm Ngọc Trúc Quỳnh	14KX1	1,024,000
1044	118140047	118140047	Phan Thị Như Quỳnh	14KX1	1,024,000
1045	118140048	118140048	Trần Văn Rin	14KX1	2,458,000
1046	118140050	118140050	Trương Phúc Tâm	14KX1	1,024,000
1047	118140056	118140056	Phạm Văn Thậu	14KX1	1,639,000
1048	118140057	118140057	Nguyễn Nữ Hoài Thi	14KX1	1,229,000
1049	118140058	118140058	Nguyễn Thị Anh Thơ	14KX1	1,024,000
1050	118140062	118140062	Nguyễn Tiến Thuần	14KX1	1,024,000
1051	118140067	118140067	Lê Anh Trí	14KX1	1,434,000
1052	117140002	117140002	Nguyễn Thị Minh An	14MT	1,707,000
1053	117140004	117140004	Nguyễn Thị Kiều Anh	14MT	1,707,000
1054	117140005	117140005	Đào Mạnh Cường	14MT	2,662,000
1055	117140006	117140006	Trần Công Cường	14MT	3,072,000
1056	117140007	117140007	Trương Quốc Đại	14MT	4,096,000
1057	117140009	117140009	Nguyễn Thị Kiều Dung	14MT	1,024,000
1058	117140010	117140010	Nguyễn Tiến Dũng	14MT	1,843,000
1059	117140011	117140011	Trần Thị Mỹ Duyên	14MT	1,160,000
1060	117140013	117140013	Lê Thị Hồng Hà	14MT	1,843,000
1061	117140014	117140014	Nguyễn Thị Thu Hà	14MT	1,707,000
1062	117140015	117140015	Phan Thị Ngọc Hân	14MT	1,024,000
1063	117140017	117140017	Cao Thị Thanh Hằng	14MT	1,707,000
1064	117140019	117140019	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	14MT	1,707,000
1065	117140021	117140021	Võ Như Bảo Hòa	14MT	1,843,000
1066	117140022	117140022	Nguyễn Thị Hoài	14MT	1,707,000
1067	117140025	117140025	Nguyễn Thị Huệ	14MT	1,160,000
1068	117140028	117140028	Hà Châu Huy	14MT	341,000
1069	117140029	117140029	Trần Văn Khẩn	14MT	1,707,000
1070	117140033	117140033	Nguyễn Thị Thùy Linh	14MT	1,707,000
1071	117140034	117140034	Đặng Ngọc Minh	14MT	2,389,000
1072	117140036	117140036	Nguyễn Thị Nga	14MT	341,000
1073	117140037	117140037	Lương Giao Bảo Ngân	14MT	1,160,000
1074	117140039	117140039	Lê Minh Ngọc	14MT	1,024,000
1075	117140042	117140042	Trần Thị Thanh Nhẫn	14MT	1,707,000
1076	117140043	117140043	Hoàng Thị Minh Nhi	14MT	2,526,000
1077	117140045	117140045	Tăng Thị Mỹ Nhung	14MT	1,024,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1078	117140047	117140047	Trần Thị Quỳnh Ny	14MT	2,389,000
1079	117140048	117140048	Nguyễn Thị Oanh	14MT	1,160,000
1080	117140049	117140049	Phạm Hà Phúc	14MT	1,707,000
1081	117140050	117140050	Phạm Thị Như Phương	14MT	1,024,000
1082	117140051	117140051	Trần Võ Quang	14MT	2,253,000
1083	117140053	117140053	Nguyễn Hải Quyên	14MT	1,843,000
1084	117140054	117140054	Hoàng Thị Như Quỳnh	14MT	341,000
1085	117140055	117140055	Phạm Văn Réo	14MT	3,277,000
1086	117140058	117140058	Huỳnh Thị Phương Thảo	14MT	1,024,000
1087	117140060	117140060	Nguyễn Thị Thảo	14MT	3,208,000
1088	117140061	117140061	Trần Thị Thu Thảo	14MT	1,024,000
1089	117140062	117140062	Trần Thị Diệu Thu	14MT	1,024,000
1090	117140063	117140063	Nguyễn Thị Thương	14MT	1,707,000
1091	117140065	117140065	Đàm Thị Thanh Thúy	14MT	1,024,000
1092	117140066	117140066	Nguyễn Võ Thùy Trang	14MT	1,024,000
1093	117140068	117140068	Hoàng Danh Tú	14MT	1,638,000
1094	117140069	117140069	Phan Anh Tuấn	14MT	341,000
1095	117140070	117140070	Lê Thị ánh Tuyết	14MT	3,345,000
1096	117140071	117140071	Nguyễn Thanh Vinh	14MT	2,526,000
1097	117140072	117140072	Trần Ngọc Vũ	14MT	2,662,000
1098	117140073	117140073	Văn Quang Vũ	14MT	3,550,000
1099	104140002	104140002	Lê Sỹ Ái	14N1	4,178,000
1100	104140003	104140003	Nguyễn Đình An	14N1	1,502,000
1101	104140004	104140004	Lê Sĩ Ân	14N1	1,638,000
1102	104140005	104140005	Lê Huỳnh Duy Bảo	14N1	2,457,000
1103	104140006	104140006	Nguyễn Tấn Cần	14N1	2,321,000
1104	104140009	104140009	Lê Đình Chương	14N1	4,369,000
1105	104140010	104140010	Phạm Văn Cường	14N1	3,823,000
1106	104140012	104140012	Nguyễn Trọng Điệp	14N1	2,321,000
1107	104140013	104140013	Bùi Duy Đức	14N1	1,366,000
1108	104140017	104140017	Tạ Quốc Hải	14N1	1,638,000
1109	104140018	104140018	Tống Phước Hân	14N1	683,000
1110	104140019	104140019	Lê Phúc Hậu	14N1	683,000
1111	104140021	104140021	Trần Trung Hiếu	14N1	3,959,000
1112	104140023	104140023	Nguyễn Văn Hoàng	14N1	3,482,000
1113	104140024	104140024	Phạm Văn Hoàng	14N1	1,707,000
1114	104140028	104140028	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14N1	683,000
1115	104140030	104140030	Nguyễn Anh Kiệt	14N1	4,778,000
1116	104140036	104140036	Lê Thành Nguyên	14N1	1,366,000
1117	104140037	104140037	Nguyễn Đức Nhân	14N1	3,960,000
1118	104140043	104140043	Phạm Văn Quốc	14N1	1,502,000
1119	104140044	104140044	Ngô Đức Sang	14N1	2,048,000
1120	104140048	104140048	Trần Minh Thiện	14N1	2,867,000
1121	104140050	104140050	Bạch Duy Thoại	14N1	2,321,000
1122	104140051	104140051	Nguyễn Văn Thức	14N1	4,233,000
1123	104140055	104140055	Lê Văn Trường	14N1	2,867,000
1124	104140056	104140056	Tạ Thanh Tuân	14N1	3,686,000
1125	104140057	104140057	Hồ Văn Tuấn	14N1	819,000
1126	104140059	104140059	Lê Đình Văn	14N1	1,912,000
1127	104140061	104140061	Bùi Quang Vũ	14N1	2,457,000
1128	104140063	104140063	Trần Công Vương	14N1	2,457,000
1129	104140064	104140064	Nguyễn Phú Yên	14N1	683,000
1130	104140065	104140065	Lê Ngọc An	14N2	1,638,000
1131	104140067	104140067	Dương Văn Bằng	14N2	3,550,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1132	104140068	104140068	Trương Thanh Bình	14N2	1,912,000
1133	104140071	104140071	Hồ Đắc Chương	14N2	3,686,000
1134	104140072	104140072	Hồ Quang Cường	14N2	3,276,000
1135	104140073	104140073	Hồ Hữu Đại	14N2	1,843,000
1136	104140076	104140076	Nguyễn Quốc Đức	14N2	3,276,000
1137	104140077	104140077	Chu Văn Dương	14N2	1,229,000
1138	104140081	104140081	Trần Thanh Hải	14N2	1,502,000
1139	104140083	104140083	Nguyễn Minh Hậu	14N2	3,276,000
1140	104140084	104140084	Ngô Văn Hiệp	14N2	2,321,000
1141	104140090	104140090	Huỳnh Văn Huy	14N2	819,000
1142	104140093	104140093	Đặng Sỹ Khôi	14N2	2,867,000
1143	104140099	104140099	Phan Đức Nhân	14N2	3,413,000
1144	104140100	104140100	Huỳnh Tấn Nhật	14N2	2,048,000
1145	104140101	104140101	Hồ Văn Phúc	14N2	1,912,000
1146	104140103	104140103	Võ Xuân Phước	14N2	683,000
1147	104140105	104140105	Nguyễn Hà Nhất Quốc	14N2	3,564,000
1148	104140108	104140108	Huỳnh Văn Tài	14N2	1,912,000
1149	104140109	104140109	Nguyễn Minh Thắng	14N2	3,276,000
1150	104140110	104140110	Trần Phước Thành	14N2	1,912,000
1151	104140112	104140112	Hồ Văn Thịnh	14N2	2,321,000
1152	104140113	104140113	Nguyễn Xuân Thịnh	14N2	2,731,000
1153	104140114	104140114	Nguyễn Hoàng Anh Thy	14N2	1,912,000
1154	104140116	104140116	Phạm Văn Toán	14N2	3,359,000
1155	104140118	104140118	Trần Văn Trung	14N2	2,457,000
1156	104140120	104140120	Cao Anh Tuấn	14N2	1,229,000
1157	104140122	104140122	Trần Hữu Ước	14N2	2,458,000
1158	104140124	104140124	Nguyễn Văn Vinh	14N2	3,004,000
1159	104140125	104140125	Đinh Hoàng Vũ	14N2	3,686,000
1160	104140126	104140126	Lê Minh Vương	14N2	1,024,000
1161	104140127	104140127	Trần Văn An	14NL	683,000
1162	104140128	104140128	Bùi Quang Thiên Ân	14NL	1,638,000
1163	104140129	104140129	Đặng Văn Ánh	14NL	2,185,000
1164	104140130	104140130	Lê Trung Bắc	14NL	683,000
1165	104140132	104140132	Đoàn Thị Xuân Châu	14NL	2,867,000
1166	104140137	104140137	Nguyễn Văn Dũng	14NL	3,140,000
1167	104140138	104140138	Nguyễn Duy	14NL	2,321,000
1168	104140142	104140142	Trần Hoàng Hiển	14NL	2,731,000
1169	104140143	104140143	Võ Thị Thanh Hoa	14NL	1,638,000
1170	104140144	104140144	Lê Quang Hòa	14NL	2,321,000
1171	104140147	104140147	Nguyễn Thị Thu Huệ	14NL	1,366,000
1172	104140148	104140148	Nguyễn Vũ Tri Hưng	14NL	3,550,000
1173	104140149	104140149	Lê Đức Hữu	14NL	3,550,000
1174	104140150	104140150	Nguyễn Anh Huy	14NL	1,229,000
1175	104140152	104140152	Phùng Nhật Huy	14NL	2,867,000
1176	104140155	104140155	Hoàng Văn Kiên	14NL	1,638,000
1177	104140156	104140156	Trần Hoàng Kim	14NL	2,457,000
1178	104140158	104140158	Trần Văn Lý	14NL	2,867,000
1179	104140159	104140159	Trần Văn Nam	14NL	4,096,000
1180	104140160	104140160	Lê Quang Nghĩa	14NL	1,638,000
1181	104140161	104140161	Lê Xuân Nguyên	14NL	2,457,000
1182	104140162	104140162	Nguyễn Nhạc	14NL	3,276,000
1183	104140164	104140164	Phạm Anh Phúc	14NL	2,457,000
1184	104140165	104140165	Võ Bá Phúc	14NL	2,048,000
1185	104140168	104140168	Trần Công Quang	14NL	2,321,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1186	104140171	104140171	Nguyễn Văn Tâm	14NL	3,140,000
1187	104140173	104140173	Phạm Văn Thanh	14NL	2,595,000
1188	104140174	104140174	Nguyễn Tâm Thiên	14NL	1,843,000
1189	104140177	104140177	Đỗ Nguyễn Thuỷ Tiên	14NL	683,000
1190	104140179	104140179	Hà Văn Tuyến	14NL	683,000
1191	104140181	104140181	Trần Viết Vinh	14NL	2,457,000
1192	118140076	118140076	Trần Thái Bảo	14QLCN	3,208,000
1193	118140079	118140079	Lê Hồng Đại	14QLCN	3,974,000
1194	118140081	118140081	Hoàng Minh Đức	14QLCN	4,710,000
1195	118140083	118140083	Nguyễn Thái Dương	14QLCN	3,277,000
1196	118140084	118140084	Lê Anh Duy	14QLCN	3,960,000
1197	118140094	118140094	Nguyễn Thị Thanh Huyền	14QLCN	2,253,000
1198	118140096	118140096	Nguyễn Thị Liên	14QLCN	3,086,000
1199	118140100	118140100	Nguyễn Lượng	14QLCN	3,687,000
1200	118140103	118140103	Phạm Lê ái My	14QLCN	2,048,000
1201	118140104	118140104	Trần Thị Năm	14QLCN	1,024,000
1202	118140105	118140105	Đào Thị Nga	14QLCN	492,000
1203	118140109	118140109	Phan Minh Nguyên	14QLCN	2,253,000
1204	118140110	118140110	Trần Thị Bình Nguyên	14QLCN	492,000
1205	118140113	118140113	Châu Văn Phước	14QLCN	3,277,000
1206	118140117	118140117	Hà Văn Quảng	14QLCN	1,857,000
1207	118140120	118140120	Đàm Thị Quỳnh	14QLCN	1,024,000
1208	118140121	118140121	Huỳnh Ngọc Sách	14QLCN	4,179,000
1209	118140124	118140124	Trần Thị Thu Thắm	14QLCN	1,024,000
1210	118140126	118140126	Lê Thị Phương Thảo	14QLCN	1,516,000
1211	118140135	118140135	Nguyễn Đình Tuấn	14QLCN	1,024,000
1212	118140136	118140136	Trần Anh Tuấn	14QLCN	3,003,000
1213	118140139	118140139	Đào Trần Duy Việt	14QLCN	4,588,000
1214	118140140	118140140	Nguyễn Đặng Vượt	14QLCN	3,154,000
1215	118140142	118140142	Phạm Thị Xuân	14QLCN	1,024,000
1216	117140075	117140075	Nguyễn Thị Bê	14QLMT	1,707,000
1217	117140078	117140078	Hồ Văn Cường	14QLMT	2,458,000
1218	117140079	117140079	Trần Thành Đạt	14QLMT	4,574,000
1219	117140081	117140081	Phan Thị Kiều Diễm	14QLMT	2,390,000
1220	117140083	117140083	Hồ Thị Gái	14QLMT	1,707,000
1221	117140087	117140087	Nguyễn Thị Hoài	14QLMT	1,707,000
1222	117140089	117140089	Trần Duy Huấn	14QLMT	1,024,000
1223	117140092	117140092	Bùi Thị Thu Hương	14QLMT	1,843,000
1224	117140094	117140094	Ngô Đình Huy	14QLMT	1,707,000
1225	117140095	117140095	Trịnh Thị Liễu	14QLMT	1,707,000
1226	117140096	117140096	Nguyễn Thị Mỹ Linh	14QLMT	1,707,000
1227	117140097	117140097	Huỳnh Nhật Long	14QLMT	3,550,000
1228	117140098	117140098	Hoàng Thành Lưỡng	14QLMT	1,024,000
1229	117140099	117140099	Nguyễn Lê Hoài Ly	14QLMT	683,000
1230	117140100	117140100	Nguyễn Thị Hồng Lý	14QLMT	1,707,000
1231	117140101	117140101	Trần Thị Tiểu My	14QLMT	1,366,000
1232	117140102	117140102	Phạm Quốc Nam	14QLMT	1,024,000
1233	117140104	117140104	Nguyễn Thảo Nguyên	14QLMT	341,000
1234	117140107	117140107	Lê Thị Kim Oanh	14QLMT	1,707,000
1235	117140110	117140110	Hoàng Thị Kim Phương	14QLMT	1,024,000
1236	117140111	117140111	Trần Thị Phượng	14QLMT	2,526,000
1237	117140112	117140112	Trần Minh Quân	14QLMT	2,731,000
1238	117140114	117140114	Nguyễn Ngọc Quỳnh	14QLMT	2,526,000
1239	117140115	117140115	Võ Thị Thanh Quỳnh	14QLMT	1,024,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1240	117140118	117140118	Nguyễn Văn Thông	14QLMT	4,096,000
1241	117140121	117140121	Đậu Thị Minh Thúy	14QLMT	1,229,000
1242	117140124	117140124	Võ Thị Anh Trúc	14QLMT	2,253,000
1243	117140126	117140126	Võ Thị Tú	14QLMT	2,526,000
1244	117140127	117140127	Bùi Thanh Tùng	14QLMT	2,253,000
1245	117140130	117140130	Lưu Thị Uyên	14QLMT	683,000
1246	117140131	117140131	Đoàn Thị Vân	14QLMT	1,024,000
1247	107140251	107140251	Lê Văn Đạt	14SH	2,867,000
1248	107140265	107140265	Nguyễn Thị Thùy Linh	14SH	1,229,000
1249	107140266	107140266	Nguyễn Thị Kiều Loan	14SH	1,229,000
1250	107140274	107140274	Tôn Nữ Hoàng Nhi	14SH	1,229,000
1251	107140279	107140279	Đinh Trọng Phú	14SH	819,000
1252	107140281	107140281	Phan Thị Như Quỳnh	14SH	819,000
1253	107140282	107140282	Võ Thái Văn Rin	14SH	171,000
1254	107140285	107140285	Hoàng Ngọc Thiện	14SH	819,000
1255	108140005	108140005	Võ Mạnh Cường	14SK	2,048,000
1256	108140006	108140006	Nguyễn Hải Đăng	14SK	2,457,000
1257	108140007	108140007	Nguyễn Thành Đạt	14SK	1,311,000
1258	108140008	108140008	Trần Vũ Đạt	14SK	3,768,000
1259	108140009	108140009	Lâm La Duy	14SK	819,000
1260	108140013	108140013	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	14SK	1,229,000
1261	108140019	108140019	Phạm Văn Lai	14SK	819,000
1262	108140023	108140023	Nguyễn Thị My	14SK	2,458,000
1263	108140024	108140024	Trần Cảnh Phước Nguyên	14SK	3,032,000
1264	108140025	108140025	Trần Xuân Nguyên	14SK	819,000
1265	108140028	108140028	Hồ Tấn Tài	14SK	819,000
1266	108140030	108140030	Đặng Thị Thu	14SK	492,000
1267	108140032	108140032	Huỳnh Thị Thương	14SK	819,000
1268	108140033	108140033	Nguyễn Hữu Tình	14SK	492,000
1269	108140037	108140037	Lê Việt	14SK	819,000
1270	108140040	108140040	Lê Thị Xuân	14SK	2,867,000
1271	102140006	102140006	Tạ Trung Anh	14T1	2,130,000
1272	102140013	102140013	Ngô Quang Đạt	14T1	492,000
1273	102140014	102140014	Phùng Quân Đạt	14T1	819,000
1274	102140016	102140016	Lê Quý Định	14T1	2,867,000
1275	102140017	102140017	Nguyễn Tùng Đức	14T1	683,000
1276	102140018	102140018	Nguyễn Thị Phương Dung	14T1	1,502,000
1277	102140019	102140019	Nguyễn Ngọc Hải	14T1	2,458,000
1278	102140045	102140045	Nguyễn Văn Thứ	14T1	2,731,000
1279	102140046	102140046	Lê Cẩm Tiên	14T1	819,000
1280	102140048	102140048	Nguyễn Văn Trí	14T1	819,000
1281	102140063	102140063	Nguyễn Văn Đạt	14T2	819,000
1282	102140064	102140064	Phùng Tiến Đạt	14T2	1,638,000
1283	102140068	102140068	Ngô Thị Diệu Hằng	14T2	683,000
1284	102140069	102140069	Đặng Văn Hiếu	14T2	683,000
1285	102140080	102140080	Nguyễn Xuân Mãi	14T2	1,502,000
1286	102140083	102140083	Bùi Ngô Đình Nghĩa	14T2	4,588,000
1287	102140084	102140084	Võ Hoài Nhân	14T2	4,915,000
1288	102140087	102140087	Lê Hồng Phong	14T2	683,000
1289	102140089	102140089	Đinh Trọng Quế	14T2	3,140,000
1290	102140093	102140093	Lê Phước Thành Sơn	14T2	819,000
1291	102140095	102140095	Phan Chánh Tấn	14T2	2,457,000
1292	102140097	102140097	Bùi Văn Thảo	14T2	2,048,000
1293	102140098	102140098	Lương Quốc Thiện	14T2	2,321,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1294	102140100	102140100	Nguyễn Hoàng Thuận	14T2	1,502,000
1295	102140101	102140101	Trần Phúc Toàn	14T2	2,321,000
1296	102140104	102140104	Mai Sơn Tùng	14T2	2,321,000
1297	102140105	102140105	Trần Minh Tường	14T2	1,175,000
1298	102140106	102140106	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	14T2	683,000
1299	102140108	102140108	Hoàng Văn Việt	14T2	3,276,000
1300	102140116	102140116	Hoàng Đình Cường	14T3	819,000
1301	102140118	102140118	Trần Viết Diệm	14T3	819,000
1302	102140119	102140119	Bùi Thế Dinh	14T3	1,229,000
1303	102140125	102140125	Nguyễn Hà Huy Hoàng	14T3	683,000
1304	102140132	102140132	Lê Văn Quốc Long	14T3	1,229,000
1305	102140136	102140136	Nguyễn Tấn Nam	14T3	2,867,000
1306	102140139	102140139	Nguyễn Đình Nhân	14T3	2,867,000
1307	102140143	102140143	Nguyễn Văn Phúc	14T3	2,457,000
1308	102140147	102140147	Lê Văn Quân	14T3	819,000
1309	102140150	102140150	Nguyễn Văn Sơn	14T3	1,638,000
1310	102140151	102140151	Hồ Kim Tâm	14T3	819,000
1311	102140158	102140158	Tạ Văn Thức	14T3	2,457,000
1312	102140160	102140160	Lê Thị Thu Trà	14T3	2,457,000
1313	102140162	102140162	Trịnh Minh Triều	14T3	683,000
1314	102140163	102140163	Hoàng Minh Trung	14T3	1,502,000
1315	102140164	102140164	Thái Văn Trường	14T3	819,000
1316	102140165	102140165	Phan Đình Tùng	14T3	819,000
1317	102140169	102140169	Nguyễn Thanh Xuân	14T3	683,000
1318	102140173	102140173	Nguyễn Thị Bảo Châu	14TCLC1	492,000
1319	102140176	102140176	Nguyễn Khương Dương	14TCLC1	1,229,000
1320	102140177	102140177	Trương Phước Hiệu	14TCLC1	819,000
1321	102140180	102140180	Nguyễn Văn Huấn	14TCLC1	819,000
1322	102140186	102140186	Hoàng Nguyên Luật	14TCLC1	1,638,000
1323	102140200	102140200	Đặng Quang Vinh	14TCLC1	1,638,000
1324	102140201	102140201	Hồ Nguyễn Trúc Vy	14TCLC1	1,229,000
1325	102140212	102140212	Nguyễn Huỳnh Ngọc Minh	14TCLC2	3,277,000
1326	105140275	105140275	Nguyễn Quang Chí	14TDH1	1,843,000
1327	105140277	105140277	Nguyễn Thành Công	14TDH1	683,000
1328	105140279	105140279	Võ Trung Diệu	14TDH1	3,208,000
1329	105140281	105140281	Nguyễn Lương Duy	14TDH1	819,000
1330	105140285	105140285	Đặng Công Hòa	14TDH1	1,605,000
1331	105140287	105140287	Đào Xuân Hùng	14TDH1	2,253,000
1332	105140288	105140288	Nguyễn Anh Huy	14TDH1	3,686,000
1333	105140289	105140289	Nguyễn Hoàng Huy	14TDH1	1,024,000
1334	105140290	105140290	Nguyễn Quốc Khải	14TDH1	1,707,000
1335	105140291	105140291	Nguyễn Đăng Khoa	14TDH1	819,000
1336	105140292	105140292	Trần Xuân Kiên	14TDH1	1,843,000
1337	105140293	105140293	Hoàng Tuấn Lễ	14TDH1	819,000
1338	105140296	105140296	Nguyễn Duy Long	14TDH1	1,638,000
1339	105140297	105140297	Phạm Thanh Long	14TDH1	1,843,000
1340	105140298	105140298	Lê Văn Luyện	14TDH1	1,024,000
1341	105140299	105140299	Trương Gia Nghĩa	14TDH1	4,096,000
1342	105140301	105140301	Vương Quang Nhân	14TDH1	2,867,000
1343	105140302	105140302	Hoàng Đức Nhật	14TDH1	3,413,000
1344	105140304	105140304	Bùi Thái Phong	14TDH1	1,843,000
1345	105140306	105140306	Phạm Hồng Quân	14TDH1	1,024,000
1346	105140309	105140309	Lê Xuân Sanh	14TDH1	1,229,000
1347	105140313	105140313	Nguyễn Đức Thông	14TDH1	1,024,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1348	105140320	105140320	Nguyễn Hữu Tưởng	14TDH1	819,000
1349	105140322	105140322	Ngô Minh Việt	14TDH1	2,526,000
1350	105140325	105140325	Phạm Văn Vượng	14TDH1	3,072,000
1351	105140326	105140326	Dương Minh Xuân	14TDH1	1,024,000
1352	105140327	105140327	Nguyễn Trung Anh	14TDH2	2,663,000
1353	105140329	105140329	Hồ Trương Chính	14TDH2	1,024,000
1354	105140331	105140331	Tạ Quang Cường	14TDH2	2,253,000
1355	105140332	105140332	Nguyễn Đức Đạt	14TDH2	1,270,000
1356	105140333	105140333	Văn Viết Đạt	14TDH2	819,000
1357	105140337	105140337	Nguyễn Văn Hảo	14TDH2	2,662,000
1358	105140338	105140338	Hoàng Nguyên Phước Hiệp	14TDH2	819,000
1359	105140341	105140341	Đặng Văn Huấn	14TDH2	683,000
1360	105140342	105140342	Nguyễn Cảnh Hùng	14TDH2	2,048,000
1361	105140344	105140344	Dương Đức Khải	14TDH2	819,000
1362	105140346	105140346	Nguyễn Trọng Khôi	14TDH2	1,024,000
1363	105140347	105140347	Nguyễn Văn Kiên	14TDH2	3,686,000
1364	105140348	105140348	Trần Xuân Lỉnh	14TDH2	819,000
1365	105140349	105140349	Lê Quang Long	14TDH2	3,072,000
1366	105140350	105140350	Nguyễn Phi Long	14TDH2	2,457,000
1367	105140351	105140351	Nguyễn Duy Luân	14TDH2	1,161,000
1368	105140354	105140354	Lưu Viết Nghiêm	14TDH2	2,048,000
1369	105140355	105140355	Đỗ Duy Nhẫn	14TDH2	3,359,000
1370	105140356	105140356	Hồ Anh Phi	14TDH2	1,434,000
1371	105140357	105140357	Tô Thanh Phúc	14TDH2	3,481,000
1372	105140358	105140358	Nguyễn Hồng Quân	14TDH2	2,457,000
1373	105140360	105140360	Nguyễn Xuân Quỳnh	14TDH2	3,686,000
1374	105140361	105140361	Nguyễn Tư Quang Sáng	14TDH2	819,000
1375	105140368	105140368	Phan Anh Tiến	14TDH2	4,300,000
1376	105140369	105140369	Đặng Văn Toàn	14TDH2	2,185,000
1377	105140370	105140370	Đinh Viết Tú	14TDH2	4,028,000
1378	105140372	105140372	Lê Quang Tuấn	14TDH2	1,365,000
1379	105140376	105140376	Nguyễn Văn Viên	14TDH2	1,843,000
1380	105140377	105140377	Nguyễn Văn Vinh	14TDH2	3,325,000
1381	105140378	105140378	Lâm Thành Vũ	14TDH2	2,867,000
1382	105140380	105140380	Võ Văn Vương	14TDH2	2,370,000
1383	105140381	105140381	Dương Nhật Zôn	14TDH2	1,024,000
1384	105140388	105140388	Bùi Lâm Thanh Hải	14TDHCLC	819,000
1385	105140394	105140394	Bùi Quang Huy	14TDHCLC	4,096,000
1386	105140399	105140399	Lê Đức Mạnh	14TDHCLC	2,458,000
1387	105140405	105140405	Hoàng Hữu Tài	14TDHCLC	4,096,000
1388	103140006	103140006	Trần Văn Cảm	14THACO	2,048,000
1389	103140007	103140007	Nguyễn Văn Chiến	14THACO	3,072,000
1390	103140047	103140047	Văn Công Tài	14THACO	2,048,000
1391	103140050	103140050	Huỳnh Trung Thanh	14THACO	3,755,000
1392	103140057	103140057	Cao Văn Trung	14THACO	2,048,000
1393	103140063	103140063	Nguyễn Anh Văn	14THACO	3,072,000
1394	103140070	103140070	Nguyễn Mạnh Bảo	14THACO	2,048,000
1395	103140074	103140074	Hồ Văn Chứng	14THACO	2,867,000
1396	103140077	103140077	Trần Đình Đây	14THACO	3,359,000
1397	103140079	103140079	Trần Minh Đức	14THACO	2,048,000
1398	103140081	103140081	Lê Ngọc Duy	14THACO	2,048,000
1399	103140084	103140084	Hồ Nguyễn Khánh Hân	14THACO	2,048,000
1400	103140098	103140098	Võ Trọng Nam	14THACO	2,048,000
1401	103140100	103140100	Trần Cao Nguyên	14THACO	2,048,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1402	103140103	103140103	Nguyễn Tấn Phát	14THACO	3,072,000
1403	103140107	103140107	Hoàng Trọng Quân	14THACO	2,389,000
1404	103140109	103140109	Phan Ngọc Quý	14THACO	3,072,000
1405	103140110	103140110	Huỳnh Văn Sang	14THACO	2,458,000
1406	103140113	103140113	Lê Minh Tâm	14THACO	2,867,000
1407	103140116	103140116	Đinh Văn Thắng	14THACO	2,867,000
1408	103140119	103140119	Nguyễn Văn Thông	14THACO	2,540,000
1409	103140121	103140121	Trần Minh Trân	14THACO	2,048,000
1410	103140132	103140132	Trần Tý	14THACO	2,048,000
1411	103140135	103140135	Trương Công Vũ	14THACO	2,867,000
1412	111140001	111140001	Hồ Thiên Ân	14THXD	4,711,000
1413	111140007	111140007	Trần Lê Quốc Đạt	14THXD	4,096,000
1414	111140008	111140008	Trịnh Viết Đạt	14THXD	1,912,000
1415	111140012	111140012	Cao Thị Thùy Dương	14THXD	1,229,000
1416	111140013	111140013	Trần Ngọc Dương	14THXD	683,000
1417	111140014	111140014	Trần Hàn	14THXD	3,687,000
1418	111140016	111140016	Lê Văn Hùng	14THXD	1,024,000
1419	111140017	111140017	Lê Đức Huy	14THXD	4,097,000
1420	111140021	111140021	Hồ Văn Kiệt	14THXD	4,370,000
1421	111140022	111140022	Võ Văn Tuấn Kiệt	14THXD	3,345,000
1422	111140023	111140023	Lê Tuấn Kỳ	14THXD	2,458,000
1423	111140025	111140025	Nguyễn Chí Linh	14THXD	2,185,000
1424	111140029	111140029	Nguyễn Đình Nghĩa	14THXD	2,458,000
1425	111140030	111140030	Nguyễn Hồng Nguyên	14THXD	4,998,000
1426	111140031	111140031	Phan Hữu Nhân	14THXD	1,502,000
1427	111140032	111140032	Nguyễn Đình Nhật	14THXD	2,389,000
1428	111140033	111140033	Hồ Phi	14THXD	1,229,000
1429	111140035	111140035	Lê Phước Phi	14THXD	819,000
1430	111140037	111140037	Ngô Văn Quyết	14THXD	2,867,000
1431	111140038	111140038	Hoàng Thế Tài	14THXD	2,731,000
1432	111140043	111140043	Trần Văn Thái	14THXD	683,000
1433	111140045	111140045	Trần Thị Phương Thảo	14THXD	2,458,000
1434	111140047	111140047	Bùi Văn Tiến	14THXD	410,000
1435	111140049	111140049	Trương Tấn Toàn	14THXD	1,024,000
1436	111140051	111140051	Hồ Đắc Trí	14THXD	2,253,000
1437	111140053	111140053	Lương Xuân Trường	14THXD	4,234,000
1438	111140054	111140054	Nguyễn Quang Trường	14THXD	2,458,000
1439	111140056	111140056	Nguyễn Anh Tuấn	14THXD	2,458,000
1440	111140057	111140057	Trương Văn Tuấn	14THXD	1,093,000
1441	111140058	111140058	Đặng Quốc Việt	14THXD	1,093,000
1442	111140060	111140060	Đỗ Thành Vũ	14THXD	819,000
1443	111140063	111140063	Phạm Nhữ Vương	14THXD	1,979,000
1444	109140004	109140004	Bùi Tiểu Bình	14VLXD	1,912,000
1445	109140005	109140005	Nguyễn Chương	14VLXD	3,618,000
1446	109140007	109140007	Nguyễn Cường	14VLXD	2,867,000
1447	109140008	109140008	Nguyễn Văn Cường	14VLXD	1,502,000
1448	109140014	109140014	Lê Huy	14VLXD	4,179,000
1449	109140015	109140015	Lê Khánh	14VLXD	3,277,000
1450	109140017	109140017	Nguyễn Văn Lợi	14VLXD	4,097,000
1451	109140018	109140018	Trần Văn Mẫn	14VLXD	2,731,000
1452	109140020	109140020	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	14VLXD	819,000
1453	109140021	109140021	Trần ánh Ngọc	14VLXD	4,862,000
1454	109140023	109140023	Lê Văn Nhân	14VLXD	2,458,000
1455	109140024	109140024	Lương Thành Nhân	14VLXD	4,370,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1456	109140025	109140025	Phan Thanh Nhật	14VLXD	3,687,000
1457	109140026	109140026	Trần Công Nhật	14VLXD	4,916,000
1458	109140027	109140027	Hồ Thị Quỳnh Như	14VLXD	3,686,000
1459	109140029	109140029	Nguyễn Minh Thanh Sang	14VLXD	2,322,000
1460	109140030	109140030	Nguyễn Văn Sang	14VLXD	683,000
1461	109140031	109140031	Hồ Trọng Sử	14VLXD	4,096,000
1462	109140032	109140032	Nguyễn Hữu Thân	14VLXD	5,052,000
1463	109140034	109140034	Trần Mậu Thanh	14VLXD	3,413,000
1464	109140035	109140035	Lê Văn Công Thành	14VLXD	3,769,000
1465	109140037	109140037	Trần Trung Thịnh	14VLXD	2,457,000
1466	109140039	109140039	Ngô Viết Thuận	14VLXD	683,000
1467	109140041	109140041	Nguyễn Tấn Thường	14VLXD	683,000
1468	109140042	109140042	Nguyễn Thanh Triều	14VLXD	4,096,000
1469	109140044	109140044	Nguyễn Tú	14VLXD	2,594,000
1470	109140045	109140045	Trần Tú	14VLXD	3,687,000
1471	109140046	109140046	Nguyễn Thị Thu Uyên	14VLXD	819,000
1472	110140023	110140023	Phạm Hữu Thái Bảo	14X1A	819,000
1473	110140024	110140024	Nguyễn Tá Bình	14X1A	3,072,000
1474	110140025	110140025	Trần Ngọc Thanh Châu	14X1A	683,000
1475	110140026	110140026	Thiều Ngọc Chung	14X1A	3,892,000
1476	110140027	110140027	Nguyễn Công Cường	14X1A	3,687,000
1477	110140028	110140028	Nguyễn Đăng Đạt	14X1A	3,140,000
1478	110140029	110140029	Trịnh Bùi Bá Đạt	14X1A	4,711,000
1479	110140030	110140030	Ngô Hữu Đức	14X1A	3,619,000
1480	110140032	110140032	Nguyễn Ngọc Hải	14X1A	1,843,000
1481	110140033	110140033	Trần Thanh Hiền	14X1A	1,707,000
1482	110140036	110140036	Tán Nguyên Hiếu	14X1A	4,096,000
1483	110140037	110140037	Bùi Thanh Hoàng	14X1A	2,049,000
1484	110140038	110140038	Phan Văn Hoàng	14X1A	683,000
1485	110140039	110140039	Nguyễn Trung Huân	14X1A	2,526,000
1486	110140041	110140041	Nguyễn Hưởng	14X1A	1,707,000
1487	110140042	110140042	Nguyễn Tấn Huy	14X1A	4,507,000
1488	110140043	110140043	Ngô Kiều Huynh	14X1A	683,000
1489	110140046	110140046	Phan Sĩ Khoa	14X1A	2,049,000
1490	110140047	110140047	Võ Duy Khởi	14X1A	1,707,000
1491	110140048	110140048	Dương Ngọc Lâm	14X1A	683,000
1492	110140049	110140049	Nguyễn Ngọc Linh	14X1A	3,892,000
1493	110140050	110140050	Đoàn Ngọc Lợi	14X1A	2,568,000
1494	110140051	110140051	Nguyễn Công Long	14X1A	1,024,000
1495	110140052	110140052	Nguyễn Văn Ly	14X1A	3,414,000
1496	110140053	110140053	Phạm Ngọc Minh	14X1A	2,867,000
1497	110140055	110140055	Trương Quang Nghĩa	14X1A	1,707,000
1498	110140058	110140058	Huỳnh Ngọc Nhựt	14X1A	3,755,000
1499	110140060	110140060	Trần Đình Phú	14X1A	819,000
1500	110140062	110140062	Nguyễn Hải Quân	14X1A	3,346,000
1501	110140063	110140063	Thái Văn Quang	14X1A	4,028,000
1502	110140066	110140066	Trần Rôn	14X1A	4,097,000
1503	110140069	110140069	Trần Văn Sơn	14X1A	3,550,000
1504	110140070	110140070	Ngô Văn Tài	14X1A	1,024,000
1505	110140072	110140072	Nguyễn Tấn Tây	14X1A	1,024,000
1506	110140073	110140073	Bùi Minh Thắng	14X1A	2,457,000
1507	110140075	110140075	Thái Liên Thành	14X1A	683,000
1508	110140078	110140078	Đặng Hoàn Tiến	14X1A	2,048,000
1509	110140079	110140079	Nguyễn Viết Tiến	14X1A	3,278,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1510	110140080	110140080	Trần Đình Tiến	14X1A	1,980,000
1511	110140082	110140082	Nguyễn Văn Toàn	14X1A	1,434,000
1512	110140083	110140083	Trần Minh Trí	14X1A	4,642,000
1513	110140084	110140084	Nguyễn Đình Trung	14X1A	1,502,000
1514	110140086	110140086	Nguyễn Hữu Tuấn	14X1A	1,024,000
1515	110140089	110140089	Lê Đức Thanh Tùng	14X1A	2,868,000
1516	110140091	110140091	Nguyễn Huỳnh Viên	14X1A	3,346,000
1517	110140092	110140092	Trần Phước Vinh	14X1A	4,233,000
1518	110140095	110140095	Thái Triều Vỹ	14X1A	4,575,000
1519	110140096	110140096	Phạm Nhân Ái	14X1B	2,186,000
1520	110140097	110140097	Phan Văn Bảo	14X1B	2,390,000
1521	110140098	110140098	Đồng Hồng Chinh	14X1B	3,141,000
1522	110140099	110140099	Nguyễn Thế Công	14X1B	4,370,000
1523	110140100	110140100	Phan Văn Cường	14X1B	4,232,000
1524	110140101	110140101	Nguyễn Phan Hoàng Đạt	14X1B	2,526,000
1525	110140103	110140103	Nguyễn Hữu Đức	14X1B	2,049,000
1526	110140104	110140104	Đặng Phước Duy	14X1B	2,732,000
1527	110140106	110140106	Nguyễn Văn Hải	14X1B	410,000
1528	110140107	110140107	Đặng Bá Hiếu	14X1B	4,096,000
1529	110140111	110140111	Trần Nguyễn Ngọc Hoàng	14X1B	2,936,000
1530	110140113	110140113	Phan Hữu	14X1B	3,140,000
1531	110140114	110140114	Ông Quốc Huy	14X1B	1,229,000
1532	110140116	110140116	Nguyễn Hoàng Khoa	14X1B	1,776,000
1533	110140117	110140117	Tôn Thất Đăng Khoa	14X1B	3,277,000
1534	110140118	110140118	Nguyễn Viết Kiệt	14X1B	2,800,000
1535	110140119	110140119	Trần Phước Lâm	14X1B	2,868,000
1536	110140120	110140120	Trần Văn Linh	14X1B	1,502,000
1537	110140121	110140121	Lê Vũ Long	14X1B	2,731,000
1538	110140122	110140122	Nguyễn Thành Long	14X1B	1,502,000
1539	110140123	110140123	Hà Hải Nam	14X1B	1,844,000
1540	110140124	110140124	Đinh Xuân Nghĩa	14X1B	2,458,000
1541	110140126	110140126	Võ Trần Chí Nguyên	14X1B	1,912,000
1542	110140127	110140127	Hoàng Ngọc Nhật	14X1B	1,366,000
1543	110140129	110140129	Phan Bá Phu	14X1B	3,960,000
1544	110140133	110140133	Trần Thiện Quang	14X1B	3,278,000
1545	110140134	110140134	Đặng Phước Sang	14X1B	3,687,000
1546	110140135	110140135	Nguyễn Hồng Sơn	14X1B	3,005,000
1547	110140136	110140136	Nguyễn Đại Sự	14X1B	1,994,000
1548	110140138	110140138	Nguyễn Tâm	14X1B	1,366,000
1549	110140140	110140140	Hứa Vĩnh Thành	14X1B	1,707,000
1550	110140141	110140141	Trần Xuân Thành	14X1B	3,072,000
1551	110140144	110140144	Huỳnh Văn Thọ	14X1B	683,000
1552	110140147	110140147	Phan Hữu Tiến	14X1B	2,458,000
1553	110140148	110140148	Trương Công Tiến	14X1B	3,073,000
1554	110140149	110140149	Cao Ngọc Toàn	14X1B	819,000
1555	110140150	110140150	Hà Thị Kim Trâm	14X1B	2,732,000
1556	110140151	110140151	Võ Văn Trọng	14X1B	819,000
1557	110140153	110140153	Hà Ngọc Tuấn	14X1B	2,117,000
1558	110140154	110140154	Lại Văn Quốc Tuấn	14X1B	3,892,000
1559	110140155	110140155	Nguyễn Minh Tuấn	14X1B	1,434,000
1560	110140157	110140157	Lê Văn Tùng	14X1B	683,000
1561	110140158	110140158	Võ Như Tường	14X1B	2,390,000
1562	110140160	110140160	Trương Văn Vinh	14X1B	1,667,000
1563	110140054	110140054	Trần Nam	14X1C	4,042,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1564	110140059	110140059	Lê Hồng Phong	14X1C	3,960,000
1565	110140112	110140112	Đào Trường Hùng	14X1C	4,096,000
1566	110140152	110140152	Nguyễn Thành Trung	14X1C	683,000
1567	110140162	110140162	Phạm Trần Hoài Bằng	14X1C	3,960,000
1568	110140164	110140164	Lê Nhật Bình	14X1C	4,028,000
1569	110140165	110140165	Trương Thanh Bình	14X1C	2,185,000
1570	110140167	110140167	Đỗ Quốc Cường	14X1C	4,998,000
1571	110140168	110140168	Hà Cảnh Đạt	14X1C	1,707,000
1572	110140169	110140169	Nguyễn Quốc Đạt	14X1C	1,024,000
1573	110140170	110140170	Nguyễn Văn Quý Đôn	14X1C	1,638,000
1574	110140171	110140171	Phạm Ngọc Đức	14X1C	3,004,000
1575	110140172	110140172	Lê Đức Trần Duy	14X1C	3,277,000
1576	110140173	110140173	Lê Trường Hải	14X1C	4,343,000
1577	110140174	110140174	Trần Vũ Hảo	14X1C	1,502,000
1578	110140175	110140175	Nguyễn Đình Hiển	14X1C	3,960,000
1579	110140176	110140176	Đào Sĩ Hiếu	14X1C	3,755,000
1580	110140177	110140177	Nguyễn Thái Hoàn	14X1C	3,276,000
1581	110140178	110140178	Huỳnh Văn Hoàng	14X1C	1,707,000
1582	110140179	110140179	Trần Thị Hồng	14X1C	820,000
1583	110140182	110140182	Hoàng Nguyên Khánh	14X1C	3,823,000
1584	110140184	110140184	Nguyễn Hữu Lộc	14X1C	2,117,000
1585	110140185	110140185	Mai Duy Long	14X1C	1,776,000
1586	110140187	110140187	Giáp Văn Luận	14X1C	2,527,000
1587	110140188	110140188	Ngô Nguyễn Nhật Minh	14X1C	3,824,000
1588	110140189	110140189	Lê Hữu Nghĩa	14X1C	4,234,000
1589	110140190	110140190	Hồ Văn Ngọc	14X1C	2,867,000
1590	110140191	110140191	Lê Văn Nguyên	14X1C	1,093,000
1591	110140192	110140192	Lê Đình Nhân	14X1C	3,277,000
1592	110140193	110140193	Nguyễn Vũ Nhật	14X1C	3,564,000
1593	110140194	110140194	Đặng Hoàng Phong	14X1C	2,049,000
1594	110140195	110140195	Nguyễn Trọng Phước	14X1C	2,526,000
1595	110140196	110140196	Nguyễn Đình Quân	14X1C	2,459,000
1596	110140198	110140198	Nguyễn Văn Quệ	14X1C	1,093,000
1597	110140201	110140201	Trần Quang Sự	14X1C	3,905,000
1598	110140206	110140206	Võ Phúc Thành	14X1C	1,843,000
1599	110140207	110140207	Huỳnh Ngọc Thiên	14X1C	2,049,000
1600	110140208	110140208	Hồ Hưng Thịnh	14X1C	1,502,000
1601	110140209	110140209	Nguyễn Hữu Thọ	14X1C	2,526,000
1602	110140210	110140210	Nguyễn Đình Thừa	14X1C	2,117,000
1603	110140211	110140211	Nguyễn Hữu Thường	14X1C	4,165,000
1604	110140212	110140212	Hồ Văn Tiến	14X1C	2,595,000
1605	110140213	110140213	Trần Đình Tiến	14X1C	2,936,000
1606	110140214	110140214	Văn Bá Minh Tiến	14X1C	3,155,000
1607	110140215	110140215	Nguyễn Duy Toàn	14X1C	2,048,000
1608	110140217	110140217	Đặng Hoàng Trung	14X1C	1,639,000
1609	110140218	110140218	Nguyễn Xuân Trung	14X1C	1,776,000
1610	110140219	110140219	Nguyễn Văn Đình Trường	14X1C	2,049,000
1611	110140220	110140220	Hoàng Quang Tuấn	14X1C	2,732,000
1612	110140222	110140222	Phan Anh Tuấn	14X1C	2,867,000
1613	110140223	110140223	Trần Ngọc Anh Tuấn	14X1C	2,117,000
1614	110140224	110140224	Nguyễn Thanh Tùng	14X1C	1,707,000
1615	110140226	110140226	Phan Tuấn Vinh	14X1C	2,868,000
1616	110140227	110140227	Bùi Đức Vũ	14X1C	2,390,000
1617	110140228	110140228	Nguyễn Văn Vũ	14X1C	2,390,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1618	110140229	110140229	Phạm Thế Vỹ	14X1C	2,117,000
1619	111140064	111140064	Hoàng Trung Anh	14X2A	1,229,000
1620	111140065	111140065	Nguyễn Minh Chiến	14X2A	1,673,000
1621	111140071	111140071	Nguyễn Văn Đợi	14X2A	2,868,000
1622	111140073	111140073	Nguyễn Quang Dưỡng	14X2A	1,646,000
1623	111140074	111140074	Hồ Văn Duy	14X2A	1,673,000
1624	111140075	111140075	Nguyễn Tân Duy	14X2A	1,639,000
1625	111140076	111140076	Trương Hoàng Giỏi	14X2A	1,892,000
1626	111140077	111140077	Lê Ti Gôn	14X2A	581,000
1627	111140079	111140079	Nguyễn Công Hậu	14X2A	2,628,000
1628	111140081	111140081	Trần Ngọc Hoài	14X2A	854,000
1629	111140084	111140084	Nguyễn Phúc Nhật Hưng	14X2A	990,000
1630	111140086	111140086	Huỳnh Công Khẩn	14X2A	3,448,000
1631	111140087	111140087	Đặng Ngọc Khánh	14X2A	3,278,000
1632	111140088	111140088	Nguyễn Ngọc Lâm	14X2A	171,000
1633	111140091	111140091	Bùi Thị Mơ	14X2A	1,065,000
1634	111140093	111140093	Ngô Đăng Nam	14X2A	4,624,000
1635	111140094	111140094	Nguyễn Văn Nguyên	14X2A	171,000
1636	111140095	111140095	Huỳnh Vũ Minh Nhật	14X2A	1,673,000
1637	111140096	111140096	Đinh Phương Nhi	14X2A	1,264,000
1638	111140098	111140098	Triệu Việt Nhựt	14X2A	2,628,000
1639	111140099	111140099	Ngô Thị Minh Phương	14X2A	1,065,000
1640	111140102	111140102	Trần Công Sâm	14X2A	2,048,000
1641	111140104	111140104	Phan Thị Cẩm Sang	14X2A	819,000
1642	111140105	111140105	Lê Phước Tân	14X2A	3,312,000
1643	111140106	111140106	Nguyễn Đức Thịnh	14X2A	1,229,000
1644	111140108	111140108	Nguyễn Minh Thư	14X2A	3,243,000
1645	111140111	111140111	Nguyễn Đức Trí	14X2A	171,000
1646	111140113	111140113	Lê Xuân Trưởng	14X2A	171,000
1647	111140114	111140114	Lê Ngọc Tú	14X2A	171,000
1648	111140115	111140115	Lê Đức Anh Tuấn	14X2A	171,000
1649	111140117	111140117	Nguyễn Quang Tuyến	14X2A	854,000
1650	111140119	111140119	Đặng Minh Vương	14X2A	1,810,000
1651	111140120	111140120	Nguyễn Vương	14X2A	4,506,000
1652	109140048	109140048	Hồ Văn An	14X3A	683,000
1653	109140049	109140049	Đặng Ngọc Anh	14X3A	2,048,000
1654	109140051	109140051	Nguyễn Văn Sỹ Ben	14X3A	3,277,000
1655	109140052	109140052	Bùi Văn Chiến	14X3A	2,868,000
1656	109140053	109140053	Hồ Văn Công	14X3A	820,000
1657	109140057	109140057	Nguyễn Văn Hoa Điền	14X3A	683,000
1658	109140058	109140058	Trần Công Định	14X3A	1,434,000
1659	109140060	109140060	Trần Công Đức	14X3A	902,000
1660	109140061	109140061	Nguyễn Văn Đường	14X3A	1,024,000
1661	109140062	109140062	Ngô Đức Giang	14X3A	2,867,000
1662	109140063	109140063	Nguyễn Thanh Hải	14X3A	1,175,000
1663	109140064	109140064	Nguyễn Văn Hậu	14X3A	1,912,000
1664	109140065	109140065	Trương Khắc Hiền	14X3A	819,000
1665	109140069	109140069	Phạm Duy Hóa	14X3A	1,229,000
1666	109140070	109140070	Trần Văn Xuân Hoàng	14X3A	1,912,000
1667	109140074	109140074	Trần Nhật Huy	14X3A	1,638,000
1668	109140075	109140075	Hà Phước Khoa	14X3A	1,638,000
1669	109140077	109140077	Nguyễn Đức Kiên	14X3A	819,000
1670	109140081	109140081	Trần Thị Loan	14X3A	1,365,000
1671	109140082	109140082	Võ Thành Luân	14X3A	2,048,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1672	109140084	109140084	Trần Khánh Nam	14X3A	2,048,000
1673	109140086	109140086	Võ Minh Nhất	14X3A	1,229,000
1674	109140087	109140087	Lê Quang Nhật	14X3A	1,365,000
1675	109140093	109140093	Nguyễn Đăng Quang	14X3A	3,277,000
1676	109140094	109140094	Phạm Văn Quãng	14X3A	1,639,000
1677	109140096	109140096	Trần Đình Quốc	14X3A	1,912,000
1678	109140099	109140099	Mai Bá Sửa	14X3A	3,551,000
1679	109140100	109140100	Võ Duy Tân	14X3A	1,843,000
1680	109140101	109140101	Nguyễn Xuân Tấn	14X3A	2,049,000
1681	109140102	109140102	Trương Đình Thắng	14X3A	1,024,000
1682	109140104	109140104	Nguyễn Thành	14X3A	1,365,000
1683	109140105	109140105	Bạch Văn Thạnh	14X3A	410,000
1684	109140106	109140106	Nguyễn Đình Thi	14X3A	1,638,000
1685	109140107	109140107	Trần Văn Thi	14X3A	2,049,000
1686	109140109	109140109	Trương Đức Tiến	14X3A	2,458,000
1687	109140110	109140110	Nguyễn Hữu Trí	14X3A	1,638,000
1688	109140112	109140112	Nguyễn Thành Trung	14X3A	1,979,500
1689	109140114	109140114	Phạm Văn Tuấn	14X3A	1,912,000
1690	109140115	109140115	Trần Văn Tuấn	14X3A	819,000
1691	109140116	109140116	Võ Văn Anh Tuấn	14X3A	2,731,000
1692	109140119	109140119	Trần Ngọc Vũ	14X3A	683,000
1693	109140121	109140121	Phạm Nguyễn Tiên Vỹ	14X3A	1,775,000
1694	109140123	109140123	Nguyễn Tuấn Việt Anh	14X3B	1,024,000
1695	109140124	109140124	Hoàng Trọng Bách	14X3B	4,506,000
1696	109140125	109140125	Nguyễn Công Bình	14X3B	3,687,000
1697	109140126	109140126	Trương Văn Hiến Chương	14X3B	2,458,000
1698	109140127	109140127	Hoàng Ngọc Cường	14X3B	1,093,000
1699	109140128	109140128	Nguyễn Trường Cường	14X3B	246,000
1700	109140130	109140130	Đỗ Phú Đạt	14X3B	1,843,000
1701	109140131	109140131	Nguyễn Ngọc Anh Đức	14X3B	3,072,000
1702	109140133	109140133	Đoàn Xuân Dũng	14X3B	1,639,000
1703	109140134	109140134	Nguyễn Tiến Dũng	14X3B	1,229,000
1704	109140135	109140135	Lê Cảnh Duy	14X3B	2,048,000
1705	109140136	109140136	Đậu Thiện Giang	14X3B	3,687,000
1706	109140138	109140138	Đặng Công Hào	14X3B	3,277,000
1707	109140139	109140139	Lê Nhân Hậu	14X3B	2,458,000
1708	109140141	109140141	Nguyễn Đình Hiếu	14X3B	3,005,000
1709	109140142	109140142	Nguyễn Xuân Hiếu	14X3B	1,639,000
1710	109140144	109140144	Nguyễn Phi Hoàn	14X3B	1,093,000
1711	109140146	109140146	Trần Nhật Hoàng	14X3B	4,098,000
1712	109140147	109140147	Chu Vi Hùng	14X3B	1,229,000
1713	109140148	109140148	Trần Đình Hướng	14X3B	2,458,000
1714	109140149	109140149	Huỳnh Nguyễn Tuấn Huy	14X3B	1,229,000
1715	109140150	109140150	Trần Lê ánh Huy	14X3B	1,365,000
1716	109140152	109140152	Nguyễn Đức Khôi	14X3B	2,568,000
1717	109140153	109140153	Trần Đức Kiên	14X3B	3,142,000
1718	109140155	109140155	Nguyễn Thanh Kim Nhật Lợi	14X3B	1,638,000
1719	109140156	109140156	Phạm Thanh Long	14X3B	3,387,000
1720	109140157	109140157	Lê Phước Tuấn Lực	14X3B	1,913,000
1721	109140158	109140158	Phan Văn Mạnh	14X3B	1,913,000
1722	109140160	109140160	Trần Quốc Nam	14X3B	2,594,000
1723	109140162	109140162	Võ Đại Nghĩa	14X3B	2,322,000
1724	109140164	109140164	Hoàng Anh Nhất	14X3B	4,097,000
1725	109140165	109140165	Nguyễn Văn Nhật	14X3B	2,048,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1726	109140167	109140167	Đoàn Ngọc Phú	14X3B	3,687,000
1727	109140168	109140168	Lê Phước Phúc	14X3B	1,365,000
1728	109140169	109140169	Nguyễn Ngọc Phước	14X3B	4,507,000
1729	109140171	109140171	Hoàng Minh Quảng	14X3B	1,365,000
1730	109140172	109140172	Huỳnh Rim	14X3B	3,141,000
1731	109140173	109140173	Phan Văn Sang	14X3B	3,141,000
1732	109140174	109140174	Lê Hữu Sơn	14X3B	2,458,000
1733	109140175	109140175	Thái Văn Sự	14X3B	2,322,000
1734	109140176	109140176	Nguyễn Tấn Tài	14X3B	2,663,000
1735	109140177	109140177	Đoàn Văn Tây	14X3B	1,366,000
1736	109140178	109140178	Lê Văn Tây	14X3B	1,502,000
1737	109140182	109140182	Trần Nhật Thành	14X3B	4,370,000
1738	109140184	109140184	Hồ Văn Thức	14X3B	3,482,000
1739	109140187	109140187	Nguyễn Quốc Triệu	14X3B	819,000
1740	109140188	109140188	Lê Tự Trung	14X3B	1,229,000
1741	109140189	109140189	Nguyễn Xuân Trường	14X3B	2,048,000
1742	109140190	109140190	Phạm Đình Tú	14X3B	2,458,000
1743	109140191	109140191	Hoàng Lê Nhã Tuấn	14X3B	2,731,000
1744	109140192	109140192	Phan Văn Tuấn	14X3B	4,506,000
1745	109140196	109140196	Trần Tuấn Vũ	14X3B	3,688,000
1746	109140197	109140197	Trần Đức Vương	14X3B	3,277,000
1747	109140199	109140199	Đặng Anh	14X3C	1,721,000
1748	109140200	109140200	Trần Trường Đức Anh	14X3C	3,482,000
1749	109140201	109140201	Tiêu Bảo Bảo	14X3C	4,302,000
1750	109140203	109140203	Doãn Xuân Cảng	14X3C	1,776,000
1751	109140204	109140204	Trần Đức Cảnh	14X3C	3,482,000
1752	109140205	109140205	Châu Văn Công	14X3C	3,072,000
1753	109140206	109140206	Nguyễn Ngọc Cường	14X3C	1,639,000
1754	109140207	109140207	Phạm Ngọc Danh	14X3C	1,885,000
1755	109140209	109140209	Phan Quang Đạt	14X3C	1,229,000
1756	109140210	109140210	Nguyễn Văn Đình	14X3C	3,141,000
1757	109140211	109140211	Nguyễn Tấn Đức	14X3C	2,731,000
1758	109140212	109140212	Trần Văn Đức	14X3C	3,687,000
1759	109140213	109140213	Nguyễn Đắc Dương	14X3C	3,769,000
1760	109140214	109140214	Đặng Khắc Đường	14X3C	2,663,000
1761	109140216	109140216	Thủy Văn Hà	14X3C	4,028,000
1762	109140217	109140217	Nguyễn Thanh Hải	14X3C	3,278,000
1763	109140218	109140218	Lê Văn Hậu	14X3C	3,005,000
1764	109140219	109140219	Nguyễn Văn Hiệp	14X3C	1,502,000
1765	109140220	109140220	Phan Anh Hiệp	14X3C	3,482,000
1766	109140221	109140221	Nguyễn Minh Hiếu	14X3C	4,206,000
1767	109140222	109140222	Nguyễn Văn Hiếu	14X3C	2,868,000
1768	109140223	109140223	Dương Quốc Hồ	14X3C	3,277,000
1769	109140224	109140224	Nguyễn Xuân Hoàng	14X3C	2,048,000
1770	109140227	109140227	Lê Phi Hùng	14X3C	2,867,000
1771	109140228	109140228	Nguyễn Đắc Huy	14X3C	4,998,000
1772	109140229	109140229	Nguyễn Quang Huy	14X3C	3,277,000
1773	109140231	109140231	Nguyễn Văn Khánh	14X3C	2,541,000
1774	109140232	109140232	Đỗ Trọng Khoa	14X3C	2,937,000
1775	109140234	109140234	Đoàn Văn Linh	14X3C	1,311,000
1776	109140236	109140236	Dương Bá Lợi	14X3C	3,686,000
1777	109140237	109140237	Võ Đại Lợi	14X3C	3,142,000
1778	109140238	109140238	Đặng Ngọc Minh	14X3C	4,507,000
1779	109140239	109140239	Lê ích Nam	14X3C	1,843,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1780	109140240	109140240	Trần Văn Nam	14X3C	3,277,000
1781	109140241	109140241	Nguyễn Cao Nghĩa	14X3C	1,639,000
1782	109140243	109140243	Võ Thành Nhân	14X3C	2,629,000
1783	109140246	109140246	Dương Huỳnh Vĩnh Phúc	14X3C	2,732,000
1784	109140248	109140248	Hồ Sĩ Quân	14X3C	4,097,000
1785	109140251	109140251	Lê Hồng Quốc	14X3C	3,113,000
1786	109140254	109140254	Nguyễn Lương Tài	14X3C	3,140,000
1787	109140255	109140255	Trịnh Ngọc Tài	14X3C	3,277,000
1788	109140256	109140256	Nguyễn Tân	14X3C	3,413,000
1789	109140257	109140257	Nguyễn Văn Thắng	14X3C	4,301,000
1790	109140258	109140258	Võ Chiến Thắng	14X3C	3,345,000
1791	109140259	109140259	Lê Đăng Thành	14X3C	1,502,000
1792	109140260	109140260	Lê Huỳnh Tiến Thành	14X3C	3,141,000
1793	109140262	109140262	Đỗ Văn Thọ	14X3C	3,960,000
1794	109140263	109140263	Trần Đăng Thuận	14X3C	1,843,000
1795	109140264	109140264	Hồ Văn Tiến	14X3C	1,843,000
1796	109140265	109140265	Trần Văn Tiến	14X3C	1,229,000
1797	109140267	109140267	Cao Thiên Trí	14X3C	2,376,000
1798	109140268	109140268	Huỳnh Xuân Trung	14X3C	1,912,000
1799	109140269	109140269	Lê Văn Trung	14X3C	3,551,000
1800	109140270	109140270	Bùi Anh Tuấn	14X3C	1,913,000
1801	109140271	109140271	Phạm Quốc Tuấn	14X3C	1,502,000
1802	109140272	109140272	Trương Ngọc Tuấn	14X3C	2,048,000
1803	109140273	109140273	Đinh Xuân Tý	14X3C	683,000
1804	109140274	109140274	Hoàng Văn út	14X3C	3,551,000
1805	109140277	109140277	Nguyễn Văn Vũ	14X3C	2,458,000
1806	109140278	109140278	Hoàng Thái Ý	14X3C	1,775,000
1807	109140279	109140279	Nguyễn Trường Tây	14X3C	3,482,000
1808	101150007	101150007	Trần Thanh Ân	15C1A	2,936,000
1809	101150008	101150008	Nguyễn Văn Anh	15C1A	2,458,000
1810	101150009	101150009	Nguyễn Hữu Cầu	15C1A	2,595,000
1811	101150010	101150010	Nguyễn Đình Chính	15C1A	2,390,000
1812	101150012	101150012	Nguyễn Mạnh Cường	15C1A	1,366,000
1813	101150013	101150013	Huỳnh Ngọc Diện	15C1A	2,049,000
1814	101150014	101150014	Nguyễn Đô	15C1A	4,369,000
1815	101150016	101150016	Phạm Quốc Tùng Dương	15C1A	3,277,000
1816	101150017	101150017	Nguyễn Đức Duy	15C1A	2,049,000
1817	101150018	101150018	Lý Gia Hân	15C1A	2,540,000
1818	101150019	101150019	Phạm Đình Hiếu	15C1A	2,813,000
1819	101150020	101150020	Đinh Như Thanh Hoàn	15C1A	2,185,000
1820	101150021	101150021	Phạm Văn Hoàng	15C1A	2,390,000
1821	101150023	101150023	Nguyễn Văn Hường	15C1A	3,072,000
1822	101150024	101150024	Nguyễn Phước Huy	15C1A	2,595,000
1823	101150026	101150026	Võ Văn Khang	15C1A	2,048,000
1824	101150028	101150028	Trần Thị Liên	15C1A	1,366,000
1825	101150029	101150029	Nguyễn Văn Linh	15C1A	2,868,000
1826	101150031	101150031	Trần Văn Lực	15C1A	2,049,000
1827	101150034	101150034	Nguyễn Sỹ Nam	15C1A	3,550,000
1828	101150035	101150035	Nguyễn Thế Ngà	15C1A	3,550,000
1829	101150036	101150036	Nguyễn Hữu Nhân	15C1A	1,366,000
1830	101150037	101150037	Nguyễn Như Nhất	15C1A	1,366,000
1831	101150038	101150038	Nguyễn Văn Ninh	15C1A	3,087,000
1832	101150040	101150040	Trần Hữu Phú	15C1A	1,672,500
1833	101150041	101150041	Trần Văn Phước	15C1A	3,072,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1834	101150042	101150042	Nguyễn Hữu Phương	15C1A	2,199,000
1835	101150043	101150043	Đỗ Hữu Quảng	15C1A	3,003,000
1836	101150046	101150046	Trần Văn Sỹ	15C1A	3,141,000
1837	101150048	101150048	Nguyễn Văn Thanh	15C1A	2,049,000
1838	101150049	101150049	Nguyễn Trọng Thiện	15C1A	3,004,000
1839	101150051	101150051	Trần Vĩnh Thuyên	15C1A	1,366,000
1840	101150052	101150052	Nguyễn Tấn Tiến	15C1A	2,540,000
1841	101150053	101150053	Nguyễn Văn Tình	15C1A	4,096,000
1842	101150054	101150054	Hoàng Trọng Toàn	15C1A	2,731,000
1843	101150056	101150056	Nguyễn Văn Viên	15C1A	2,745,000
1844	101150057	101150057	Trần Quốc Vũ	15C1A	3,072,000
1845	101150058	101150058	Nguyễn Thành Vương	15C1A	2,389,000
1846	101150201	101150201	Trương Anh Đài	15C1A	3,686,000
1847	101150251	101150251	Lê Như Hà	15C1A	2,458,000
1848	101150252	101150252	Trần Ngọc Thành	15C1A	2,459,000
1849	101150060	101150060	Hoàng Công Băng	15C1B	2,731,000
1850	101150062	101150062	Doãn Hữu Chung	15C1B	2,049,000
1851	101150063	101150063	Trần Hữu Cương	15C1B	3,141,000
1852	101150065	101150065	Nguyễn Văn Đức	15C1B	2,458,000
1853	101150067	101150067	Trần Bá Dương	15C1B	1,366,000
1854	101150069	101150069	Nguyễn Trường Hận	15C1B	2,458,000
1855	101150070	101150070	Nguyễn Kỳ Hiệp	15C1B	2,049,000
1856	101150071	101150071	Nguyễn Duy Hòa	15C1B	3,018,000
1857	101150072	101150072	Hồ Sỹ Hoàng	15C1B	1,366,000
1858	101150073	101150073	Phạm Văn Hội	15C1B	683,000
1859	101150075	101150075	Đỗ Thiên Huy	15C1B	2,594,000
1860	101150077	101150077	Ngô Đăng Huỳnh	15C1B	1,093,000
1861	101150078	101150078	Đặng Quang Khánh	15C1B	2,048,000
1862	101150080	101150080	Lê Văn Linh	15C1B	1,366,000
1863	101150081	101150081	Nguyễn Đức Lộc	15C1B	1,912,000
1864	101150082	101150082	Nguyễn Tiến Lưu	15C1B	3,891,000
1865	101150083	101150083	Đậu Xuân Mạnh	15C1B	410,000
1866	101150084	101150084	Trần Châu Hoài Nam	15C1B	1,229,000
1867	101150088	101150088	Bùi Anh Phống	15C1B	1,366,000
1868	101150089	101150089	Huỳnh Tấn Phúc	15C1B	1,366,000
1869	101150090	101150090	Hoàng Kim Phương	15C1B	4,506,000
1870	101150091	101150091	Phạm Văn Phương	15C1B	2,800,000
1871	101150093	101150093	Dương Vĩnh Quý	15C1B	2,595,000
1872	101150096	101150096	Nguyễn Văn Thắng	15C1B	4,575,000
1873	101150098	101150098	Trần Quốc Thiệu	15C1B	2,950,000
1874	101150100	101150100	Hồ Đăng Tiên	15C1B	3,824,000
1875	101150101	101150101	Trần Văn Tiến	15C1B	1,707,000
1876	101150102	101150102	Trần Đăng Tịnh	15C1B	1,366,000
1877	101150103	101150103	Trần Quốc Trung	15C1B	1,366,000
1878	101150105	101150105	Lê Tấn Việt	15C1B	1,638,000
1879	101150106	101150106	Ngô Văn Vủ	15C1B	2,676,000
1880	101150109	101150109	Trần Phúc Chiến	15C1C	2,595,000
1881	101150110	101150110	Nguyễn Văn Công	15C1C	2,867,000
1882	101150112	101150112	Nguyễn Văn Đến	15C1C	3,005,000
1883	101150113	101150113	Trần Minh Đức	15C1C	683,000
1884	101150114	101150114	Nguyễn Trung Dũng	15C1C	4,096,000
1885	101150115	101150115	Triệu Tấn Dương	15C1C	2,322,000
1886	101150116	101150116	Lê Thanh Hải	15C1C	3,072,000
1887	101150117	101150117	Hà Y Hảo	15C1C	1,366,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1888	101150118	101150118	Nguyễn Đình Hiếu	15C1C	1,776,000
1889	101150119	101150119	Hà Bửu Hoan	15C1C	1,912,000
1890	101150122	101150122	Nguyễn Xuân Hùng	15C1C	1,912,000
1891	101150123	101150123	Nguyễn Ngọc Huy	15C1C	1,366,000
1892	101150124	101150124	Phạm Quang Huy	15C1C	2,936,000
1893	101150126	101150126	Trịnh Thanh Lâm	15C1C	3,005,000
1894	101150127	101150127	Nguyễn Đình Linh	15C1C	2,390,000
1895	101150128	101150128	Nguyễn Thế Long	15C1C	1,366,000
1896	101150130	101150130	Nguyễn Đức Mạnh	15C1C	2,049,000
1897	101150131	101150131	Võ Công Nam	15C1C	4,096,000
1898	101150133	101150133	Trần Khánh Nhân	15C1C	1,366,000
1899	101150135	101150135	Hồ Quang Phong	15C1C	1,366,000
1900	101150136	101150136	Ngô Văn Phú	15C1C	410,000
1901	101150139	101150139	Lê Sỹ Quang	15C1C	3,686,000
1902	101150140	101150140	Nguyễn Quốc	15C1C	2,253,000
1903	101150141	101150141	Lương Văn Sơn	15C1C	3,414,000
1904	101150142	101150142	Nguyễn Ngọc Sỹ	15C1C	2,048,000
1905	101150143	101150143	Dương Văn Thái	15C1C	492,000
1906	101150144	101150144	Nguyễn Viết Thắng	15C1C	1,229,000
1907	101150145	101150145	Ngô Văn Thế	15C1C	2,322,000
1908	101150146	101150146	Nguyễn Gia Thịnh	15C1C	1,366,000
1909	101150149	101150149	Quách Văn Tín	15C1C	2,048,000
1910	101150151	101150151	Nguyễn Đắc Trường	15C1C	1,366,000
1911	101150152	101150152	Nguyễn Thanh Tùng	15C1C	1,366,000
1912	101150153	101150153	Trương Quang Vỉnh	15C1C	2,404,000
1913	101150154	101150154	Nguyễn Ngọc Vương	15C1C	1,366,000
1914	101150253	101150253	Nguyễn Văn Anh	15C1VA	3,482,000
1915	101150254	101150254	Phan Văn Đàn	15C1VA	2,902,000
1916	101150255	101150255	Nguyễn Tiến Đạt	15C1VA	2,219,000
1917	101150256	101150256	Trần Vĩnh Đức	15C1VA	2,902,000
1918	101150257	101150257	Hoàng Xuân Hòa	15C1VA	2,662,000
1919	101150258	101150258	Nguyễn Văn Mạnh	15C1VA	2,936,000
1920	101150260	101150260	Trần Huy Minh	15C1VA	2,424,000
1921	101150261	101150261	Trần Xuân Nam	15C1VA	3,073,000
1922	101150262	101150262	Trần Vĩnh Phong	15C1VA	2,902,000
1923	101150263	101150263	Nguyễn Hữu Phương	15C1VA	2,629,000
1924	101150264	101150264	Nguyễn Anh Tài	15C1VA	3,346,000
1925	101150265	101150265	Phạm Lê Thái Tài	15C1VA	3,277,000
1926	101150266	101150266	Nguyễn Tiến Thành	15C1VA	2,662,000
1927	101150267	101150267	Nguyễn Xuân Thọ	15C1VA	2,902,000
1928	101150268	101150268	Lương Thanh Trà	15C1VA	4,301,000
1929	101150269	101150269	Lê Thị Trang	15C1VA	3,141,000
1930	101150271	101150271	Trương Minh Hoàng Tuấn	15C1VA	3,072,000
1931	101150273	101150273	Võ Văn Vựng	15C1VA	2,902,000
1932	103150023	103150023	Huỳnh Quốc Bảo	15C4A	3,072,000
1933	103150025	103150025	Hoàng Trọng Bình	15C4A	819,000
1934	103150026	103150026	Nguyễn Đức Chính	15C4A	819,000
1935	103150028	103150028	Trần Quang Công	15C4A	1,639,000
1936	103150029	103150029	Lê Văn Cường	15C4A	819,000
1937	103150030	103150030	Nguyễn Tấn Đạt	15C4A	3,072,000
1938	103150031	103150031	Hồ Quốc Đoàn	15C4A	2,048,000
1939	103150032	103150032	Lê Văn Đức	15C4A	3,686,000
1940	103150033	103150033	Nguyễn Văn Đức	15C4A	1,776,000
1941	103150034	103150034	Trần Quang Đức	15C4A	3,141,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1942	103150035	103150035	Nguyễn Văn Dương	15C4A	3,960,000
1943	103150036	103150036	Nguyễn Như Hải	15C4A	1,331,000
1944	103150037	103150037	Phạm Hưng Hải	15C4A	819,000
1945	103150038	103150038	Hồ Trọng Hiếu	15C4A	3,141,000
1946	103150039	103150039	Tô Ngọc Hiếu	15C4A	819,000
1947	103150040	103150040	Nguyễn Hòa	15C4A	1,912,000
1948	103150041	103150041	Nguyễn Hoàng	15C4A	1,687,000
1949	103150043	103150043	Phan Quang Hùng	15C4A	2,458,000
1950	103150044	103150044	Lê Đức Hưng	15C4A	4,301,000
1951	103150045	103150045	Phạm Quang Hướng	15C4A	1,639,000
1952	103150046	103150046	Cao Trung Huy	15C4A	3,072,000
1953	103150047	103150047	Tán Nguyên Huy	15C4A	2,048,000
1954	103150048	103150048	Phan Văn Huyến	15C4A	410,000
1955	103150049	103150049	Đào Duy Khánh	15C4A	2,867,000
1956	103150052	103150052	Lê Quang Hoàng Kiệt	15C4A	1,502,000
1957	103150054	103150054	Nguyễn Hữu Lãm	15C4A	3,174,000
1958	103150055	103150055	Lê Sỹ Linh	15C4A	2,131,000
1959	103150059	103150059	Nguyễn Bá Nam	15C4A	1,297,000
1960	103150060	103150060	Võ Hà Nam	15C4A	2,253,000
1961	103150061	103150061	Nguyễn Văn Nghĩa	15C4A	3,277,000
1962	103150062	103150062	Phạm Phúc Nhật	15C4A	819,000
1963	103150065	103150065	Lê Thanh Phong	15C4A	1,229,000
1964	103150066	103150066	Vũ Duy Phong	15C4A	1,639,000
1965	103150069	103150069	Nguyễn Văn Quốc	15C4A	4,609,000
1966	103150070	103150070	Văn Quốc	15C4A	819,000
1967	103150071	103150071	Nguyễn Thế Quyền	15C4A	819,000
1968	103150073	103150073	Nguyễn Đình Sa	15C4A	2,458,000
1969	103150074	103150074	Nguyễn Đăng Quốc Sử	15C4A	1,707,000
1970	103150075	103150075	Võ Văn Sỹ	15C4A	819,000
1971	103150076	103150076	Ngô Văn Tâm	15C4A	2,048,000
1972	103150077	103150077	Bùi Văn Thắng	15C4A	2,048,000
1973	103150078	103150078	Trương Ngọc Thắng	15C4A	1,843,000
1974	103150079	103150079	Nguyễn Xuân Thanh	15C4A	1,721,000
1975	103150081	103150081	Huỳnh Văn Thạnh	15C4A	1,721,000
1976	103150082	103150082	Đào Văn Thiên	15C4A	3,003,000
1977	103150084	103150084	Nguyễn Xuân Thịnh	15C4A	2,867,000
1978	103150088	103150088	Ngô Thành Tín	15C4A	2,048,000
1979	103150089	103150089	Hồ Minh Tính	15C4A	1,639,000
1980	103150090	103150090	Đặng Mậu Toàn	15C4A	3,345,000
1981	103150091	103150091	Võ Văn Trực	15C4A	3,141,000
1982	103150093	103150093	Nguyễn Hồ Quang Tú	15C4A	2,048,000
1983	103150094	103150094	Nguyễn Anh Tuấn	15C4A	2,526,000
1984	103150095	103150095	Lê Kim Tường	15C4A	1,639,000
1985	103150096	103150096	Phạm Ngọc Viễn	15C4A	3,087,000
1986	103150098	103150098	Nguyễn Tiến Vũ	15C4A	4,506,000
1987	103150099	103150099	Tăng Thanh Vũ	15C4A	2,458,000
1988	103150101	103150101	Lê Văn Bảo	15C4B	2,390,000
1989	103150102	103150102	Giao Thắng Bình	15C4B	1,366,000
1990	103150103	103150103	Kiều Đình Chính	15C4B	3,550,000
1991	103150104	103150104	Hoàng Ngọc Công	15C4B	2,936,000
1992	103150106	103150106	Nguyễn Quang Cư	15C4B	819,000
1993	103150107	103150107	Nguyễn Đình Đạt	15C4B	2,595,000
1994	103150108	103150108	Phạm Quang Đạt	15C4B	2,458,000
1995	103150112	103150112	Lê Minh Dũng	15C4B	2,868,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
1996	103150114	103150114	Nguyễn Văn Hải	15C4B	2,390,000
1997	103150115	103150115	Đặng Công Hiếu	15C4B	683,000
1998	103150116	103150116	Nguyễn Minh Hiếu	15C4B	1,093,000
1999	103150117	103150117	Trần Văn Hiếu	15C4B	683,000
2000	103150118	103150118	Trần Văn Hoàn	15C4B	2,560,000
2001	103150120	103150120	Đỗ Huy Hùng	15C4B	1,707,000
2002	103150121	103150121	Nguyễn Viết Hùng	15C4B	2,390,000
2003	103150123	103150123	Nguyễn Đình Hữu	15C4B	683,000
2004	103150124	103150124	Lê Quốc Huy	15C4B	819,000
2005	103150125	103150125	Võ Đình Huy	15C4B	1,024,000
2006	103150126	103150126	Nguyễn Ngọc Huynh	15C4B	683,000
2007	103150127	103150127	Phạm Trọng Khánh	15C4B	1,776,000
2008	103150128	103150128	Phan Duy Khôi	15C4B	1,366,000
2009	103150132	103150132	Bùi Khắc Lập	15C4B	1,536,000
2010	103150133	103150133	Đặng Quang Long	15C4B	683,000
2011	103150135	103150135	Hồ Văn Mẫn	15C4B	2,662,000
2012	103150136	103150136	Hoàng Văn Minh	15C4B	3,277,000
2013	103150137	103150137	Lê Viết Nam	15C4B	2,732,000
2014	103150141	103150141	Trần Văn Nhật	15C4B	1,366,000
2015	103150142	103150142	Nguyễn Quý Phi	15C4B	683,000
2016	103150143	103150143	Chu Văn Phong	15C4B	4,232,000
2017	103150144	103150144	Trương Đình Phong	15C4B	3,208,000
2018	103150145	103150145	Phạm Hoàn Phúc	15C4B	3,005,000
2019	103150146	103150146	Phan Rô Píp	15C4B	1,912,000
2020	103150147	103150147	Trương Hồng Quang	15C4B	3,618,000
2021	103150148	103150148	Nguyễn Phú Quốc	15C4B	2,662,000
2022	103150149	103150149	Lê Viết Quyền	15C4B	1,229,000
2023	103150150	103150150	Nguyễn Văn Quyền	15C4B	1,366,000
2024	103150153	103150153	Phan Văn Sỹ	15C4B	2,049,000
2025	103150155	103150155	Trần Hữu Gia Thái	15C4B	2,882,000
2026	103150157	103150157	Nguyễn Văn Thanh	15C4B	1,366,000
2027	103150158	103150158	Nguyễn Văn Thành	15C4B	2,049,000
2028	103150159	103150159	Trần Văn Thành	15C4B	1,502,000
2029	103150160	103150160	Võ Lê Duy Thảo	15C4B	3,277,000
2030	103150161	103150161	Trần Đình Thiện	15C4B	1,366,000
2031	103150162	103150162	Nguyễn Trần Lộc Thịnh	15C4B	3,209,000
2032	103150163	103150163	Biện Văn Thọ	15C4B	1,366,000
2033	103150164	103150164	Nguyễn Đức Thuận	15C4B	1,776,000
2034	103150165	103150165	Hoàng Văn Thủy	15C4B	1,366,000
2035	103150166	103150166	Lê Trung Tín	15C4B	1,707,000
2036	103150167	103150167	Nguyễn Văn Tín	15C4B	683,000
2037	103150168	103150168	Lê Hữu Tính	15C4B	1,707,000
2038	103150169	103150169	Trần Văn Trọng	15C4B	4,301,000
2039	103150170	103150170	Lê Hồng Trung	15C4B	1,912,000
2040	103150171	103150171	Hồ Ngọc Tú	15C4B	3,686,000
2041	103150172	103150172	Văn Viết Tư	15C4B	683,000
2042	103150173	103150173	Tạ Đình Tuấn	15C4B	1,366,000
2043	103150174	103150174	Nguyễn Kiên Vĩ	15C4B	1,297,000
2044	103150177	103150177	Phạm Huy Vũ	15C4B	2,390,000
2045	103150237	103150237	Huỳnh Thái Danh	15C4VA	2,424,000
2046	103150239	103150239	Phạm Tùng Dương	15C4VA	2,800,000
2047	103150240	103150240	Đậu Đình Đức	15C4VA	3,824,000
2048	103150241	103150241	Phạm Huỳnh Đức	15C4VA	2,697,000
2049	103150242	103150242	Nguyễn Đình Hải	15C4VA	3,141,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2050	103150244	103150244	Lê Doãn Hòa	15C4VA	2,936,000
2051	103150245	103150245	Lê Văn Hùng	15C4VA	2,936,000
2052	103150247	103150247	Vương Khánh Nhật	15C4VA	2,322,000
2053	103150248	103150248	Nguyễn Văn Phúc	15C4VA	2,526,000
2054	103150249	103150249	Bùi Quốc Quang	15C4VA	2,936,000
2055	103150250	103150250	Đoàn Sỹ Sơn	15C4VA	3,072,000
2056	103150251	103150251	Trần Văn Sơn	15C4VA	3,755,000
2057	103150253	103150253	Ngô Đức Thọ	15C4VA	2,526,000
2058	103150254	103150254	Lê Quý Trọng	15C4VA	3,141,000
2059	103150255	103150255	Nguyễn Văn Trung	15C4VA	3,141,000
2060	103150257	103150257	Thiều Đình Văn	15C4VA	3,277,000
2061	103150261	103150261	Trần Sỹ Vũ	15C4VA	3,277,000
2062	101150155	101150155	Trần Văn An	15CDT1	410,000
2063	101150156	101150156	Bùi Công Bảo	15CDT1	1,024,000
2064	101150157	101150157	Lê Nhất Cảnh	15CDT1	683,000
2065	101150158	101150158	Phạm Hữu Cường	15CDT1	3,769,000
2066	101150159	101150159	Nguyễn Đình Danh	15CDT1	1,175,000
2067	101150160	101150160	Trần Văn Đổ	15CDT1	683,000
2068	101150162	101150162	Trần Viết Duy	15CDT1	1,858,000
2069	101150163	101150163	Tôn Thất Giỏi	15CDT1	1,175,000
2070	101150164	101150164	Nguyễn Hữu Hân	15CDT1	902,000
2071	101150165	101150165	Võ Văn Hoàng Hiệp	15CDT1	2,526,000
2072	101150166	101150166	Huỳnh Xuân Hoàng	15CDT1	1,434,000
2073	101150169	101150169	Bùi Trung Huy	15CDT1	902,000
2074	101150171	101150171	Lâm Gia Linh	15CDT1	1,502,000
2075	101150172	101150172	Hồ Hoàng Long	15CDT1	1,912,000
2076	101150174	101150174	Huỳnh Minh Lựu	15CDT1	410,000
2077	101150177	101150177	Lương Thế Phi	15CDT1	492,000
2078	101150180	101150180	Hồ Văn Phước	15CDT1	1,366,000
2079	101150181	101150181	Phan Minh Quang	15CDT1	1,858,000
2080	101150182	101150182	Mai Hồng Sơn	15CDT1	2,389,000
2081	101150185	101150185	Lê Thanh Thảo	15CDT1	1,024,000
2082	101150189	101150189	Nguyễn Văn Tỉnh	15CDT1	2,185,000
2083	101150191	101150191	Hồ Công Triệu	15CDT1	492,000
2084	101150195	101150195	Phù Văn Anh Tuấn	15CDT1	3,686,000
2085	101150197	101150197	Lê Tấn Vinh	15CDT1	2,185,000
2086	101150198	101150198	Phan Xuân Bằng	15CDT2	1,366,000
2087	101150199	101150199	Nguyễn Hữu Bảo	15CDT2	1,093,000
2088	101150202	101150202	Nguyễn Xuân Định	15CDT2	1,093,000
2089	101150204	101150204	Nguyễn Thành Duy	15CDT2	1,366,000
2090	101150207	101150207	Phan Hoằng Hảo	15CDT2	2,594,000
2091	101150209	101150209	Lương Văn Hoàng	15CDT2	410,000
2092	101150210	101150210	Đỗ Tấn Hùng	15CDT2	1,707,000
2093	101150212	101150212	Huỳnh Tấn Huy	15CDT2	1,366,000
2094	101150213	101150213	Lê Văn Lân	15CDT2	2,663,000
2095	101150214	101150214	Trần Ngọc Linh	15CDT2	3,414,000
2096	101150215	101150215	Trương Ngọc Lộc	15CDT2	1,638,000
2097	101150216	101150216	Nguyễn Hoàng Long	15CDT2	1,366,000
2098	101150217	101150217	Chế Thanh Luận	15CDT2	1,638,000
2099	101150218	101150218	Nguyễn Thành Mẫn	15CDT2	2,321,000
2100	101150219	101150219	Bùi Văn Nam	15CDT2	1,707,000
2101	101150220	101150220	Nguyễn Ngọc Nhật	15CDT2	1,858,000
2102	101150221	101150221	Nguyễn Thanh Phong	15CDT2	1,366,000
2103	101150223	101150223	Nguyễn Tấn Phúc	15CDT2	2,048,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2104	101150224	101150224	Phan Bá Quang	15CDT2	1,229,000
2105	101150225	101150225	Trần Ngọc Quốc	15CDT2	1,639,000
2106	101150226	101150226	Phan Văn Sơn	15CDT2	1,024,000
2107	101150227	101150227	Nguyễn Đình Tài	15CDT2	3,072,000
2108	101150228	101150228	Trần Hiếu Thắng	15CDT2	1,912,000
2109	101150229	101150229	Lê Đức Thịnh	15CDT2	1,229,000
2110	101150230	101150230	Ngô Văn Tiên	15CDT2	683,000
2111	101150231	101150231	Dương Huy Tiệp	15CDT2	2,950,000
2112	101150235	101150235	Lê Nhật Trường	15CDT2	1,366,000
2113	101150236	101150236	Trương Công Tư	15CDT2	1,366,000
2114	101150237	101150237	Hà Xuân Tuấn	15CDT2	1,366,000
2115	101150238	101150238	Lê Văn Tuấn	15CDT2	1,707,000
2116	101150239	101150239	Nguyễn Văn Tuấn	15CDT2	683,000
2117	101150241	101150241	Huỳnh Đức Quang Vinh	15CDT2	1,366,000
2118	101150242	101150242	Dương Tấn Vũ	15CDT2	1,502,000
2119	105150392	105150392	Dương Ngọc Ánh	15D_KTum	1,502,000
2120	105150393	105150393	Nguyễn Quốc Bảo	15D_KTum	2,049,000
2121	105150394	105150394	Lê Trường Chỉnh	15D_KTum	1,502,000
2122	105150395	105150395	Nguyễn Huy Thế Chung	15D_KTum	1,366,000
2123	105150396	105150396	Trần Đình Quốc Cường	15D_KTum	2,868,000
2124	105150398	105150398	Đinh Tiên Đạt	15D_KTum	2,321,000
2125	105150400	105150400	Huỳnh Văn Liên Hiệp	15D_KTum	819,000
2126	105150402	105150402	Lê Ngọc Hơn	15D_KTum	2,457,000
2127	105150404	105150404	Lê Ngọc Lai	15D_KTum	819,000
2128	105150405	105150405	Phạm Quang Lãm	15D_KTum	2,526,000
2129	105150406	105150406	Nguyễn Thái Phan	15D_KTum	3,550,000
2130	105150409	105150409	Dương Văn Thuận	15D_KTum	2,595,000
2131	105150410	105150410	Đặng Văn Thức	15D_KTum	1,366,000
2132	105150411	105150411	Nguyễn Quang Trung	15D_KTum	819,000
2133	105150412	105150412	Lê Minh Trường	15D_KTum	1,502,000
2134	105150413	105150413	Trần Lê Văn	15D_KTum	1,502,000
2135	105150415	105150415	La Thanh Việt	15D_KTum	1,502,000
2136	105150416	105150416	Trần Phước Vũ	15D_KTum	1,502,000
2137	105150014	105150014	Nguyễn Tuấn Anh	15D1	2,048,000
2138	105150015	105150015	Chế Viết Bình	15D1	2,049,000
2139	105150016	105150016	Nguyễn Hữu Cao	15D1	819,000
2140	105150017	105150017	Nguyễn Cảnh Công	15D1	2,867,000
2141	105150018	105150018	Trần Văn Cường	15D1	2,594,000
2142	105150020	105150020	Hàng Quốc Đạt	15D1	2,662,000
2143	105150021	105150021	Nguyễn Thành Đạt	15D1	2,321,000
2144	105150022	105150022	Trương Văn Đạt	15D1	2,048,000
2145	105150023	105150023	Lê Văn Duẩn	15D1	1,687,000
2146	105150024	105150024	Trương Đình Minh Đức	15D1	1,707,000
2147	105150025	105150025	Nguyễn Hà Duy	15D1	819,000
2148	105150026	105150026	Nguyễn Văn Hào	15D1	2,950,000
2149	105150028	105150028	Võ Minh Hiếu	15D1	1,707,000
2150	105150029	105150029	Bùi Việt Hoài	15D1	341,000
2151	105150031	105150031	Ngô Đình Hội	15D1	1,502,000
2152	105150032	105150032	Phạm Ngọc Hưng	15D1	2,048,000
2153	105150034	105150034	Ksor Hwin	15D1	2,867,000
2154	105150036	105150036	Hồ Quyền Linh	15D1	3,072,000
2155	105150037	105150037	Hoàng Văn Long	15D1	2,540,000
2156	105150039	105150039	Lê Phước Lực	15D1	1,878,000
2157	105150041	105150041	Nguyễn Hữu Mạnh	15D1	3,072,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2158	105150042	105150042	Phan Ngọc Minh	15D1	683,000
2159	105150044	105150044	Trần Giang Nam	15D1	1,638,000
2160	105150045	105150045	Huỳnh Văn Ngộ	15D1	2,049,000
2161	105150046	105150046	Nguyễn Văn Nin	15D1	1,502,000
2162	105150048	105150048	Hà Thúc Phúc	15D1	3,550,000
2163	105150049	105150049	Thân Vĩnh Phúc	15D1	1,311,000
2164	105150050	105150050	Phan Phương	15D1	3,686,000
2165	105150051	105150051	Lê Công Quang	15D1	1,365,000
2166	105150052	105150052	Hoàng Văn Quốc	15D1	2,321,000
2167	105150053	105150053	Lê Tấn Sang	15D1	1,065,000
2168	105150055	105150055	Lưu Văn Tài	15D1	2,390,000
2169	105150057	105150057	Nguyễn Văn Nhật Tân	15D1	1,638,000
2170	105150058	105150058	Dương Triệu Thái	15D1	1,502,000
2171	105150060	105150060	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15D1	1,229,000
2172	105150061	105150061	Trần Văn Thiên	15D1	2,048,000
2173	105150063	105150063	Huỳnh Văn Thông	15D1	2,662,000
2174	105150065	105150065	Trần Tiến	15D1	1,502,000
2175	105150067	105150067	Nguyễn Quốc Trung	15D1	2,458,000
2176	105150069	105150069	Nguyễn Lê Nhật Tùng	15D1	1,912,000
2177	105150070	105150070	Đặng Phúc Tường	15D1	1,502,000
2178	105150071	105150071	Nguyễn Ngọc Võ	15D1	3,277,000
2179	105150072	105150072	Phan Quốc Vũ	15D1	819,000
2180	105150074	105150074	Lê Văn Anh	15D2	4,301,000
2181	105150075	105150075	Trần Quang Ánh	15D2	1,953,000
2182	105150077	105150077	Trần Văn Chiến	15D2	2,048,000
2183	105150079	105150079	Đào Ngọc Đại	15D2	1,707,000
2184	105150085	105150085	Đặng Đình Dương	15D2	2,390,000
2185	105150086	105150086	Phan Văn Giang	15D2	3,686,000
2186	105150088	105150088	Hồ Bá Hiếu	15D2	3,277,000
2187	105150092	105150092	Trần Tấn Hội	15D2	3,276,000
2188	105150093	105150093	Hoàng Trọng Quốc Huy	15D2	2,458,000
2189	105150095	105150095	Trần Anh Khoa	15D2	1,912,000
2190	105150096	105150096	Nguyễn Văn Linh	15D2	3,208,000
2191	105150098	105150098	Lê Tiến Lực	15D2	1,024,000
2192	105150100	105150100	Hà Quang Minh	15D2	2,048,000
2193	105150101	105150101	Trương Công Minh	15D2	1,912,000
2194	105150102	105150102	Trần Bá Nam	15D2	1,707,000
2195	105150105	105150105	Trần Xuân Ninh	15D2	2,458,000
2196	105150106	105150106	Huỳnh Tấn Phúc	15D2	1,024,000
2197	105150111	105150111	Hứa Minh Sơn	15D2	3,277,000
2198	105150112	105150112	Nguyễn Tài	15D2	4,233,000
2199	105150113	105150113	Nguyễn Minh Tân	15D2	4,997,000
2200	105150114	105150114	Hồ Xuân Tấn	15D2	3,277,000
2201	105150115	105150115	Lê Hữu Thắng	15D2	2,048,000
2202	105150116	105150116	Đậu Đức Thành	15D2	2,867,000
2203	105150117	105150117	Trương Thành Thất	15D2	2,642,000
2204	105150118	105150118	Đoàn Kim Thiện	15D2	2,867,000
2205	105150119	105150119	Lê Đức Thuận	15D2	1,024,000
2206	105150120	105150120	Huỳnh Thị Thủy Tiên	15D2	3,481,000
2207	105150121	105150121	Lê Đình Toàn	15D2	1,721,000
2208	105150122	105150122	Vũ Ngọc Trịnh	15D2	3,291,000
2209	105150123	105150123	Lê Vũ Trường	15D2	1,638,000
2210	105150124	105150124	Lê Thanh Tuấn	15D2	4,505,000
2211	105150125	105150125	Nguyễn Song Tùng	15D2	3,277,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2212	105150127	105150127	Hoàng Văn Vũ	15D2	2,867,000
2213	105150130	105150130	Nguyễn Sĩ Tuấn Anh	15D3	1,843,000
2214	105150131	105150131	Hoàng Công Bảo	15D3	2,048,000
2215	105150132	105150132	Lê Văn Cảm	15D3	1,638,000
2216	105150135	105150135	Đào Hữu Đan	15D3	2,731,000
2217	105150137	105150137	Nguyễn Đình Đạt	15D3	3,277,000
2218	105150139	105150139	Nguyễn Hữu Duẫn	15D3	2,048,000
2219	105150143	105150143	Nguyễn Thị Hiền	15D3	1,707,000
2220	105150146	105150146	Phạm Minh Hoàng	15D3	2,048,000
2221	105150147	105150147	Lê Văn Hùng	15D3	2,457,000
2222	105150148	105150148	Hoàng Văn Huy	15D3	3,687,000
2223	105150149	105150149	Nguyễn Đinh Kha	15D3	1,024,000
2224	105150150	105150150	Huỳnh Võ Tuấn Kiệt	15D3	2,704,000
2225	105150152	105150152	Nguyễn Đình Luân	15D3	2,867,000
2226	105150153	105150153	Trần Anh Luật	15D3	2,048,000
2227	105150154	105150154	Ngô Văn Lượng	15D3	2,867,000
2228	105150155	105150155	Nguyễn Tấn Mẫn	15D3	2,677,000
2229	105150157	105150157	Trịnh Ngọc Mong	15D3	3,038,000
2230	105150158	105150158	Trần Đăng Nam	15D3	2,526,000
2231	105150159	105150159	Lê Văn Nghĩa	15D3	2,731,000
2232	105150160	105150160	Đỗ Nhân	15D3	2,867,000
2233	105150163	105150163	Nguyễn Hoài Phương	15D3	4,027,000
2234	105150165	105150165	Bùi Phước Quốc	15D3	2,253,000
2235	105150166	105150166	Hồ Đắc Quang Sang	15D3	2,731,000
2236	105150168	105150168	Nguyễn Văn Tân	15D3	2,595,000
2237	105150170	105150170	Nguyễn Hữu Thắng	15D3	2,867,000
2238	105150172	105150172	Lê Xuân Thiên	15D3	2,253,000
2239	105150173	105150173	Trần Thanh Thiện	15D3	1,229,000
2240	105150174	105150174	Bùi Văn Thượng	15D3	819,000
2241	105150176	105150176	Đặng Đại Trí	15D3	2,048,000
2242	105150177	105150177	Hồ Sỹ Trung	15D3	1,673,000
2243	105150178	105150178	Nguyễn Tuấn	15D3	2,936,000
2244	105150179	105150179	Trần Hữu Hoàng Tùng	15D3	4,096,000
2245	105150182	105150182	Hoàng Quốc Anh	15DCLC	1,311,000
2246	105150183	105150183	Nguyễn Đức Anh	15DCLC	1,229,000
2247	105150184	105150184	Nguyễn Thiện Pháp Anh	15DCLC	819,000
2248	105150186	105150186	Hồ Quốc Bảo	15DCLC	2,048,000
2249	105150187	105150187	Phan Lê Minh Châu	15DCLC	3,686,000
2250	105150188	105150188	Đặng Quốc Cường	15DCLC	1,638,000
2251	105150190	105150190	Phan Khánh Dương	15DCLC	2,048,000
2252	105150192	105150192	Hồ Nhật Hiếu	15DCLC	2,458,000
2253	105150193	105150193	Bùi Tá Hòa	15DCLC	2,867,000
2254	105150195	105150195	Trần Hữu Nhật Hoàng	15DCLC	2,867,000
2255	105150200	105150200	Võ Đình Huy	15DCLC	2,867,000
2256	105150201	105150201	Thân Ngọc Khánh Huyền	15DCLC	2,048,000
2257	105150202	105150202	Nguyễn Trường Nam Khánh	15DCLC	819,000
2258	105150203	105150203	Nguyễn Văn Khánh	15DCLC	2,457,000
2259	105150205	105150205	Nguyễn Trung Kiên	15DCLC	2,048,000
2260	105150206	105150206	Hoàng Nhật Linh	15DCLC	2,048,000
2261	105150209	105150209	Trương Huệ Minh	15DCLC	2,048,000
2262	105150211	105150211	Hồ Bảo Nguyên	15DCLC	2,048,000
2263	105150212	105150212	Phạm Đức Thành Nhân	15DCLC	819,000
2264	105150213	105150213	Trần Văn Nhựt	15DCLC	2,867,000
2265	105150215	105150215	Châu Tấn Phong	15DCLC	2,048,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2266	105150216	105150216	Thái Đình Minh Phú	15DCLC	819,000
2267	105150217	105150217	Đặng Minh Phụng	15DCLC	1,638,000
2268	105150219	105150219	Trương Minh Quang	15DCLC	2,048,000
2269	105150222	105150222	Phan Phước Thành	15DCLC	2,458,000
2270	105150223	105150223	Đặng Công Thiện	15DCLC	2,048,000
2271	105150227	105150227	Nguyễn Đình Vỹ	15DCLC	1,311,000
2272	106150002	106150002	Hồ Văn Á	15DT1	492,000
2273	106150004	106150004	Nguyễn Nguyên Bảo	15DT1	3,032,000
2274	106150005	106150005	Trương Thái Bảo	15DT1	683,000
2275	106150006	106150006	Phan Ngọc Bình	15DT1	819,000
2276	106150007	106150007	Hoàng Văn Cường	15DT1	1,912,000
2277	106150008	106150008	Trần Quang Đại	15DT1	2,540,000
2278	106150009	106150009	Trương Quang Du	15DT1	1,912,000
2279	106150010	106150010	Nguyễn Minh Đức	15DT1	984,000
2280	106150011	106150011	Huỳnh Tấn Dũng	15DT1	853,000
2281	106150012	106150012	Trần Quang Dũng	15DT1	2,048,000
2282	106150014	106150014	Đỗ Thành Nhật Duy	15DT1	1,476,000
2283	106150015	106150015	Nguyễn Đình Hà	15DT1	2,936,000
2284	106150017	106150017	Huỳnh Viết Vũ Hảo	15DT1	3,837,000
2285	106150018	106150018	Đoàn Quang Hiển	15DT1	3,169,000
2286	106150023	106150023	Lê Việt Hùng	15DT1	1,365,000
2287	106150026	106150026	Nguyễn Ngọc Hướng	15DT1	1,516,000
2288	106150028	106150028	Nguyễn Hoàng Huy	15DT1	1,516,000
2289	106150031	106150031	Nguyễn Hoàng Lâm	15DT1	1,652,000
2290	106150032	106150032	Mai Đăng Lĩnh	15DT1	1,175,000
2291	106150033	106150033	Lê Phan Tấn Lộc	15DT1	1,175,000
2292	106150034	106150034	Đặng Ngọc Long	15DT1	683,000
2293	106150037	106150037	Ngô Nhật Minh	15DT1	683,000
2294	106150040	106150040	Nguyễn Ngọc Y Nguyên	15DT1	4,096,000
2295	106150041	106150041	Nguyễn Anh Nhàn	15DT1	1,912,000
2296	106150043	106150043	Hoàng Minh Nhựt	15DT1	3,414,000
2297	106150044	106150044	Đào Trọng Duy Phong	15DT1	1,175,000
2298	106150045	106150045	Nguyễn Hoàng Phúc	15DT1	683,000
2299	106150047	106150047	Nguyễn Chơn Quân	15DT1	1,707,000
2300	106150048	106150048	Nguyễn Trường Quân	15DT1	853,000
2301	106150049	106150049	Thủy Anh Quốc	15DT1	1,707,000
2302	106150051	106150051	Nguyễn Lâm Tiến Sơn	15DT1	1,857,000
2303	106150052	106150052	Bùi Thị Tuyết Sương	15DT1	2,048,000
2304	106150056	106150056	Hỷ Phước Thành	15DT1	683,000
2305	106150057	106150057	Nguyễn Quốc Thành	15DT1	1,502,000
2306	106150058	106150058	Nguyễn Đức Thiện	15DT1	853,000
2307	106150059	106150059	Nguyễn Khánh Thịnh	15DT1	1,174,000
2308	106150060	106150060	Phan Văn Thịnh	15DT1	1,707,000
2309	106150062	106150062	Nguyễn Thị Hoài Thuyên Thuyên	15DT1	1,721,000
2310	106150063	106150063	Hoàng Bá Tiến	15DT1	2,594,000
2311	106150064	106150064	Nguyễn Đình Tiến	15DT1	1,843,000
2312	106150067	106150067	Lê Phú Triều	15DT1	683,000
2313	106150069	106150069	Lê Tiến Trường	15DT1	2,486,000
2314	106150072	106150072	Huỳnh Anh Tuấn	15DT1	2,295,000
2315	106150074	106150074	Nguyễn Thế Anh Tuấn	15DT1	492,000
2316	106150075	106150075	Trà Văn Minh Tuấn	15DT1	853,000
2317	106150078	106150078	Nguyễn Thị Long Uyên	15DT1	819,000
2318	106150079	106150079	Trần Thanh Việt	15DT1	1,843,000
2319	106150241	106150241	Trần Phước Khánh	15DT1	819,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2320	106150081	106150081	Nguyễn Quốc Anh	15DT2	683,000
2321	106150083	106150083	Văn Phú Bảo	15DT2	2,867,000
2322	106150086	106150086	Lê Quốc Cường	15DT2	2,731,000
2323	106150087	106150087	Trần Ngọc Đảm	15DT2	2,457,000
2324	106150088	106150088	Hồ Văn Duẫn	15DT2	1,502,000
2325	106150089	106150089	Thái Hồng Đức	15DT2	2,048,000
2326	106150093	106150093	Trần Anh Duy	15DT2	2,540,000
2327	106150096	106150096	Nguyễn Kim Hảo	15DT2	683,000
2328	106150097	106150097	Lương Phú Hiệp	15DT2	1,229,000
2329	106150098	106150098	Nguyễn Khoa Hoài	15DT2	1,912,000
2330	106150101	106150101	Nguyễn Tấn Huân	15DT2	4,096,000
2331	106150102	106150102	Tôn Sỹ Hùng	15DT2	2,048,000
2332	106150104	106150104	Nguyễn Thị Hường	15DT2	2,404,000
2333	106150106	106150106	Nguyễn Phước Lương Huy	15DT2	2,867,000
2334	106150108	106150108	Nguyễn Duy Khánh	15DT2	2,867,000
2335	106150111	106150111	Hồ Thanh Linh	15DT2	1,707,000
2336	106150112	106150112	Lê Văn Lơ	15DT2	853,000
2337	106150113	106150113	Nguyễn Phú Lộc	15DT2	3,734,000
2338	106150114	106150114	Nguyễn Thành Long	15DT2	683,000
2339	106150116	106150116	Hoàng Nghĩa Mạnh	15DT2	2,404,000
2340	106150117	106150117	Nguyễn Ngọc Nam	15DT2	3,524,000
2341	106150119	106150119	Trần Hữu Nghĩa	15DT2	3,359,000
2342	106150120	106150120	Hoàng Thanh Nhã	15DT2	683,000
2343	106150122	106150122	Trương Văn Nhân	15DT2	2,295,000
2344	106150123	106150123	Huỳnh Đăng Phát	15DT2	3,223,000
2345	106150124	106150124	Nguyễn Hữu Nam Phong	15DT2	3,686,000
2346	106150125	106150125	Nguyễn Phi Hoàng Phúc	15DT2	1,994,000
2347	106150126	106150126	Đỗ Minh Phương	15DT2	2,213,000
2348	106150128	106150128	Nguyễn Ngọc Quang	15DT2	2,082,000
2349	106150129	106150129	Phạm Quý	15DT2	1,912,000
2350	106150130	106150130	Nguyễn Sang	15DT2	1,516,000
2351	106150131	106150131	Ông Nguyễn Phước Sơn	15DT2	683,000
2352	106150132	106150132	Lê Ngọc Tài	15DT2	1,366,000
2353	106150133	106150133	Phan Hữu Tài	15DT2	2,595,000
2354	106150134	106150134	Nguyễn Khánh Thiện Tâm	15DT2	1,912,000
2355	106150137	106150137	Lê Phước Thành	15DT2	2,404,000
2356	106150138	106150138	Lưu Văn Thạnh	15DT2	1,024,000
2357	106150139	106150139	Nguyễn Quang Thịnh	15DT2	1,175,000
2358	106150140	106150140	Thái Văn Thịnh	15DT2	853,000
2359	106150148	106150148	Phạm Anh Tú	15DT2	2,048,000
2360	106150149	106150149	Ngô Hữu Tuấn	15DT2	3,223,000
2361	106150150	106150150	Nguyễn Quốc Tuấn	15DT2	2,799,000
2362	106150151	106150151	Trần Quốc Tuấn	15DT2	2,048,000
2363	106150152	106150152	Lê Văn Tường	15DT2	492,000
2364	106150154	106150154	Mai Thế Vinh	15DT2	2,389,500
2365	106150156	106150156	Nguyễn Công Bằng	15DT3	3,277,000
2366	106150157	106150157	Trương Quang Bảo	15DT3	683,000
2367	106150160	106150160	Trần Thế Đầu	15DT3	2,662,000
2368	106150161	106150161	Lê Hoài Đức	15DT3	1,667,000
2369	106150163	106150163	Nguyễn Văn Dũng	15DT3	2,048,000
2370	106150164	106150164	Trương Thanh Dũng	15DT3	2,662,000
2371	106150165	106150165	Võ Thái Dương	15DT3	683,000
2372	106150166	106150166	Lê Tiến Duyệt	15DT3	3,277,000
2373	106150167	106150167	Đỗ Minh Hải	15DT3	853,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2374	106150168	106150168	Võ Quốc Hải	15DT3	2,458,000
2375	106150170	106150170	Lê Viết Hiếu	15DT3	2,404,000
2376	106150171	106150171	Đỗ Minh Hoàng	15DT3	853,000
2377	106150172	106150172	Ngô Minh Hoàng	15DT3	1,912,000
2378	106150177	106150177	Thái Tăng Hữu	15DT3	683,000
2379	106150178	106150178	Nguyễn Cửu Đức Huy	15DT3	2,458,000
2380	106150180	106150180	Hồ Văn Huỳnh	15DT3	2,321,000
2381	106150181	106150181	Thái Văn Khánh	15DT3	2,048,000
2382	106150183	106150183	Nguyễn Nhật Linh	15DT3	2,389,000
2383	106150184	106150184	Nguyễn Thị Thanh Loan	15DT3	1,311,000
2384	106150185	106150185	Đặng Hoàng Lợi	15DT3	2,540,000
2385	106150186	106150186	Nguyễn Thành Long	15DT3	2,048,000
2386	106150187	106150187	Lê Văn Minh	15DT3	1,912,000
2387	106150188	106150188	Nguyễn Phương Nam	15DT3	2,458,000
2388	106150189	106150189	Phạm Thị Kim Ngân	15DT3	683,000
2389	106150190	106150190	Hoàng Trọng Nguyên	15DT3	2,595,000
2390	106150191	106150191	Nguyễn Cao Nhạc	15DT3	683,000
2391	106150192	106150192	Nguyễn Văn Nhân	15DT3	1,912,000
2392	106150194	106150194	Lê Hữu Phú	15DT3	2,731,000
2393	106150195	106150195	Nguyễn Văn Phúc	15DT3	853,000
2394	106150196	106150196	Trần Thị Bích Phương	15DT3	853,000
2395	106150197	106150197	Nguyễn Thành Quân	15DT3	1,912,000
2396	106150198	106150198	Phùng Hữu Minh Quang	15DT3	3,687,000
2397	106150200	106150200	Nguyễn Bảo Sáng	15DT3	2,048,000
2398	106150202	106150202	Nguyễn Anh Tài	15DT3	4,916,000
2399	106150207	106150207	Lê Nhật Thi	15DT3	2,540,000
2400	106150208	106150208	Trần Đức Thiện	15DT3	2,526,000
2401	106150209	106150209	Phan Nhật Cường Thịnh	15DT3	2,404,000
2402	106150212	106150212	Phạm Văn Thuyết	15DT3	2,048,000
2403	106150214	106150214	Lê Trịnh Ngọc Trí	15DT3	853,000
2404	106150215	106150215	Bùi Nam Đoàn Triển	15DT3	3,413,000
2405	106150217	106150217	Trần Văn Trung	15DT3	3,032,000
2406	106150218	106150218	Phạm Phú Tú	15DT3	3,373,000
2407	106150219	106150219	Nguyễn Anh Tuấn	15DT3	2,540,000
2408	106150221	106150221	Trần Anh Tuấn	15DT3	2,213,000
2409	106150223	106150223	Bạch Đình Tuyên	15DT3	3,072,000
2410	106150224	106150224	Mạc Quốc Việt	15DT3	3,141,000
2411	106150001	106150001	Ngô Nam Giang	15DTLT	1,024,000
2412	107150005	107150005	Đoàn Tiến Bắc	15H1,4	2,458,000
2413	107150007	107150007	Trần Thị Thu Cúc	15H1,4	171,000
2414	107150009	107150009	Đoàn Văn Đạt	15H1,4	854,000
2415	107150011	107150011	Nguyễn Thị Xuân Duyên	15H1,4	683,000
2416	107150013	107150013	Nguyễn Thị Hòa	15H1,4	819,000
2417	107150020	107150020	Lê Quang Khánh	15H1,4	1,229,000
2418	107150022	107150022	Nguyễn Văn Khánh	15H1,4	819,000
2419	107150024	107150024	Phùng Kim Ký	15H1,4	2,321,000
2420	107150028	107150028	Nguyễn Thị Nhật Linh	15H1,4	2,731,000
2421	107150031	107150031	Trần Văn Mạnh	15H1,4	1,229,000
2422	107150032	107150032	Nguyễn Thị Y Na	15H1,4	4,096,000
2423	107150033	107150033	Lê Văn Nam	15H1,4	1,366,000
2424	107150034	107150034	Ông Thị Tuyết Ngân	15H1,4	2,048,000
2425	107150036	107150036	Dương Công Nguyên	15H1,4	3,550,000
2426	107150039	107150039	Lê Anh Nhật	15H1,4	2,950,000
2427	107150040	107150040	Trương Thị Phương Nhi	15H1,4	1,175,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2428	107150041	107150041	Phan Trần Liên Nhung	15H1,4	683,000
2429	107150046	107150046	Võ Ngọc Quang	15H1,4	2,594,000
2430	107150048	107150048	Hoàng Phan Bảo Hân	15H1,4	3,359,000
2431	107150050	107150050	Sơ Thị Ngọc Tâm	15H1,4	2,404,000
2432	107150052	107150052	Phạm Thị Hoài Thanh	15H1,4	683,000
2433	107150054	107150054	Lê Thị Thu Thảo	15H1,4	2,595,000
2434	107150055	107150055	Trần Mỹ Hồng Thảo	15H1,4	819,000
2435	107150056	107150056	Trần Phước Trang Thiên	15H1,4	2,048,000
2436	107150058	107150058	Trần Thị Minh Thuý	15H1,4	2,457,000
2437	107150062	107150062	Phan Thế Toàn	15H1,4	1,229,000
2438	107150065	107150065	Trần Văn Trọng	15H1,4	1,229,000
2439	107150067	107150067	Đào Trọng Vương	15H1,4	2,731,000
2440	107150068	107150068	Nguyễn Văn Vượng	15H1,4	2,048,000
2441	107150069	107150069	Nguyễn Thị Hà Vy	15H1,4	683,000
2442	107150070	107150070	Nguyễn Thị Thúy Vy	15H1,4	1,707,000
2443	107150071	107150071	Phạm Thị Ái Vỹ	15H1,4	683,000
2444	107150242	107150242	Phạm Trần Duy Quang	15H1,4	4,506,000
2445	107150074	107150074	Phan Hoàng Bảo Châu	15H2A	819,000
2446	107150076	107150076	Nguyễn Trường Thanh Diệp	15H2A	683,000
2447	107150082	107150082	Huỳnh Thị Hiệp	15H2A	1,912,000
2448	107150085	107150085	Nguyễn Đình Hoàng	15H2A	683,000
2449	107150088	107150088	Hà Đức Hy	15H2A	1,024,000
2450	107150093	107150093	Nguyễn Thanh Mai	15H2A	683,000
2451	107150095	107150095	Nguyễn Thị Phương Nga	15H2A	683,000
2452	107150099	107150099	Nguyễn Thị Ngọc	15H2A	3,482,000
2453	107150100	107150100	Nguyễn Thị Bích Ngọc	15H2A	3,072,000
2454	107150103	107150103	Võ Thị Tú Nhi	15H2A	683,000
2455	107150104	107150104	Nguyễn Thị Hồng Nhung	15H2A	3,755,000
2456	107150106	107150106	Trần Thị Tuyết Phi	15H2A	1,024,000
2457	107150107	107150107	Lê Thị Hồng Phúc	15H2A	683,000
2458	107150109	107150109	Trần Thị Phương	15H2A	683,000
2459	107150110	107150110	Trần Hồng Quang	15H2A	683,000
2460	107150112	107150112	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	15H2A	2,662,000
2461	107150113	107150113	Phạm Thị Sự	15H2A	2,730,000
2462	107150114	107150114	Đoàn Xuân Sữu	15H2A	1,024,000
2463	107150115	107150115	Nguyễn Viết Tài	15H2A	1,912,000
2464	107150116	107150116	Hồ Thị Thanh Tâm	15H2A	1,912,000
2465	107150118	107150118	Nguyễn Thị Phương Thảo	15H2A	683,000
2466	107150119	107150119	Nguyễn Văn Thiệu	15H2A	683,000
2467	107150120	107150120	Nguyễn Thị Thu	15H2A	3,482,000
2468	107150122	107150122	Nguyễn Đức Tiên	15H2A	683,000
2469	107150123	107150123	Nguyễn Xuân Tiến	15H2A	683,000
2470	107150125	107150125	Trần Thị Thu Trang	15H2A	2,253,000
2471	107150126	107150126	Trần Thị Tố Trinh	15H2A	1,502,000
2472	107150127	107150127	Võ Thị Cẩm Tú	15H2A	2,458,000
2473	107150128	107150128	Hồ Xuân Tuyến	15H2A	1,912,000
2474	107150129	107150129	Võ Thị Phương Uyên	15H2A	1,638,000
2475	107150131	107150131	Lê Tuấn Vủ	15H2A	1,024,000
2476	107150134	107150134	Phan Thị Phương Anh	15H2B	2,048,000
2477	107150135	107150135	Đặng Quốc Bảo	15H2B	3,072,000
2478	107150136	107150136	Phạm Thị Chuyền	15H2B	1,311,000
2479	107150140	107150140	Lê Thị Mỹ Duyên	15H2B	683,000
2480	107150142	107150142	Lê Thị Thu Hằng	15H2B	683,000
2481	107150143	107150143	Nguyễn Thị Hạnh	15H2B	683,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2482	107150144	107150144	Lương Thị Tiểu Hiền	15H2B	1,843,000
2483	107150147	107150147	Hồ Hữu Hoàng	15H2B	2,458,000
2484	107150149	107150149	Nguyễn Thị Huệ	15H2B	1,912,000
2485	107150152	107150152	Phan Thị Mỹ Linh	15H2B	819,000
2486	107150153	107150153	Đoàn Thị Luyến	15H2B	683,000
2487	107150156	107150156	Nguyễn Thị Ngọc Mười	15H2B	3,277,000
2488	107150157	107150157	Nguyễn Thị Hồng Nga	15H2B	683,000
2489	107150159	107150159	Phan Thị Quỳnh Nga	15H2B	683,000
2490	107150160	107150160	Lê Thị Hồng Ngọc	15H2B	3,277,000
2491	107150164	107150164	Nguyễn Thị Huyền Nhi	15H2B	683,000
2492	107150165	107150165	Trương Thị Phương Nhi	15H2B	1,502,000
2493	107150167	107150167	Vương Thị Nhường	15H2B	683,000
2494	107150168	107150168	Nguyễn Thị Tú Oanh	15H2B	1,502,000
2495	107150169	107150169	Nguyễn Văn Phong	15H2B	2,048,000
2496	107150173	107150173	Nguyễn Trần Phú Quý	15H2B	1,912,000
2497	107150174	107150174	Lưu Mai Quỳnh	15H2B	819,000
2498	107150175	107150175	Nguyễn Thị Thu Sang	15H2B	2,458,000
2499	107150177	107150177	Nguyễn Viết Tài	15H2B	683,000
2500	107150179	107150179	Lê Thị Thắm	15H2B	683,000
2501	107150180	107150180	Lê Thị Thảo	15H2B	683,000
2502	107150181	107150181	Trần Thị Thau	15H2B	492,000
2503	107150182	107150182	Huỳnh Công Thịnh	15H2B	819,000
2504	107150183	107150183	Bùi Thị Thúy	15H2B	683,000
2505	107150184	107150184	Hồ Thị Thủy Tiên	15H2B	492,000
2506	107150186	107150186	Lê Thị Thùy Trang	15H2B	683,000
2507	107150187	107150187	Trương Thị Phương Trang	15H2B	683,000
2508	107150189	107150189	Hồ Đình Tuấn	15H2B	3,687,000
2509	107150191	107150191	Nguyễn Thị Hồng Vân	15H2B	683,000
2510	107150194	107150194	Trần Thị Hà Vy	15H2B	1,175,000
2511	107150196	107150196	Phùng Hữu Biên	15H5	2,048,000
2512	107150198	107150198	Lê Văn Chiến	15H5	683,000
2513	107150208	107150208	Trần Văn Hạnh	15H5	2,595,000
2514	107150209	107150209	Nguyễn Ngọc Hải Hậu	15H5	2,458,000
2515	107150219	107150219	Nguyễn Đăng Hùng	15H5	4,370,000
2516	107150223	107150223	Nguyễn Khánh Huy	15H5	1,502,000
2517	107150226	107150226	Trịnh Quốc Khánh	15H5	819,000
2518	107150231	107150231	Pham Huỳnh Ly	15H5	2,458,000
2519	107150235	107150235	Nguyễn Hoài Nam	15H5	1,229,000
2520	107150237	107150237	Đặng Ngọc Ninh	15H5	2,540,000
2521	107150238	107150238	Nguyễn Dương Trường Phong	15H5	2,048,000
2522	107150239	107150239	Hà Thọ Phú	15H5	683,000
2523	107150241	107150241	Lê Tấn Quang	15H5	683,000
2524	107150243	107150243	Trần Nhật Quang	15H5	492,000
2525	107150245	107150245	Lê Văn Sơn	15H5	3,141,000
2526	107150248	107150248	Nguyễn Duy Tân	15H5	1,707,000
2527	107150252	107150252	Hồ Tấn Thành	15H5	2,936,000
2528	107150257	107150257	Trần Ngọc Thuận	15H5	1,537,000
2529	107150258	107150258	Trần Văn Thuận	15H5	3,072,000
2530	107150267	107150267	Hoàng Tuấn Trung	15H5	3,003,000
2531	107150272	107150272	Nguyễn Xuân Tuấn	15H5	1,912,000
2532	121150001	121150001	Nguyễn Thành An	15KT1	2,390,000
2533	121150002	121150002	Ngô Quang Anh	15KT1	683,000
2534	121150003	121150003	Hồ Hữu Bách	15KT1	2,950,000
2535	121150006	121150006	Bùi Thị Bảo Châu	15KT1	2,048,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2536	121150007	121150007	Nguyễn Trần Chí	15KT1	3,141,000
2537	121150010	121150010	Lê Thị Hồng Điệp	15KT1	3,141,000
2538	121150011	121150011	Lê Trung Đức	15KT1	2,936,000
2539	121150012	121150012	Huỳnh Thị Thanh Duyên	15KT1	3,960,000
2540	121150013	121150013	Võ Thị Mỹ Duyên	15KT1	4,042,000
2541	121150015	121150015	Lê Thị Thu Hà	15KT1	1,502,000
2542	121150016	121150016	Trần Thanh Hằng	15KT1	2,595,000
2543	121150018	121150018	Nguyễn Đình Hiếu	15KT1	4,315,000
2544	121150020	121150020	Lê Hải Hòa	15KT1	3,087,000
2545	121150021	121150021	Nguyễn Hữu Hùng	15KT1	1,366,000
2546	121150023	121150023	Phạm Gia Huy	15KT1	683,000
2547	121150024	121150024	Dương Thị Thanh Huyền	15KT1	3,414,000
2548	121150026	121150026	Trần Đình Minh Khánh	15KT1	2,595,000
2549	121150027	121150027	Lê Đức Khoa	15KT1	2,048,000
2550	121150028	121150028	Ngô Thúy Kiều	15KT1	2,936,000
2551	121150030	121150030	Phạm Công Lập	15KT1	3,278,000
2552	121150031	121150031	Nguyễn Văn Lệnh	15KT1	2,677,000
2553	121150032	121150032	Trần Thị Ngọc Liên	15KT1	1,912,000
2554	121150034	121150034	Ngô Văn Lỉnh	15KT1	3,959,000
2555	121150035	121150035	Nguyễn Lê Phước Lộc	15KT1	2,867,000
2556	121150037	121150037	Lê Thị Phương Mai	15KT1	2,595,000
2557	121150039	121150039	Nguyễn Minh	15KT1	3,686,000
2558	121150041	121150041	Dương Quang Hữu Nghĩa	15KT1	819,000
2559	121150042	121150042	Văn Đức Nghĩa	15KT1	2,867,000
2560	121150043	121150043	Nguyễn Hồng Ngọc	15KT1	1,707,000
2561	121150044	121150044	Mai Trọng Nhân	15KT1	2,185,000
2562	121150045	121150045	Võ Ngọc Nhựt	15KT1	683,000
2563	121150046	121150046	Lê Đình Phong	15KT1	2,458,000
2564	121150048	121150048	Hoàng Thanh Phương	15KT1	4,778,000
2565	121150049	121150049	Trần Thị Minh Phượng	15KT1	1,229,000
2566	121150050	121150050	Trần Nguyễn Anh Quân	15KT1	2,390,000
2567	121150051	121150051	Huỳnh Quốc	15KT1	2,936,000
2568	121150052	121150052	Dương Trí Quý	15KT1	683,000
2569	121150053	121150053	Nguyễn Ngọc Quyền	15KT1	2,185,000
2570	121150054	121150054	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	15KT1	2,048,000
2571	121150055	121150055	Dương Văn Sinh	15KT1	683,000
2572	121150056	121150056	Lê Phan Thanh Sơn	15KT1	3,140,000
2573	121150057	121150057	Hồ Trần Lệ Sương	15KT1	2,731,000
2574	121150058	121150058	Dương Bảo Tâm	15KT1	683,000
2575	121150059	121150059	Huỳnh Đức Thắng	15KT1	3,686,000
2576	121150060	121150060	Lê Thị Thu Thảo	15KT1	1,229,000
2577	121150061	121150061	Văn Thị Phương Thảo	15KT1	1,912,000
2578	121150062	121150062	Huỳnh Văn Thiện	15KT1	683,000
2579	121150063	121150063	Nguyễn Chánh Thịnh	15KT1	1,638,000
2580	121150064	121150064	Văn Viết Ngọc Thọ	15KT1	3,223,000
2581	121150065	121150065	Nguyễn Phan Duy Thuận	15KT1	3,550,000
2582	121150066	121150066	Cù Đình Thức	15KT1	2,595,000
2583	121150067	121150067	Võ Thị Tiến Thương	15KT1	1,366,000
2584	121150068	121150068	Lê Văn Tình	15KT1	3,072,000
2585	121150069	121150069	Trần Ngọc Trí	15KT1	2,390,000
2586	121150070	121150070	Nguyễn Thọ Trung	15KT1	2,595,000
2587	121150071	121150071	Lâm Thanh Tuấn	15KT1	819,000
2588	121150072	121150072	Nguyễn Trí Tuấn	15KT1	2,731,000
2589	121150073	121150073	Nguyễn Thị Thuý Vân	15KT1	2,867,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2590	121150074	121150074	Nguyễn Văn Vinh	15KT1	3,140,000
2591	121150075	121150075	Trần Quang Vinh	15KT1	1,024,000
2592	121150076	121150076	Phan Tường Vy	15KT1	1,912,000
2593	121150106	121150106	Phạm Thảo Linh	15KT1	2,458,000
2594	121150079	121150079	Lê Bá Bình	15KT2	683,000
2595	121150080	121150080	Đào Thị Thùy Chi	15KT2	3,141,000
2596	121150081	121150081	Nguyễn Văn Thành Công	15KT2	4,369,000
2597	121150082	121150082	Mai Đăng Dai	15KT2	1,502,000
2598	121150084	121150084	Nguyễn Văn Định	15KT2	1,366,000
2599	121150085	121150085	Võ Thị Hồng Dung	15KT2	2,662,000
2600	121150088	121150088	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	15KT2	3,755,000
2601	121150089	121150089	Lê Trọng Hân	15KT2	2,458,000
2602	121150091	121150091	Đoàn Công Hiệp	15KT2	3,905,000
2603	121150092	121150092	Nguyễn Trung Hiếu	15KT2	2,882,000
2604	121150093	121150093	Nguyễn Tiến Hồng	15KT2	2,049,000
2605	121150094	121150094	Nguyễn Mạnh Hùng	15KT2	819,000
2606	121150095	121150095	Lê Nguyễn Nhật Huy	15KT2	1,721,000
2607	121150096	121150096	Trần Đỗ Quang Huy	15KT2	2,048,000
2608	121150097	121150097	Đỗ Võ Quang Khải	15KT2	2,458,000
2609	121150099	121150099	Huỳnh Đại Khoa	15KT2	2,199,000
2610	121150102	121150102	Lưu Thị Phương Lan	15KT2	2,732,000
2611	121150103	121150103	Trần Hoàng Lê	15KT2	2,526,000
2612	121150104	121150104	Hồ Thị Ngọc Liên	15KT2	3,072,000
2613	121150105	121150105	Lê Hồ Nhật Linh	15KT2	3,481,000
2614	121150107	121150107	Nguyễn Cao Lộc	15KT2	2,594,000
2615	121150109	121150109	Lê Văn Luận	15KT2	3,755,000
2616	121150112	121150112	Trần Quang Minh	15KT2	819,000
2617	121150113	121150113	Nguyễn Văn Hoàng Nam	15KT2	1,721,000
2618	121150114	121150114	Trần Văn Nghĩa	15KT2	2,867,000
2619	121150118	121150118	Đoàn Thị Hiền Phon	15KT2	3,619,000
2620	121150119	121150119	Ngô Văn Phúc	15KT2	3,073,000
2621	121150120	121150120	Lê Anh Phước	15KT2	2,594,000
2622	121150121	121150121	Lê Thị Kim Phượng	15KT2	1,311,000
2623	121150122	121150122	Phạm Quốc Quân	15KT2	3,619,000
2624	121150123	121150123	Thân Trọng Nhật Quang	15KT2	683,000
2625	121150124	121150124	Đinh Nguyễn Quang Quý	15KT2	2,867,000
2626	121150125	121150125	Trần Thị Mỹ Quyên	15KT2	1,366,000
2627	121150126	121150126	Lê Thị Ngọc Quỳnh	15KT2	3,550,000
2628	121150129	121150129	Nguyễn Tấn Sự	15KT2	1,366,000
2629	121150130	121150130	Dương Tấn Tài	15KT2	2,048,000
2630	121150132	121150132	Phạm Mạnh Thành	15KT2	683,000
2631	121150133	121150133	Trần Thị Thanh Thảo	15KT2	4,794,000
2632	121150134	121150134	Huỳnh Bá Thiện	15KT2	2,458,000
2633	121150135	121150135	Nguyễn Hoàng Thiện	15KT2	2,595,000
2634	121150136	121150136	Nguyễn Hoàng Thịnh	15KT2	3,278,000
2635	121150137	121150137	Lê Văn Thủ	15KT2	1,366,000
2636	121150139	121150139	Trần Thị Hoài Thương	15KT2	683,000
2637	121150140	121150140	Lê Thủy Tiên	15KT2	1,229,000
2638	121150143	121150143	Phan Mạnh Trung	15KT2	1,366,000
2639	121150144	121150144	Nguyễn Ngọc Tuấn	15KT2	3,073,000
2640	121150145	121150145	Trương Thanh Tuấn	15KT2	1,229,000
2641	121150146	121150146	Huỳnh Thị Tường Vi	15KT2	3,276,000
2642	121150147	121150147	Nguyễn Văn Vinh	15KT2	1,366,000
2643	121150148	121150148	Nguyễn Hoàng Khả Vy	15KT2	819,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2644	103150180	103150180	Nguyễn Văn Đông	15KTTT	3,209,000
2645	103150182	103150182	Lê Anh Đức	15KTTT	1,843,000
2646	103150184	103150184	Nguyễn Quốc Dũng	15KTTT	3,072,000
2647	103150185	103150185	Nguyễn Trung Hiếu	15KTTT	4,179,000
2648	103150186	103150186	Trần Trung Hiếu	15KTTT	3,277,000
2649	103150188	103150188	Lê Khắc Huy	15KTTT	2,936,000
2650	103150189	103150189	Lê Quốc Huy	15KTTT	3,072,000
2651	103150190	103150190	Nguyễn Văn Kha	15KTTT	2,526,000
2652	103150191	103150191	Nguyễn Hoàng Thạnh Khang	15KTTT	3,359,000
2653	103150193	103150193	Nguyễn Hữu Khoa	15KTTT	1,843,000
2654	103150194	103150194	Nguyễn Ngọc Khôi	15KTTT	819,000
2655	103150195	103150195	Hồ Đình Lệ Khương	15KTTT	2,048,000
2656	103150196	103150196	Đào Trung Kiên	15KTTT	819,000
2657	103150197	103150197	Trần Xuân Kiên	15KTTT	4,096,000
2658	103150198	103150198	Dương Viết Kiều	15KTTT	1,843,000
2659	103150199	103150199	Lê Văn Long	15KTTT	3,414,000
2660	103150202	103150202	Trương Công Nhất	15KTTT	3,755,000
2661	103150204	103150204	Nguyễn Đình Quang	15KTTT	2,731,000
2662	103150205	103150205	Tống Phước Quang	15KTTT	3,686,000
2663	103150207	103150207	Cao Đức Quyết	15KTTT	1,229,000
2664	103150208	103150208	Phạm Kim Sơn	15KTTT	1,843,000
2665	103150209	103150209	Phan Ngọc Tân	15KTTT	3,345,000
2666	103150210	103150210	Tống Duy Tân	15KTTT	2,867,000
2667	103150211	103150211	Phạm Thắng	15KTTT	2,199,000
2668	103150215	103150215	Nguyễn Thế Thành	15KTTT	1,229,000
2669	103150216	103150216	Ngô Văn Thảo	15KTTT	3,277,000
2670	103150217	103150217	Nguyễn Văn Thảo	15KTTT	2,595,000
2671	103150218	103150218	Huỳnh Tấn Thiện	15KTTT	3,755,000
2672	103150219	103150219	Đặng Thông	15KTTT	1,638,000
2673	103150220	103150220	Mai Văn Thuận	15KTTT	4,301,000
2674	103150221	103150221	Phạm Ngọc Tiến	15KTTT	3,072,000
2675	103150223	103150223	Phan Duy Tính	15KTTT	4,301,000
2676	103150225	103150225	Nguyễn Đình Trung	15KTTT	2,390,000
2677	103150229	103150229	Phạm Anh Tuấn	15KTTT	2,253,000
2678	103150231	103150231	Lê Văn Tùng	15KTTT	3,154,000
2679	103150232	103150232	Võ Thanh Việt	15KTTT	3,359,000
2680	103150233	103150233	Lê Đình Thanh Vinh	15KTTT	1,843,000
2681	118150001	118150001	Lê Thanh A	15KX1	2,527,000
2682	118150002	118150002	Phan Đình Xuân An	15KX1	3,551,000
2683	118150003	118150003	Trương Đình Bảo	15KX1	2,868,000
2684	118150004	118150004	Nguyễn Thị Chung	15KX1	2,732,000
2685	118150005	118150005	Nguyễn Thị Danh	15KX1	1,502,000
2686	118150006	118150006	Trần Minh Đức	15KX1	2,868,000
2687	118150007	118150007	Lương Thị Phương Dung	15KX1	2,048,000
2688	118150008	118150008	Vũ Thị Thùy Dung	15KX1	2,526,000
2689	118150009	118150009	Nguyễn Thanh Dũng	15KX1	1,912,000
2690	118150010	118150010	Hoàng Thanh Hải	15KX1	1,366,000
2691	118150011	118150011	Nguyễn Thanh Hải	15KX1	1,639,000
2692	118150012	118150012	Phan Thị Hải	15KX1	1,366,000
2693	118150013	118150013	Nguyễn Thị Tý Hạnh	15KX1	683,000
2694	118150014	118150014	Lưu Thị Hết	15KX1	3,482,000
2695	118150015	118150015	Nguyễn Thị Thu Hiền	15KX1	683,000
2696	118150016	118150016	Nguyễn Thị Thanh Hoa	15KX1	2,048,000
2697	118150017	118150017	Nguyễn Anh Hoàng	15KX1	3,141,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2698	118150019	118150019	Nguyễn Lương Thu Huệ	15KX1	2,390,000
2699	118150020	118150020	Hồ Thị Thu Hương	15KX1	683,000
2700	118150021	118150021	Lê Văn Khánh	15KX1	2,526,000
2701	118150022	118150022	Trần Nhật Khánh	15KX1	2,526,000
2702	118150023	118150023	Nguyễn Tùng Lâm	15KX1	2,458,000
2703	118150026	118150026	Nguyễn Hoàng Long	15KX1	1,776,000
2704	118150027	118150027	Nguyễn Văn Minh	15KX1	2,800,000
2705	118150029	118150029	Hoàng Thị Ngọc	15KX1	683,000
2706	118150030	118150030	Nguyễn Thị Kim Ngọc	15KX1	1,707,000
2707	118150031	118150031	Nguyễn Chí Nhân	15KX1	3,209,000
2708	118150032	118150032	Nguyễn Văn Nhân	15KX1	2,322,000
2709	118150033	118150033	Trần Thị Ni Ni	15KX1	2,800,000
2710	118150034	118150034	Đặng Phục	15KX1	1,843,000
2711	118150035	118150035	Nguyễn Đức Quý	15KX1	3,004,000
2712	118150036	118150036	Nguyễn Hồng Sơn	15KX1	2,868,000
2713	118150037	118150037	Phạm Thị Sương	15KX1	1,024,000
2714	118150038	118150038	Trương Quý Thắng	15KX1	2,799,000
2715	118150039	118150039	Nguyễn Thị Phương Thảo	15KX1	4,042,000
2716	118150041	118150041	Nguyễn Thị Minh Thư	15KX1	1,312,000
2717	118150043	118150043	Lê Văn Tiên	15KX1	3,277,000
2718	118150044	118150044	Nguyễn Thị Thùy Trang	15KX1	2,868,000
2719	118150045	118150045	Lương Ngọc Trinh	15KX1	1,366,000
2720	118150046	118150046	Lê Tự Đăng Trình	15KX1	1,093,000
2721	118150047	118150047	Huỳnh Đức Trung	15KX1	2,253,000
2722	118150048	118150048	Phạm Thanh Tùng	15KX1	2,595,000
2723	118150049	118150049	Nguyễn Thị Uyên	15KX1	1,639,000
2724	118150050	118150050	Nguyễn Hoàng Vũ	15KX1	3,072,000
2725	118150051	118150051	Nguyễn Hùng Vỹ	15KX1	2,048,000
2726	118150052	118150052	Giang Thị Yến	15KX1	683,000
2727	118150053	118150053	Lê Khởi An	15KX2	683,000
2728	118150055	118150055	Lê Xuân Bình	15KX2	4,370,000
2729	118150056	118150056	Vũ Đào Thành Công	15KX2	4,506,000
2730	118150057	118150057	Lê Thị Thu Đạt	15KX2	1,024,000
2731	118150058	118150058	Trương Anh Đức	15KX2	3,141,000
2732	118150059	118150059	Lương Thị Thùy Dung	15KX2	1,024,000
2733	118150060	118150060	Hồ Xuân Dũng	15KX2	2,199,000
2734	118150062	118150062	Lưu Hà Hải	15KX2	2,458,000
2735	118150063	118150063	Phan Hữu Hải	15KX2	3,141,000
2736	118150064	118150064	Lương Phước Thùy Hân	15KX2	1,093,000
2737	118150065	118150065	Đinh Lê Minh Hậu	15KX2	2,663,000
2738	118150066	118150066	Hứa Thị Hiền	15KX2	2,253,000
2739	118150067	118150067	Võ Thị Thu Hiền	15KX2	683,000
2740	118150068	118150068	Lương Văn Hoài	15KX2	1,707,000
2741	118150069	118150069	Nguyễn Thị Phượng Hoàng	15KX2	1,707,000
2742	118150070	118150070	Võ Thị Ánh Hồng	15KX2	1,502,000
2743	118150071	118150071	Nguyễn Văn Hùng	15KX2	2,048,000
2744	118150072	118150072	Nguyễn Thị Ngọc Huy	15KX2	2,458,000
2745	118150074	118150074	Đặng Huỳnh Lâm	15KX2	1,639,000
2746	118150075	118150075	Đặng Thị Kim Linh	15KX2	1,707,000
2747	118150076	118150076	Hồ Thị Mỹ Linh	15KX2	1,024,000
2748	118150078	118150078	Lê Thị Trúc Ly	15KX2	683,000
2749	118150079	118150079	Nguyễn Thị Diễm My	15KX2	683,000
2750	118150080	118150080	Trần Thị Minh Nghĩa	15KX2	683,000
2751	118150081	118150081	Trịnh Ngọc Nhã	15KX2	2,868,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2752	118150086	118150086	Nguyễn Ngọc Quang	15KX2	1,673,000
2753	118150087	118150087	Hồ Thăng Sơn	15KX2	3,618,000
2754	118150088	118150088	Lê Thị Lệ Sương	15KX2	2,936,000
2755	118150089	118150089	Trần Nhật Tân	15KX2	3,755,000
2756	118150090	118150090	Bùi Phương Thảo	15KX2	2,117,000
2757	118150091	118150091	Nguyễn Thị Phương Thảo	15KX2	1,024,000
2758	118150093	118150093	Hồ Nguyễn Thanh Thuận	15KX2	1,639,000
2759	118150094	118150094	Nguyễn Văn Thường	15KX2	1,707,000
2760	118150095	118150095	Vương Công Tiến	15KX2	4,097,000
2761	118150096	118150096	Trần Văn Bích Trang	15KX2	1,585,000
2762	118150097	118150097	Phan Thị Tú Trinh	15KX2	683,000
2763	118150098	118150098	Nguyễn Viết Phú Trọng	15KX2	2,936,000
2764	118150099	118150099	Võ Thị Trung	15KX2	683,000
2765	118150100	118150100	Võ Đức Tường	15KX2	2,253,000
2766	118150101	118150101	Võ Tường Vi	15KX2	2,867,000
2767	118150102	118150102	Đỗ Thị Tường Vy	15KX2	2,048,000
2768	118150103	118150103	Nguyễn Thị Thanh Xuân	15KX2	3,086,000
2769	117150020	117150020	Trần Long Viễn Châu	15MT	2,048,000
2770	117150021	117150021	Nguyễn Văn Công	15MT	2,389,000
2771	117150022	117150022	Nguyễn Mạnh Cường	15MT	2,389,000
2772	117150024	117150024	Nguyễn Công Danh	15MT	2,867,000
2773	117150025	117150025	Lê Thị Hoàng Diệu	15MT	683,000
2774	117150026	117150026	Nguyễn Thị Ánh Diệu	15MT	1,195,000
2775	117150027	117150027	Lương Thị Dung	15MT	683,000
2776	117150034	117150034	Nguyễn Thanh Hiếu	15MT	1,638,000
2777	117150036	117150036	Nguyễn Dương Hưng	15MT	2,867,000
2778	117150038	117150038	Hoàng Thị Khánh Huyền	15MT	1,912,000
2779	117150039	117150039	Nguyễn Khánh Huyền	15MT	2,321,000
2780	117150041	117150041	Huỳnh Văn Lạc	15MT	4,506,000
2781	117150043	117150043	Hồ Thái Linh	15MT	1,175,000
2782	117150047	117150047	Phạm Thị Lụa	15MT	1,195,000
2783	117150048	117150048	Nguyễn Văn Mạnh	15MT	2,048,000
2784	117150049	117150049	Trần Thị Mến	15MT	1,331,000
2785	117150052	117150052	Trương Ngọc Nhân	15MT	1,979,000
2786	117150054	117150054	Nguyễn Thị Kim Oanh	15MT	683,000
2787	117150055	117150055	Võ Văn Pháp	15MT	2,184,000
2788	117150056	117150056	Nguyễn Quang Hữu Phúc	15MT	1,160,000
2789	117150058	117150058	Bùi Hồng Quân	15MT	1,638,000
2790	117150059	117150059	Nguyễn Trường Sơn	15MT	2,253,000
2791	117150060	117150060	Lê Thị Thu Sương	15MT	1,195,000
2792	117150061	117150061	Nguyễn Quang Sỹ	15MT	3,550,000
2793	117150062	117150062	Đỗ Thị Ngọc Tâm	15MT	2,389,000
2794	117150063	117150063	Nguyễn Văn Tân	15MT	3,277,000
2795	117150064	117150064	Đỗ Hữu Thái	15MT	2,867,000
2796	117150066	117150066	Trần Thị Thanh	15MT	1,175,000
2797	117150067	117150067	Nguyễn Ngọc Thành	15MT	341,000
2798	117150069	117150069	Trần Thị Minh Thuận	15MT	1,195,000
2799	117150071	117150071	Trần Thị Diệu Thường	15MT	512,000
2800	117150072	117150072	Phan Thị Thu Thủy	15MT	171,000
2801	117150073	117150073	Huỳnh Quang Tín	15MT	2,253,000
2802	117150074	117150074	Lê Minh Toàn	15MT	1,843,000
2803	117150075	117150075	Nguyễn Thị Hương Trà	15MT	1,004,000
2804	117150076	117150076	Đồng Thị Thùy Trang	15MT	1,024,000
2805	117150080	117150080	Ngô Châu Anh Tú	15MT	4,916,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2806	117150081	117150081	Đặng Anh Tuấn	15MT	854,000
2807	117150082	117150082	Nguyễn Anh Tuấn	15MT	2,662,000
2808	117150083	117150083	Thủy Châu Tuấn	15MT	4,096,000
2809	117150084	117150084	Thái Thị Phương Uyên	15MT	683,000
2810	117150085	117150085	Lê Thị Vy	15MT	1,502,000
2811	104150001	104150001	Phạm Văn Ân	15N1	819,000
2812	104150002	104150002	Nguyễn Đức Anh	15N1	4,642,000
2813	104150003	104150003	Phan Thanh Bách	15N1	3,823,000
2814	104150006	104150006	Nguyễn Thành Chung	15N1	2,526,000
2815	104150007	104150007	Tô Duy Đại	15N1	4,779,000
2816	104150008	104150008	Nguyễn Cao Đạt	15N1	2,390,000
2817	104150009	104150009	Mai Xuân Đến	15N1	1,366,000
2818	104150011	104150011	Hoàng Phương Đông	15N1	4,574,000
2819	104150013	104150013	Cao Tiến Dũng	15N1	3,550,000
2820	104150014	104150014	Văn Tiến Dũng	15N1	1,912,000
2821	104150016	104150016	Đinh Thanh Duyên	15N1	1,707,000
2822	104150017	104150017	Nguyễn Ngọc Hãi	15N1	1,024,000
2823	104150019	104150019	Chu Đức Hậu	15N1	1,366,000
2824	104150020	104150020	Đặng Văn Minh Hiếu	15N1	1,175,000
2825	104150021	104150021	Trần Kim Hoàng	15N1	2,867,000
2826	104150022	104150022	Hà Văn Hùng	15N1	4,369,000
2827	104150024	104150024	Trần Đình Hưng	15N1	3,686,000
2828	104150025	104150025	Hoàng Trọng Tuấn Huy	15N1	683,000
2829	104150026	104150026	Nguyễn Lê Quốc Huy	15N1	683,000
2830	104150027	104150027	Nguyễn Đăng Khải	15N1	2,595,000
2831	104150030	104150030	Lê Đức Khương	15N1	1,366,000
2832	104150031	104150031	Dương Công Lại	15N1	2,390,000
2833	104150032	104150032	Phạm Hồng Lam	15N1	2,048,000
2834	104150037	104150037	Hà Văn Luật	15N1	4,165,000
2835	104150038	104150038	Ngô Văn Mạnh	15N1	2,936,000
2836	104150041	104150041	Lưu Văn Nguyên	15N1	3,004,000
2837	104150046	104150046	Nguyễn Phú Pho	15N1	3,345,000
2838	104150049	104150049	Nguyễn Anh Quân	15N1	3,004,000
2839	104150051	104150051	Nguyễn Duy Quang	15N1	2,867,000
2840	104150052	104150052	Nguyễn Văn Sang	15N1	2,048,000
2841	104150053	104150053	Mai Hữu Sơn	15N1	1,024,000
2842	104150056	104150056	Vương Hưng Thắng	15N1	2,049,000
2843	104150057	104150057	Hồ Văn Thiên	15N1	3,686,000
2844	104150058	104150058	Lê Hà Hồng Thịnh	15N1	2,049,000
2845	104150059	104150059	Nguyễn Văn Thông	15N1	2,390,000
2846	104150060	104150060	Trần Viết Thứ	15N1	4,164,000
2847	104150061	104150061	Cao Thọ Tiến	15N1	2,185,000
2848	104150062	104150062	Nguyễn Trần Đạt Tiến	15N1	833,000
2849	104150063	104150063	Nguyễn Quốc Tình	15N1	2,049,000
2850	104150064	104150064	Nguyễn Văn Toàn	15N1	4,370,000
2851	104150065	104150065	Ngô Văn Trí	15N1	3,960,000
2852	104150066	104150066	Mai Văn Trung	15N1	3,619,000
2853	104150068	104150068	Lê Viết Tuân	15N1	819,000
2854	104150070	104150070	Trương Minh Tuấn	15N1	2,936,000
2855	104150071	104150071	Huỳnh Quang Tương	15N1	4,505,000
2856	104150073	104150073	Nguyễn Quang Vinh	15N1	2,049,000
2857	104150074	104150074	Nguyễn Văn Vinh	15N1	3,208,000
2858	104150153	104150153	Đặng Duy Lâm	15N1	2,390,000
2859	104150078	104150078	Chế Công Bách	15N2	2,457,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2860	104150079	104150079	Trần Gia Bảo	15N2	3,619,000
2861	104150080	104150080	Hoàng Đình Chiến	15N2	3,482,000
2862	104150082	104150082	Lê Thành Anh Công	15N2	492,000
2863	104150083	104150083	Trần Văn Công Danh	15N2	819,000
2864	104150084	104150084	Trần Trọng Đạt	15N2	1,024,000
2865	104150085	104150085	Nguyễn Công Diễn	15N2	2,390,000
2866	104150086	104150086	Lê Văn Thành Đô	15N2	1,638,000
2867	104150090	104150090	Lê Trần Duy	15N2	2,595,000
2868	104150092	104150092	Phạm Văn Hải	15N2	4,642,000
2869	104150093	104150093	Hoàng Văn Hào	15N2	2,594,000
2870	104150095	104150095	Nguyễn Tấn Hiếu	15N2	2,731,000
2871	104150096	104150096	Võ Tiến Hoàng	15N2	3,686,000
2872	104150097	104150097	Nguyễn Hùng	15N2	3,686,000
2873	104150100	104150100	Huỳnh Nguyễn Huy	15N2	2,867,000
2874	104150101	104150101	Nguyễn Tăng Huy	15N2	819,000
2875	104150102	104150102	Phan Dương Khải	15N2	2,595,000
2876	104150104	104150104	Nguyễn Văn Khoa	15N2	2,731,000
2877	104150106	104150106	Hoàng Văn Lam	15N2	1,366,000
2878	104150107	104150107	Lê Trần Khánh Lâm	15N2	1,912,000
2879	104150109	104150109	Phan Hữu Lộc	15N2	1,366,000
2880	104150110	104150110	Võ Đức Long	15N2	2,936,000
2881	104150111	104150111	Cao Văn Luận	15N2	2,390,000
2882	104150113	104150113	Nguyễn Đăng Mạnh	15N2	1,707,000
2883	104150114	104150114	Nguyễn Hữu Minh	15N2	1,707,000
2884	104150115	104150115	Nguyễn Đình Nguyên	15N2	2,048,000
2885	104150116	104150116	Nguyễn Tài Nguyện	15N2	3,550,000
2886	104150117	104150117	Nguyễn Văn Chủ Nhật	15N2	1,707,000
2887	104150118	104150118	Trần Văn Nhật	15N2	3,141,000
2888	104150119	104150119	Huỳnh Bá Nhựt	15N2	3,891,000
2889	104150121	104150121	Bùi Ngọc Phúc	15N2	1,707,000
2890	104150122	104150122	Lê Văn Phúc	15N2	4,096,000
2891	104150123	104150123	Huỳnh Văn Phước	15N2	2,321,000
2892	104150125	104150125	Châu Viết Quang	15N2	3,209,000
2893	104150126	104150126	Phạm Quốc Quảng	15N2	3,208,000
2894	104150127	104150127	Đoàn Văn Sáu	15N2	3,686,000
2895	104150128	104150128	Nguyễn Hải Sơn	15N2	1,570,000
2896	104150129	104150129	Huỳnh Tấn Sử	15N2	2,321,000
2897	104150130	104150130	Nguyễn Viết Tài	15N2	341,000
2898	104150131	104150131	Nguyễn Minh Tâm	15N2	2,321,000
2899	104150133	104150133	Lê Nhật Thành	15N2	3,073,000
2900	104150134	104150134	Mai Thanh Thiện	15N2	3,686,000
2901	104150136	104150136	Lê Minh Thu	15N2	2,731,000
2902	104150137	104150137	Trần Quang Thuật	15N2	2,048,000
2903	104150138	104150138	Lê Văn Tiến	15N2	1,366,000
2904	104150139	104150139	Trần Xuân Tiến	15N2	1,707,000
2905	104150140	104150140	Phan Thanh Tịnh	15N2	2,595,000
2906	104150141	104150141	Nguyễn Đình Toản	15N2	3,209,000
2907	104150142	104150142	Đặng Quốc Trọng	15N2	3,414,000
2908	104150143	104150143	Bùi Minh Tú	15N2	4,710,000
2909	104150144	104150144	Trần Nhật Tuân	15N2	3,837,000
2910	104150145	104150145	Nguyễn Anh Tuấn	15N2	341,000
2911	104150146	104150146	Võ Ngọc Tuấn	15N2	4,915,000
2912	104150147	104150147	Lê Văn Tưởng	15N2	2,936,000
2913	104150149	104150149	Ngô Quang Vũ	15N2	3,141,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2914	104150150	104150150	Nguyễn Xuân Vũ	15N2	3,960,000
2915	104150151	104150151	Nguyễn Đại Vỹ	15N2	683,000
2916	118150109	118150109	Đoàn Minh Thiên Định	15QLCN	3,618,000
2917	118150111	118150111	Phạm Phú Đông	15QLCN	2,389,000
2918	118150112	118150112	Nguyễn Thành Dự	15QLCN	1,229,000
2919	118150113	118150113	Huỳnh Thị Duyên	15QLCN	1,024,000
2920	118150114	118150114	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	15QLCN	1,229,000
2921	118150115	118150115	Võ Thị Duyên	15QLCN	2,731,000
2922	118150119	118150119	Lê Vũ Anh Hiền	15QLCN	2,048,000
2923	118150120	118150120	Thái Phi Hoàng	15QLCN	3,482,000
2924	118150121	118150121	Lê Thị Hoạt	15QLCN	1,912,000
2925	118150123	118150123	Tôn Thất Hưng	15QLCN	3,413,000
2926	118150124	118150124	Hà Thúc Huy	15QLCN	1,024,000
2927	118150125	118150125	Trần Thị Diệu Huyền	15QLCN	819,000
2928	118150127	118150127	Trần Thị Minh Khuê	15QLCN	1,024,000
2929	118150128	118150128	Phạm Thị Liên	15QLCN	2,253,000
2930	118150130	118150130	Bùi Thị Linh	15QLCN	2,048,000
2931	118150131	118150131	Lê Văn Linh	15QLCN	2,389,000
2932	118150135	118150135	Phan Văn Lĩnh	15QLCN	1,024,000
2933	118150136	118150136	Huỳnh Thị Mẫn	15QLCN	1,516,000
2934	118150138	118150138	Lê Thị Huỳnh Nga	15QLCN	1,024,000
2935	118150142	118150142	Phạm Thị Nhạn	15QLCN	1,024,000
2936	118150144	118150144	Nguyễn Thị Nhung	15QLCN	1,707,000
2937	118150145	118150145	Đào Thị Phượng	15QLCN	1,229,000
2938	118150146	118150146	Mai Hồng Quân	15QLCN	3,481,000
2939	118150147	118150147	Nguyễn Tài Quốc	15QLCN	3,618,000
2940	118150149	118150149	Hồ Văn Sang	15QLCN	3,891,000
2941	118150150	118150150	Trần Thị Thành Sinh	15QLCN	3,072,000
2942	118150151	118150151	Trương Nguyễn Văn Sơn	15QLCN	2,458,000
2943	118150152	118150152	Thái Hồng Tài	15QLCN	2,253,000
2944	118150154	118150154	Trương Minh Tâm	15QLCN	3,618,000
2945	118150155	118150155	Cao Hoàng Tân	15QLCN	2,526,000
2946	118150156	118150156	Lê Thị Thu Thảo	15QLCN	2,253,000
2947	118150157	118150157	Phạm Thị Thảo	15QLCN	1,024,000
2948	118150158	118150158	Châu Văn Thiện	15QLCN	2,253,000
2949	118150159	118150159	Nguyễn Văn Thông	15QLCN	1,024,000
2950	118150161	118150161	Nguyễn Thị Thủy	15QLCN	1,024,000
2951	118150162	118150162	Trà Thị Thủy	15QLCN	1,024,000
2952	118150163	118150163	Võ Thị Trâm	15QLCN	1,024,000
2953	118150166	118150166	Trương Thị Trang	15QLCN	1,024,000
2954	118150167	118150167	Lê Minh Tuấn	15QLCN	2,048,000
2955	118150168	118150168	Trần Thị Tú Uyên	15QLCN	1,638,000
2956	118150169	118150169	Hà Tường Vy	15QLCN	1,229,000
2957	118150170	118150170	Lương Thị Vy	15QLCN	2,048,000
2958	117150086	117150086	Hoàng Anh	15QLMT	1,024,000
2959	117150088	117150088	Cao Thị Bốn	15QLMT	1,707,000
2960	117150091	117150091	Võ Minh Định	15QLMT	2,048,000
2961	117150095	117150095	Hồ Thị Cẩm Giang	15QLMT	2,014,000
2962	117150097	117150097	Hồ Thị Ngọc Hằng	15QLMT	1,024,000
2963	117150099	117150099	Nguyễn Sỹ Hiệp	15QLMT	2,730,000
2964	117150100	117150100	Nguyễn Đăng Huy Hoàng	15QLMT	2,867,000
2965	117150101	117150101	Hồ Đức Hùng	15QLMT	4,096,000
2966	117150105	117150105	Nguyễn Văn Linh	15QLMT	1,195,000
2967	117150106	117150106	Đinh Thị Phước Lộc	15QLMT	1,707,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
2968	117150107	117150107	Nguyễn Thị Ni Na	15QLMT	492,000
2969	117150108	117150108	Nguyễn Văn Nghĩa	15QLMT	3,974,000
2970	117150109	117150109	Hồ Nguyễn Tố Nguyên	15QLMT	1,843,000
2971	117150110	117150110	Vương Nguyễn Ánh Nguyệt	15QLMT	1,843,000
2972	117150111	117150111	Trần Thị Phương Nhi	15QLMT	1,175,000
2973	117150112	117150112	Ngô Thị Quỳnh Như	15QLMT	1,229,000
2974	117150113	117150113	Trần Thị Nương	15QLMT	1,843,000
2975	117150114	117150114	Trần Lê Nguyên Phước	15QLMT	2,048,000
2976	117150116	117150116	Nguyễn Thị Ngọc Phương	15QLMT	1,024,000
2977	117150117	117150117	Nguyễn Thị Nguyên Phương	15QLMT	3,755,000
2978	117150118	117150118	Phạm Văn Quý	15QLMT	1,024,000
2979	117150121	117150121	Bùi Hồng Sữu	15QLMT	1,229,000
2980	117150122	117150122	Nguyễn Thị Tâm	15QLMT	1,024,000
2981	117150123	117150123	Nguyễn Thiện Tâm	15QLMT	3,618,000
2982	117150124	117150124	Đặng Ngọc Thạch	15QLMT	2,506,000
2983	117150126	117150126	Hồ Thị Kim Thi	15QLMT	2,048,000
2984	117150127	117150127	Nguyễn Thị Thu Thủy	15QLMT	1,365,000
2985	117150129	117150129	Trần Thị Thanh Thủy	15QLMT	2,335,000
2986	117150131	117150131	Võ Anh Tín	15QLMT	1,707,000
2987	117150132	117150132	Võ Thị Kim Tính	15QLMT	1,024,000
2988	117150135	117150135	Nguyễn Duy Toàn	15QLMT	3,277,000
2989	117150138	117150138	Nguyễn Thị Hoàng Trang	15QLMT	2,662,000
2990	117150139	117150139	Nguyễn Trần Đoan Trang	15QLMT	1,024,000
2991	117150141	117150141	Cao Thị Mỹ Trinh	15QLMT	2,048,000
2992	117150142	117150142	Nguyễn Nhơn Trung	15QLMT	1,843,000
2993	117150143	117150143	Nguyễn Thị Tuyết	15QLMT	2,014,000
2994	117150146	117150146	Đoàn Thị Vân	15QLMT	1,537,000
2995	117150147	117150147	Lê Thị Vân	15QLMT	1,707,000
2996	117150148	117150148	Trần Quốc Kỳ Văn	15QLMT	2,048,000
2997	117150149	117150149	Nguyễn Thị Vi	15QLMT	1,707,000
2998	117150153	117150153	Phan Thị Thanh Xuân	15QLMT	1,721,000
2999	107150279	107150279	Nguyễn Thị Ái	15SH	819,000
3000	107150280	107150280	Phan Thị Trâm Anh	15SH	683,000
3001	107150281	107150281	Hồ Thị Ngọc Bích	15SH	2,867,000
3002	107150282	107150282	Nguyễn Thị Ngọc Biên	15SH	1,024,000
3003	107150285	107150285	Phan Văn Dự	15SH	819,000
3004	107150288	107150288	Nguyễn Đặng Minh Hằng	15SH	1,229,000
3005	107150289	107150289	Nguyễn Phan Khánh Hằng	15SH	1,638,000
3006	107150295	107150295	Nguyễn Viết Hoàng	15SH	1,024,000
3007	107150296	107150296	Lê Vũ Thị Quỳnh Hương	15SH	1,229,000
3008	107150297	107150297	Trần Thị Thanh Hương	15SH	1,024,000
3009	107150298	107150298	Trương Thị Hoàng Huyên	15SH	2,048,000
3010	107150302	107150302	Lê Thị Mỹ Linh	15SH	1,229,000
3011	107150303	107150303	Nguyễn Ngọc Hồng Linh	15SH	2,458,000
3012	107150305	107150305	Nguyễn Thị Thùy Linh	15SH	1,024,000
3013	107150307	107150307	Nguyễn Hải Lý	15SH	2,048,000
3014	107150311	107150311	Trần Thị Mỹ Ngân	15SH	3,277,000
3015	107150312	107150312	Châu Thị Nghĩa	15SH	2,950,000
3016	107150313	107150313	Dương Thị Kim Nhân	15SH	3,277,000
3017	107150314	107150314	Nguyễn Văn Phú	15SH	2,662,000
3018	107150315	107150315	Phạm Huy Nhật Quang	15SH	1,229,000
3019	107150316	107150316	Huỳnh Tấn Quý	15SH	3,891,000
3020	107150317	107150317	Huỳnh Thị Ngọc Sương	15SH	2,867,000
3021	107150320	107150320	Nguyễn Tự Tân	15SH	2,731,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3022	107150321	107150321	Đỗ Thị Bích Thảo	15SH	1,229,000
3023	107150323	107150323	Lê Trần Thị Thanh Thúy	15SH	1,024,000
3024	107150324	107150324	Nguyễn Thị Thúy	15SH	1,024,000
3025	107150325	107150325	Trần Thị Thu Thúy	15SH	1,024,000
3026	107150327	107150327	Nguyễn Công Tín	15SH	2,662,000
3027	107150331	107150331	Phan Thị Tuyết Trinh	15SH	1,365,000
3028	107150333	107150333	Trương Thị Tỷ	15SH	1,024,000
3029	107150334	107150334	Đặng Thị Ngọc Viếng	15SH	2,253,000
3030	107150335	107150335	Nguyễn Văn Việt	15SH	2,936,000
3031	108150002	108150002	Phạm Văn Bình	15SK	2,048,000
3032	108150006	108150006	Nguyễn Văn Hải	15SK	1,638,000
3033	108150008	108150008	Võ Trung Hiếu	15SK	1,721,000
3034	108150009	108150009	Huỳnh Ngọc Hùng	15SK	819,000
3035	108150010	108150010	Nguyễn Nhật Hùng	15SK	4,506,000
3036	108150012	108150012	Phạm Văn Hữu	15SK	1,638,000
3037	108150013	108150013	Lương Văn Huy	15SK	2,048,000
3038	108150014	108150014	Nguyễn Tấn Huy	15SK	492,000
3039	108150016	108150016	Phan Lưu Kế	15SK	1,638,000
3040	108150018	108150018	Thiều Quang Khôi	15SK	1,638,000
3041	108150019	108150019	Vũ Đình Kiên	15SK	2,867,000
3042	108150021	108150021	Zơ Râm Lâm	15SK	1,638,000
3043	108150022	108150022	Trương Văn Lợi	15SK	2,867,000
3044	108150024	108150024	Nguyễn Đình Lực	15SK	2,867,000
3045	108150026	108150026	Hồ Công Minh	15SK	819,000
3046	108150028	108150028	Nguyễn Thái Ngọc	15SK	410,000
3047	108150030	108150030	Huỳnh Trần Thanh Nhi	15SK	1,638,000
3048	108150031	108150031	Võ Văn Nhi	15SK	3,276,000
3049	108150032	108150032	Võ Văn Phong	15SK	819,000
3050	108150035	108150035	Phạm Phú Quốc	15SK	4,505,000
3051	108150037	108150037	Công Văn Sỹ	15SK	2,048,000
3052	108150038	108150038	Trương Đức Tâm	15SK	1,638,000
3053	108150044	108150044	Nguyễn Hữu Thọ	15SK	1,638,000
3054	108150045	108150045	Hoàng Văn Thuần	15SK	819,000
3055	108150046	108150046	Lê Thuy	15SK	1,638,000
3056	108150047	108150047	Nguyễn Ngọc Tiến	15SK	492,000
3057	108150049	108150049	Nguyễn Văn Minh Trí	15SK	2,457,000
3058	108150050	108150050	Đoàn Văn Trung	15SK	1,638,000
3059	108150051	108150051	Nguyễn Hoài Trung	15SK	2,048,000
3060	108150052	108150052	Từ Thanh Tú	15SK	819,000
3061	108150054	108150054	Đặng Quốc Việt	15SK	3,768,000
3062	108150055	108150055	Trần Anh Việt	15SK	1,311,000
3063	108150056	108150056	Nguyễn Tấn Vũ	15SK	2,457,000
3064	108150059	108150059	Đào Hữu Dũng	15SK	1,229,000
3065	108150062	108150062	Vũ Anh Tiến	15SK	1,229,000
3066	102150021	102150021	Nguyễn Cảm	15T1	1,229,000
3067	102150022	102150022	Phạm Minh Chương	15T1	2,048,000
3068	102150025	102150025	Đặng Xuân Danh	15T1	2,321,000
3069	102150028	102150028	Nguyễn Tiến Dũng	15T1	819,000
3070	102150030	102150030	Dương Hồng Hà	15T1	819,000
3071	102150031	102150031	Nguyễn Hạnh	15T1	1,638,000
3072	102150032	102150032	Nguyễn Đức Hiển	15T1	1,024,000
3073	102150041	102150041	Nguyễn Văn Quang Huy	15T1	683,000
3074	102150044	102150044	Nguyễn Hồng Khôi	15T1	2,540,000
3075	102150045	102150045	Bùi Đức Lâm	15T1	683,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3076	102150046	102150046	Nguyễn Hồng Lanh	15T1	3,277,000
3077	102150048	102150048	Trần Xuân Lộc	15T1	2,048,000
3078	102150052	102150052	Nguyễn Văn Nam	15T1	1,638,000
3079	102150061	102150061	Nguyễn Đình Phước	15T1	1,065,000
3080	102150066	102150066	Nguyễn Hoàng Sơn	15T1	683,000
3081	102150067	102150067	Trương Thế Quốc Sỹ	15T1	1,366,000
3082	102150068	102150068	Trần Hữu Thắng	15T1	683,000
3083	102150069	102150069	Phạm Thị Mai Thảo	15T1	683,000
3084	102150072	102150072	Nguyễn Văn Tiên	15T1	4,383,000
3085	102150073	102150073	Phạm Trần Nhật Tiến	15T1	683,000
3086	102150074	102150074	Hồ Viết Phú Toàn	15T1	1,229,000
3087	102150077	102150077	Võ Văn Trọng	15T1	1,024,000
3088	102150080	102150080	Nguyễn Đắc Tuệ	15T1	1,707,000
3089	102150082	102150082	Nguyễn Đức Vũ	15T1	1,365,000
3090	102150083	102150083	Trần Tân An	15T2	2,048,000
3091	102150086	102150086	Mai Đình Chiến	15T2	819,000
3092	102150087	102150087	Ngô Minh Cương	15T2	1,516,000
3093	102150088	102150088	Nguyễn Thế Cường	15T2	819,000
3094	102150089	102150089	Trần Quốc Đại	15T2	819,000
3095	102150092	102150092	Tống Minh Đức	15T2	1,311,000
3096	102150093	102150093	Phạm Ngọc Được	15T2	1,502,000
3097	102150095	102150095	Bùi Văn Hậu	15T2	1,229,000
3098	102150099	102150099	Nguyễn Minh Hoàng	15T2	819,000
3099	102150100	102150100	Ngô Minh Hùng	15T2	1,024,000
3100	102150103	102150103	Nguyễn Đức Quang Huy	15T2	4,452,000
3101	102150104	102150104	Phạm Quốc Huy	15T2	2,731,000
3102	102150110	102150110	Trần Như Lập	15T2	2,048,000
3103	102150112	102150112	Huỳnh Phong Lưu	15T2	683,000
3104	102150114	102150114	Lê Đức Minh	15T2	683,000
3105	102150116	102150116	Trần Phương Nam	15T2	3,550,000
3106	102150117	102150117	Trần Lê Viên Ngọc	15T2	1,707,000
3107	102150118	102150118	Phan Cảnh Nhất	15T2	1,638,000
3108	102150119	102150119	Phan Quang Nhật	15T2	2,048,000
3109	102150121	102150121	Ngô Đình Phong	15T2	2,321,000
3110	102150123	102150123	Huỳnh Trương Phúc	15T2	2,526,000
3111	102150125	102150125	Lê Văn Hồng Quân	15T2	819,000
3112	102150132	102150132	Nguyễn Văn Thành	15T2	819,000
3113	102150143	102150143	Lê Công Tuấn	15T2	3,550,000
3114	102150149	102150149	Trần Phước Bình	15T3	2,867,000
3115	102150152	102150152	Nguyễn Văn Cường	15T3	2,867,000
3116	102150155	102150155	Hồ Văn Đức	15T3	1,912,000
3117	102150160	102150160	Trần Văn Hiền	15T3	2,048,000
3118	102150163	102150163	Lê Minh Hoàng	15T3	819,000
3119	102150169	102150169	Nguyễn Văn Huy	15T3	819,000
3120	102150170	102150170	Phạm Thị Huyền	15T3	819,000
3121	102150171	102150171	Đoàn Công Khanh	15T3	1,638,000
3122	102150174	102150174	Nguyễn Công Kiên	15T3	1,024,000
3123	102150183	102150183	Nguyễn Văn Nguyên	15T3	3,140,000
3124	102150185	102150185	Nguyễn Thị Nhi	15T3	1,502,000
3125	102150190	102150190	Huỳnh Hoài Phước	15T3	819,000
3126	102150192	102150192	Nguyễn Thành Quang	15T3	3,359,000
3127	102150194	102150194	Cái Thế Sĩ	15T3	683,000
3128	102150195	102150195	Lê Văn Sỹ	15T3	1,502,000
3129	102150196	102150196	Nguyễn Tấn Tài	15T3	3,413,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3130	102150200	102150200	Trịnh Ngọc Thông	15T3	1,502,000
3131	102150203	102150203	Trần Văn Tiến	15T3	1,707,000
3132	102150205	102150205	Dương Văn Trang	15T3	683,000
3133	102150207	102150207	Võ Văn Trinh	15T3	1,365,000
3134	102150209	102150209	Hồ Anh Tuấn	15T3	2,867,000
3135	102150213	102150213	Nguyễn Thế Anh	15TCLC1	819,000
3136	102150216	102150216	Nguyễn Hữu Quốc Cường	15TCLC1	2,048,000
3137	102150222	102150222	Hồ Quí Hoàng	15TCLC1	492,000
3138	102150223	102150223	Nguyễn Tăng Hoàng	15TCLC1	2,458,000
3139	102150226	102150226	Trần Lê Nguyên Hưng	15TCLC1	3,359,000
3140	102150228	102150228	Mai Trọng Khánh	15TCLC1	2,048,000
3141	102150229	102150229	Nguyễn Viết Lũy	15TCLC1	492,000
3142	102150230	102150230	Phan Tại Mẫn	15TCLC1	1,229,000
3143	102150231	102150231	Vương Văn Minh	15TCLC1	2,867,000
3144	102150238	102150238	Nguyễn Hoàng Phú	15TCLC1	1,311,000
3145	102150239	102150239	Nguyễn Đình Quang	15TCLC1	4,178,000
3146	102150240	102150240	Nguyễn Văn Quang	15TCLC1	3,359,000
3147	102150242	102150242	Dương Huỳnh Sơn	15TCLC1	819,000
3148	102150245	102150245	Hoàng Trọng Tâm	15TCLC1	3,277,000
3149	102150248	102150248	Nguyễn Xuân Thơm	15TCLC1	2,130,000
3150	102150249	102150249	Trần Tấn Thông	15TCLC1	492,000
3151	102150250	102150250	Hoàng Viết Thuận	15TCLC1	819,000
3152	102150252	102150252	Lê Xuân Trúc	15TCLC1	2,540,000
3153	102150256	102150256	Trần Tùng Vương	15TCLC1	1,638,000
3154	102150258	102150258	Trương Thị Vân Anh	15TCLC2	1,638,000
3155	102150260	102150260	Phan Văn Anh Bảng	15TCLC2	819,000
3156	102150261	102150261	Trần Hoàng Bão	15TCLC2	1,638,000
3157	102150262	102150262	Ngô Văn Bảo	15TCLC2	819,000
3158	102150266	102150266	Phạm Đến	15TCLC2	2,130,000
3159	102150269	102150269	Nguyễn Lê Thùy Dương	15TCLC2	1,638,000
3160	102150280	102150280	Trương Long	15TCLC2	819,000
3161	102150281	102150281	Phạm Thị Thảo Ly	15TCLC2	2,130,000
3162	102150287	102150287	Nguyễn Thị Thùy Nhung	15TCLC2	492,000
3163	102150289	102150289	Phan Tấn Phong	15TCLC2	3,277,000
3164	102150290	102150290	Lê Hữu Phước	15TCLC2	819,000
3165	102150297	102150297	Trần Nguyễn Hồng Sơn	15TCLC2	2,867,000
3166	102150300	102150300	Phan Thị Quỳnh Trang	15TCLC2	819,000
3167	102150302	102150302	Nguyễn Phan Thành Trung	15TCLC2	1,638,000
3168	102150303	102150303	Nguyễn Đức Vinh	15TCLC2	819,000
3169	105150228	105150228	Nguyễn Ngọc An	15TDH1	1,878,000
3170	105150230	105150230	Nguyễn Nhật Ánh	15TDH1	2,049,000
3171	105150234	105150234	Hoàng Trọng Bình	15TDH1	1,878,000
3172	105150235	105150235	Nguyễn Xuân Bình	15TDH1	1,843,000
3173	105150237	105150237	Nguyễn Đình Chiến	15TDH1	3,564,000
3174	105150238	105150238	Trịnh Đình Chiến	15TDH1	2,526,000
3175	105150240	105150240	Bạch Đình Quốc Cường	15TDH1	3,072,000
3176	105150241	105150241	Nguyễn Việt Cường	15TDH1	2,540,000
3177	105150243	105150243	Ngô Đức Hoàng Đạt	15TDH1	1,707,000
3178	105150245	105150245	Nguyễn Hãi Đạt	15TDH1	3,413,000
3179	105150246	105150246	Nguyễn Ngọc Đạt	15TDH1	2,731,000
3180	105150247	105150247	Nguyễn Tiến Đạt	15TDH1	990,000
3181	105150248	105150248	Phạm Đức Linh Đề	15TDH1	2,867,000
3182	105150249	105150249	Hà Văn Hoàng Diện	15TDH1	2,458,000
3183	105150251	105150251	Huỳnh Đức	15TDH1	1,843,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3184	105150252	105150252	Phạm Lê Đức	15TDH1	3,687,000
3185	105150254	105150254	Tô Chí Hải	15TDH1	2,048,000
3186	105150256	105150256	Thái Xuân Hào	15TDH1	1,024,000
3187	105150259	105150259	Nguyễn Hữu Hòa	15TDH1	1,366,000
3188	105150262	105150262	Nguyễn Đình Hoàng	15TDH1	3,960,000
3189	105150263	105150263	Nguyễn Đức Hoàng	15TDH1	1,024,000
3190	105150264	105150264	Phạm Ngọc Hưng	15TDH1	1,673,000
3191	105150265	105150265	Biện Huy	15TDH1	819,000
3192	105150266	105150266	Đoàn Nhật Huy	15TDH1	1,502,000
3193	105150267	105150267	Nguyễn Duy Huy	15TDH1	2,131,000
3194	105150268	105150268	Nguyễn Văn Huy	15TDH1	2,662,000
3195	105150270	105150270	Phan Đình Khoa	15TDH1	3,277,000
3196	105150271	105150271	Đậu Bá Kiên	15TDH1	1,024,000
3197	105150276	105150276	Nguyễn Đôn Anh Minh	15TDH1	3,277,000
3198	105150277	105150277	Trác Văn Minh	15TDH1	2,048,000
3199	105150279	105150279	Văn Nghĩa	15TDH1	1,195,000
3200	105150280	105150280	Lê Quang Nguyên	15TDH1	1,024,000
3201	105150281	105150281	Huỳnh Minh Nhật	15TDH1	3,072,000
3202	105150283	105150283	Đoàn Thị Ngọc Như	15TDH1	171,000
3203	105150284	105150284	Nguyễn Vương Phi	15TDH1	3,277,000
3204	105150287	105150287	Nguyễn Trọng Phúc	15TDH1	1,537,000
3205	105150288	105150288	Nguyễn Thanh Phước	15TDH1	4,369,000
3206	105150289	105150289	Võ Hoàng Nguyên Phương	15TDH1	1,093,000
3207	105150295	105150295	Phan Tấn Sự	15TDH1	2,390,000
3208	105150296	105150296	Nguyễn Trần Thanh Tâm	15TDH1	1,878,000
3209	105150297	105150297	Phan Thiện Tâm	15TDH1	1,605,000
3210	105150298	105150298	Nguyễn Hữu Thân	15TDH1	3,550,000
3211	105150299	105150299	Đậu Đức Thắng	15TDH1	990,000
3212	105150300	105150300	Huỳnh Nhật Thức	15TDH1	1,502,000
3213	105150301	105150301	Lê Trịnh Ngọc Thức	15TDH1	1,843,000
3214	105150302	105150302	Trần Minh Trí	15TDH1	1,638,000
3215	105150303	105150303	Nguyễn Thành Trung	15TDH1	2,526,000
3216	105150304	105150304	Nguyễn Huy Tuấn	15TDH1	1,024,000
3217	105150305	105150305	Nguyễn Lương Tuấn	15TDH1	1,707,000
3218	105150308	105150308	Phan Thị Tuyết	15TDH1	171,000
3219	105150309	105150309	Phan Xuân Vinh	15TDH1	2,048,000
3220	105150389	105150389	Trần Đông Thiên	15TDH1	3,276,000
3221	105150311	105150311	Đồng Hoàng Bin	15TDHCLC	2,130,000
3222	105150313	105150313	Hà Ngọc Chính	15TDHCLC	1,638,000
3223	105150314	105150314	Phạm Quốc Cường	15TDHCLC	1,638,000
3224	105150315	105150315	Lê Anh Đạt	15TDHCLC	2,048,000
3225	105150316	105150316	Phạm Quốc Đạt	15TDHCLC	3,768,000
3226	105150318	105150318	Nguyễn Thanh Hải	15TDHCLC	1,638,000
3227	105150319	105150319	Trang Minh Hiền	15TDHCLC	2,540,000
3228	105150321	105150321	Lê Minh Hoàng	15TDHCLC	1,229,000
3229	105150324	105150324	Trần Nam Hưng	15TDHCLC	1,229,000
3230	105150326	105150326	Ngô Gia Huy	15TDHCLC	819,000
3231	105150327	105150327	Nguyễn Quang Huy	15TDHCLC	2,867,000
3232	105150334	105150334	Nguyễn Hữu Lân	15TDHCLC	819,000
3233	105150335	105150335	Lê Phước Lộc	15TDHCLC	2,048,000
3234	105150342	105150342	Nguyễn Thanh Quảng	15TDHCLC	2,540,000
3235	105150346	105150346	Nguyễn Hữu Thịnh	15TDHCLC	2,048,000
3236	105150347	105150347	Huỳnh Đắc Thuận	15TDHCLC	1,311,000
3237	105150348	105150348	Nguyễn Tấn Thuyền	15TDHCLC	492,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3238	105150349	105150349	Lê Việt Tiến	15TDHCLC	2,540,000
3239	105150350	105150350	Tạ Hoàng Tin	15TDHCLC	819,000
3240	105150351	105150351	Phạm Đặng Tất Toàn	15TDHCLC	2,048,000
3241	105150352	105150352	Nguyễn Minh Trí	15TDHCLC	3,277,000
3242	105150356	105150356	Bùi Đức Tuấn	15TDHCLC	492,000
3243	111150004	111150004	Huỳnh Thúc Ấn	15THXD	2,594,000
3244	111150005	111150005	Đặng Quốc Bảo	15THXD	1,024,000
3245	111150006	111150006	Nguyễn Văn Bảo	15THXD	819,000
3246	111150008	111150008	Nguyễn Duy Bình	15THXD	3,277,000
3247	111150010	111150010	Hồ Thanh Chương	15THXD	1,707,000
3248	111150011	111150011	Nguyễn Văn Cư	15THXD	1,707,000
3249	111150012	111150012	Võ Viết Cường	15THXD	2,936,000
3250	111150014	111150014	Lê Văn Tiến Đạt	15THXD	3,072,000
3251	111150015	111150015	Ngô Quốc Đạt	15THXD	2,253,000
3252	111150018	111150018	Hứa Ngọc Đông	15THXD	1,366,000
3253	111150021	111150021	Võ Ngọc Đức	15THXD	2,799,000
3254	111150022	111150022	Hồ Minh Hải	15THXD	2,867,000
3255	111150023	111150023	Mai Thanh Hải	15THXD	2,745,000
3256	111150024	111150024	Phan Thanh Hải	15THXD	1,707,000
3257	111150025	111150025	Nguyễn Minh Hiếu	15THXD	1,366,000
3258	111150026	111150026	Đặng Thành Huy	15THXD	3,208,000
3259	111150027	111150027	Nguyễn Đăng Huynh	15THXD	2,540,000
3260	111150028	111150028	Trần Hồng Lân	15THXD	819,000
3261	111150030	111150030	Nguyễn Thị Linh	15THXD	1,024,000
3262	111150031	111150031	Nguyễn Văn Phi Long	15THXD	3,277,000
3263	111150034	111150034	Nguyễn Ngọc Ngân	15THXD	3,550,000
3264	111150035	111150035	Phạm Đình Nhị	15THXD	2,662,000
3265	111150036	111150036	Nguyễn Thành Phát	15THXD	683,000
3266	111150037	111150037	Mạc Nguyễn Như Phong	15THXD	3,550,000
3267	111150038	111150038	Cao Phước	15THXD	3,686,000
3268	111150039	111150039	Lê Trường Phước	15THXD	2,253,000
3269	111150040	111150040	Lương Mậu Việt Quân	15THXD	1,707,000
3270	111150041	111150041	Phan Văn Đại Quốc	15THXD	2,662,000
3271	111150042	111150042	Đoàn Minh Quyền	15THXD	4,096,000
3272	111150046	111150046	Lê Văn Thắng	15THXD	3,345,000
3273	111150047	111150047	Nguyễn Đức Thiện	15THXD	2,867,000
3274	111150048	111150048	Phạm Gia Thiều	15THXD	2,595,000
3275	111150049	111150049	Hà Xuân Thông	15THXD	2,048,000
3276	111150051	111150051	Hà Đức Thuận	15THXD	3,414,000
3277	111150052	111150052	Bạch Văn Thương	15THXD	3,482,000
3278	111150053	111150053	Hồ Xuân Sĩ Tín	15THXD	1,843,000
3279	111150054	111150054	Đỗ Văn Toàn	15THXD	3,905,000
3280	111150055	111150055	Võ Văn Trà	15THXD	2,389,000
3281	111150057	111150057	Lê Trường	15THXD	1,707,000
3282	111150058	111150058	Bùi Nguyễn Ngọc Tú	15THXD	683,000
3283	111150059	111150059	Nguyễn Đắc Tú	15THXD	1,502,000
3284	111150063	111150063	Nguyễn Văn Uyên	15THXD	2,526,000
3285	111150065	111150065	Trần Xuân Vũ	15THXD	2,731,000
3286	111150066	111150066	Võ Văn Vững	15THXD	2,048,000
3287	111150130	111150130	Trần Hữu Hoà	15THXD	2663000
3289	111150147	111150147	Hoàng Quốc Hưng	15THXD	2,082,500
3290	109150229	109150229	Huỳnh Văn Anh	15VLXD	1,366,000
3291	109150230	109150230	Trần Thị Kim Anh	15VLXD	2,540,000
3292	109150232	109150232	Nguyễn Hữu Ca	15VLXD	3,087,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3293	109150233	109150233	Võ Thị Lê Kha Chi	15VLXD	2,322,000
3294	109150235	109150235	Trần Văn Cường	15VLXD	2,048,000
3295	109150237	109150237	Hồ Nhật Đức	15VLXD	3,413,000
3296	109150238	109150238	Hàng Tùng Dương	15VLXD	2,868,000
3297	109150240	109150240	Lê Hà Duy	15VLXD	683,000
3298	109150241	109150241	Trần Văn Duy	15VLXD	1,065,000
3299	109150242	109150242	Nguyễn Viết Hải	15VLXD	3,141,000
3300	109150243	109150243	Nguyễn Văn Hạnh	15VLXD	2,882,000
3301	109150245	109150245	Võ Công Hiếu	15VLXD	3,482,000
3302	109150246	109150246	Lê Văn Hoàng	15VLXD	4,520,000
3303	109150247	109150247	Nguyễn Văn Hoàng	15VLXD	2,800,000
3304	109150248	109150248	Trần Thanh Hưng	15VLXD	3,277,000
3305	109150249	109150249	Trần Quang Huy	15VLXD	2,457,000
3306	109150250	109150250	Võ Đức Huy	15VLXD	3,277,000
3307	109150251	109150251	Đỗ Kha	15VLXD	2,253,000
3308	109150252	109150252	Hoàng Văn Khoa	15VLXD	3,769,000
3309	109150253	109150253	Nguyễn Phước Khôi	15VLXD	3,414,000
3310	109150255	109150255	Trần Quốc Lập	15VLXD	1,707,000
3311	109150256	109150256	Trần Đình Linh	15VLXD	3,550,000
3312	109150258	109150258	Đặng Ngọc Minh	15VLXD	2,048,000
3313	109150259	109150259	Đỗ Hoàng Nhân	15VLXD	683,000
3314	109150261	109150261	Nguyễn Nhật Quang	15VLXD	2,936,000
3315	109150263	109150263	Lê Cảnh Sang	15VLXD	1,707,000
3316	109150264	109150264	Lê Hữu Song	15VLXD	3,004,000
3317	109150268	109150268	Nguyễn Minh Tâm	15VLXD	1,024,000
3318	109150271	109150271	Nguyễn Tấn	15VLXD	1,707,000
3319	109150272	109150272	Nguyễn Vũ Đình Thái	15VLXD	3,072,000
3320	109150273	109150273	Đặng Ngọc Thắng	15VLXD	3,277,000
3321	109150278	109150278	Bùi Hải Thượng	15VLXD	683,000
3322	109150280	109150280	Võ Đình Trung	15VLXD	2,048,000
3323	109150282	109150282	Lê Tú Tú	15VLXD	3,768,000
3324	109150283	109150283	Trần Đình Tuân	15VLXD	1,024,000
3325	109150284	109150284	Hồ Bùi Minh Tuấn	15VLXD	2,799,000
3326	109150287	109150287	Phạm Anh Tuấn	15VLXD	3,346,000
3327	109150288	109150288	Đinh Thế Vinh	15VLXD	2,131,000
3328	109150289	109150289	Trần Khánh Vinh	15VLXD	1,816,000
3329	109150290	109150290	Nguyễn Văn Vũ	15VLXD	3,072,000
3330	109150291	109150291	Ngô Thanh Vỹ	15VLXD	3,632,000
3331	110150006	110150006	Phan Tấn Tài	15X1_B2	683,000
3332	110150017	110150017	Trần Thanh Bằng	15X1A	3,277,000
3333	110150019	110150019	Phạm Đình Hoàng Cao	15X1A	663,000
3334	110150020	110150020	Nguyễn Văn Chung	15X1A	3,687,000
3335	110150021	110150021	Nguyễn Quốc Cường	15X1A	2,731,000
3336	110150022	110150022	Bùi Kỳ Quan Đạt	15X1A	3,141,000
3337	110150023	110150023	Nguyễn Quốc Đạt	15X1A	1,912,000
3338	110150024	110150024	Hồ Xuân Điều	15X1A	2,561,000
3339	110150025	110150025	Nguyễn Ngọc Đức	15X1A	3,653,000
3340	110150026	110150026	Thái Bá Đức	15X1A	3,141,000
3341	110150028	110150028	Lê Đại Dương	15X1A	3,551,000
3342	110150029	110150029	Võ Văn Dương	15X1A	1,366,000
3343	110150031	110150031	Trần Ngọc Gôn	15X1A	2,048,000
3344	110150034	110150034	Lê Hồng Hiền	15X1A	3,959,000
3345	110150035	110150035	Ngô Văn Hiếu	15X1A	4,096,000
3346	110150036	110150036	Nguyễn Văn Hoà	15X1A	2,389,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3347	110150038	110150038	Trần Đức Hoàng	15X1A	2,799,000
3348	110150039	110150039	Tống Phước Hội	15X1A	2,220,000
3349	110150040	110150040	Trịnh Quang Hùng	15X1A	3,277,000
3350	110150041	110150041	Phan Hưng	15X1A	2,390,000
3351	110150043	110150043	Nguyễn Đức Huy	15X1A	2,731,000
3352	110150044	110150044	Phạm Văn Huy	15X1A	3,276,000
3353	110150045	110150045	Nguyễn Ngọc Huỳnh	15X1A	4,096,000
3354	110150049	110150049	Đặng Văn Lai	15X1A	2,704,000
3355	110150050	110150050	Đoàn Lãm	15X1A	2,457,000
3356	110150051	110150051	Nguyễn Đức Lập	15X1A	1,919,000
3357	110150052	110150052	Võ Đình Linh	15X1A	1,707,000
3358	110150053	110150053	Đặng Thiên Long	15X1A	3,551,000
3359	110150056	110150056	Nguyễn Duy Mẩu	15X1A	2,390,000
3360	110150057	110150057	Hồ Hoàng Nam	15X1A	2,220,000
3361	110150058	110150058	Nguyễn Văn Nam	15X1A	2,676,000
3362	110150061	110150061	Đinh Quang Phi	15X1A	2,731,000
3363	110150063	110150063	Võ Công Hồng Phúc	15X1A	1,229,000
3364	110150064	110150064	Nguyễn Như Phước	15X1A	2,390,000
3365	110150065	110150065	Nguyễn Duy Phương	15X1A	2,595,000
3366	110150067	110150067	Hồ Văn Quý	15X1A	1,366,000
3367	110150068	110150068	Nguyễn Văn Rô	15X1A	2,800,000
3368	110150069	110150069	Huỳnh Ngọc Phước Sơn	15X1A	1,366,000
3369	110150071	110150071	Trần Thái Sơn	15X1A	3,141,000
3370	110150073	110150073	Hồ Thanh Tâm	15X1A	2,936,000
3371	110150074	110150074	Trần Đình Tâm	15X1A	1,366,000
3372	110150075	110150075	Nguyễn Thiện Thạch	15X1A	2,595,000
3373	110150077	110150077	Nguyễn Việt Thắng	15X1A	4,506,000
3374	110150078	110150078	Nguyễn Tấn Thành	15X1A	3,277,000
3375	110150079	110150079	Trần Học Thành	15X1A	2,048,000
3376	110150081	110150081	Đặng Văn Thiện	15X1A	1,065,000
3377	110150082	110150082	Lê Quý Thiện	15X1A	1,229,000
3378	110150084	110150084	Nguyễn Thịnh	15X1A	1,878,000
3379	110150085	110150085	Trần Thu	15X1A	4,096,000
3380	110150086	110150086	Đỗ Văn Thuật	15X1A	2,882,000
3381	110150087	110150087	Nguyễn Văn Thùy	15X1A	2,390,000
3382	110150090	110150090	Lê Ngọc Tình	15X1A	1,638,000
3383	110150093	110150093	Phù Trung Trịnh	15X1A	1,502,000
3384	110150094	110150094	Dương Quang Trường	15X1A	3,448,000
3385	110150096	110150096	Phạm Văn Tuấn	15X1A	3,687,000
3386	110150097	110150097	Dương Thanh Tùng	15X1A	4,247,000
3387	110150098	110150098	Nguyễn Khắc Tùng	15X1A	2,014,000
3388	110150099	110150099	Lê Phúc Quang Vinh	15X1A	1,639,000
3389	110150100	110150100	Nguyễn Hà Như Vũ	15X1A	3,551,000
3390	110150101	110150101	Lương Thanh Xuân	15X1A	2,526,000
3391	110150296	110150296	Nguyễn Đăng Vĩnh Hòa	15X1A	2,288,000
3392	110150297	110150297	Đỗ Như Trung	15X1A	2,867,000
3393	110150102	110150102	Nguyễn Hùng Nhật An	15X1B	2,048,000
3394	110150105	110150105	Nguyễn Phước Chiến	15X1B	3,018,000
3395	110150110	110150110	Đặng Công Duẩn	15X1B	2,322,000
3396	110150112	110150112	Đỗ Quang Dũng	15X1B	2,049,000
3397	110150114	110150114	Nguyễn Đình Dưỡng	15X1B	1,537,000
3398	110150115	110150115	Doãn Đình Duy	15X1B	2,185,000
3399	110150117	110150117	Phạm Bá Hải	15X1B	1,707,000
3400	110150118	110150118	Nguyễn Văn Hậu	15X1B	2,731,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3401	110150121	110150121	Bùi Xuân Hòa	15X1B	2,595,000
3402	110150122	110150122	Lê Quốc Hoàng	15X1B	2,867,000
3403	110150123	110150123	Trần Thanh Hoàng	15X1B	2,867,000
3404	110150125	110150125	Bùi Công Hưng	15X1B	2,048,000
3405	110150126	110150126	Trần Thanh Hưng	15X1B	1,264,000
3406	110150128	110150128	Trần Phát Huy	15X1B	1,707,000
3407	110150129	110150129	Nguyễn Quốc Khải	15X1B	3,482,000
3408	110150131	110150131	Nguyễn Thanh Khoa	15X1B	1,707,000
3409	110150132	110150132	Nguyễn Văn Kiên	15X1B	3,277,000
3410	110150133	110150133	Võ Hoàng Lai	15X1B	3,003,000
3411	110150134	110150134	Lê Xuân Lân	15X1B	1,912,000
3412	110150135	110150135	Đặng Công Linh	15X1B	3,223,000
3413	110150136	110150136	Hà Xuân Long	15X1B	1,366,000
3414	110150138	110150138	Trần Đình Mạnh	15X1B	3,482,000
3415	110150139	110150139	Bùi Quang Anh Minh	15X1B	3,277,000
3416	110150140	110150140	Hoàng Đức Nam	15X1B	3,550,000
3417	110150142	110150142	Lê Hữu Nhân	15X1B	2,390,000
3418	110150144	110150144	Nguyễn Văn Phú	15X1B	683,000
3419	110150145	110150145	Lê Doãn Phước	15X1B	3,277,000
3420	110150146	110150146	Trần Đại Phước	15X1B	1,912,000
3421	110150147	110150147	Nguyễn Đăng Quang	15X1B	3,141,000
3422	110150148	110150148	Võ Minh Quang	15X1B	4,179,000
3423	110150150	110150150	Khắc Ngọc Sắc	15X1B	1,858,000
3424	110150151	110150151	Lê Văn Sơn	15X1B	2,541,000
3425	110150152	110150152	Nguyễn Văn Sơn	15X1B	2,541,000
3426	110150153	110150153	Phạm Hoàng Song	15X1B	2,526,000
3427	110150154	110150154	Nguyễn Hữu Tài	15X1B	3,277,000
3428	110150155	110150155	Huỳnh Ngọc Tâm	15X1B	3,770,000
3429	110150158	110150158	Trần Huy Thắng	15X1B	2,676,000
3430	110150159	110150159	Nguyễn Văn Thành	15X1B	1,366,000
3431	110150160	110150160	Võ Văn Thành	15X1B	683,000
3432	110150161	110150161	Trương Thanh Thảo	15X1B	2,199,000
3433	110150162	110150162	Đỗ Hoàng Thiện	15X1B	1,502,000
3434	110150163	110150163	Nguyễn Đình Thiện	15X1B	1,707,000
3435	110150164	110150164	Võ Nhật Thiện	15X1B	1,776,000
3436	110150167	110150167	Huỳnh Ngọc Thương	15X1B	1,776,000
3437	110150168	110150168	Nguyễn Mạnh Thủy	15X1B	4,452,000
3438	110150170	110150170	Ngô Anh Tín	15X1B	1,843,000
3439	110150171	110150171	Đặng Hoàng Trí	15X1B	3,072,000
3440	110150172	110150172	Trần Viết Minh Trí	15X1B	2,390,000
3441	110150173	110150173	Hoàng Ngọc Trung	15X1B	2,048,000
3442	110150174	110150174	Nguyễn Văn Trường	15X1B	410,000
3443	110150175	110150175	Ngô Văn Tuấn	15X1B	2,048,000
3444	110150176	110150176	Phan Anh Tuấn	15X1B	2,185,000
3445	110150177	110150177	Lê Quốc Tùng	15X1B	1,707,000
3446	110150178	110150178	Tôn Thất Tường	15X1B	2,049,000
3447	110150179	110150179	Nguyễn Thành Vinh	15X1B	2,868,000
3448	110150180	110150180	Nguyễn Thái Vũ	15X1B	2,541,000
3449	110150261	110150261	Nguyễn Cảnh Toàn	15X1B	2,662,000
3450	110150181	110150181	Nguyễn Dương Anh	15X1C	3,223,000
3451	110150183	110150183	Cao Văn Bửu	15X1C	3,960,000
3452	110150184	110150184	Phạm Văn Chiện	15X1C	3,223,000
3453	110150185	110150185	Hà Đức Công	15X1C	683,000
3454	110150187	110150187	Nguyễn Minh Đạt	15X1C	2,294,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3455	110150190	110150190	Nguyễn Văn Anh Đức	15X1C	3,208,000
3456	110150194	110150194	Đặng Hồ Chí Duy	15X1C	1,366,000
3457	110150196	110150196	Lê Viết Hải	15X1C	2,049,000
3458	110150197	110150197	Nguyễn Xuân Hậu	15X1C	819,000
3459	110150198	110150198	Lê Hiệp	15X1C	1,707,000
3460	110150200	110150200	Nguyễn Viết Anh Hoàng	15X1C	3,686,000
3461	110150201	110150201	Trương Nguyễn Kim Hoàng	15X1C	3,345,000
3462	110150206	110150206	Ngô Trí Huỳnh	15X1C	3,073,000
3463	110150207	110150207	Phan Văn Khanh	15X1C	1,843,000
3464	110150208	110150208	Huỳnh Minh Khoa	15X1C	3,687,000
3465	110150210	110150210	Bùi Văn Kỳ	15X1C	2,867,000
3466	110150212	110150212	Lê Trúc Linh	15X1C	3,208,000
3467	110150213	110150213	Lê Hưng Lộc	15X1C	2,049,000
3468	110150215	110150215	Lê Phước Mãn	15X1C	2,526,000
3469	110150216	110150216	Trần Công Minh	15X1C	2,158,000
3470	110150217	110150217	Nguyễn Thanh Nam	15X1C	3,208,000
3471	110150219	110150219	Lê Tấn Nhân	15X1C	2,868,000
3472	110150220	110150220	Nguyễn Phước Phát	15X1C	2,321,000
3473	110150222	110150222	Nguyễn Hồng Phúc	15X1C	2,390,000
3474	110150224	110150224	Nguyễn Đình Minh Phương	15X1C	4,179,000
3475	110150225	110150225	Nguyễn Văn Quang	15X1C	2,185,000
3476	110150226	110150226	Võ Nhật Quang	15X1C	3,686,000
3477	110150227	110150227	Lê Nhất Quyết	15X1C	3,891,000
3478	110150228	110150228	Trần Công Giáng Sinh	15X1C	2,390,000
3479	110150229	110150229	Nguyễn Duy Sơn	15X1C	1,366,000
3480	110150230	110150230	Trần Hữu Sơn	15X1C	3,072,000
3481	110150232	110150232	Trần Công Tài	15X1C	2,731,000
3482	110150233	110150233	Lê Xuân Tâm	15X1C	2,526,000
3483	110150235	110150235	Hồ Duy Thắng	15X1C	1,502,000
3484	110150236	110150236	Lê Ngọc Thanh	15X1C	2,936,000
3485	110150240	110150240	Hoàng Văn Thiện	15X1C	2,390,000
3486	110150241	110150241	Nguyễn Ngọc Thiện	15X1C	2,390,000
3487	110150242	110150242	Đặng Xuân Thịnh	15X1C	2,798,000
3488	110150243	110150243	Trần Văn Thịnh	15X1C	3,755,000
3489	110150244	110150244	Nguyễn Văn Thuận	15X1C	3,209,000
3490	110150246	110150246	Phan Châu Thủy	15X1C	2,185,000
3491	110150249	110150249	Phan Vĩnh Toàn	15X1C	2,526,000
3492	110150251	110150251	Ung Minh Trí	15X1C	1,843,000
3493	110150252	110150252	Nguyễn Đình Trung	15X1C	3,277,000
3494	110150253	110150253	Văn Khắc Trường	15X1C	2,662,000
3495	110150254	110150254	Nguyễn Ngọc Tuấn	15X1C	819,000
3496	110150257	110150257	Đàm Quốc Việt	15X1C	2,390,000
3497	110150258	110150258	Bùi Vũ Vịnh	15X1C	3,072,000
3498	111150068	111150068	Nguyễn Quang An	15X2	1,502,000
3499	111150069	111150069	Lê Văn Công	15X2	1,229,000
3500	111150070	111150070	Đàm Mạnh Cường	15X2	2,594,000
3501	111150071	111150071	Trần Văn Cường	15X2	3,687,000
3502	111150072	111150072	Phạm Cao Đạt	15X2	3,823,000
3503	111150074	111150074	Hồ Thăng Đức	15X2	4,096,000
3504	111150075	111150075	Trần Thanh Nhân Đức	15X2	1,229,000
3505	111150076	111150076	Trần Duy Dũng	15X2	2,458,000
3506	111150077	111150077	Trần Hữu Đương	15X2	2,048,000
3507	111150079	111150079	Hồ Công Hiếu	15X2	2,731,000
3508	111150080	111150080	Hoàng Thanh Hiếu	15X2	2,867,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3509	111150081	111150081	Nguyễn Đình Hùng	15X2	4,028,000
3510	111150082	111150082	Nguyễn Mạnh Hùng	15X2	2,867,000
3511	111150083	111150083	Ngô Nguyễn Quang Hưng	15X2	2,253,000
3512	111150084	111150084	Đào Đình Hữu	15X2	3,823,000
3513	111150085	111150085	Ngô Minh Khải	15X2	3,277,000
3514	111150087	111150087	Nguyễn Văn Khánh	15X2	3,414,000
3515	111150088	111150088	Hồ Duy Bách Khoa	15X2	2,048,000
3516	111150089	111150089	Nguyễn Thành Lâm	15X2	683,000
3517	111150090	111150090	Nguyễn Ngọc Long	15X2	1,366,000
3518	111150092	111150092	Lê Đình Tâm Lực	15X2	2,321,000
3519	111150094	111150094	Trương Thanh Minh	15X2	2,321,000
3520	111150095	111150095	Lê Thị Cẩm Nhung	15X2	819,000
3521	111150097	111150097	Trần Đình Phúc	15X2	1,912,000
3522	111150098	111150098	Nguyễn Văn Quốc	15X2	3,141,000
3523	111150099	111150099	Trịnh Công Sơn	15X2	3,995,000
3524	111150102	111150102	Bùi Như Tài	15X2	3,769,000
3525	111150105	111150105	Nguyễn Nhật Thành	15X2	2,663,000
3526	111150108	111150108	Nguyễn Hữu Thông	15X2	2,458,000
3527	111150109	111150109	Lê Thị Hoài Thu	15X2	3,619,000
3528	111150110	111150110	Ninh Văn Tín	15X2	1,502,000
3529	111150111	111150111	Hứa Văn Tính	15X2	3,073,000
3530	111150112	111150112	Nguyễn Trung Trí	15X2	4,232,000
3531	111150113	111150113	Phan Đình Trí	15X2	1,912,000
3532	111150115	111150115	Nguyễn Từ	15X2	3,278,000
3533	111150116	111150116	Lê Anh Tuấn	15X2	2,677,000
3534	111150117	111150117	Lê Công Minh Tuấn	15X2	3,960,000
3535	111150118	111150118	Nguyễn Cao Tuấn	15X2	2,458,000
3536	111150119	111150119	Tạ Công Tuấn	15X2	3,345,000
3537	111150120	111150120	Trần Công Tuấn	15X2	2,048,000
3538	111150125	111150125	Nguyễn Văn Vũ	15X2	1,707,000
3539	111150126	111150126	Nguyễn Công Vương	15X2	2,868,000
3540	111150127	111150127	Lê Nguyễn Tường Vy	15X2	3,277,000
3541	111150128	111150128	Nguyễn Hữu Xuân	15X2	1,843,000
3542	111150148	111150148	Lê Hữu Đức	15X2	2,220,000
3543	109150011	109150011	Hoàng Thái An	15X3A	3,618,000
3544	109150012	109150012	Nguyễn Tuấn Anh	15X3A	3,278,000
3545	109150013	109150013	Nguyễn Xuân Bằng	15X3A	2,731,000
3546	109150014	109150014	Trần Văn Cương	15X3A	2,117,000
3547	109150015	109150015	Trần Đình Cường	15X3A	2,458,000
3548	109150017	109150017	Hà Như Đạo	15X3A	1,264,000
3549	109150018	109150018	Nguyễn Quang Định	15X3A	1,707,000
3550	109150019	109150019	Bùi Văn Đức	15X3A	1,229,000
3551	109150021	109150021	Đào Minh Dũng	15X3A	2,185,000
3552	109150022	109150022	Nguyễn Văn Dũng	15X3A	3,004,000
3553	109150023	109150023	Võ Văn Anh Duy	15X3A	2,595,000
3554	109150024	109150024	Nguyễn Như Hiệp	15X3A	3,858,000
3555	109150026	109150026	Phan Phước Hoạch	15X3A	2,253,000
3556	109150027	109150027	Bùi Mạnh Hùng	15X3A	2,663,000
3557	109150028	109150028	Trần Hữu Hưng	15X3A	2,322,000
3558	109150030	109150030	Ngô Trọng Khánh	15X3A	4,343,000
3559	109150032	109150032	Nguyễn Hoàng Kiên	15X3A	3,141,000
3560	109150034	109150034	Bạch Lê Tấn Lộc	15X3A	1,024,000
3561	109150035	109150035	Nguyễn Đức Lợi	15X3A	683,000
3562	109150038	109150038	Bhnươch Mão	15X3A	3,687,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3563	109150039	109150039	Phan Xuân Minh	15X3A	2,185,000
3564	109150040	109150040	Lê Phước Mỹ	15X3A	1,537,000
3565	109150043	109150043	Nguyễn Quang Nhật	15X3A	2,868,000
3566	109150044	109150044	Huỳnh Văn Nhựt	15X3A	4,267,000
3567	109150045	109150045	Hoàng Giữ Phi	15X3A	3,072,000
3568	109150047	109150047	Lê Gia Quang Phú	15X3A	2,595,000
3569	109150049	109150049	Nguyễn Tấn Quân	15X3A	3,278,000
3570	109150050	109150050	Trần Quang	15X3A	819,000
3571	109150051	109150051	Lê Ngọc Cao Sang	15X3A	2,971,000
3572	109150052	109150052	Đinh Hồng Sơn	15X3A	3,346,000
3573	109150053	109150053	Lê Văn Sơn	15X3A	854,000
3574	109150055	109150055	Phạm Công Tân	15X3A	3,482,000
3575	109150056	109150056	Hoàng Ngọc Thắng	15X3A	2,049,000
3576	109150059	109150059	Nguyễn Văn Thông	15X3A	2,526,000
3577	109150060	109150060	Phan Trọng Tiến	15X3A	4,097,000
3578	109150061	109150061	Nguyễn Thành Tín	15X3A	2,048,000
3579	109150062	109150062	Lê Văn Toàn	15X3A	1,707,000
3580	109150063	109150063	Đinh Quốc Trọng	15X3A	3,686,000
3581	109150069	109150069	Trần Quang Vy	15X3A	1,366,000
3582	109150070	109150070	Ngô Minh An	15X3B	4,370,000
3583	109150072	109150072	Phan Ngọc Anh	15X3B	2,936,000
3584	109150073	109150073	Trần Gia Bảo	15X3B	3,223,000
3585	109150075	109150075	Lê Hồng Dân	15X3B	1,365,000
3586	109150076	109150076	Trần Đăng	15X3B	3,073,000
3587	109150077	109150077	Trần Công Đạt	15X3B	1,024,000
3588	109150080	109150080	Ngô Trí Đức	15X3B	4,643,000
3589	109150081	109150081	Hoàng Văn Dũng	15X3B	3,483,000
3590	109150083	109150083	Bùi Thanh Hải	15X3B	3,277,000
3591	109150085	109150085	Đặng Văn Hòa	15X3B	2,868,000
3592	109150086	109150086	Nguyễn Trần Hoàn	15X3B	2,936,000
3593	109150089	109150089	Phạm Xuân Huỳnh	15X3B	2,083,000
3594	109150093	109150093	Trần Văn Linh	15X3B	4,097,000
3595	109150094	109150094	Đỗ Văn Lộc	15X3B	1,366,000
3596	109150096	109150096	Nguyễn Văn Lực	15X3B	4,097,000
3597	109150098	109150098	Trương Trọng Minh	15X3B	683,000
3598	109150099	109150099	Lê Quang Nam	15X3B	2,868,000
3599	109150100	109150100	Hồ Thị Minh Nguyệt	15X3B	1,195,000
3600	109150102	109150102	Nguyễn Tấn Phát	15X3B	3,551,000
3601	109150104	109150104	Đinh Thanh Minh Phúc	15X3B	410,000
3602	109150105	109150105	Nguyễn Duy Phương	15X3B	2,731,000
3603	109150106	109150106	Trần Công Quân	15X3B	2,186,000
3604	109150108	109150108	Trương Văn Sơn	15X3B	2,390,000
3605	109150113	109150113	Nguyễn Văn Thiện	15X3B	2,971,000
3606	109150114	109150114	Nguyễn Tiến	15X3B	2,322,000
3607	109150115	109150115	Trần Thanh Tiến	15X3B	3,018,000
3608	109150116	109150116	Nguyễn Văn Tín	15X3B	3,223,000
3609	109150118	109150118	Trần Văn Trúc	15X3B	4,506,000
3610	109150121	109150121	Nguyễn Văn Anh Tuấn	15X3B	3,107,000
3611	109150124	109150124	Huỳnh Tấn Vũ	15X3B	2,971,000
3612	109150127	109150127	Lê Thế Vương Anh	15X3C	1,502,000
3613	109150128	109150128	Huỳnh Tấn Ba	15X3C	1,947,000
3614	109150130	109150130	Nguyễn Công Cường	15X3C	2,527,000
3615	109150131	109150131	Nguyễn Bảo Dâng	15X3C	3,243,000
3616	109150134	109150134	Phạm Phú Duẩn	15X3C	3,004,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3617	109150135	109150135	Lê Hữu Minh Đức	15X3C	3,687,000
3618	109150136	109150136	Nguyễn Ngọc Dũng	15X3C	1,980,000
3619	109150138	109150138	Phạm Văn Hiền	15X3C	3,823,000
3620	109150139	109150139	Lê Sỹ Hiếu	15X3C	2,971,000
3621	109150140	109150140	Phạm Xuân Hòa	15X3C	2,322,000
3622	109150142	109150142	Nguyễn Mạnh Hưng	15X3C	1,365,000
3623	109150143	109150143	Lê Quang Huy	15X3C	1,502,000
3624	109150144	109150144	Trần Văn Huỳnh	15X3C	3,619,000
3625	109150148	109150148	Trương Công Linh	15X3C	3,959,000
3626	109150151	109150151	Phan Lượng	15X3C	1,229,000
3627	109150155	109150155	Hà Quang Nhật	15X3C	3,891,000
3628	109150158	109150158	Hồ Văn Nhật Phong	15X3C	1,537,000
3629	109150160	109150160	Đoàn Duy Quân	15X3C	2,663,000
3630	109150162	109150162	Bùi Ngọc Quốc	15X3C	3,380,000
3631	109150163	109150163	Phạm Hoàng Sinh	15X3C	2,526,000
3632	109150164	109150164	Trương Thị Thu Sương	15X3C	2,049,000
3633	109150166	109150166	Nguyễn Hà Tân	15X3C	2,048,000
3634	109150168	109150168	Trần Quyết Thắng	15X3C	2,389,000
3635	109150169	109150169	Nguyễn Hiếu Thảo	15X3C	1,878,000
3636	109150171	109150171	Võ Trung Tiễn	15X3C	3,141,000
3637	109150174	109150174	Lê Thiện Trung	15X3C	3,892,000
3638	109150176	109150176	Nguyễn Lê Anh Tú	15X3C	3,619,000
3639	109150177	109150177	Phạm Bá Tuấn	15X3C	1,638,000
3640	109150178	109150178	Hoàng Mạnh Tùng	15X3C	3,927,000
3641	109150179	109150179	Đào Anh Việt	15X3C	4,506,000
3642	109150180	109150180	Nguyễn Thế Vũ	15X3C	1,639,000
3643	109150181	109150181	Võ Thanh An	15X3CLC	2,458,000
3644	109150182	109150182	Bùi Thiện Anh	15X3CLC	2,867,000
3645	109150183	109150183	Nguyễn Đình Trung Anh	15X3CLC	2,867,000
3646	109150185	109150185	Dương Tấn Nhật Bình	15X3CLC	2,867,000
3647	109150186	109150186	Đặng Quốc Cường	15X3CLC	1,638,000
3648	109150187	109150187	Nguyễn Đình Dũng	15X3CLC	3,277,000
3649	109150188	109150188	Phan Tiến Dũng	15X3CLC	3,276,000
3650	109150190	109150190	Nguyễn Đình Nguyên Hiếu	15X3CLC	410,000
3651	109150191	109150191	Nguyễn Xuân Hiếu	15X3CLC	2,867,000
3652	109150192	109150192	Lương Nguyễn Anh Hoàng	15X3CLC	1,229,000
3653	109150197	109150197	Mai Thanh Kỳ	15X3CLC	1,311,000
3654	109150199	109150199	Nguyễn Duy Luận	15X3CLC	3,686,000
3655	109150200	109150200	Bùi Đức Phương Nam	15X3CLC	3,004,000
3656	109150201	109150201	Lê Hoài Nam	15X3CLC	3,686,000
3657	109150204	109150204	Phan Duy Pháp	15X3CLC	2,868,000
3658	109150207	109150207	Phan Sỹ Phú	15X3CLC	819,000
3659	109150209	109150209	Ngô Nhật Quý	15X3CLC	3,686,000
3660	109150211	109150211	Đinh Quang Sáng	15X3CLC	2,457,000
3661	109150214	109150214	Hoàng Minh Sửu	15X3CLC	1,638,000
3662	109150216	109150216	Ông Quang Thái	15X3CLC	2,458,000
3663	109150217	109150217	Lê Đức Thọ	15X3CLC	1,229,000
3664	109150219	109150219	Ngô Lê Duy Trác	15X3CLC	2,267,000
3665	109150220	109150220	Phạm Thị Thùy Trang	15X3CLC	2,131,000
3666	109150221	109150221	Đào Ngọc Trung	15X3CLC	1,229,000
3667	109150222	109150222	Trương Anh Tuấn	15X3CLC	2,540,000
3668	109150224	109150224	Trương Văn Vũ	15X3CLC	1,721,000
3669	109150225	109150225	Huỳnh Quốc Vỹ	15X3CLC	4,096,000
3670	109150310	109150310	Nguyễn Ngọc Nhân	15X3CLC	1,638,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3671	101160010	101160010	Hồ Hữu Bền	16C1A	2,048,000
3672	101160012	101160012	Nguyễn Tất Đại	16C1A	1,707,000
3673	101160014	101160014	Trần Văn Đạt	16C1A	1,024,000
3674	101160015	101160015	Hoàng Công Đức	16C1A	2,731,000
3675	101160016	101160016	Phạm Xuân Đức	16C1A	1,502,000
3676	101160017	101160017	Phan Xuân Hạ	16C1A	1,843,000
3677	101160018	101160018	Nguyễn Ngọc Hậu	16C1A	1,707,000
3678	101160019	101160019	Nguyễn Chí Hiếu	16C1A	683,000
3679	101160021	101160021	Ngô Công Hoàng	16C1A	1,707,000
3680	101160023	101160023	Tô Tuấn Hùng	16C1A	1,024,000
3681	101160027	101160027	Nguyễn Thiện Kế	16C1A	1,912,000
3682	101160028	101160028	Phạm Bá Khương	16C1A	1,707,000
3683	101160029	101160029	Đậu Văn Linh	16C1A	410,000
3684	101160030	101160030	Nguyễn Thành Long	16C1A	1,707,000
3685	101160031	101160031	Trần Vũ Long	16C1A	2,048,000
3686	101160033	101160033	Dư Văn Nam	16C1A	2,745,000
3687	101160034	101160034	Nguyễn Văn Nghĩa	16C1A	2,390,000
3688	101160035	101160035	Võ Văn Nghĩa	16C1A	1,912,000
3689	101160036	101160036	Hồ Xuân Nhật	16C1A	2,390,000
3690	101160040	101160040	Nguyễn Văn Phụng	16C1A	1,024,000
3691	101160041	101160041	Trịnh Thanh Phước	16C1A	2,609,000
3692	101160042	101160042	Đào Ngọc Quân	16C1A	1,434,000
3693	101160045	101160045	Lê Văn Sáng	16C1A	3,155,000
3694	101160047	101160047	Nguyễn Hồng Sơn	16C1A	2,526,000
3695	101160048	101160048	Nguyễn Văn Tài	16C1A	1,843,000
3696	101160049	101160049	Kiều Ngọc Thành	16C1A	1,858,000
3697	101160051	101160051	Trần Văn Thông	16C1A	1,707,000
3698	101160052	101160052	Nguyễn Phước Thuần	16C1A	1,365,000
3699	101160053	101160053	Huỳnh Xuân Thuận	16C1A	1,434,000
3700	101160054	101160054	Lê Văn Tiệm	16C1A	2,048,000
3701	101160055	101160055	Nguyễn Văn Tiến	16C1A	1,721,000
3702	101160056	101160056	Lê Hữu Tín	16C1A	1,175,000
3703	101160057	101160057	Phạm Phú Tín	16C1A	1,843,000
3704	101160058	101160058	Nguyễn Văn Tĩnh	16C1A	2,389,000
3705	101160059	101160059	Trần Thạnh Trị	16C1A	1,024,000
3706	101160060	101160060	Lê Đức Trung	16C1A	3,769,000
3707	101160061	101160061	Lê Thanh Trung	16C1A	2,457,000
3708	101160062	101160062	Võ Chí Trung	16C1A	1,639,000
3709	101160063	101160063	Nguyễn Ích Thanh Tú	16C1A	2,458,000
3710	101160064	101160064	Nguyễn Anh Tuấn	16C1A	2,322,000
3711	101160065	101160065	Mai Thanh Tùng	16C1A	1,776,000
3712	101160066	101160066	Nguyễn Thanh Tùng	16C1A	1,912,000
3713	101160068	101160068	Trần Minh Tướng	16C1A	2,949,000
3714	101160070	101160070	Nguyễn Văn Tuyến	16C1A	1,721,000
3715	101160071	101160071	Hồ Trần Tuyệt	16C1A	1,434,000
3716	101160072	101160072	Lê Công Việt	16C1A	2,814,000
3717	101160074	101160074	Phạm Hồng Vinh	16C1A	1,366,000
3718	101160075	101160075	Trần Văn Vinh	16C1A	1,024,000
3719	101160076	101160076	Võ Văn Vinh	16C1A	2,335,000
3720	101160079	101160079	Trần Thanh Vỹ	16C1A	492,000
3721	101160080	101160080	Phạm Văn Chiến	16C1B	2,048,000
3722	101160082	101160082	Phan Hải Đăng	16C1B	2,321,000
3723	101160083	101160083	Nguyễn Khắc Tuấn Đạt	16C1B	3,851,000
3724	101160084	101160084	Thái Văn Định	16C1B	2,867,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3725	101160086	101160086	Nguyễn Tiến Dũng	16C1B	2,936,000
3726	101160087	101160087	Nguyễn Anh Hào	16C1B	1,024,000
3727	101160090	101160090	Trần Văn Hoài	16C1B	2,867,000
3728	101160093	101160093	Hồ Đình Hưng	16C1B	683,000
3729	101160094	101160094	Nguyễn Thừa Hưng	16C1B	1,093,000
3730	101160095	101160095	Nguyễn Phước Huy	16C1B	2,048,000
3731	101160098	101160098	Võ Quốc Khánh	16C1B	1,843,000
3732	101160100	101160100	Nguyễn Hoàng Linh	16C1B	3,359,000
3733	101160102	101160102	Huỳnh Văn Lưu	16C1B	2,131,000
3734	101160103	101160103	Nguyễn Phan Bình Minh	16C1B	1,638,000
3735	101160104	101160104	Phạm Kỳ Nam	16C1B	2,131,000
3736	101160107	101160107	Phan Văn Nhật	16C1B	2,048,000
3737	101160108	101160108	Vũ Văn Nội	16C1B	1,229,000
3738	101160109	101160109	Trần Thanh Pháp	16C1B	2,868,000
3739	101160110	101160110	Trương Hoàng Phúc	16C1B	3,413,000
3740	101160111	101160111	Đỗ Sĩ Phước	16C1B	683,000
3741	101160112	101160112	Nguyễn Sỹ Phương	16C1B	2,457,000
3742	101160113	101160113	Nguyễn Bảo Quang	16C1B	2,458,000
3743	101160115	101160115	Lê Thanh Sáng	16C1B	410,000
3744	101160117	101160117	Lê Khắc Sơn	16C1B	2,389,000
3745	101160119	101160119	Bùi Đức Thành	16C1B	2,731,000
3746	103160022	103160022	Trần Quốc Cường	16C4A	1,912,000
3747	103160023	103160023	Đào Hữu Đại	16C4A	1,912,000
3748	103160024	103160024	Nguyễn Văn Đại	16C4A	3,619,000
3749	103160025	103160025	Nguyễn Thành Đạt	16C4A	2,458,000
3750	103160028	103160028	Trần Văn Đức	16C4A	1,843,000
3751	103160029	103160029	Nguyễn Viết Dũng	16C4A	1,024,000
3752	103160030	103160030	Trần Tấn Dược	16C4A	2,117,000
3753	103160031	103160031	Nguyễn Xuân Giáp	16C4A	2,867,000
3754	103160033	103160033	Cao Trọng Hậu	16C4A	2,663,000
3755	103160034	103160034	Phạm Văn Hiếu	16C4A	1,912,000
3756	103160036	103160036	Hà Bách Việt Hoàng	16C4A	2,199,000
3757	103160037	103160037	Trần Huy Hoàng	16C4A	2,048,000
3758	103160038	103160038	Võ Đình Hoàng	16C4A	1,707,000
3759	103160039	103160039	Nguyễn Sỹ Hùng	16C4A	1,707,000
3760	103160040	103160040	Trần Văn Hùng	16C4A	1,912,000
3761	103160041	103160041	Trần Viết Huy Hùng	16C4A	2,390,000
3762	103160042	103160042	Nguyễn Hoàng Khánh	16C4A	1,175,000
3763	103160044	103160044	Nguyễn Thanh Khoa	16C4A	819,000
3764	103160046	103160046	Nguyễn Tùng Lâm	16C4A	2,199,000
3765	103160047	103160047	Đặng Nhật Linh	16C4A	1,926,000
3766	103160049	103160049	Nguyễn Văn Long	16C4A	1,912,000
3767	103160053	103160053	Nguyễn Văn Nam	16C4A	1,229,000
3768	103160055	103160055	Lê An Nhật	16C4A	1,707,000
3769	103160056	103160056	Lương Huy Nhật	16C4A	3,318,000
3770	103160058	103160058	Nguyễn Công Phong	16C4A	2,662,000
3771	103160059	103160059	La Văn Phương	16C4A	1,024,000
3772	103160060	103160060	Ngô Anh Quân	16C4A	2,131,000
3773	103160061	103160061	Lê Xuân Quang	16C4A	1,516,000
3774	103160063	103160063	Phạm Ngọc Quốc	16C4A	1,721,000
3775	103160064	103160064	Lê Xuân Tôn Quyền	16C4A	2,867,000
3776	103160065	103160065	Trịnh Công Sơn	16C4A	3,906,000
3777	103160067	103160067	Trần Ngọc Sỹ	16C4A	2,048,000
3778	103160068	103160068	Đặng Xuân Thắng	16C4A	492,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3779	103160070	103160070	Phan Văn Thắng	16C4A	3,482,000
3780	103160072	103160072	Nguyễn Văn Thuần	16C4A	2,867,000
3781	103160073	103160073	Nguyễn Văn Thức	16C4A	1,024,000
3782	103160077	103160077	Đỗ Hữu Trác	16C4A	2,048,000
3783	103160081	103160081	Bùi Duy Tú	16C4A	2,663,000
3784	103160082	103160082	Đặng Tuấn	16C4A	1,516,000
3785	103160083	103160083	Phạm Văn Tùng	16C4A	1,912,000
3786	103160085	103160085	Đỗ Thạch Vững	16C4A	902,000
3787	103160087	103160087	Phạm Thành Công	16C4B	2,253,000
3788	103160088	103160088	Đậu Anh Cường	16C4B	3,277,000
3789	103160089	103160089	Trần Hải Đăng	16C4B	1,926,000
3790	103160090	103160090	Đoàn Đức Định	16C4B	3,891,000
3791	103160091	103160091	Lê Văn Đức	16C4B	1,516,000
3792	103160094	103160094	Trần Quốc Dương	16C4B	683,000
3793	103160095	103160095	Võ Ngọc Duy	16C4B	2,048,000
3794	103160096	103160096	Nguyễn Nam Hà	16C4B	1,024,000
3795	103160097	103160097	Đặng Vũ Hảo	16C4B	2,526,000
3796	103160098	103160098	Trần Công Hậu	16C4B	2,048,000
3797	103160099	103160099	Bùi Minh Hoàng	16C4B	3,277,000
3798	103160101	103160101	Trần Văn Hoàng	16C4B	2,199,000
3799	103160102	103160102	Đào Văn Hùng	16C4B	2,048,000
3800	103160103	103160103	Nguyễn Thanh Hùng	16C4B	1,024,000
3801	103160104	103160104	Nguyễn Khắc Huỳnh Khang	16C4B	1,024,000
3802	103160107	103160107	Trần Văn Kiên	16C4B	4,096,000
3803	103160108	103160108	Lê Trương Lai	16C4B	2,117,000
3804	103160109	103160109	Hồ Đức Liêm	16C4B	1,843,000
3805	103160111	103160111	Trần Đình Lộc	16C4B	1,475,000
3806	103160112	103160112	Huỳnh Hữu Luật	16C4B	2,867,000
3807	103160115	103160115	Thới Văn Nghĩa	16C4B	2,048,000
3808	103160116	103160116	Cao Long Nhật	16C4B	1,707,000
3809	103160117	103160117	Đào Duy Minh Nhật	16C4B	2,048,000
3810	103160118	103160118	Nguyễn Hoàng Nhật	16C4B	2,540,000
3811	103160119	103160119	Văn Phú Phát	16C4B	1,024,000
3812	103160120	103160120	Đinh Duy Phong	16C4B	1,516,000
3813	103160121	103160121	Nguyễn Tuấn Phong	16C4B	1,229,000
3814	103160122	103160122	Võ Đức Phương	16C4B	1,024,000
3815	103160123	103160123	Nguyễn Minh Quân	16C4B	2,458,000
3816	103160125	103160125	Phan Văn Quốc	16C4B	2,731,000
3817	103160126	103160126	Trần Thanh Sang	16C4B	1,912,000
3818	103160128	103160128	Nguyễn Văn Sửu	16C4B	1,707,000
3819	103160129	103160129	Đỗ Văn Thái	16C4B	1,926,000
3820	103160130	103160130	Phan Văn Thắng	16C4B	1,024,000
3821	103160131	103160131	Hà Phước Thanh	16C4B	2,663,000
3822	103160132	103160132	Đặng Đình Thảo	16C4B	2,867,000
3823	103160133	103160133	Phạm Văn Thiện	16C4B	2,048,000
3824	103160136	103160136	Đỗ Thanh Tiến	16C4B	1,024,000
3825	103160137	103160137	Ngô Hoàng Tiến	16C4B	2,867,000
3826	103160141	103160141	Lê Văn Trung	16C4B	1,229,000
3827	103160142	103160142	Hồ Văn Tú	16C4B	2,458,000
3828	103160143	103160143	Bùi Đức Tuấn	16C4B	2,048,000
3829	103160144	103160144	Phạm Đức Vân	16C4B	1,024,000
3830	103160202	103160202	Bùi Quang Diệu	16C4B	2,663,000
3831	103160204	103160204	Lê Văn Quang	16C4B	3,141,000
3832	103160205	103160205	Trần Minh Quang	16C4B	4,096,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3833	103160207	103160207	Ngô Văn Tòng	16C4B	2,936,000
3834	103160208	103160208	Nguyễn Ngọc Thắng	16C4B	1,639,000
3835	101160123	101160123	Trần Thế Anh	16CDT1	2,867,000
3836	101160124	101160124	Trần Lê Quý Bảo	16CDT1	3,687,000
3837	101160126	101160126	Nguyễn Thế Công	16CDT1	1,843,000
3838	101160127	101160127	Nguyễn Viết Cường	16CDT1	2,458,000
3839	101160128	101160128	Nguyễn Phước Đại	16CDT1	683,000
3840	101160130	101160130	Lê Cảnh Phùng Đạt	16CDT1	1,843,000
3841	101160135	101160135	Nguyễn Công Hoàn	16CDT1	1,843,000
3842	101160137	101160137	Nguyễn Quốc Hùng	16CDT1	3,359,000
3843	101160139	101160139	Đinh Văn Khánh	16CDT1	2,595,000
3844	101160142	101160142	Lê Khắc Long	16CDT1	2,663,000
3845	101160144	101160144	Nguyễn Văn Mạnh	16CDT1	2,813,000
3846	101160145	101160145	Ngô Văn Nam	16CDT1	902,000
3847	101160153	101160153	Võ Văn Quốc	16CDT1	683,000
3848	101160154	101160154	Phạm Hữu Sang	16CDT1	2,457,000
3849	101160156	101160156	Nguyễn Đình Thắng	16CDT1	2,390,000
3850	101160157	101160157	Ngô Quang Thành	16CDT1	1,741,000
3851	101160158	101160158	Thiều Văn Thành	16CDT1	410,000
3852	101160159	101160159	Nguyễn Ngọc Thịnh	16CDT1	902,000
3853	101160160	101160160	Hoàng Nhật Tiến	16CDT1	2,540,000
3854	101160161	101160161	Đỗ Văn Trọng	16CDT1	1,721,000
3855	101160162	101160162	Nguyễn Văn Tuệ	16CDT1	1,707,000
3856	101160163	101160163	Lê Thanh Tùng	16CDT1	2,389,000
3857	101160164	101160164	Huỳnh Lê Vũ	16CDT1	683,000
3858	101160167	101160167	Nguyễn Minh Anh	16CDT2	410,000
3859	101160168	101160168	Nguyễn Tuấn Anh	16CDT2	1,229,000
3860	101160172	101160172	Nguyễn Yên Chung	16CDT2	683,000
3861	101160173	101160173	Nguyễn Văn Cường	16CDT2	2,867,000
3862	101160176	101160176	Phạm Tài Đạt	16CDT2	4,178,000
3863	101160178	101160178	Nguyễn Bình Dương	16CDT2	2,117,000
3864	101160179	101160179	Nguyễn Văn Hà	16CDT2	1,024,000
3865	101160181	101160181	Đặng Công Hậu	16CDT2	1,638,000
3866	101160182	101160182	Trần Duy Hiệp	16CDT2	683,000
3867	101160184	101160184	Văn Tiến Hưng	16CDT2	1,639,000
3868	101160191	101160191	Đinh Sỹ Nhân	16CDT2	2,253,000
3869	101160192	101160192	Nguyễn Tấn Nhật	16CDT2	2,868,000
3870	101160194	101160194	Ngô Văn Hoàng Phúc	16CDT2	2,117,000
3871	101160196	101160196	Đặng Hồng Quân	16CDT2	2,881,000
3872	101160198	101160198	Nguyễn Văn Quốc	16CDT2	2,868,000
3873	101160200	101160200	Hoàng Bá Sinh	16CDT2	1,024,000
3874	101160203	101160203	Tô Ngọc Thạch	16CDT2	1,639,000
3875	101160204	101160204	Phạm Xuân Thắng	16CDT2	2,321,000
3876	101160205	101160205	Ngô Đức Thành	16CDT2	1,229,000
3877	101160207	101160207	Phan Thái Trình	16CDT2	1,707,000
3878	101160208	101160208	Văn Đức Trường	16CDT2	2,335,000
3879	101160209	101160209	Lê Thạc Tuấn	16CDT2	2,867,000
3880	101160210	101160210	Phan Văn Tuấn	16CDT2	2,458,000
3881	101160211	101160211	Vũ Xuân Tuấn	16CDT2	2,199,000
3882	101160212	101160212	Hồ Đức Tùng	16CDT2	410,000
3883	101160213	101160213	Trần Hùng Vĩ	16CDT2	1,639,000
3884	101160215	101160215	Nguyễn Đình Vũ	16CDT2	3,755,000
3885	105160263	105160263	Lê Văn Tâm	16D_B2	2,184,000
3886	105160002	105160002	Lê Hoàng Anh	16D1	4,095,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3887	105160005	105160005	Hồ Sỷ Chính	16D1	1,843,000
3888	105160006	105160006	Nguyễn Phước Công	16D1	1,707,000
3889	105160007	105160007	Lê Quốc Cường	16D1	1,707,000
3890	105160009	105160009	Đinh Văn Thành Đạt	16D1	1,912,000
3891	105160010	105160010	Nguyễn Quang Đạt	16D1	1,024,000
3892	105160012	105160012	Lương Hồng Đính	16D1	1,912,000
3893	105160013	105160013	Đặng Văn Đức	16D1	1,707,000
3894	105160015	105160015	Lê Ngọc Dũng	16D1	3,550,000
3895	105160016	105160016	Nguyễn Ngọc Duy	16D1	2,390,000
3896	105160018	105160018	Võ Quang Hải	16D1	1,366,000
3897	105160019	105160019	Trần Huy Hiệp	16D1	1,707,000
3898	105160020	105160020	Văn Đình Hiếu	16D1	3,154,000
3899	105160021	105160021	Nguyễn Duy Hoàn	16D1	2,949,000
3900	105160022	105160022	Nguyễn Xuân Hoàng	16D1	1,502,000
3901	105160023	105160023	Võ Mạnh Hùng	16D1	1,024,000
3902	105160024	105160024	Trương Thế Khánh	16D1	1,707,000
3903	105160025	105160025	Hoàng Văn Minh Kỳ	16D1	1,707,000
3904	105160027	105160027	Dương Khánh Linh	16D1	2,867,000
3905	105160028	105160028	Phan Nguyễn Quang Linh	16D1	1,366,000
3906	105160030	105160030	Huỳnh Văn Luật	16D1	1,707,000
3907	105160031	105160031	Nguyễn Đình Mạnh	16D1	1,912,000
3908	105160032	105160032	Nguyễn Văn Nguyên	16D1	2,526,000
3909	105160033	105160033	Trần Đình Phúc Nguyên	16D1	1,366,000
3910	105160036	105160036	Phạm Xuân Phong	16D1	1,858,000
3911	105160037	105160037	Biện Văn Phúc	16D1	2,048,000
3912	105160038	105160038	Đỗ Duy Phương	16D1	2,662,000
3913	105160039	105160039	Nguyễn Chính Phương	16D1	1,175,000
3914	105160040	105160040	Nguyễn Huy Quân	16D1	3,769,000
3915	105160041	105160041	Trương Minh Sĩ	16D1	1,366,000
3916	105160042	105160042	Nguyễn Văn Thiên Sơn	16D1	2,199,000
3917	105160043	105160043	Phan Tấn Tâm	16D1	1,858,000
3918	105160044	105160044	Nguyễn Viết Thảo	16D1	2,697,000
3919	105160045	105160045	Mai Đăng Thịnh	16D1	683,000
3920	105160046	105160046	Võ Văn Thịnh	16D1	3,277,000
3921	105160048	105160048	Đặng Phúc Tình	16D1	3,345,000
3922	105160049	105160049	Nguyễn Sóc Trăng	16D1	1,366,000
3923	105160050	105160050	Nguyễn Tấn Trực	16D1	2,321,000
3924	105160051	105160051	Phùng Văn Tú	16D1	3,359,000
3925	105160054	105160054	Thái Văn Tuấn	16D1	1,502,000
3926	105160055	105160055	Hoàng Văn Tùng	16D1	1,638,000
3927	105160056	105160056	Nguyễn Văn Xuân	16D1	1,366,000
3928	105160057	105160057	Nguyễn Văn Anh	16D2	1,707,000
3929	105160058	105160058	Nguyễn Hoàng Quang Bảo	16D2	1,311,000
3930	105160062	105160062	Đoàn Đại Cường	16D2	1,502,000
3931	105160063	105160063	Nguyễn Văn Cường	16D2	2,799,000
3932	105160065	105160065	Đoàn Ngọc Đạt	16D2	2,048,000
3933	105160066	105160066	Nguyễn Quang Tiến Đạt	16D2	929,000
3934	105160067	105160067	Trần Đình Quốc Đạt	16D2	3,277,000
3935	105160068	105160068	Võ Doãn Độ	16D2	683,000
3936	105160069	105160069	Lê Anh Đức	16D2	1,707,000
3937	105160070	105160070	Trương Công Đức	16D2	1,366,000
3938	105160071	105160071	Hoàng Nguyễn Đức Duy	16D2	1,502,000
3939	105160073	105160073	Nguyễn Đình Ngọc Hải	16D2	1,707,000
3940	105160074	105160074	Nguyễn Văn Hào	16D2	1,638,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3941	105160075	105160075	Trương Đình Hiệp	16D2	2,867,000
3942	105160076	105160076	Lê Huy Hoà	16D2	683,000
3943	105160078	105160078	Nguyễn Mạnh Hùng	16D2	2,321,000
3944	105160081	105160081	Trần Văn Kỳ	16D2	1,229,000
3945	105160083	105160083	Nguyễn Văn Linh	16D2	1,707,000
3946	105160084	105160084	Chu Văn Long	16D2	1,994,000
3947	105160086	105160086	Đặng Nguyên Đức Mạnh	16D2	1,912,000
3948	105160087	105160087	Nguyễn Hồ Nam	16D2	1,707,000
3949	105160088	105160088	Phan Công Nguyên	16D2	1,175,000
3950	105160090	105160090	Huỳnh Vĩnh Phú	16D2	2,048,000
3951	105160093	105160093	Trần Minh Phương	16D2	2,662,000
3952	105160094	105160094	Nguyễn Minh Quang	16D2	2,867,000
3953	105160095	105160095	Nguyễn Danh Sơn	16D2	2,867,000
3954	105160096	105160096	Nguyễn Thế Sức	16D2	3,414,000
3955	105160098	105160098	Trần Đình Thi	16D2	1,502,000
3956	105160099	105160099	Nguyễn Công Thịnh	16D2	3,277,000
3957	105160100	105160100	Phạm Thị Ngọc Tiên	16D2	1,502,000
3958	105160101	105160101	Mai Văn Tín	16D2	2,213,000
3959	105160102	105160102	Phan Công Tình	16D2	1,366,000
3960	105160103	105160103	Trương Công Tri	16D2	1,366,000
3961	105160105	105160105	Trần Nhất Anh Tú	16D2	1,366,000
3962	105160106	105160106	Cao Ngọc Tuấn	16D2	3,414,000
3963	105160108	105160108	Trần Đình Tuấn	16D2	1,994,000
3964	105160110	105160110	Đào Gia Anh Bảo	16DCLC1	492,000
3965	105160117	105160117	Lê Hữu Do	16DCLC1	2,048,000
3966	105160118	105160118	Nguyễn Doãn Đức	16DCLC1	2,048,000
3967	105160121	105160121	Nguyễn Thanh Duy	16DCLC1	492,000
3968	105160123	105160123	Nguyễn Đăng Hiếu	16DCLC1	492,000
3969	105160130	105160130	Nguyễn Đức Kiệm	16DCLC1	3,686,000
3970	105160138	105160138	Nguyễn Hoàng Quang	16DCLC1	2,786,000
3971	105160146	105160146	Lữ Anh Thư	16DCLC1	492,000
3972	105160147	105160147	Nguyễn Đình Trung	16DCLC1	1,721,000
3973	105160149	105160149	Võ Thành Trung	16DCLC1	492,000
3974	105160150	105160150	Nguyễn Thanh Tú	16DCLC1	492,000
3975	105160153	105160153	Nguyễn Hoàng Vũ	16DCLC1	492,000
3976	105160001	105160001	Võ Công Thành	16DLT	1,502,000
3977	106160012	106160012	Phạm Hoàng Bảo	16DT1	2,867,000
3978	106160014	106160014	Phan Quang Cường	16DT1	1,638,000
3979	106160016	106160016	Nguyễn Hải Đăng	16DT1	2,949,000
3980	106160018	106160018	Trần Minh Đạt	16DT1	1,229,000
3981	106160021	106160021	Hồ Đình Hoàng Hải	16DT1	2,048,000
3982	106160022	106160022	Nguyễn Văn Hiệp	16DT1	2,457,000
3983	106160024	106160024	Nguyễn Nho Minh Hiếu	16DT1	683,000
3984	106160025	106160025	Nguyễn Văn Hòa	16DT1	819,000
3985	106160026	106160026	Nguyễn Mậu Hoàng	16DT1	3,208,000
3986	106160029	106160029	Bùi Văn Huy	16DT1	1,502,000
3987	106160032	106160032	Nguyễn Anh Khoa	16DT1	2,867,000
3988	106160033	106160033	Nguyễn Đình Lâm	16DT1	1,311,000
3989	106160037	106160037	Huỳnh Thị Tường Nguyên	16DT1	1,160,000
3990	106160039	106160039	Lê Đình Nhân	16DT1	1,638,000
3991	106160041	106160041	Nguyễn Đình Phong	16DT1	1,638,000
3992	106160042	106160042	Nguyễn Văn Phong	16DT1	1,638,000
3993	106160046	106160046	Nguyễn Chí Sáng	16DT1	1,365,000
3994	106160047	106160047	Nguyễn Hoàng Sơn	16DT1	2,048,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
3995	106160048	106160048	Hồ Văn Tân	16DT1	2,867,000
3996	106160049	106160049	Hoàng Vĩnh Thái	16DT1	3,276,000
3997	106160053	106160053	Nguyễn Văn Cao Trí	16DT1	2,540,000
3998	106160054	106160054	Nguyễn Bảo Trung	16DT1	2,130,000
3999	106160055	106160055	Võ Văn Trưởng	16DT1	2,867,000
4000	106160058	106160058	Lê Tấn Việt	16DT1	683,000
4001	106160064	106160064	Bùi Văn Chiến	16DT2	1,994,000
4002	106160065	106160065	Trần Minh Chiến	16DT2	2,949,000
4003	106160066	106160066	Trương Quang Đại	16DT2	1,175,000
4004	106160067	106160067	Phạm Văn Đạt	16DT2	2,457,000
4005	106160068	106160068	Nguyễn Đình Điền	16DT2	683,000
4006	106160069	106160069	Nguyễn Văn Định	16DT2	1,311,000
4007	106160070	106160070	Nguyễn Văn Dũng	16DT2	2,949,000
4008	106160072	106160072	Nguyễn Hoàng Duy	16DT2	2,457,000
4009	106160073	106160073	Trần Văn Hải	16DT2	1,229,000
4010	106160074	106160074	Lê Tấn Hiệp	16DT2	3,277,000
4011	106160075	106160075	Ngô Văn Hiếu	16DT2	833,000
4012	106160078	106160078	Hồ Ngọc Hoàng	16DT2	492,000
4013	106160079	106160079	Nguyễn Duy Hơn	16DT2	2,882,000
4014	106160080	106160080	Nguyễn Thái Hùng	16DT2	1,502,000
4015	106160081	106160081	Cao Chánh Việt Huy	16DT2	1,638,000
4016	106160082	106160082	Nguyễn Quang Huy	16DT2	1,721,000
4017	106160084	106160084	Châu Đình Khoa	16DT2	2,457,000
4018	106160086	106160086	Hà Quang Minh	16DT2	2,540,000
4019	106160087	106160087	Hoàng Hoài Nam	16DT2	1,858,000
4020	106160088	106160088	Đỗ Trọng Nghĩa	16DT2	1,803,000
4021	106160089	106160089	Phạm Đình Nguyên	16DT2	2,404,000
4022	106160090	106160090	Đặng Thống Nhất	16DT2	4,793,000
4023	106160091	106160091	Đoàn Minh Nhật	16DT2	1,516,000
4024	106160092	106160092	Đỗ Thành Phát	16DT2	2,184,000
4025	106160094	106160094	Lê Nguyễn Đình Phúc	16DT2	2,130,000
4026	106160095	106160095	Lê Đức Phương	16DT2	1,024,000
4027	106160097	106160097	Trần Thị Soa	16DT2	1,721,000
4028	106160099	106160099	Nguyễn Sơn Thái	16DT2	1,229,000
4029	106160100	106160100	Hà Văn Thắng	16DT2	2,404,000
4030	106160101	106160101	Trần Nguyên Thảo	16DT2	2,867,000
4031	106160103	106160103	Trần Thị Trang	16DT2	683,000
4032	106160105	106160105	Mai Nguyễn Nhật Trường	16DT2	1,502,000
4033	106160108	106160108	Hoàng Thanh Tuấn	16DT2	1,229,000
4034	107160001	107160001	Huỳnh Hoài Bảo	16H14	683,000
4035	107160002	107160002	Nguyễn Văn Biển	16H14	2,390,000
4036	107160004	107160004	Lưu Trọng Đạt	16H14	1,912,000
4037	107160007	107160007	Nguyễn Hữu Đức	16H14	1,311,000
4038	107160008	107160008	Trần Khánh Dung	16H14	1,912,000
4039	107160009	107160009	Lê Văn Dương	16H14	1,707,000
4040	107160010	107160010	Tăng Thế Dương	16H14	2,458,000
4041	107160012	107160012	Trần Thị Giang	16H14	683,000
4042	107160014	107160014	Lê Đình Hải	16H14	3,072,000
4043	107160015	107160015	Nguyễn Thị Thuý Hằng	16H14	683,000
4044	107160017	107160017	Võ Thị Mỹ Hảo	16H14	1,912,000
4045	107160018	107160018	Nguyễn Thị Hiền	16H14	683,000
4046	107160019	107160019	Nguyễn Thị Hiền	16H14	683,000
4047	107160020	107160020	Trần Thị Hiền	16H14	2,390,000
4048	107160022	107160022	Nguyễn Văn Khánh Hòa	16H14	1,229,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4049	107160023	107160023	Phạm Xuân Hoàng	16H14	1,175,000
4050	107160025	107160025	Trịnh Huỳnh Thiên Hương	16H14	1,229,000
4051	107160026	107160026	Cao Xuân Huy	16H14	683,000
4052	107160027	107160027	Phạm Kiều Huy	16H14	1,707,000
4053	107160028	107160028	Trần Thị Thanh Huyền	16H14	819,000
4054	107160029	107160029	Võ Thị Thảo Huyền	16H14	492,000
4055	107160031	107160031	Phan Ngọc Lai	16H14	2,867,000
4056	107160035	107160035	Lê Thị Mỹ Linh	16H14	3,141,000
4057	107160036	107160036	Ngô Quang Linh	16H14	2,048,000
4058	107160037	107160037	Đoàn Nhật Long	16H14	1,366,000
4059	107160038	107160038	Nguyễn Thị Ngọc Luyến	16H14	492,000
4060	107160040	107160040	La Thị Tuyết Mai	16H14	1,229,000
4061	107160043	107160043	Nguyễn Ngọc Thanh Nga	16H14	1,912,000
4062	107160044	107160044	Lê Thị Kiều Ngân	16H14	683,000
4063	107160045	107160045	Hoàng Trọng Nguyên	16H14	3,550,000
4064	107160049	107160049	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	16H14	1,024,000
4065	107160051	107160051	Nguyễn Hồng Phong	16H14	2,253,000
4066	107160053	107160053	Lê Thị Phúc	16H14	1,721,000
4067	107160055	107160055	Phùng Tấn Phúc	16H14	1,229,000
4068	107160058	107160058	Nguyễn Viết Quang	16H14	2,867,000
4069	107160060	107160060	Huỳnh Thị Thúy Quỳnh	16H14	1,229,000
4070	107160061	107160061	Trần Như Quỳnh	16H14	1,912,000
4071	107160064	107160064	Trịnh Ngọc Băng Thanh	16H14	1,707,000
4072	107160065	107160065	Phan Thị Thanh Thảo	16H14	2,253,000
4073	107160066	107160066	Lê Việt Thự	16H14	1,721,000
4074	107160067	107160067	Đào Thị Thủy	16H14	2,253,000
4075	107160068	107160068	Trương Công Tiến	16H14	683,000
4076	107160070	107160070	Lê Khánh Toàn	16H14	4,588,000
4077	107160073	107160073	Hoàng Thị Vân	16H14	2,253,000
4078	107160075	107160075	Trần Văn Vương	16H14	1,912,000
4079	107160078	107160078	Phạm Thị Hồng Anh	16H2	2,390,000
4080	107160079	107160079	Nguyễn Phạm Thị Bích	16H2	1,024,000
4081	107160080	107160080	Trương Hoàng Minh Châu	16H2	1,229,000
4082	107160081	107160081	Lê Tuấn Dũng	16H2	2,458,000
4083	107160082	107160082	Nguyễn Đức Dũng	16H2	2,253,000
4084	107160086	107160086	Hồ Thị Nguyệt Hà	16H2	492,000
4085	107160089	107160089	Phan Thị Hiệp	16H2	1,024,000
4086	107160091	107160091	Hồ Thị Minh Hương	16H2	1,229,000
4087	107160092	107160092	Nguyễn Thị Hường	16H2	1,516,000
4088	107160093	107160093	Nguyễn Phan Huy	16H2	3,072,000
4089	107160096	107160096	Phan Thị Thanh Huyền	16H2	1,024,000
4090	107160105	107160105	Lưu Thị Hậu Lương	16H2	1,024,000
4091	107160112	107160112	Bùi Trần Thanh Nguyệt	16H2	1,229,000
4092	107160113	107160113	Trương Thị Thanh Nhàn	16H2	492,000
4093	107160114	107160114	Võ Thị Thanh Nhàn	16H2	1,707,000
4094	107160115	107160115	Hoàng Thị Quỳnh Nhi	16H2	1,721,000
4095	107160118	107160118	Hoàng Hạnh Nhiên	16H2	1,516,000
4096	107160119	107160119	Tống Phước Ninh	16H2	2,253,000
4097	107160120	107160120	Lê Đăng Pháp	16H2	2,745,000
4098	107160121	107160121	Đoàn Thị Ngọc Quyên	16H2	3,482,000
4099	107160122	107160122	Lê Thị Quỳnh	16H2	1,721,000
4100	107160124	107160124	Nguyễn Thị Quỳnh	16H2	1,024,000
4101	107160125	107160125	Nguyễn Thị Như Quỳnh	16H2	1,229,000
4102	107160126	107160126	Nguyễn Thị Như Quỳnh	16H2	1,024,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4103	107160129	107160129	Trần Thị Diệu Tâm	16H2	1,024,000
4104	107160131	107160131	Lê Phước Tân	16H2	3,687,000
4105	107160134	107160134	Nguyễn Thạch Thịnh	16H2	1,024,000
4106	107160138	107160138	Phan Thị Diệu Thương	16H2	1,024,000
4107	107160147	107160147	Phạm Thị Hải Yến	16H2	1,024,000
4108	107160253	107160253	Đoàn Châu Thanh Hiền	16H2CLC	1,721,000
4109	107160257	107160257	Đặng Thị Hồng Quỳnh	16H2CLC	492,000
4110	107160258	107160258	Đỗ Thị Kim Thanh	16H2CLC	492,000
4111	107160259	107160259	Đinh Trọng Hiếu Thảo	16H2CLC	2,540,000
4112	107160260	107160260	Nguyễn Thị Anh Thư	16H2CLC	1,721,000
4113	107160261	107160261	Nguyễn Thanh Thuận	16H2CLC	1,229,000
4114	107160152	107160152	Lê Việt Quốc Duy	16H5CLC1	1,638,000
4115	107160157	107160157	Bùi Công Hậu	16H5CLC1	492,000
4116	107160159	107160159	Phạm Văn Hiền	16H5CLC1	492,000
4117	107160165	107160165	Bùi Quang Nhật Huy	16H5CLC1	1,721,000
4118	107160172	107160172	Đỗ Uyển My	16H5CLC1	1,229,000
4119	107160178	107160178	Nguyễn Tấn Phát	16H5CLC1	3,769,000
4120	107160180	107160180	Nguyễn Xuân Quang	16H5CLC1	2,540,000
4121	107160181	107160181	Nguyễn Chánh Sang	16H5CLC1	819,000
4122	107160182	107160182	Trương Tấn Sang	16H5CLC1	2,048,000
4123	107160192	107160192	Phan Xuân Tư	16H5CLC1	1,311,000
4124	121160004	121160004	Nguyễn Văn Quốc Đạt	16KTCLC1	1,229,000
4125	121160007	121160007	Nguyễn Đình Duy	16KTCLC1	1,638,000
4126	121160008	121160008	Trần Mậu Gơ	16KTCLC1	1,638,000
4127	121160009	121160009	Lê Thị Hằng	16KTCLC1	2,048,000
4128	121160010	121160010	Trần Ngọc Hạnh	16KTCLC1	1,229,000
4129	121160013	121160013	Lê Nguyên Hoàng	16KTCLC1	1,229,000
4130	121160015	121160015	Lê Thị Diễm Hương	16KTCLC1	1,229,000
4131	121160018	121160018	Võ Đại Huy	16KTCLC1	2,048,000
4132	121160019	121160019	Phạm Nguyên Khoa	16KTCLC1	819,000
4133	121160020	121160020	Hồ Sỹ Trung Kiên	16KTCLC1	2,867,000
4134	121160022	121160022	Nguyễn Thùy Linh	16KTCLC1	1,229,000
4135	121160023	121160023	Nguyễn Công Lộc	16KTCLC1	2,048,000
4136	121160025	121160025	Văn Phú Minh	16KTCLC1	1,229,000
4137	121160026	121160026	Lê Trung Nam	16KTCLC1	819,000
4138	121160027	121160027	Cao Thị Thúy Nga	16KTCLC1	1,229,000
4139	121160028	121160028	Phan Thị Hồng Nghiêm	16KTCLC1	2,458,000
4140	121160029	121160029	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	16KTCLC1	1,638,000
4141	121160036	121160036	Nguyễn Thị Mỹ Sơn	16KTCLC1	819,000
4142	121160038	121160038	Nguyễn Trung Thắng	16KTCLC1	2,867,000
4143	121160042	121160042	Dương Thiên Vân Trà	16KTCLC1	1,229,000
4144	121160048	121160048	Đoàn Phan Quốc Việt	16KTCLC1	1,638,000
4145	121160057	121160057	Vũ Phan Hà	16KTCLC2	3,686,000
4146	121160072	121160072	Nguyễn Quốc Lộc	16KTCLC2	1,638,000
4147	121160076	121160076	Nguyễn Kim Ngân	16KTCLC2	1,638,000
4148	121160081	121160081	Nguyễn Ánh Phượng	16KTCLC2	3,686,000
4149	121160082	121160082	Dương Phú Quốc	16KTCLC2	1,638,000
4150	121160088	121160088	Võ Văn Hoàng Thuận	16KTCLC2	2,867,000
4151	121160091	121160091	Nguyễn Quốc Trí	16KTCLC2	2,457,000
4152	121160095	121160095	Đặng Trọng Tuệ	16KTCLC2	819,000
4153	103160147	103160147	Phan Ngọc Cường	16KTTT	2,048,000
4154	103160148	103160148	Võ Phúc Cường	16KTTT	2,253,000
4155	103160149	103160149	Phạm Hữu Danh	16KTTT	1,843,000
4156	103160151	103160151	Phạm Tuấn Đạt	16KTTT	2,458,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4157	103160152	103160152	Lê Văn Đức	16KTTT	1,024,000
4158	103160153	103160153	Trịnh Minh Đức	16KTTT	1,979,000
4159	103160154	103160154	Võ Minh Duy	16KTTT	3,277,000
4160	103160155	103160155	Đàm Thanh Hải	16KTTT	2,048,000
4161	103160156	103160156	Võ Duy Hân	16KTTT	683,000
4162	103160158	103160158	Trương Quang Hiếu	16KTTT	3,277,000
4163	103160159	103160159	Võ Tấn Hưng	16KTTT	1,843,000
4164	103160160	103160160	Nguyễn Văn Huy	16KTTT	2,321,000
4165	103160161	103160161	Phan Văn Huy	16KTTT	2,253,000
4166	103160162	103160162	Nguyễn Đình Khương	16KTTT	2,936,000
4167	103160166	103160166	Lê Thanh Long	16KTTT	3,277,000
4168	103160167	103160167	Ngô Văn Luân	16KTTT	3,687,000
4169	103160168	103160168	Võ Châu Lý	16KTTT	2,048,000
4170	103160169	103160169	Trịnh Thị Mơ	16KTTT	1,516,000
4171	103160171	103160171	Lê Thành Nhân	16KTTT	3,223,000
4172	103160173	103160173	Huỳnh Đức Phúc	16KTTT	2,936,000
4173	103160175	103160175	Trương Tiến Quân	16KTTT	2,662,000
4174	103160176	103160176	Tưởng Văn Quyền	16KTTT	1,175,000
4175	103160178	103160178	Nguyễn Công Nhật Rin	16KTTT	2,048,000
4176	103160179	103160179	Lê Hùng Sơn	16KTTT	1,229,000
4177	103160182	103160182	Nguyễn Hửu Tây	16KTTT	1,638,000
4178	103160183	103160183	Bùi Văn Thắng	16KTTT	3,072,000
4179	103160184	103160184	Đặng Công Thắng	16KTTT	2,867,000
4180	103160185	103160185	Đỗ Phú Thắng	16KTTT	2,048,000
4181	103160186	103160186	Nguyễn Hữu Thắng	16KTTT	2,662,000
4182	103160187	103160187	Nguyễn Tiến Thành	16KTTT	1,024,000
4183	103160188	103160188	Võ Đình Thịnh	16KTTT	1,638,000
4184	103160190	103160190	Nguyễn Đức Toản	16KTTT	2,048,000
4185	103160191	103160191	Nguyễn Trần Nhất Trí	16KTTT	1,721,000
4186	103160192	103160192	Nguyễn Anh Tuấn	16KTTT	3,277,000
4187	103160193	103160193	Nguyễn Lê Quốc Tuấn	16KTTT	2,457,000
4188	103160195	103160195	Lê Anh Vũ	16KTTT	3,141,000
4189	103160199	103160199	Tô Quang Vũ	16KTTT	2,867,000
4190	118160001	118160001	Nguyễn Hồng An	16KX1	1,912,000
4191	118160002	118160002	Nguyễn Thị Châu Anh	16KX1	1,024,000
4192	118160003	118160003	Bùi Thị Ánh	16KX1	1,024,000
4193	118160004	118160004	Lê Công Danh	16KX1	2,595,000
4194	118160007	118160007	Phan Khắc Đức	16KX1	2,595,000
4195	118160008	118160008	Huỳnh Quang Dũng	16KX1	1,024,000
4196	118160009	118160009	Trần Quốc Dũng	16KX1	1,707,000
4197	118160010	118160010	Ngô Trường Dương	16KX1	1,707,000
4198	118160011	118160011	Trần Văn Duy	16KX1	1,707,000
4199	118160012	118160012	Phan Thị Hương Giang	16KX1	2,048,000
4200	118160013	118160013	Võ Hải	16KX1	1,707,000
4201	118160014	118160014	Hà Thị Thúy Hiền	16KX1	1,366,000
4202	118160015	118160015	Lê Ngọc Hiền	16KX1	2,130,000
4203	118160016	118160016	Nguyễn Thị Thúy Hiền	16KX1	683,000
4204	118160017	118160017	Nguyễn Tất Hòa	16KX1	1,366,000
4205	118160018	118160018	Phan Tiến Hùng	16KX1	2,458,000
4206	118160020	118160020	Lê Văn Huy	16KX1	2,936,000
4207	118160021	118160021	Dương Thanh Huyền	16KX1	683,000
4208	118160022	118160022	Lâm Quang Khang	16KX1	1,024,000
4209	118160024	118160024	Nguyễn Tuấn Kiệt	16KX1	1,638,000
4210	118160025	118160025	Lê Thị Phong Lan	16KX1	2,253,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4211	118160026	118160026	Huỳnh Văn Liêm	16KX1	2,048,000
4212	118160028	118160028	Nguyễn Hoàng Long	16KX1	2,526,000
4213	118160030	118160030	Đào Ngọc Minh	16KX1	3,072,000
4214	118160031	118160031	Phan Nhật Minh	16KX1	1,707,000
4215	118160033	118160033	Lê Thị Bích Nga	16KX1	1,843,000
4216	118160035	118160035	Đinh Văn Nguyên	16KX1	2,458,000
4217	118160036	118160036	Phan Thị Xuân Nhẫn	16KX1	1,502,000
4218	118160037	118160037	Nguyễn Thị Phương Nhi	16KX1	1,707,000
4219	118160038	118160038	Hà Thị Kiều Oanh	16KX1	819,000
4220	118160039	118160039	Trần Thị Kim Phượng	16KX1	1,707,000
4221	118160041	118160041	Võ Quang Thảo Quỳnh	16KX1	1,024,000
4222	118160042	118160042	Phạm Hồng Sơn	16KX1	3,769,000
4223	118160043	118160043	Nguyễn Đăng Sử	16KX1	2,253,000
4224	118160044	118160044	Nguyễn Thị Thanh Tâm	16KX1	1,707,000
4225	118160045	118160045	Phan Khắc Thạch	16KX1	2,526,000
4226	118160046	118160046	Lưu Thị Thanh	16KX1	2,048,000
4227	118160048	118160048	Đặng Phước Thời	16KX1	2,048,000
4228	118160049	118160049	Trần Kim Thư	16KX1	2,389,000
4229	118160050	118160050	Nguyễn Thị Thuyền	16KX1	1,024,000
4230	118160053	118160053	Mai Phan Thảo Trang	16KX1	1,843,000
4231	118160055	118160055	Phan Lâm Tú	16KX1	1,721,000
4232	118160056	118160056	Đặng Minh Tuấn	16KX1	1,707,000
4233	118160059	118160059	Huỳnh Văn Vương	16KX1	1,707,000
4234	118160062	118160062	Nguyễn Thị Kim Anh	16KX2	683,000
4235	118160066	118160066	Nguyễn Công Đức	16KX2	4,028,000
4236	118160069	118160069	Trần Tiến Dũng	16KX2	2,594,000
4237	118160070	118160070	Trần Quan Dương	16KX2	2,048,000
4238	118160071	118160071	Nguyễn Phạm Trường Giang	16KX2	1,707,000
4239	118160073	118160073	Nguyễn Thị Hoàn Hảo	16KX2	2,253,000
4240	118160076	118160076	Trần Đình Hiếu	16KX2	2,048,000
4241	118160077	118160077	Hoàng Việt Hùng	16KX2	3,277,000
4242	118160078	118160078	Nguyễn Quốc Hưng	16KX2	1,638,000
4243	118160080	118160080	Phạm Đình Huy	16KX2	1,707,000
4244	118160082	118160082	Dương Chí Khánh	16KX2	2,950,000
4245	118160083	118160083	Phạm Phước Kiên	16KX2	1,229,000
4246	118160084	118160084	Nguyễn Thành Lâm	16KX2	2,048,000
4247	118160088	118160088	Huỳnh Tiến Lực	16KX2	1,024,000
4248	118160090	118160090	Nguyễn Hữu Quang Minh	16KX2	1,024,000
4249	118160092	118160092	Phạm Đình Nam	16KX2	2,048,000
4250	118160093	118160093	Trần Thị Thanh Nga	16KX2	1,229,000
4251	118160095	118160095	Võ Phương Nguyên	16KX2	2,048,000
4252	118160098	118160098	Lê Thị Hồng Phấn	16KX2	683,000
4253	118160101	118160101	Trình Công Sơn	16KX2	2,458,000
4254	118160103	118160103	Phạm Tây	16KX2	2,867,000
4255	118160104	118160104	Phạm Đình Thắng	16KX2	3,891,000
4256	118160106	118160106	Phan Thị Dạ Thảo	16KX2	2,253,000
4257	118160108	118160108	Nguyễn Kiều Thương	16KX2	2,457,000
4258	118160111	118160111	Lê Thị Thuỳ Trang	16KX2	2,458,000
4259	118160112	118160112	Nguyễn Thị Tú Trinh	16KX2	2,048,000
4260	118160118	118160118	Nguyễn Phước Vương	16KX2	1,311,000
4261	118160119	118160119	Ngô Thị Yến	16KX2	3,686,000
4262	117160015	117160015	Lê Khánh Dương	16MT	2,457,000
4263	117160016	117160016	Đoàn Quốc Hà	16MT	1,638,000
4264	117160019	117160019	Cao Thị Minh Hiếu	16MT	1,229,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4265	117160021	117160021	Phạm Ngọc Hiếu	16MT	3,277,000
4266	117160022	117160022	Hà Phước Hoà	16MT	2,540,000
4267	117160023	117160023	Lê Huy Hoàng	16MT	2,950,000
4268	117160027	117160027	Bùi Việt Hưng	16MT	2,048,000
4269	117160028	117160028	Nguyễn Ngọc Hưng	16MT	2,867,000
4270	117160029	117160029	Nguyễn Thị Thiên Hương	16MT	1,365,000
4271	117160030	117160030	Trần Thị Thu Hương	16MT	4,383,000
4272	117160031	117160031	Đặng Ngọc Huy	16MT	1,516,000
4273	117160040	117160040	Đoàn Thị Ngọc Liên	16MT	1,638,000
4274	117160043	117160043	Dương Bình Minh	16MT	1,721,000
4275	117160044	117160044	Trương Hoài Tiểu My	16MT	2,867,000
4276	117160046	117160046	Trần Văn Nam	16MT	1,843,000
4277	117160049	117160049	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	16MT	492,000
4278	117160050	117160050	Trần Thị Nhạn	16MT	1,365,000
4279	117160051	117160051	Nguyễn Thị Nhi	16MT	2,867,000
4280	117160052	117160052	Hồ Dịu Ny	16MT	1,516,000
4281	117160053	117160053	Huỳnh Thị Oanh	16MT	3,277,000
4282	117160054	117160054	Bùi Thị Mỹ Phong	16MT	1,638,000
4283	117160057	117160057	Lê Thị Phụng	16MT	2,561,000
4284	117160058	117160058	Phạm Huỳnh Thiên Phụng	16MT	1,721,000
4285	117160059	117160059	Võ Thị Nguyên Phương	16MT	1,365,000
4286	117160063	117160063	Võ Văn Quý	16MT	1,024,000
4287	117160067	117160067	Doãn Trọng Sơn	16MT	3,072,000
4288	117160069	117160069	Trương Thị Kim Thảo	16MT	3,072,000
4289	117160073	117160073	Nguyễn Thị Thanh Thúy	16MT	1,570,000
4290	117160075	117160075	Mai Đăng Tiến	16MT	2,731,000
4291	117160076	117160076	Trần Thị Thùy Trang	16MT	2,350,000
4292	117160077	117160077	Nguyễn Viết Hoàng Trị	16MT	2,458,000
4293	117160078	117160078	Nguyễn Đức Phương Tú	16MT	2,458,000
4294	117160079	117160079	Phan Đình Anh Tú	16MT	1,912,000
4295	117160080	117160080	Phạm Thị Thanh Tuyền	16MT	2,048,000
4296	117160081	117160081	Ngô Thụy Vân	16MT	3,139,500
4297	117160082	117160082	Ngô Thị Vàng	16MT	2,540,000
4298	104160001	104160001	Trần Hoàng Ân	16N1	1,707,000
4299	104160002	104160002	Vương Hoàng Anh	16N1	1,638,000
4300	104160003	104160003	Trương Văn Bình	16N1	1,229,000
4301	104160004	104160004	Nguyễn Công Cường	16N1	2,798,500
4302	104160005	104160005	Tạ Quốc Cường	16N1	2,867,000
4303	104160006	104160006	Văn Công Danh	16N1	2,731,000
4304	104160008	104160008	Lê Công Đoài	16N1	3,004,000
4305	104160009	104160009	Ngô Viết Duẩn	16N1	2,185,000
4306	104160010	104160010	Hoàng Anh Dũng	16N1	1,229,000
4307	104160011	104160011	Nguyễn Sỹ Dũng	16N1	1,024,000
4308	104160012	104160012	Phạm Tùng Dương	16N1	683,000
4309	104160013	104160013	Vũ Trúc Giang	16N1	1,707,000
4310	104160014	104160014	Doãn Thanh Hải	16N1	2,321,000
4311	104160015	104160015	Tán Nguyên Hảo	16N1	2,130,000
4312	104160016	104160016	Nguyễn Minh Hiếu	16N1	1,707,000
4313	104160017	104160017	Đinh Tiến Hoàng	16N1	2,458,000
4314	104160018	104160018	Nguyễn Kim Hoàng	16N1	1,638,000
4315	104160019	104160019	Nguyễn Việt Hưng	16N1	3,686,000
4316	104160021	104160021	Hồ Thanh Hương	16N1	2,321,000
4317	104160022	104160022	Lê Viết Huy	16N1	1,809,000
4318	104160024	104160024	Trần Thanh Huy	16N1	2,062,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4319	104160025	104160025	Nguyễn Phan Thành Kiên	16N1	3,141,000
4320	104160027	104160027	Ngô Hồng Lợi	16N1	683,000
4321	104160028	104160028	Nguyễn Thanh Long	16N1	2,048,000
4322	104160029	104160029	Nguyễn Đình Luyện	16N1	1,638,000
4323	104160030	104160030	Nguyễn Mỹ	16N1	2,662,000
4324	104160031	104160031	Nguyễn Ngọc	16N1	1,366,000
4325	104160032	104160032	Lê Trịnh Nhật	16N1	2,321,000
4326	104160034	104160034	Nguyễn Hồng Quân	16N1	1,707,000
4327	104160035	104160035	Trần Anh Quốc	16N1	683,000
4328	104160036	104160036	Trương Quang Nhật Sang	16N1	683,000
4329	104160037	104160037	Nguyễn Thái Sơn	16N1	1,229,000
4330	104160038	104160038	Hồ Ngọc Thạch	16N1	683,000
4331	104160039	104160039	Trần Hữu Thắng	16N1	683,000
4332	104160040	104160040	Nguyễn Quốc Thanh	16N1	1,707,000
4333	104160042	104160042	Lê Hữu Thiên	16N1	2,595,000
4334	104160043	104160043	Bùi Văn Thọ	16N1	1,638,000
4335	104160044	104160044	Hoàng Nhật Tiến	16N1	1,843,000
4336	104160046	104160046	Hồ Hữu Trung	16N1	2,526,000
4337	104160047	104160047	Nguyễn Anh Tuấn	16N1	2,253,000
4338	104160048	104160048	Hồ Viết Tung	16N1	1,912,000
4339	104160049	104160049	Ông Văn Thanh Tùng	16N1	683,000
4340	104160050	104160050	Trần Thanh Việt	16N1	2,867,000
4341	104160051	104160051	Phạm Quang Nhật Vũ	16N1	2,185,000
4342	104160053	104160053	Phạm Quang Anh	16N2	1,024,000
4343	104160054	104160054	Lã Trí Bảo	16N2	1,638,000
4344	104160055	104160055	Lê Đức Châu	16N2	2,867,000
4345	104160056	104160056	Nguyễn Quang Cường	16N2	1,707,000
4346	104160058	104160058	Lê Hữu Diệu	16N2	4,096,000
4347	104160060	104160060	Phan Đông	16N2	2,048,000
4348	104160061	104160061	Nguyễn Trung Đức	16N2	4,027,000
4349	104160062	104160062	Lê Quang Dũng	16N2	3,209,000
4350	104160064	104160064	Lê Văn Giang	16N2	1,502,000
4351	104160065	104160065	Nguyễn Quang Hà	16N2	3,891,000
4352	104160069	104160069	Nguyễn Huy Hoàng	16N2	3,359,000
4353	104160071	104160071	Trần Đình Hưng	16N2	2,813,000
4354	104160072	104160072	Uông Ngọc Hưng	16N2	1,502,000
4355	104160073	104160073	Lê Khắc Huy	16N2	2,457,000
4356	104160074	104160074	Nguyễn Quang Huy	16N2	2,458,000
4357	104160075	104160075	Trần Nguyễn Quốc Huy	16N2	2,130,000
4358	104160076	104160076	Huỳnh Đình Khải	16N2	2,936,000
4359	104160077	104160077	Nguyễn Hiếu Kỳ	16N2	2,867,000
4360	104160078	104160078	Phan Văn Hoàng Lộc	16N2	683,000
4361	104160079	104160079	Ngô Văn Lợi	16N2	1,843,000
4362	104160080	104160080	Nguyễn Thành Lực	16N2	3,686,000
4363	104160082	104160082	Nguyễn Đào Nam	16N2	3,632,000
4364	104160083	104160083	Đặng Minh Nhật	16N2	2,458,000
4365	104160086	104160086	Nguyễn Tấn Quang	16N2	2,867,000
4366	104160088	104160088	Võ Trường Sang	16N2	2,594,000
4367	104160090	104160090	Trần Quốc Thái	16N2	1,638,000
4368	104160091	104160091	Hồ Viết Thanh	16N2	3,686,000
4369	104160094	104160094	Huỳnh Ngọc Thịnh	16N2	2,199,000
4370	104160095	104160095	Nguyễn Văn Thống	16N2	2,253,000
4371	104160098	104160098	Nguyễn Thành Trung	16N2	2,950,000
4372	104160099	104160099	Nguyễn Văn Tuấn	16N2	3,687,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4373	104160100	104160100	Hồ Thanh Tùng	16N2	3,619,000
4374	104160101	104160101	Bùi Quốc Việt	16N2	2,867,000
4375	104160102	104160102	Phạm Công Vinh	16N2	2,867,000
4376	104160103	104160103	Trần Văn Vũ	16N2	1,638,000
4377	104160104	104160104	Trần Như Ý	16N2	3,632,000
4378	118150116	118150116	Lê Thị Hà	16QLCN	1,024,000
4379	118160120	118160120	Nguyễn Ngọc Anh	16QLCN	2,048,000
4380	118160122	118160122	Lê Bình	16QLCN	1,229,000
4381	118160123	118160123	Lê Trần Tuấn Đạt	16QLCN	1,638,000
4382	118160124	118160124	Nguyễn Hữu Đạt	16QLCN	2,867,000
4383	118160128	118160128	Nguyễn Thúy Hằng	16QLCN	2,048,000
4384	118160131	118160131	Nguyễn Hữu Hùng	16QLCN	2,048,000
4385	118160137	118160137	Trần Phước Luân	16QLCN	2,048,000
4386	118160139	118160139	Trần Thị Khánh Ly	16QLCN	2,048,000
4387	118160140	118160140	Nguyễn Đức Minh	16QLCN	2,458,000
4388	118160143	118160143	Trương Thị Thuỳ Nga	16QLCN	2,048,000
4389	118160148	118160148	Nguyễn Đức Phương	16QLCN	1,843,000
4390	118160149	118160149	Trần Hoàng Minh Phương	16QLCN	2,867,000
4391	118160152	118160152	Đinh Nguyên Sang	16QLCN	2,458,000
4392	118160153	118160153	Trần Quang Sang	16QLCN	1,638,000
4393	118160155	118160155	Trần Xuân Sơn	16QLCN	2,390,000
4394	118160156	118160156	Nguyễn Văn Tài	16QLCN	1,024,000
4395	118160157	118160157	Nguyễn Văn Tài	16QLCN	1,229,000
4396	118160161	118160161	Nguyễn Thị Thương	16QLCN	2,662,000
4397	118160162	118160162	Nguyễn Thương Thương	16QLCN	2,867,000
4398	118160165	118160165	La Công Thùy	16QLCN	2,594,000
4399	118160166	118160166	Trương Thị Thủy	16QLCN	2,253,000
4400	118160167	118160167	Nguyễn Trung Tín	16QLCN	2,458,000
4401	118160168	118160168	Trần Thị Tình	16QLCN	1,024,000
4402	118160169	118160169	Lê Thị Trà	16QLCN	1,024,000
4403	118160170	118160170	Nguyễn Thị Thuỳ Trâm	16QLCN	1,229,000
4404	118160171	118160171	Lê Chí Trung	16QLCN	2,594,000
4405	118160172	118160172	Nguyễn Thị Cẩm Tú	16QLCN	683,000
4406	118160173	118160173	Võ Đăng Vịnh	16QLCN	2,867,000
4407	118160175	118160175	Trần Tuấn Vương	16QLCN	2,048,000
4408	118160176	118160176	Trần Ngọc Ý	16QLCN	1,229,000
4409	117160086	117160086	Trần Thị Quỳnh Anh	16QLMT	1,229,000
4410	117160087	117160087	Nguyễn Văn Bảo	16QLMT	1,638,000
4411	117160088	117160088	Trần Văn Đa	16QLMT	1,570,000
4412	117160089	117160089	Huỳnh Bá Dân	16QLMT	1,843,000
4413	117160090	117160090	Phan Thị Dương	16QLMT	2,881,000
4414	117160091	117160091	Nguyễn Thị Linh Giang	16QLMT	2,048,000
4415	117160092	117160092	Huỳnh Ngọc Hà	16QLMT	2,950,000
4416	117160095	117160095	Lưu Văn Hiếu	16QLMT	1,843,000
4417	117160097	117160097	Nguyễn Đình Hoàng	16QLMT	2,731,000
4418	117160098	117160098	Ngô Duy Hùng	16QLMT	3,618,000
4419	117160099	117160099	Nguyễn Quốc Huy	16QLMT	1,638,000
4420	117160105	117160105	Nguyễn Thị Thùy Linh	16QLMT	2,799,000
4421	117160106	117160106	Phạm Thị Mỹ Linh	16QLMT	1,024,000
4422	117160109	117160109	Trương Quang Lộc	16QLMT	3,086,000
4423	117160110	117160110	Vũ Văn Lực	16QLMT	1,638,000
4424	117160111	117160111	Lê Đỗ Tuyết Ngân	16QLMT	2,390,000
4425	117160112	117160112	Trương Công Nhật Nghĩa	16QLMT	2,048,000
4426	117160113	117160113	Trương Minh Nhật	16QLMT	1,024,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4427	117160114	117160114	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	16QLMT	1,365,000
4428	117160115	117160115	Phan Thị Yến Nhi	16QLMT	2,458,000
4429	117160117	117160117	Hồ Hoàng Hữu Phước	16QLMT	1,502,000
4430	117160118	117160118	Nguyễn Minh Tâm	16QLMT	2,184,000
4431	117160119	117160119	Phùng Ngọc Tấn	16QLMT	2,389,000
4432	117160120	117160120	Phạm Thị Hồng Thắm	16QLMT	1,707,000
4433	117160121	117160121	Nguyễn Thị Kim Thanh	16QLMT	2,219,000
4434	117160122	117160122	Lê Văn Thành	16QLMT	4,710,000
4435	117160124	117160124	Huỳnh Thịnh	16QLMT	341,000
4436	117160125	117160125	Nguyễn Thị Thu	16QLMT	2,048,000
4437	117160128	117160128	Nguyễn Quốc Toàn	16QLMT	1,024,000
4438	117160130	117160130	Trần Thanh Trinh	16QLMT	2,048,000
4439	117160132	117160132	Nguyễn Thành Trung	16QLMT	2,458,000
4440	117160134	117160134	Trần Văn Tuế	16QLMT	2,594,000
4441	117160137	117160137	Trần Thị Vẫn	16QLMT	2,458,000
4442	117160140	117160140	Tơ Ngôl Chúc	16QLMT	2,457,000
4443	107160195	107160195	Phạm Thị Minh Anh	16SH	492,000
4444	107160196	107160196	Lê Thị Ngọc Ánh	16SH	492,000
4445	107160198	107160198	Lê Nguyễn Thúy Diễm	16SH	1,024,000
4446	107160201	107160201	Lương Đinh Gia Hân	16SH	492,000
4447	107160202	107160202	Hà Thị Thanh Hằng	16SH	1,638,000
4448	107160203	107160203	Nguyễn Thị Hằng	16SH	2,540,000
4449	107160204	107160204	Trần Thúy Hằng	16SH	492,000
4450	107160206	107160206	Trần Nguyễn Minh Hạnh	16SH	492,000
4451	107160210	107160210	Hồ Phiên Hương	16SH	492,000
4452	107160213	107160213	Ngô Gia Huy	16SH	492,000
4453	107160216	107160216	Dương Thị Ngọc Lan	16SH	1,024,000
4454	107160218	107160218	Nguyễn Văn Lương	16SH	492,000
4455	107160219	107160219	Trần Thị Lý	16SH	1,721,000
4456	107160221	107160221	Trịnh Thị Xuân Nhân	16SH	2,404,000
4457	107160223	107160223	Thái Thị Thùy Nhi	16SH	1,175,000
4458	107160224	107160224	Dương Thị Thúy Nhung	16SH	3,141,000
4459	107160228	107160228	Phạm Thị Sen	16SH	1,366,000
4460	107160229	107160229	Hoàng Thị Ái Sương	16SH	683,000
4461	107160230	107160230	Đoàn Nguyễn Anh Thi	16SH	2,389,000
4462	107160233	107160233	Hoàng Thị Hoài Thương	16SH	1,175,000
4463	107160236	107160236	Trần Trung Tính	16SH	2,561,000
4464	107160237	107160237	Liên Thanh Toàn	16SH	1,912,000
4465	107160241	107160241	Nguyễn Thị Hoài Uyên	16SH	2,048,000
4466	107160243	107160243	Huỳnh Thanh Vân	16SH	1,229,000
4467	107160245	107160245	Phạm Lê Vi	16SH	1,366,000
4468	107160247	107160247	Phạm Lam Vy	16SH	1,638,000
4469	107160248	107160248	Trần Thị Xuân	16SH	1,024,000
4470	108160001	108160001	Tô Văn An	16SK	1,721,000
4471	108160003	108160003	Hoàng Tiến Anh	16SK	1,229,000
4472	108160006	108160006	Nguyễn Hoàng Diệp	16SK	2,048,000
4473	108160007	108160007	Võ Quang Điệp	16SK	2,540,000
4474	108160013	108160013	Lê Công Hậu	16SK	1,229,000
4475	108160015	108160015	Dương Thế Hòa	16SK	1,311,000
4476	108160017	108160017	Tạ Việt Hoàng	16SK	819,000
4477	108160019	108160019	Lê Thành Hưng	16SK	492,000
4478	108160020	108160020	Đặng Đức Hướng	16SK	2,540,000
4479	108160022	108160022	Nguyễn Thành Huy	16SK	492,000
4480	108160023	108160023	Nguyễn Xuân Huy	16SK	1,311,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4481	108160028	108160028	Nguyễn Lê Đức Lộc	16SK	1,229,000
4482	108160030	108160030	Bùi Như Nam	16SK	1,638,000
4483	108160033	108160033	Dương Thị Tuyết Nhung	16SK	1,638,000
4484	108160034	108160034	Nguyễn Hoàng Phương	16SK	2,458,000
4485	108160035	108160035	Phạm Văn Phương	16SK	2,458,000
4486	108160037	108160037	Nguyễn Thị Lệ Quyên	16SK	2,048,000
4487	108160042	108160042	Nguyễn Hữu Thành	16SK	1,638,000
4488	108160043	108160043	Phan Tấn Thành	16SK	3,686,000
4489	108160044	108160044	Nguyễn Thị Thảo	16SK	3,276,000
4490	108160046	108160046	Trần Huỳnh Bích Thủy	16SK	819,000
4491	108160047	108160047	Nguyễn Thanh Tiến	16SK	819,000
4492	108160048	108160048	Lê Quốc Tỉnh	16SK	1,638,000
4493	108160050	108160050	Phan Minh Vũ	16SK	1,638,000
4494	102160030	102160030	Trương Hùng Anh	16T1	1,638,000
4495	102160031	102160031	Nguyễn Quang Bảo	16T1	2,048,000
4496	102160033	102160033	Nguyễn Mạnh Cường	16T1	819,000
4497	102160036	102160036	Phạm Đình Điệp	16T1	1,707,000
4498	102160037	102160037	Nguyễn Mạnh Dũng	16T1	2,896,000
4499	102160038	102160038	Nguyễn Vũ Anh Duy	16T1	1,024,000
4500	102160040	102160040	Nguyễn Đình Hân	16T1	2,526,000
4501	102160042	102160042	Ngô Thị Thúy Hiền	16T1	2,662,000
4502	102160044	102160044	Hồ Minh Hoàng	16T1	2,526,000
4503	102160046	102160046	Phạm Khánh Hưng	16T1	2,321,000
4504	102160052	102160052	Nguyễn Quang Luân	16T1	3,565,000
4505	102160057	102160057	Nguyễn Hoàng Phi	16T1	2,253,000
4506	102160058	102160058	Võ Đức Phong	16T1	2,881,000
4507	102160061	102160061	Nguyễn Thái Quyên	16T1	2,048,000
4508	102160064	102160064	Dương Minh Tài	16T1	2,253,000
4509	102160065	102160065	Lê Đức Tân	16T1	3,686,000
4510	102160066	102160066	Hứa Đại Quyết Thắng	16T1	1,843,000
4511	102160067	102160067	Nguyễn Quốc Thành	16T1	1,707,000
4512	102160070	102160070	Đỗ Thị Minh Thuý	16T1	1,024,000
4513	102160072	102160072	Nguyễn Mậu Công Trình	16T1	1,175,000
4514	102160073	102160073	Hoàng Hữu Trung	16T1	1,024,000
4515	102160075	102160075	Nguyễn Quốc Tuấn	16T1	819,000
4516	102160076	102160076	Đặng Tấn Vũ	16T1	3,686,000
4517	102160077	102160077	Nguyễn Trần Vũ	16T1	2,048,000
4518	102160078	102160078	Phan Thanh Vương	16T1	2,048,000
4519	102160081	102160081	Nguyễn Thái Bình	16T2	1,502,000
4520	102160084	102160084	Bùi Xuân Danh	16T2	1,366,000
4521	102160086	102160086	Ung Mỹ Diệu	16T2	683,000
4522	102160089	102160089	Nguyễn Thị Hà	16T2	2,199,000
4523	102160092	102160092	Trần Bá Hiệp	16T2	1,516,000
4524	102160093	102160093	Đặng Đình Hoàng	16T2	683,000
4525	102160095	102160095	Ngô Đình Hưng	16T2	1,721,000
4526	102160099	102160099	Hồ Khanh	16T2	2,321,000
4527	102160100	102160100	Nguyễn Quốc Khánh	16T2	1,707,000
4528	102160102	102160102	Nguyễn Văn Luân	16T2	2,048,000
4529	102160103	102160103	Dương Chí Mạnh	16T2	1,638,000
4530	102160111	102160111	Lê Nguyễn Công Sang	16T2	1,024,000
4531	102160112	102160112	Nguyễn Văn Sơn	16T2	1,707,000
4532	102160113	102160113	Trương Quang Sơn	16T2	1,024,000
4533	102160114	102160114	Dương Thị Hoài Tâm	16T2	1,721,000
4534	102160115	102160115	Nguyễn Phú Tân	16T2	1,024,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4535	102160116	102160116	Ngô Thị Thanh	16T2	1,858,000
4536	102160117	102160117	Phạm Duy Thành	16T2	492,000
4537	102160119	102160119	Trần Thị Kim Thư	16T2	1,229,000
4538	102160120	102160120	Hà Xuân Tiến	16T2	854,000
4539	102160121	102160121	Trần Thị Ngọc Trang	16T2	1,024,000
4540	102160126	102160126	Dương Huy Vũ	16T2	1,024,000
4541	102160127	102160127	Phan Ngô Nhật Vũ	16T2	2,540,000
4542	102160276	102160276	Hoàng Văn Khánh	16T2	2,130,000
4543	102160128	102160128	Nguyễn Khắc Bảo	16T3	2,048,000
4544	102160131	102160131	Trần Duy Đại	16T3	2,390,000
4545	102160132	102160132	Hồ Quốc Đạt	16T3	3,277,000
4546	102160135	102160135	Đinh Quang Duy	16T3	1,707,000
4547	102160136	102160136	Lê Thị Kim Duyên	16T3	683,000
4548	102160141	102160141	Dương Chí Việt Hoàng	16T3	2,389,000
4549	102160144	102160144	Bùi Đoàn Quang Huy	16T3	2,731,000
4550	102160146	102160146	Lê Minh Khai	16T3	2,199,000
4551	102160147	102160147	Hồ Gia Khánh	16T3	683,000
4552	102160148	102160148	Trần Trung Kiên	16T3	2,199,000
4553	102160150	102160150	Nguyễn Xuân Lực	16T3	1,024,000
4554	102160151	102160151	Nguyễn Văn Mạnh	16T3	1,912,000
4555	102160152	102160152	Trần Thị Ngân	16T3	3,223,000
4556	102160155	102160155	Trần Giang Phong	16T3	2,048,000
4557	102160156	102160156	Võ Văn Phúc	16T3	2,950,000
4558	102160157	102160157	Trần Văn Hồng Quân	16T3	1,366,000
4559	102160158	102160158	Trần Văn Quang	16T3	1,024,000
4560	102160160	102160160	Nguyễn Viết Sơn	16T3	1,912,000
4561	102160163	102160163	Đặng Xuân Thắng	16T3	1,707,000
4562	102160164	102160164	Nguyễn Ngọc Thành	16T3	1,024,000
4563	102160168	102160168	Trương Thị Mỹ Trâm	16T3	1,024,000
4564	102160171	102160171	Trần Quốc Trung	16T3	2,253,000
4565	102160172	102160172	Mai Văn Tuấn	16T3	1,707,000
4566	102160176	102160176	Cái Thế Đức Anh	16TCLC1	1,229,000
4567	102160177	102160177	Hoàng Trọng Bình	16TCLC1	2,048,000
4568	102160179	102160179	Hồ Thùy Dương	16TCLC1	819,000
4569	102160182	102160182	Võ Đình Hùng	16TCLC1	1,229,000
4570	102160184	102160184	Đỗ Viết Đăng Khoa	16TCLC1	2,048,000
4571	102160196	102160196	Đặng Phúc Thịnh	16TCLC1	819,000
4572	102160199	102160199	Nguyễn Thanh Trí	16TCLC1	3,686,000
4573	102160201	102160201	Phan Thanh Tú	16TCLC1	1,229,000
4574	102160202	102160202	Tô Anh Tú	16TCLC1	2,867,000
4575	102160203	102160203	Lê Khắc Tùng	16TCLC1	1,721,000
4576	102160204	102160204	Phan Thị Minh Tuyết	16TCLC1	492,000
4577	102160209	102160209	Lê Minh Đức	16TCLC2	1,229,000
4578	102160211	102160211	Trần Văn Dương	16TCLC2	1,229,000
4579	102160228	102160228	Lê Thị Trâm	16TCLC2	492,000
4580	102160244	102160244	Võ Tường Huân	16TCLC3	2,048,000
4581	102160245	102160245	Võ Sỹ Hùng	16TCLC3	2,048,000
4582	102160249	102160249	Nguyễn Thế Kiên	16TCLC3	492,000
4583	102160251	102160251	Lê Hoàng Lân	16TCLC3	819,000
4584	102160256	102160256	Lương Thanh Nhật	16TCLC3	3,277,000
4585	102160260	102160260	Nguyễn Thanh Sơn	16TCLC3	2,867,000
4586	102160261	102160261	Nguyễn Trường Sơn	16TCLC3	1,638,000
4587	102160264	102160264	Lê Xuân Tân	16TCLC3	2,540,000
4588	102160270	102160270	Lê Hoàng Tú	16TCLC3	819,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4589	105160155	105160155	Nguyễn Trần Phú Bảo	16TDH	1,843,000
4590	105160158	105160158	Nguyễn Sỹ Đạt	16TDH	1,912,000
4591	105160159	105160159	Nguyễn Thành Đạt	16TDH	1,366,000
4592	105160160	105160160	Trần Văn Đạt	16TDH	2,949,000
4593	105160161	105160161	Dương Viết Đức	16TDH	1,707,000
4594	105160162	105160162	Nguyễn Đình Dũng	16TDH	1,365,000
4595	105160164	105160164	Nguyễn Đình Hào	16TDH	3,960,000
4596	105160165	105160165	Nguyễn Sỹ Hiệp	16TDH	2,526,000
4597	105160167	105160167	Ngô Hoàng Hiếu	16TDH	2,936,000
4598	105160169	105160169	Nguyễn Khánh Hưng	16TDH	3,072,000
4599	105160170	105160170	Trần Mạnh Hưng	16TDH	1,175,000
4600	105160171	105160171	Phan Nguyễn Đăng Huy	16TDH	3,687,000
4601	105160173	105160173	Lâm Đại Hỷ	16TDH	3,277,000
4602	105160176	105160176	Đỗ Thiện Khiêm	16TDH	1,843,000
4603	105160177	105160177	Lê Chí Khiêm	16TDH	2,731,000
4604	105160178	105160178	Lê Văn Khoa	16TDH	2,457,000
4605	105160180	105160180	Nguyễn Văn Linh	16TDH	1,638,000
4606	105160181	105160181	Trần Nhật Linh	16TDH	1,707,000
4607	105160182	105160182	Nguyễn Đức Lộc	16TDH	2,048,000
4608	105160184	105160184	Phạm Văn Mạnh	16TDH	3,564,000
4609	105160185	105160185	Lê Hoài Nam	16TDH	2,526,000
4610	105160186	105160186	Nguyễn Quốc Nam	16TDH	1,366,000
4611	105160189	105160189	Lê Văn Nghĩa	16TDH	2,506,000
4612	105160191	105160191	Trần Phước Nghĩa	16TDH	1,843,000
4613	105160192	105160192	Trương Đình Thành Nguyên	16TDH	2,867,000
4614	105160193	105160193	Võ Kim Phong	16TDH	2,731,000
4615	105160194	105160194	Huỳnh Ngọc Quốc	16TDH	2,253,000
4616	105160195	105160195	Lê Văn Quyết	16TDH	1,311,000
4617	105160197	105160197	Nguyễn Hữu Sang	16TDH	2,335,000
4618	105160200	105160200	Nguyễn Bá Sơn	16TDH	1,638,000
4619	105160202	105160202	Nguyễn Phúc Thành	16TDH	341,000
4620	105160203	105160203	Trần Tuấn Thành	16TDH	2,662,000
4621	105160204	105160204	Nguyễn Đình Thoại	16TDH	2,867,000
4622	105160205	105160205	Phạm Đình Thường	16TDH	2,662,000
4623	105160206	105160206	Đỗ Văn Tiến	16TDH	2,540,000
4624	105160207	105160207	Hà Xuân Toàn	16TDH	819,000
4625	105160208	105160208	Nguyễn Duy Trinh	16TDH	819,000
4626	105160209	105160209	Nguyễn Thanh Tú	16TDH	1,175,000
4627	105160211	105160211	Bùi Quang Tuấn	16TDH	2,130,000
4628	105160212	105160212	Lê Anh Tuấn	16TDH	2,184,000
4629	105160215	105160215	Lê Thanh Việt	16TDH	2,184,000
4630	105160216	105160216	Lê Kim Vượng	16TDH	2,048,000
4631	105160219	105160219	Lê Văn Chí	16TDHCLC1	1,721,000
4632	105160220	105160220	Đỗ Quốc Cường	16TDHCLC1	1,311,000
4633	105160224	105160224	Nguyễn Minh Dũng	16TDHCLC1	3,277,000
4634	105160225	105160225	Nguyễn Tiến Dương	16TDHCLC1	492,000
4635	105160226	105160226	Phạm Thị Trà Giang	16TDHCLC1	1,229,000
4636	105160229	105160229	Lê Văn Hiếu	16TDHCLC1	3,277,000
4637	105160230	105160230	Nguyễn Minh Hiếu	16TDHCLC1	2,540,000
4638	105160231	105160231	Nguyễn Trọng Hiếu	16TDHCLC1	2,867,000
4639	105160232	105160232	Trương Đức Hiếu	16TDHCLC1	2,048,000
4640	105160236	105160236	Ngô Quang Huy	16TDHCLC1	2,048,000
4641	105160237	105160237	Võ Ngọc Huy	16TDHCLC1	1,229,000
4642	105160240	105160240	Nguyễn Quang Linh	16TDHCLC1	1,721,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4643	105160242	105160242	Nguyễn Văn Mạnh	16TDHCLC1	2,540,000
4644	105160245	105160245	Dương Hoàng Nguyên	16TDHCLC1	1,229,000
4645	105160246	105160246	Nguyễn Văn Minh Nhật	16TDHCLC1	2,048,000
4646	105160247	105160247	Mã Hồng Phúc	16TDHCLC1	2,048,000
4647	105160249	105160249	Phan Phước Quang	16TDHCLC1	1,229,000
4648	105160250	105160250	Đinh Duy Quyền	16TDHCLC1	1,311,000
4649	105160252	105160252	Phạm Viết Sơn	16TDHCLC1	819,000
4650	105160254	105160254	Nguyễn Văn Tân	16TDHCLC1	1,721,000
4651	105160258	105160258	Nguyễn Lương Toàn	16TDHCLC1	2,130,000
4652	105160260	105160260	Lê Văn Việt	16TDHCLC1	2,048,000
4653	105160261	105160261	Hoàng Công Vinh	16TDHCLC1	2,048,000
4654	111160013	111160013	Nguyễn Xuân Cương	16THXD	2,184,000
4655	111160014	111160014	Võ Đình Cường	16THXD	2,458,000
4656	111160015	111160015	Nguyễn Văn Đạt	16THXD	1,707,000
4657	111160016	111160016	Phan Văn Dũng	16THXD	3,618,000
4658	111160019	111160019	Phan Thanh Hải	16THXD	3,481,000
4659	111160020	111160020	Võ Công Hậu	16THXD	3,359,000
4660	111160021	111160021	La Đức Hiệp	16THXD	1,843,000
4661	111160023	111160023	Đặng Khánh Hòa	16THXD	683,000
4662	111160024	111160024	Biện Văn Hoàng	16THXD	2,867,000
4663	111160025	111160025	Nguyễn Việt Hoàng	16THXD	4,165,000
4664	111160026	111160026	Lê Văn Hùng	16THXD	2,458,000
4665	111160029	111160029	Trương Công Văn Huy	16THXD	3,686,000
4666	111160030	111160030	Nguyễn Lê Phúc Khang	16THXD	1,638,000
4667	111160032	111160032	Phạm Trung Kiên	16THXD	2,457,000
4668	111160033	111160033	Bùi Thanh Luân	16THXD	2,048,000
4669	111160034	111160034	Phạm Ngọc Lực	16THXD	3,277,000
4670	111160037	111160037	Nguyễn Khánh Nhật	16THXD	1,502,000
4671	111160038	111160038	Hà Duy Phước	16THXD	1,311,000
4672	111160039	111160039	Phạm Phú Anh Quân	16THXD	2,867,000
4673	111160041	111160041	Trần Sinh	16THXD	2,404,000
4674	111160043	111160043	Nguyễn Trần Anh Thái	16THXD	1,229,000
4675	111160046	111160046	Lê Đình Thao	16THXD	3,960,000
4676	111160047	111160047	Phạm Công Thi	16THXD	2,048,000
4677	111160048	111160048	Nguyễn Hoàng Thịnh	16THXD	2,540,000
4678	111160049	111160049	Trần Văn Thọ	16THXD	2,867,000
4679	111160050	111160050	Lê Nguyên Tiến	16THXD	2,048,000
4680	111160051	111160051	Nguyễn Quang Tiến	16THXD	3,277,000
4681	111160053	111160053	Trần Huy Tiến	16THXD	1,516,000
4682	111160054	111160054	Dương Minh Toàn	16THXD	2,745,000
4683	111160057	111160057	Nguyễn Hoàng Tú	16THXD	1,229,000
4684	111160059	111160059	Hồ Văn Vương	16THXD	2,731,000
4685	109160023	109160023	Huỳnh Quốc Bảo	16VLXD	3,687,000
4686	109160024	109160024	Trương Phú Bin	16VLXD	2,390,000
4687	109160025	109160025	Hoàng Văn Chinh	16VLXD	1,843,000
4688	109160026	109160026	Bạch Văn Công	16VLXD	2,731,000
4689	109160027	109160027	Nguyễn Đắc Quốc Cường	16VLXD	2,390,000
4690	109160030	109160030	Cảnh Đông	16VLXD	2,048,000
4691	109160031	109160031	Đào Đình Đức	16VLXD	3,686,000
4692	109160033	109160033	Nguyễn Như Đức	16VLXD	1,721,000
4693	109160034	109160034	Nguyễn Tiến Dũng	16VLXD	2,731,000
4694	109160035	109160035	Huỳnh Trần Việt Dương	16VLXD	3,359,000
4695	109160037	109160037	Huỳnh Hậu	16VLXD	1,707,000
4696	109160038	109160038	Trần Văn Hiền	16VLXD	3,550,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4697	109160039	109160039	Trần Phước Hiệp	16VLXD	3,072,000
4698	109160040	109160040	Lê Văn Hiếu	16VLXD	819,000
4699	109160041	109160041	Phan Hoá	16VLXD	2,390,000
4700	109160042	109160042	Phạm Quang Hóa	16VLXD	2,048,000
4701	109160043	109160043	Hoàng Ngọc Huy Hoàng	16VLXD	2,390,000
4702	109160044	109160044	Nguyễn Xuân Hoàng	16VLXD	2,390,000
4703	109160045	109160045	Trần Vũ Hoàng	16VLXD	1,707,000
4704	109160046	109160046	Lê Văn Học	16VLXD	1,365,000
4705	109160048	109160048	Võ Hoàng Quốc Huy	16VLXD	2,390,000
4706	109160049	109160049	Nguyễn Khánh	16VLXD	1,707,000
4707	109160051	109160051	Trần Công Kỳ	16VLXD	2,253,000
4708	109160056	109160056	Nguyễn Ngọc	16VLXD	2,048,000
4709	109160057	109160057	Hồ Xuân Nhật	16VLXD	1,707,000
4710	109160058	109160058	Hoàng Minh Nhật	16VLXD	2,390,000
4711	109160059	109160059	Văn Đức Phi	16VLXD	2,390,000
4712	109160060	109160060	Ngô Đình Quân	16VLXD	1,638,000
4713	109160062	109160062	Phạm Quang Rin	16VLXD	2,390,000
4714	109160065	109160065	Võ Văn Sơn	16VLXD	2,662,000
4715	109160066	109160066	Võ Thế Tài	16VLXD	3,686,000
4716	109160069	109160069	Trần Văn Thiện	16VLXD	2,199,000
4717	109160070	109160070	Nguyễn Quốc Thông	16VLXD	2,390,000
4718	109160071	109160071	Võ Thanh Tiền	16VLXD	2,390,000
4719	109160072	109160072	Trần Ngọc Trọng	16VLXD	1,707,000
4720	109160073	109160073	Đinh Sỹ Trường	16VLXD	1,707,000
4721	109160075	109160075	Lê Tuấn	16VLXD	2,390,000
4722	109160078	109160078	Nguyễn Đình Vũ	16VLXD	1,229,000
4723	110160062	110160062	Cao Văn Khởi	16X1_B2	819,000
4724	110160064	110160064	Nguyễn Anh Thư	16X1_B2	2,868,000
4725	110160065	110160065	Nguyễn Trường An	16X1A	1,229,000
4726	110160066	110160066	Lê Tuấn Anh	16X1A	1,366,000
4727	110160067	110160067	Chu Văn Ánh	16X1A	1,366,000
4728	110160069	110160069	Nguyễn Hoàng Bảo	16X1A	1,537,000
4729	110160070	110160070	Phạm Văn Bình	16X1A	1,912,000
4730	110160071	110160071	Đinh Viết Chiến	16X1A	3,277,000
4731	110160072	110160072	Trương Văn Chung	16X1A	3,277,000
4732	110160073	110160073	Dương Đình Công	16X1A	2,048,000
4733	110160074	110160074	Tô Mậu Dần	16X1A	3,072,000
4734	110160075	110160075	Lê Hoàng Đạt	16X1A	2,049,000
4735	110160076	110160076	Phan Thành Đạt	16X1A	1,366,000
4736	110160077	110160077	Trần Hưng Diện	16X1A	2,185,000
4737	110160078	110160078	Nguyễn Đại Đồng	16X1A	1,502,000
4738	110160079	110160079	Lê Huỳnh Đức	16X1A	2,731,000
4739	110160080	110160080	Nguyễn Quang Đức	16X1A	1,366,000
4740	110160081	110160081	Lê Văn Dương	16X1A	1,502,000
4741	110160082	110160082	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	16X1A	1,366,000
4742	110160083	110160083	Đường Minh Hải	16X1A	2,492,000
4743	110160085	110160085	Nguyễn Tiến Hiệp	16X1A	1,707,000
4744	110160087	110160087	Ngô Viết Nhật Hoàng	16X1A	1,366,000
4745	110160089	110160089	Phạm Văn Hùng	16X1A	2,457,000
4746	110160090	110160090	Trần Quốc Hùng	16X1A	1,912,000
4747	110160091	110160091	Mai Duy Hưng	16X1A	1,366,000
4748	110160093	110160093	Phan Lê Ngọc Huy	16X1A	2,083,000
4749	110160094	110160094	Nguyễn Thế Kha	16X1A	683,000
4750	110160096	110160096	Đỗ Nguyên Khoa	16X1A	1,912,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4751	110160097	110160097	Đoàn Nguyễn Tuấn Kiệt	16X1A	2,048,000
4752	110160098	110160098	Lê Trung Kim	16X1A	3,141,000
4753	110160099	110160099	Nguyễn Văn Lên	16X1A	1,366,000
4754	110160101	110160101	Mai Xuân Lộc	16X1A	3,686,000
4755	110160102	110160102	Phan Đăng Lưu	16X1A	1,707,000
4756	110160103	110160103	Phạm Công Nam	16X1A	3,141,000
4757	110160104	110160104	Bùi Bạch Công Nguyên	16X1A	2,595,000
4758	110160105	110160105	Nguyễn Trần Anh Nguyên	16X1A	2,867,000
4759	110160106	110160106	Bùi Trần Kiên Nhẫn	16X1A	2,867,000
4760	110160107	110160107	Nguyễn Văn Phiên	16X1A	4,301,000
4761	110160108	110160108	Trần Đăng Phong	16X1A	1,024,000
4762	110160109	110160109	Võ Tấn Phúc	16X1A	2,731,000
4763	110160111	110160111	Bùi Minh Quang	16X1A	1,366,000
4764	110160112	110160112	Ngô Minh Quốc	16X1A	1,229,000
4765	110160113	110160113	Lê Hoàng Quyên	16X1A	3,278,000
4766	110160115	110160115	Nguyễn Anh Sang	16X1A	683,000
4767	110160116	110160116	Trần Hậu Sơn	16X1A	2,458,000
4768	110160117	110160117	Nguyễn Đăng Tâm	16X1A	2,083,000
4769	110160120	110160120	Bùi Tuấn Thành	16X1A	2,731,000
4770	110160122	110160122	Nguyễn Ngọc Thiện	16X1A	3,277,000
4771	110160123	110160123	Phan Văn Thịnh	16X1A	2,731,000
4772	110160124	110160124	Đoàn Ngọc Thoại	16X1A	2,594,000
4773	110160125	110160125	Nguyễn Thiên Thủ	16X1A	1,366,000
4774	110160126	110160126	Phan Xuân Tiến	16X1A	1,638,000
4775	110160127	110160127	Phan Thanh Toàn	16X1A	3,141,000
4776	110160128	110160128	Nguyễn Văn Trị	16X1A	3,277,000
4777	110160129	110160129	Lê Khắc Trọng	16X1A	819,000
4778	110160130	110160130	Nguyễn Thành Trung	16X1A	2,321,000
4779	110160131	110160131	Châu Hoàng Tuấn	16X1A	1,229,000
4780	110160132	110160132	Tăng Vĩnh Tường	16X1A	2,185,000
4781	110160134	110160134	Tôn Công Vũ	16X1A	1,912,000
4782	110160137	110160137	Phan Hữu Ánh	16X1B	1,366,000
4783	110160139	110160139	Nguyễn Hoàng Bảo	16X1B	2,595,000
4784	110160141	110160141	Trịnh Đình Chiến	16X1B	2,457,000
4785	110160142	110160142	Đặng Phúc Nguyên Chương	16X1B	2,253,000
4786	110160143	110160143	Huỳnh Bá Công	16X1B	1,912,000
4787	110160145	110160145	Nguyễn Hữu Đạt	16X1B	1,707,000
4788	110160147	110160147	Phan Văn Đoàn	16X1B	683,000
4789	110160149	110160149	Lê Huỳnh Kim Đức	16X1B	2,867,000
4790	110160150	110160150	Bùi Văn Dũng	16X1B	3,140,000
4791	110160151	110160151	Nguyễn Tuấn Dương	16X1B	1,502,000
4792	110160152	110160152	Võ Trung Hạ	16X1B	2,049,000
4793	110160154	110160154	Lê Trường Hiệp	16X1B	2,540,000
4794	110160155	110160155	Châu Ngọc Hiếu	16X1B	1,024,000
4795	110160157	110160157	Nguyễn Đức Minh Hoàng	16X1B	2,458,000
4796	110160160	110160160	Lê Hưng	16X1B	1,707,000
4797	110160162	110160162	Nguyễn Trọng Quang Huy	16X1B	1,366,000
4798	110160163	110160163	Trịnh Minh Huy	16X1B	683,000
4799	110160164	110160164	Hồ Văn Khải	16X1B	1,912,000
4800	110160168	110160168	Đặng Huỳnh Lâm	16X1B	2,458,000
4801	110160171	110160171	Nguyễn Ngọc Lộc	16X1B	1,912,000
4802	110160172	110160172	Nguyễn Ngọc Mẫn	16X1B	1,229,000
4803	110160173	110160173	Lê Quang Nghĩa	16X1B	2,048,000
4804	110160174	110160174	Lê Trọng Khôi Nguyên	16X1B	2,390,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4805	110160176	110160176	Lê Thị Hải Nhi	16X1B	1,537,000
4806	110160180	110160180	Huỳnh Tiến Quân	16X1B	1,229,000
4807	110160182	110160182	Phạm Thế Quốc	16X1B	1,912,000
4808	110160184	110160184	Võ Công Ry	16X1B	1,229,000
4809	110160186	110160186	Nguyễn Đức Sỹ	16X1B	2,936,000
4810	110160188	110160188	Huỳnh Hoàng Thái	16X1B	819,000
4811	110160190	110160190	Nguyễn Văn Thành	16X1B	3,072,000
4812	110160193	110160193	Tăng Hoàn Thịnh	16X1B	2,321,000
4813	110160194	110160194	Phạm Đình Thời	16X1B	2,253,000
4814	110160195	110160195	Lê Kim Thuận	16X1B	1,707,000
4815	110160201	110160201	Nguyễn Công Tuấn	16X1B	2,048,000
4816	110160202	110160202	Huỳnh Quý Tuyển	16X1B	4,096,000
4817	110160204	110160204	Đỗ Quang Vỹ	16X1B	3,072,000
4818	110160205	110160205	Cái Bảo Hoàng Anh	16X1C	4,915,000
4819	110160207	110160207	Trần Công Bách	16X1C	2,458,000
4820	110160208	110160208	Nguyễn Đức Bảo	16X1C	1,311,000
4821	110160210	110160210	Trần Viết Cảm	16X1C	1,707,000
4822	110160211	110160211	Phạm Tấn Quốc Chính	16X1C	1,707,000
4823	110160214	110160214	Đinh Ngọc Đạt	16X1C	3,072,000
4824	110160220	110160220	Lê Văn Dũng	16X1C	3,018,000
4825	110160225	110160225	Hoàng Thanh Hiếu	16X1C	1,707,000
4826	110160227	110160227	Trần Đức Hoàng	16X1C	1,229,000
4827	110160230	110160230	Lê Văn Nguyên Hưng	16X1C	1,229,000
4828	110160231	110160231	Huỳnh Xuân Huy	16X1C	1,912,000
4829	110160232	110160232	Nguyễn Văn Huy	16X1C	2,253,000
4830	110160233	110160233	Ngô Văn Huỳnh	16X1C	2,458,000
4831	110160235	110160235	Lê Quốc Khánh	16X1C	1,229,000
4832	110160236	110160236	Nguyễn Đăng Khoa	16X1C	2,867,000
4833	110160243	110160243	Phạm Văn Nghĩa	16X1C	1,878,000
4834	110160244	110160244	Nguyễn Đình Nguyên	16X1C	1,024,000
4835	110160245	110160245	Trần Diện Nhân	16X1C	2,458,000
4836	110160246	110160246	Phan Đình Như	16X1C	4,301,000
4837	110160248	110160248	Nguyễn Ngô Xuân Phúc	16X1C	2,048,000
4838	110160250	110160250	Võ Doãn Quân	16X1C	854,000
4839	110160252	110160252	Phùng Ngọc Quốc	16X1C	1,912,000
4840	110160253	110160253	Hồ Phi Quỳnh	16X1C	2,867,000
4841	110160254	110160254	Lê Quang Sang	16X1C	2,321,000
4842	110160258	110160258	Hoàng Văn Thắng	16X1C	2,867,000
4843	110160259	110160259	Nguyễn Trọng Thanh	16X1C	2,867,000
4844	110160260	110160260	Nguyễn Văn Thành	16X1C	1,229,000
4845	110160261	110160261	Nguyễn Hoàng Thiên	16X1C	1,638,000
4846	110160263	110160263	Huỳnh Xuân Thọ	16X1C	2,867,000
4847	110160264	110160264	Võ Tiến Thông	16X1C	3,686,000
4848	110160265	110160265	Nguyễn Văn Tiến	16X1C	2,048,000
4849	110160266	110160266	Phạm Minh Toàn	16X1C	2,130,000
4850	110160267	110160267	Trần Văn Trí	16X1C	2,048,000
4851	110160268	110160268	Nguyễn Lương Trợ	16X1C	1,229,000
4852	110160269	110160269	Nguyễn Thanh Trung	16X1C	2,048,000
4853	110160270	110160270	Nguyễn Quang Tú	16X1C	1,912,000
4854	110160271	110160271	Phạm Văn Tuấn	16X1C	3,072,000
4855	110160273	110160273	Nguyễn Văn Vũ	16X1C	683,000
4856	110160274	110160274	Phan Thanh Xinh	16X1C	1,707,000
4857	110160060	110160060	Huỳnh Thị Tường Vi	16X1LT	2,321,000
4858	110160061	110160061	Phan Văn Hòa	16X1LT	1,638,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4859	111160060	111160060	Đỗ Hoàng An	16X2	2,458,000
4860	111160061	111160061	Hà Vĩnh An	16X2	3,189,000
4861	111160063	111160063	Vương Tú Anh	16X2	3,141,000
4862	111160066	111160066	Nguyễn Đình Đạo	16X2	1,638,000
4863	111160069	111160069	Đinh Văn Duẫn	16X2	2,594,000
4864	111160070	111160070	Cao Thanh Dương	16X2	1,707,000
4865	111160071	111160071	Võ Dưỡng	16X2	2,253,000
4866	111160073	111160073	Nguyễn Đình Hải	16X2	2,253,000
4867	111160075	111160075	Lê Bảo Hân	16X2	2,321,000
4868	111160083	111160083	Nguyễn Thái Hòa	16X2	3,823,000
4869	111160084	111160084	Lê Quang Hưng	16X2	3,072,000
4870	111160085	111160085	Nguyễn Đình Huy	16X2	3,277,000
4871	111160086	111160086	Nguyễn Đức Huy	16X2	683,000
4872	111160089	111160089	Ngô Xuân Khải	16X2	2,253,000
4873	111160092	111160092	Trần Quang Lân	16X2	3,891,000
4874	111160093	111160093	Đinh Nhật Linh	16X2	2,662,000
4875	111160094	111160094	Phạm Xuân Long	16X2	1,912,000
4876	111160095	111160095	Mai Văn Min	16X2	1,502,000
4877	111160096	111160096	Đinh Phương Nam	16X2	1,229,000
4878	111160097	111160097	Huỳnh Hoàng Nam	16X2	2,048,000
4879	111160098	111160098	Nguyễn Trung Nghĩa	16X2	3,687,000
4880	111160105	111160105	Phạm Thanh Phương	16X2	1,638,000
4881	111160107	111160107	Đặng Hữu Sơn	16X2	1,502,000
4882	111160108	111160108	Nguyễn Đào Hoàng Sơn	16X2	3,072,000
4883	111160110	111160110	Nguyễn Hoàng Thịnh	16X2	3,277,000
4884	111160111	111160111	Phan Thị Phương Thùy	16X2	2,867,000
4885	111160112	111160112	Nguyễn Văn Thiên Thủy	16X2	2,253,000
4886	111160113	111160113	Lê Tiến	16X2	2,594,000
4887	111160114	111160114	Nguyễn Trọng Tiến	16X2	1,024,000
4888	111160115	111160115	Nguyễn Anh Trí	16X2	2,458,000
4889	111160116	111160116	Nguyễn Sỹ Trường	16X2	1,843,000
4890	111160119	111160119	Nguyễn Văn Anh Tuấn	16X2	2,867,000
4891	111160122	111160122	Nguyễn Phúc Vinh	16X2	1,912,000
4892	109160079	109160079	Lê Văn An	16X3A	2,798,000
4893	109160080	109160080	Đặng Tuấn Anh	16X3A	984,000
4894	109160081	109160081	Nguyễn Đức Anh	16X3A	4,915,000
4895	109160082	109160082	Phạm Đức Anh	16X3A	2,048,000
4896	109160083	109160083	Bùi Xuân Bảo	16X3A	2,936,000
4897	109160084	109160084	Văn Công Cãnh	16X3A	2,867,000
4898	109160085	109160085	Ngô Văn Chơn	16X3A	3,345,000
4899	109160086	109160086	Đường Văn Cương	16X3A	1,707,000
4900	109160088	109160088	Nguyễn Bá Tiến Đạt	16X3A	2,731,000
4901	109160089	109160089	Nguyễn Trung Đông	16X3A	2,936,000
4902	109160090	109160090	Đặng Hữu Đức	16X3A	2,540,000
4903	109160092	109160092	Nguyễn Xuân Giang	16X3A	1,707,000
4904	109160094	109160094	Cao Thọ Hiếu	16X3A	1,229,000
4905	109160097	109160097	Đỗ Ngọc Hoàng	16X3A	3,482,000
4906	109160098	109160098	Lê Văn Hùng	16X3A	3,686,000
4907	109160099	109160099	Nguyễn Quốc Hùng	16X3A	2,390,000
4908	109160100	109160100	Trần Văn Hùng	16X3A	1,707,000
4909	109160101	109160101	Nguyễn Xuân Hưng	16X3A	2,950,000
4910	109160103	109160103	Lê Văn Lâm	16X3A	3,686,000
4911	109160104	109160104	Đinh Xuân Lộc	16X3A	683,000
4912	109160105	109160105	Nguyễn Tất Long	16X3A	492,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4913	109160108	109160108	Nguyễn Mỹ	16X3A	3,277,000
4914	109160109	109160109	Hoàng Nhật Nam	16X3A	1,707,000
4915	109160110	109160110	Nguyễn Duy Ngọc	16X3A	2,950,000
4916	109160111	109160111	Lê Nhân	16X3A	3,277,000
4917	109160112	109160112	Lưu Văn Nhân	16X3A	2,540,000
4918	109160113	109160113	Võ Thành Nhân	16X3A	1,707,000
4919	109160115	109160115	Phạm Công Nhật	16X3A	3,208,000
4920	109160116	109160116	Tán Văn Phim	16X3A	1,311,000
4921	109160117	109160117	Đoàn Văn Phúc	16X3A	1,912,000
4922	109160118	109160118	Lê Minh Quang	16X3A	1,229,000
4923	109160119	109160119	Nguyễn Nhật Quang	16X3A	1,912,000
4924	109160126	109160126	Lê Văn Anh Tâm	16X3A	1,707,000
4925	109160129	109160129	Nguyễn Văn Thắng	16X3A	2,745,000
4926	109160131	109160131	Lê Văn Thành	16X3A	2,936,000
4927	109160132	109160132	Võ Nguyên Thịnh	16X3A	819,000
4928	109160133	109160133	Bùi Huy Thoại	16X3A	2,458,000
4929	109160134	109160134	Phạm Thông	16X3A	1,707,000
4930	109160136	109160136	Đinh Văn Tiến	16X3A	3,107,000
4931	109160137	109160137	Nguyễn Lê Trường Tiến	16X3A	1,707,000
4932	109160138	109160138	Trần Xuân Toàn	16X3A	1,878,000
4933	109160139	109160139	Nguyễn Đình Trọng	16X3A	1,707,000
4934	109160140	109160140	Phạm Quốc Trung	16X3A	3,345,000
4935	109160141	109160141	Huỳnh Quang Truyền	16X3A	3,141,000
4936	109160143	109160143	Chu Quang Vinh	16X3A	1,707,000
4937	109160145	109160145	Trần Hoàng Ấn	16X3B	2,936,000
4938	109160148	109160148	Trần Tuấn Anh	16X3B	1,707,000
4939	109160149	109160149	Võ Như Sơn Bách	16X3B	2,936,000
4940	109160150	109160150	Trần Văn Bảo	16X3B	1,707,000
4941	109160151	109160151	Hà Minh Châu	16X3B	4,588,000
4942	109160153	109160153	Trần Ngọc Đại	16X3B	1,707,000
4943	109160155	109160155	Nguyễn Ngọc Thành Đạt	16X3B	1,707,000
4944	109160156	109160156	Cao Hữu Đức	16X3B	2,936,000
4945	109160157	109160157	Hà Anh Đức	16X3B	2,936,000
4946	109160158	109160158	Trương Văn Dương	16X3B	1,707,000
4947	109160159	109160159	Nguyễn Viết Hào	16X3B	2,389,000
4948	109160160	109160160	Bùi Trung Hiếu	16X3B	2,594,000
4949	109160161	109160161	Hoàng Ngọc Hiếu	16X3B	1,843,000
4950	109160162	109160162	Lê Hữu Hiếu	16X3B	1,707,000
4951	109160163	109160163	Châu Lương Hoàng	16X3B	2,526,000
4952	109160166	109160166	Nguyễn Tấn Hùng	16X3B	2,253,000
4953	109160169	109160169	Hà Minh Khuê	16X3B	2,062,000
4954	109160170	109160170	Nguyễn Châu Loan	16X3B	2,594,000
4955	109160171	109160171	Mai Võ Hoàng Long	16X3B	683,000
4956	109160172	109160172	Nguyễn Đức Lưu	16X3B	3,345,000
4957	109160173	109160173	Nguyễn Nhật Minh	16X3B	1,707,000
4958	109160175	109160175	Đinh Văn Nam	16X3B	3,209,000
4959	109160176	109160176	Nguyễn Nho Quang Nam	16X3B	1,979,000
4960	109160178	109160178	Lê Đức Nhân	16X3B	2,048,000
4961	109160179	109160179	Nguyễn Văn Nhân	16X3B	2,390,000
4962	109160180	109160180	Đặng Xuân Nhất	16X3B	2,936,000
4963	109160181	109160181	Nguyễn Văn Nhật	16X3B	1,516,000
4964	109160182	109160182	Lê Văn Hoàng Pháp	16X3B	3,223,000
4965	109160184	109160184	Hoàng Khắc Quang	16X3B	3,755,000
4966	109160185	109160185	Nguyễn Lương Quang	16X3B	2,936,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
4967	109160189	109160189	Phạm Hồng Sơn	16X3B	2,936,000
4968	109160191	109160191	Nguyễn Văn Tấn Tài	16X3B	2,798,000
4969	109160193	109160193	Nguyễn Minh Tâm	16X3B	819,000
4970	109160194	109160194	Huỳnh Thanh Thắng	16X3B	2,253,000
4971	109160195	109160195	Nguyễn Ngọc Thắng	16X3B	2,731,000
4972	109160196	109160196	Nguyễn Văn Thắng	16X3B	3,277,000
4973	109160198	109160198	Hoàng Xuân Phú Thịnh	16X3B	3,277,000
4974	109160200	109160200	Chu Duy Thông	16X3B	2,253,000
4975	109160202	109160202	Lâm Xuân Tiến	16X3B	2,049,000
4976	109160203	109160203	Nguyễn Văn Tín	16X3B	2,936,000
4977	109160204	109160204	Trần Quốc Triều	16X3B	1,707,000
4978	109160205	109160205	Lê Quang Trung	16X3B	2,349,000
4979	109160208	109160208	Nguyễn Minh Tuấn	16X3B	2,390,000
4980	109160209	109160209	Nguyễn Đức Vũ	16X3B	2,526,000
4981	109160210	109160210	Hứa Đại Tâm Anh	16X3CLC	819,000
4982	109160211	109160211	Trương Phú Đạt	16X3CLC	819,000
4983	109160213	109160213	Võ Văn Đức	16X3CLC	1,721,000
4984	109160218	109160218	Nguyễn Đình Hải	16X3CLC	1,229,000
4985	109160219	109160219	Nguyễn Đức Hải	16X3CLC	3,359,000
4986	109160220	109160220	Phạm Sỹ Hân	16X3CLC	1,721,000
4987	109160221	109160221	Hoàng Văn Hiệp	16X3CLC	1,229,000
4988	109160223	109160223	Lê Võ Quốc Huy	16X3CLC	1,229,000
4989	109160225	109160225	Nguyễn Sơn Khoa	16X3CLC	2,950,000
4990	109160229	109160229	Lê Công Tuấn Nhân	16X3CLC	1,229,000
4991	109160235	109160235	Nguyễn Quang Minh Tâm	16X3CLC	2,540,000
4992	109160236	109160236	Ngô Văn Thái	16X3CLC	1,229,000
4993	109160237	109160237	Lê Quyết Thắng	16X3CLC	1,229,000
4994	109160239	109160239	Nguyễn Công Thịnh	16X3CLC	4,506,000
4995	109160243	109160243	Nguyễn Xuân Trường	16X3CLC	492,000
4996	109160244	109160244	Phan Huy Tùng	16X3CLC	1,721,000
4997	109160245	109160245	Nguyễn Từ Đại Việt	16X3CLC	2,540,000
4998	101170001	101170001	Nguyễn Văn An	17C1A	1,843,000
4999	101170002	101170002	Lê Văn Anh	17C1A	683,000
5000	101170004	101170004	Đặng Vĩnh Chiến	17C1A	1,707,000
5001	101170005	101170005	Đoàn Ngọc Chung	17C1A	683,000
5002	101170007	101170007	Đoàn Minh Văn Chương	17C1A	2,404,000
5003	101170010	101170010	Nguyễn Hải Đạt	17C1A	1,707,000
5004	101170013	101170013	Đặng Trọng Đức	17C1A	2,867,000
5005	101170015	101170015	Lê Minh Dũng	17C1A	2,199,000
5006	101170020	101170020	Nguyễn Thanh Hải	17C1A	2,662,000
5007	101170022	101170022	Đặng Văn Hiếu	17C1A	1,024,000
5008	101170025	101170025	Trần Văn Hòa	17C1A	1,707,000
5009	101170026	101170026	Nguyễn Đình Hoàng	17C1A	683,000
5010	101170027	101170027	Nguyễn Minh Hoàng	17C1A	1,366,000
5011	101170028	101170028	Nguyễn Mạnh Hùng	17C1A	819,000
5012	101170031	101170031	Trần Văn Huy	17C1A	2,390,000
5013	101170032	101170032	Lê Trung Kiên	17C1A	1,707,000
5014	101170033	101170033	Hoàng Phan Lâm	17C1A	683,000
5015	101170035	101170035	Trần Quang Linh	17C1A	1,366,000
5016	101170038	101170038	Nguyễn Văn Minh	17C1A	1,843,000
5017	101170039	101170039	Văn Nhật Nam	17C1A	2,731,000
5018	101170044	101170044	Nguyễn Huỳnh Nhật	17C1A	1,707,000
5019	101170047	101170047	Hà Minh Phúc	17C1A	1,707,000
5020	101170050	101170050	Nguyễn Tăng Phước	17C1A	1,707,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5021	101170051	101170051	Nguyễn Đức Anh Quân	17C1A	683,000
5022	101170052	101170052	Đỗ Văn Quang	17C1A	1,502,000
5023	101170054	101170054	Trần Đắc Sáng	17C1A	2,049,000
5024	101170055	101170055	Đỗ Hồng Sơn	17C1A	2,936,000
5025	101170057	101170057	Lê Bích Tâm	17C1A	1,707,000
5026	101170063	101170063	Phan Dũng Thắng	17C1A	2,526,000
5027	101170064	101170064	Trần Ngọc Thành	17C1A	1,843,000
5028	101170067	101170067	Huỳnh Văn Thịnh	17C1A	2,390,000
5029	101170069	101170069	Huỳnh Văn Thu	17C1A	3,018,000
5030	101170071	101170071	Phan Văn Tới	17C1A	1,707,000
5031	101170076	101170076	Hoàng Nhật Tuyên	17C1A	1,366,000
5032	101170080	101170080	Trần Hoàng Vũ	17C1A	1,024,000
5033	101170081	101170081	Trần Viết An	17C1B	2,185,000
5034	101170083	101170083	Trần Cao Dy Bảo	17C1B	1,707,000
5035	101170086	101170086	Lê Văn Chung	17C1B	1,707,000
5036	101170090	101170090	Nguyễn Bảo Danh	17C1B	1,707,000
5037	101170098	101170098	Võ Tấn Duy	17C1B	819,000
5038	101170104	101170104	Nguyễn Văn Hiếu	17C1B	1,707,000
5039	101170105	101170105	Võ Minh Hiếu	17C1B	1,707,000
5040	101170106	101170106	Nguyễn Công Hoàng	17C1B	1,366,000
5041	101170107	101170107	Nguyễn Đức Hoàng	17C1B	1,366,000
5042	101170108	101170108	Phan Thiên Hoàng	17C1B	2,390,000
5043	101170109	101170109	Phan Mạnh Hùng	17C1B	1,707,000
5044	101170111	101170111	Nguyễn Tài Huy	17C1B	2,390,000
5045	101170113	101170113	Phan Hoài Khanh	17C1B	1,537,000
5046	101170115	101170115	Vũ Trung Kiên	17C1B	3,004,000
5047	101170125	101170125	Huỳnh Công Nhạc	17C1B	1,366,000
5048	101170126	101170126	Nguyễn Duy Nhật	17C1B	1,707,000
5049	101170133	101170133	Trần Hoàng Phúc	17C1B	819,000
5050	101170141	101170141	Trần Thanh Tâm	17C1B	1,366,000
5051	101170142	101170142	Nguyễn Quang Tấn	17C1B	2,199,000
5052	101170146	101170146	Phạm Văn Thắng	17C1B	2,731,000
5053	101170150	101170150	Trương Hoàng Thiện	17C1B	1,994,000
5054	101170151	101170151	Nguyễn Quý Thịnh	17C1B	2,048,000
5055	101170152	101170152	Trần Phong Thọ	17C1B	2,867,000
5056	101170155	101170155	Nguyễn Nho Trịnh	17C1B	1,707,000
5057	101170156	101170156	Nguyễn Hữu Trưởng	17C1B	1,707,000
5058	101170157	101170157	Trương Văn Tư	17C1B	1,638,000
5059	101170158	101170158	Nguyễn Đình Tuấn	17C1B	1,858,000
5060	101170159	101170159	Trần Đăng Tuấn	17C1B	1,707,000
5061	101170161	101170161	Quách Nhật Vàng	17C1B	1,707,000
5062	101170164	101170164	Đỗ Trọng Vỹ	17C1B	1,516,000
5063	103170004	103170004	Nguyễn Tấn Chương	17C4A	683,000
5064	103170008	103170008	Nguyễn Văn Đức	17C4A	1,638,000
5065	103170014	103170014	Phạm Minh Hiếu	17C4A	2,662,000
5066	103170015	103170015	Dương Văn Hòa	17C4A	1,366,000
5067	103170017	103170017	Hồ Việt Hoàng	17C4A	1,707,000
5068	103170018	103170018	Nguyễn Hữu Hoàng	17C4A	2,048,000
5069	103170019	103170019	Võ Thanh Hoàng	17C4A	1,707,000
5070	103170022	103170022	Trương Văn Kiên	17C4A	819,000
5071	103170023	103170023	Nguyễn Hữu Lam	17C4A	1,366,000
5072	103170025	103170025	Trần Mai Ngọc Mạnh	17C4A	683,000
5073	103170026	103170026	Trần Minh Nam	17C4A	2,048,000
5074	103170030	103170030	Cao Chấn Phong	17C4A	2,390,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5075	103170031	103170031	Hồ Khắc Phúc	17C4A	1,366,000
5076	103170032	103170032	Phan Minh Quang	17C4A	2,185,000
5077	103170036	103170036	Nguyễn Văn Tài	17C4A	1,024,000
5078	103170040	103170040	Hoàng Văn Thành	17C4A	1,023,900
5079	103170041	103170041	Nguyễn Đình Thi	17C4A	2,936,000
5080	103170044	103170044	Vũ Văn Thông	17C4A	1,024,000
5081	103170046	103170046	Đỗ Tài Tiến	17C4A	1,366,000
5082	103170048	103170048	Trần Võ Thanh Toàn	17C4A	1,024,000
5083	103170049	103170049	Dương Quang Trình	17C4A	341,000
5084	103170050	103170050	Bùi Chí Trung	17C4A	2,048,000
5085	103170055	103170055	Nguyễn Mạnh Việt	17C4A	1,366,000
5086	103170057	103170057	Lê Minh Vương	17C4A	2,048,000
5087	103170058	103170058	Hồ Lê Nguyên Ý	17C4A	683,000
5088	103170059	103170059	Nguyễn Thế Anh	17C4B	1,843,000
5089	103170060	103170060	Hồ Gia Bảo	17C4B	1,638,000
5090	103170061	103170061	Võ Văn Bảo	17C4B	683,000
5091	103170062	103170062	Trần Quang Cơ	17C4B	1,707,000
5092	103170063	103170063	Nguyễn Đại	17C4B	2,662,000
5093	103170064	103170064	Nguyễn Văn Điểu	17C4B	1,366,000
5094	103170065	103170065	Lê Ngọc Đức	17C4B	1,707,000
5095	103170067	103170067	Đặng Lê Thành Dương	17C4B	1,366,000
5096	103170070	103170070	Lưu Văn Hiền	17C4B	2,594,000
5097	103170075	103170075	Lê Văn Hoàng	17C4B	1,707,000
5098	103170076	103170076	Nguyễn Phước Huy Hoàng	17C4B	1,502,000
5099	103170079	103170079	Nguyễn Ngọc Phi Khanh	17C4B	1,366,000
5100	103170084	103170084	Lê Đức Mẹo	17C4B	2,048,000
5101	103170091	103170091	Trần Đình Quang	17C4B	1,843,000
5102	103170096	103170096	Hồ Quốc Thái	17C4B	2,526,000
5103	103170100	103170100	Nguyễn Đoàn Xuân Thịnh	17C4B	2,662,000
5104	103170103	103170103	Nguyễn Văn Thức	17C4B	1,707,000
5105	103170106	103170106	Triệu Đức Tông	17C4B	1,502,000
5106	103170107	103170107	Lê Trọng	17C4B	683,000
5107	103170108	103170108	Lê Quốc Trung	17C4B	819,000
5108	103170110	103170110	Nguyễn Minh Tú	17C4B	683,000
5109	103170111	103170111	Trần Đình Tú	17C4B	1,502,000
5110	103170114	103170114	Trần Phước Vũ	17C4B	1,707,000
5111	103170116	103170116	Phạm Ngọc Tuấn Anh	17C4C	3,140,000
5112	103170117	103170117	Nguyễn Ngọc Châu	17C4C	2,048,000
5113	103170118	103170118	Hoàng Quốc Cường	17C4C	3,073,000
5114	103170119	103170119	Lê Đỉnh Đạt	17C4C	4,096,000
5115	103170121	103170121	Nguyễn Thái Đức	17C4C	2,731,000
5116	103170122	103170122	Nguyễn Văn Dũng	17C4C	2,731,000
5117	103170123	103170123	Cao Nhật Duy	17C4C	3,345,000
5118	103170125	103170125	Lê Trường Hậu	17C4C	1,024,000
5119	103170127	103170127	Huỳnh Thị Tâm Hiếu	17C4C	1,843,000
5120	103170129	103170129	Lê Thanh Hoài	17C4C	1,707,000
5121	103170131	103170131	Nguyễn Đắc Hoàng	17C4C	2,048,000
5122	103170134	103170134	Trần Quốc Huy	17C4C	2,048,000
5123	103170136	103170136	Nguyễn Văn Kỳ	17C4C	2,048,000
5124	103170137	103170137	Đặng Trần Việt Linh	17C4C	1,707,000
5125	103170138	103170138	Hà Minh Luận	17C4C	1,366,000
5126	103170140	103170140	Hoàng Thị Thanh Minh	17C4C	2,048,000
5127	103170141	103170141	Huỳnh Công Châu Nguyên	17C4C	3,481,000
5128	103170146	103170146	Nguyễn Hữu Quân	17C4C	2,662,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5129	103170148	103170148	Trần Văn Quyết	17C4C	1,707,000
5130	103170149	103170149	Hà Quang Sáng	17C4C	683,000
5131	103170150	103170150	Nguyễn Thanh Sơn	17C4C	683,000
5132	103170152	103170152	Trần Quốc Tấn	17C4C	1,707,000
5133	103170157	103170157	Nguyễn Đức Thọ	17C4C	1,707,000
5134	103170158	103170158	Lương Bách Thông	17C4C	1,707,000
5135	103170161	103170161	Đỗ Quang Tin	17C4C	2,390,000
5136	103170162	103170162	Huỳnh Thanh Toàn	17C4C	2,390,000
5137	103170163	103170163	Võ Văn Tri	17C4C	1,707,000
5138	103170164	103170164	Nguyễn Đức Trọng	17C4C	683,000
5139	103170165	103170165	Phan Lê Quốc Trung	17C4C	1,502,000
5140	103170168	103170168	Bùi Huy Tưởng	17C4C	2,526,000
5141	103170169	103170169	Nguyễn Thành Vinh	17C4C	1,502,000
5142	103170170	103170170	Trương Văn Vũ	17C4C	1,707,000
5143	103170171	103170171	Nguyễn Hồ Tấn Vỹ	17C4C	1,707,000
5144	101170165	101170165	Cao Đình Ái	17CDT1	1,366,000
5145	101170166	101170166	Trần Tiến Anh	17CDT1	1,707,000
5146	101170167	101170167	Hồ Viết Bảo	17CDT1	1,843,000
5147	101170169	101170169	Huỳnh Văn Chiến	17CDT1	2,130,000
5148	101170170	101170170	Trương Văn Chương	17CDT1	1,707,000
5149	101170172	101170172	Hồ Minh Đạt	17CDT1	2,048,000
5150	101170174	101170174	Nguyễn Minh Đức	17CDT1	1,366,000
5151	101170176	101170176	Nguyễn Hưng Giao	17CDT1	1,366,000
5152	101170178	101170178	Vũ Minh Hiếu	17CDT1	4,027,000
5153	101170182	101170182	Nguyễn Tấn Hưng	17CDT1	2,390,000
5154	101170183	101170183	Lê Tự Huy	17CDT1	1,366,000
5155	101170185	101170185	Phan Minh Huy	17CDT1	2,321,000
5156	101170192	101170192	Trương Lê Lợi	17CDT1	2,390,000
5157	101170193	101170193	Nguyễn Luân	17CDT1	1,024,000
5158	101170197	101170197	Đoàn Chí Nhật	17CDT1	1,024,000
5159	101170199	101170199	Lê Minh Phong	17CDT1	1,707,000
5160	101170200	101170200	Trịnh Hồng Phúc	17CDT1	1,707,000
5161	101170203	101170203	Võ Đức Quãng	17CDT1	2,199,000
5162	101170204	101170204	Võ Văn Quý	17CDT1	1,707,000
5163	101170207	101170207	Nguyễn Hoàng Sơn	17CDT1	1,311,000
5164	101170213	101170213	Trần Duy Thịnh	17CDT1	1,366,000
5165	101170214	101170214	Huỳnh Văn Thuận	17CDT1	1,024,000
5166	101170216	101170216	Hoàng Xuân Tình	17CDT1	1,366,000
5167	101170218	101170218	Đặng Ngọc Tú	17CDT1	2,048,000
5168	101170226	101170226	Phan Quang Cảnh	17CDT2	2,199,000
5169	101170227	101170227	Nguyễn Minh Chiến	17CDT2	683,000
5170	101170228	101170228	Nguyễn Công Cường	17CDT2	2,390,000
5171	101170229	101170229	Hoàng Công Danh	17CDT2	1,858,000
5172	101170235	101170235	Nguyễn Văn Hải	17CDT2	2,390,000
5173	101170236	101170236	Hà Minh Hiếu	17CDT2	2,185,000
5174	101170237	101170237	Nguyễn Vũ Hòa	17CDT2	1,502,000
5175	101170241	101170241	Trần Đỗ Phước Hưng	17CDT2	1,502,000
5176	101170245	101170245	Nguyễn Duy Khan	17CDT2	1,024,000
5177	101170247	101170247	Lê Tuấn Kiệt	17CDT2	2,185,000
5178	101170250	101170250	Võ Công Thành Lộc	17CDT2	2,335,000
5179	101170252	101170252	Nguyễn Cảnh Lực	17CDT2	2,199,000
5180	101170253	101170253	Nguyễn Công Minh	17CDT2	1,311,000
5181	101170255	101170255	Lương Hữu Ngọc	17CDT2	1,366,000
5182	101170257	101170257	Võ Viết Pháp	17CDT2	1,366,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5183	101170258	101170258	Hoàng Việt Phúc	17CDT2	1,516,000
5184	101170259	101170259	Nguyễn Thanh Phụng	17CDT2	1,707,000
5185	101170265	101170265	Dương Văn Sơn	17CDT2	1,707,000
5186	101170267	101170267	Nguyễn Đức Tân	17CDT2	2,048,000
5187	101170268	101170268	Nguyễn Như Thạch	17CDT2	2,457,000
5188	101170269	101170269	Trần Quốc Thắng	17CDT2	2,457,000
5189	101170272	101170272	Nguyễn Văn Thọ	17CDT2	1,366,000
5190	101170273	101170273	Nguyễn Thành Thuật	17CDT2	3,018,000
5191	101170278	101170278	Đoàn Ngọc Tứ	17CDT2	1,858,000
5192	101170280	101170280	Nguyễn Duy Vinh	17CDT2	2,199,000
5193	101170284	101170284	Huỳnh Nam Cao	17CDT3	2,048,000
5194	101170286	101170286	Nguyễn Đức Cường	17CDT3	683,000
5195	101170287	101170287	Phan Thành Danh	17CDT3	1,366,000
5196	101170288	101170288	Lê Thúc Định	17CDT3	492,000
5197	101170289	101170289	Dương Anh Đức	17CDT3	2,677,000
5198	101170290	101170290	Ngô Phi Dương	17CDT3	819,000
5199	101170291	101170291	Võ Quang Trường Giang	17CDT3	683,000
5200	101170292	101170292	Huỳnh Trung Hậu	17CDT3	1,366,000
5201	101170294	101170294	Đỗ Huy Hoàng	17CDT3	1,707,000
5202	101170297	101170297	Nguyễn Quang Hưng	17CDT3	1,707,000
5203	101170302	101170302	Hồ Quốc Khánh	17CDT3	1,858,000
5204	101170303	101170303	Trương Văn Khánh	17CDT3	1,843,000
5205	101170304	101170304	Nguuyễn Tú Kiệt	17CDT3	1,843,000
5206	101170305	101170305	Nguyễn Văn Quốc Lâm	17CDT3	1,858,000
5207	101170310	101170310	Tống Châu Minh	17CDT3	1,858,000
5208	101170311	101170311	Giang Trương Hữu Nghị	17CDT3	1,502,000
5209	101170312	101170312	Trần Hoàng Nguyên	17CDT3	1,502,000
5210	101170321	101170321	Nguyễn Văn Quỳnh	17CDT3	1,707,000
5211	101170323	101170323	Phạm Thế Sơn	17CDT3	2,526,000
5212	101170324	101170324	Nguyễn Ngọc Tân	17CDT3	1,707,000
5213	101170326	101170326	Trần Minh Thanh	17CDT3	1,311,000
5214	101170327	101170327	Nguyễn Thị Kim Thảo	17CDT3	1,707,000
5215	101170328	101170328	Nguyễn Hữu Thiện	17CDT3	1,024,000
5216	101170329	101170329	Trần Đức Thông	17CDT3	2,526,000
5217	101170330	101170330	Văn Phú Thức	17CDT3	3,087,000
5218	101170332	101170332	Lê Quang Minh Trí	17CDT3	1,707,000
5219	101170333	101170333	Lê Phú Trương	17CDT3	3,223,000
5220	101170335	101170335	Nguyễn Văn Tuấn	17CDT3	1,707,000
5221	105170002	105170002	Nguyễn Quang Bắc	17D1	2,390,000
5222	105170003	105170003	Nguyễn Văn Bạn	17D1	1,366,000
5223	105170007	105170007	Nguyễn Tuấn Cường	17D1	2,199,000
5224	105170010	105170010	Phạm Đình Điểm	17D1	2,390,000
5225	105170012	105170012	Nguyễn Như Đức	17D1	2,049,000
5226	105170013	105170013	Võ Thế Dũng	17D1	2,390,000
5227	105170018	105170018	Võ Chí Hiếu	17D1	1,707,000
5228	105170019	105170019	Hứa Huy Hoàng	17D1	2,253,000
5229	105170023	105170023	Phan Văn Hưng	17D1	1,707,000
5230	105170025	105170025	Lê Quốc Huy	17D1	2,526,000
5231	105170028	105170028	Phạm Lê Kha	17D1	2,390,000
5232	105170029	105170029	Phan Văn Khải	17D1	1,366,000
5233	105170032	105170032	Nguyễn Văn Kiệp	17D1	683,000
5234	105170033	105170033	Trần Tám Kỷ	17D1	1,366,000
5235	105170034	105170034	Lê Phi Long	17D1	683,000
5236	105170036	105170036	Nguyễn Mẫn	17D1	2,199,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5237	105170037	105170037	Kiều Vũ Minh	17D1	2,949,000
5238	105170038	105170038	Nguyễn Văn Minh	17D1	2,390,000
5239	105170040	105170040	Lê Khoa Nam	17D1	1,707,000
5240	105170041	105170041	Lê Trọng Nghĩa	17D1	2,048,000
5241	105170042	105170042	Phạm Đình Ngọc	17D1	1,366,000
5242	105170044	105170044	Phạm Nhật Phong	17D1	2,595,000
5243	105170045	105170045	Nguyễn Ngọc Phú	17D1	1,707,000
5244	105170046	105170046	Lê Bảo Phúc	17D1	1,707,000
5245	105170047	105170047	Hồ Ngọc Phương	17D1	1,707,000
5246	105170048	105170048	Nguyễn Văn Quân	17D1	2,390,000
5247	105170049	105170049	Võ Hồng Quân	17D1	2,049,000
5248	105170050	105170050	Trần Đăng Quang	17D1	2,048,000
5249	105170052	105170052	Ngô Văn Rin	17D1	1,707,000
5250	105170053	105170053	Đàm Quang Sơn	17D1	2,049,000
5251	105170054	105170054	Hồ Đức Tài	17D1	2,390,000
5252	105170056	105170056	Nguyễn Xuân Thái	17D1	2,199,000
5253	105170057	105170057	Ngô Hữu Thắng	17D1	1,858,000
5254	105170058	105170058	Nguyễn Đức Thành	17D1	2,048,000
5255	105170059	105170059	Phan Quốc Thiên	17D1	1,366,000
5256	105170062	105170062	Bùi Phước Tiến	17D1	2,390,000
5257	105170063	105170063	Nguyễn Văn Tiến	17D1	2,390,000
5258	105170065	105170065	Trần Văn Bảo Toàn	17D1	3,209,000
5259	105170066	105170066	Trần Ngọc Tri	17D1	1,502,000
5260	105170067	105170067	Lê Phan Tấn Triều	17D1	2,049,000
5261	105170070	105170070	Nguyễn Đức Tuấn	17D1	1,366,000
5262	105170071	105170071	Nguyễn Tiến Tuấn	17D1	1,707,000
5263	105170072	105170072	Huỳnh Trung Tuyến	17D1	3,428,000
5264	105170073	105170073	Lê Trường Vinh	17D1	2,048,000
5265	105170075	105170075	Lê Phước An	17D2	1,366,000
5266	105170076	105170076	Nguyễn Văn Bách	17D2	819,000
5267	105170077	105170077	Bùi Hoài Bảo	17D2	1,707,000
5268	105170078	105170078	Nguyễn Xuân Bình	17D2	1,858,000
5269	105170080	105170080	Hoàng Chung	17D2	683,000
5270	105170084	105170084	Đặng Hữu Điền	17D2	1,857,000
5271	105170088	105170088	Đặng Thanh Hải	17D2	2,049,000
5272	105170089	105170089	Trần Quốc Hiệp	17D2	1,024,000
5273	105170090	105170090	Nguyễn Trung Hiếu	17D2	2,185,000
5274	105170093	105170093	Nguyễn Ngọc Hoàng	17D2	1,707,000
5275	105170095	105170095	Ngô Bảo Hưng	17D2	1,024,000
5276	105170098	105170098	Nguyễn Đình Huy	17D2	3,755,000
5277	105170100	105170100	Phan Văn Huy	17D2	2,048,000
5278	105170103	105170103	Võ Văn Khánh	17D2	1,502,000
5279	105170104	105170104	Thepsoulivong Khomthachak	17D2	3,276,000
5280	105170105	105170105	Nguyễn Trung Kiên	17D2	1,366,000
5281	105170106	105170106	Đỗ Hữu Kiệt	17D2	683,000
5282	105170107	105170107	Hà Văn Liêm	17D2	1,366,000
5283	105170116	105170116	Nguyễn Văn Nguyên	17D2	2,199,000
5284	105170120	105170120	Đào Hữu Khánh Phụng	17D2	2,540,000
5285	105170121	105170121	Phạm Văn Phương	17D2	1,707,000
5286	105170125	105170125	Nguyễn Tuấn Quỳnh	17D2	2,185,000
5287	105170130	105170130	Văn Quý Thắng	17D2	1,858,000
5288	105170132	105170132	Ngô Hồng Thịnh	17D2	2,390,000
5289	105170134	105170134	Đỗ Trí Thức	17D2	2,731,000
5290	105170136	105170136	Lưu Vĩnh Tín	17D2	1,707,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5291	105170137	105170137	Nguyễn Quang Tính	17D2	2,390,000
5292	105170140	105170140	Trần Quốc Trung	17D2	1,366,000
5293	105170142	105170142	Nguyễn Mạnh Tuấn	17D2	2,389,000
5294	105170144	105170144	Trần Nhật Vân	17D2	2,048,000
5295	105170145	105170145	Trần Viết Quốc Vinh	17D2	1,175,000
5296	105170461	105170461	Silavy Mailo	17D2	3,140,000
5297	105170148	105170148	Lê Nguyễn Hoài Bảo	17D3	1,858,000
5298	105170149	105170149	Phạm Lý Bình	17D3	2,049,000
5299	105170150	105170150	Nguyễn Minh Cảnh	17D3	2,390,000
5300	105170151	105170151	Trần Văn Công	17D3	2,390,000
5301	105170153	105170153	Đỗ Thành Đạt	17D3	1,858,000
5302	105170155	105170155	Nguyễn Văn Dội	17D3	1,858,000
5303	105170159	105170159	Tô Ngọc Hải	17D3	2,813,000
5304	105170160	105170160	Khuất Nguyễn Quang Hiền	17D3	1,366,000
5305	105170161	105170161	Hoàng Minh Hiếu	17D3	1,707,000
5306	105170164	105170164	Nguyễn Nhật Hoàng	17D3	2,049,000
5307	105170165	105170165	Đỗ Quang Hưng	17D3	2,185,000
5308	105170166	105170166	Nguyễn Văn Hưng	17D3	1,366,000
5309	105170169	105170169	Nguyễn Hữu Huy	17D3	2,390,000
5310	105170170	105170170	Nguyễn Quang Huy	17D3	683,000
5311	105170171	105170171	Hoàng Văn Kha	17D3	2,677,000
5312	105170173	105170173	Đặng Duy Khanh	17D3	1,366,000
5313	105170175	105170175	Phạm Thành Kiên	17D3	2,526,000
5314	105170176	105170176	Trần Anh Kiệt	17D3	1,366,000
5315	105170182	105170182	Trần Công Minh	17D3	1,366,000
5316	105170183	105170183	Kiều Thành Nam	17D3	819,000
5317	105170184	105170184	Trần Hoài Nam	17D3	1,366,000
5318	105170185	105170185	Lê Thị Bích Ngọc	17D3	1,707,000
5319	105170187	105170187	Lê Duy Pháp	17D3	1,707,000
5320	105170190	105170190	Dư Thế Phương	17D3	2,199,000
5321	105170193	105170193	Phạm Đình Quang	17D3	1,175,000
5322	105170194	105170194	Văn Phú Quang	17D3	1,366,000
5323	105170195	105170195	Võ Thị Diễm Quỳnh	17D3	1,502,000
5324	105170197	105170197	Nguyễn Nhật Song	17D3	2,199,000
5325	105170198	105170198	Võ Ngọc Tài	17D3	1,024,000
5326	105170200	105170200	Ngô Đức Thắng	17D3	1,502,000
5327	105170201	105170201	Ngô Nguyễn Trung Thành	17D3	1,707,000
5328	105170202	105170202	Lê Thị Dạ Thảo	17D3	1,366,000
5329	105170204	105170204	Nguyễn Văn Thuần	17D3	683,000
5330	105170209	105170209	Nguyễn Vĩnh Tri	17D3	2,049,000
5331	105170217	105170217	Trương Quang Vinh	17D3	1,502,000
5332	105170218	105170218	Cao Thị Hồng Ý	17D3	2,390,000
5333	106170001	106170001	Mai Chiếm An	17DT1	1,366,000
5334	106170003	106170003	Phan Thị Quỳnh Anh	17DT1	1,366,000
5335	106170009	106170009	Hồ Hoàng Đức	17DT1	1,707,000
5336	106170013	106170013	Phan Văn Hào	17DT1	1,502,000
5337	106170016	106170016	Trần Hữu Hiếu	17DT1	683,000
5338	106170017	106170017	Trần Văn Hoài	17DT1	2,404,000
5339	106170018	106170018	Nguyễn Minh Hoàng	17DT1	1,366,000
5340	106170019	106170019	Phan Văn Hoàng	17DT1	1,858,000
5341	106170021	106170021	Lê Xuân Hùng	17DT1	2,048,000
5342	106170022	106170022	Phan Việt Hùng	17DT1	1,366,000
5343	106170025	106170025	Đỗ Văn Quốc Huy	17DT1	683,000
5344	106170026	106170026	Nguyễn Anh Huy	17DT1	1,366,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5345	106170027	106170027	Nguyễn Quang Huy	17DT1	2,390,000
5346	106170031	106170031	Lê Hoàng Lâm	17DT1	1,366,000
5347	106170034	106170034	Đinh Bá Lương	17DT1	2,390,000
5348	106170037	106170037	Võ Anh Nam	17DT1	2,049,000
5349	106170039	106170039	Nguyễn Hữu Bình Nguyên	17DT1	1,707,000
5350	106170041	106170041	Trần Minh Nhân	17DT1	2,199,000
5351	106170043	106170043	Nguyễn Văn Phú	17DT1	1,366,000
5352	106170048	106170048	Nguyễn Thanh Quốc	17DT1	2,936,000
5353	106170049	106170049	Ngô Tấn Sang	17DT1	1,707,000
5354	106170052	106170052	Nguyễn Minh Sơn	17DT1	1,366,000
5355	106170056	106170056	Trương Võ Thái	17DT1	1,229,000
5356	106170058	106170058	Lê Hoàng Minh Thanh	17DT1	683,000
5357	106170060	106170060	Nguyễn Hòa Thọ	17DT1	3,087,000
5358	106170062	106170062	Tôn Thất Tịnh	17DT1	1,707,000
5359	106170063	106170063	Trương Đức Toàn	17DT1	2,321,000
5360	106170066	106170066	Đặng Văn Trúc	17DT1	2,321,000
5361	106170073	106170073	Trần Thị Hoàng Yến	17DT1	1,366,000
5362	106170075	106170075	Nguyễn Đình Hùng Anh	17DT2	1,858,000
5363	106170076	106170076	Bùi Thanh Bảo	17DT2	2,882,000
5364	106170079	106170079	Hoàng Tiến Đạt	17DT2	1,502,000
5365	106170083	106170083	Nguyễn Phương Duy	17DT2	1,366,000
5366	106170087	106170087	Nguyễn Văn Hiệp	17DT2	1,707,000
5367	106170089	106170089	Lê Văn Hòa	17DT2	1,912,000
5368	106170090	106170090	Nguyễn Hửu Hoàn	17DT2	1,024,000
5369	106170092	106170092	Trần Anh Hoàng	17DT2	1,707,000
5370	106170093	106170093	Lương Vĩnh Hội	17DT2	2,486,000
5371	106170094	106170094	Lê Mạnh Hùng	17DT2	2,199,000
5372	106170097	106170097	Phan Đức Hưng	17DT2	2,049,000
5373	106170098	106170098	Hồ Thị Hương	17DT2	1,707,000
5374	106170099	106170099	Hà Phước Huy	17DT2	683,000
5375	106170100	106170100	Nguyễn Anh Quốc Huy	17DT2	819,000
5376	106170106	106170106	Phùng Tấn Linh	17DT2	2,526,000
5377	106170107	106170107	Võ Thành Long	17DT2	1,707,000
5378	106170108	106170108	Trần Thị Thảo Ly	17DT2	2,199,000
5379	106170110	106170110	Ngô Viết Hoài Nam	17DT2	3,565,000
5380	106170111	106170111	Dương Thị Nghị	17DT2	1,707,000
5381	106170112	106170112	Lê Thị Bích Ngọc	17DT2	1,858,000
5382	106170113	106170113	Nguyễn Trung Nguyên	17DT2	1,858,000
5383	106170115	106170115	Nguyễn Phan Nhật	17DT2	2,130,000
5384	106170117	106170117	Trần Công Minh Phú	17DT2	2,049,000
5385	106170118	106170118	Lại Thế Phúc	17DT2	3,073,000
5386	106170120	106170120	Nguyễn Đức Anh Quân	17DT2	3,565,000
5387	106170125	106170125	Nguyễn Công Sơn	17DT2	3,073,000
5388	106170127	106170127	Võ Công Tài	17DT2	1,366,000
5389	106170128	106170128	Phạm Văn Tâm	17DT2	3,073,000
5390	106170129	106170129	Nguyễn Cảnh Thái	17DT2	2,676,000
5391	106170131	106170131	Nguyễn Văn Thắng	17DT2	492,000
5392	106170132	106170132	Nguyễn Tiến Thành	17DT2	1,707,000
5393	106170134	106170134	Tăng Thị Anh Thư	17DT2	1,707,000
5394	106170135	106170135	Trần Anh Tin	17DT2	1,024,000
5395	106170138	106170138	Hoàng Minh Trí	17DT2	1,024,000
5396	106170140	106170140	Đoàn Thị Thanh Trúc	17DT2	1,707,000
5397	106170142	106170142	Nguyễn Thị Tú	17DT2	2,731,000
5398	106170143	106170143	Phan Anh Tuấn	17DT2	2,199,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5399	106170147	106170147	Đinh Trần Việt Anh	17DT3	1,638,000
5400	106170149	106170149	Hoàng Gia Bảo	17DT3	3,154,000
5401	106170153	106170153	Võ Công Đạt	17DT3	3,073,000
5402	106170156	106170156	Nguyễn Lê Trường Hải	17DT3	2,731,000
5403	106170157	106170157	Nguyễn Hữu Hạnh	17DT3	1,502,000
5404	106170158	106170158	Phạm Thị Hải Hậu	17DT3	2,048,000
5405	106170162	106170162	Trần Quốc Hoàn	17DT3	819,000
5406	106170165	106170165	Võ Công Huân	17DT3	2,677,000
5407	106170166	106170166	Lê Trương Việt Hùng	17DT3	1,366,000
5408	106170169	106170169	Trần Đình Hưng	17DT3	2,813,000
5409	106170170	106170170	Trương Thị Mỹ Hương	17DT3	1,638,000
5410	106170172	106170172	Nguyễn Minh Huy	17DT3	2,526,000
5411	106170173	106170173	Nguyễn Thanh Hà Huy	17DT3	1,707,000
5412	106170175	106170175	Trần Đại Gia Khánh	17DT3	1,707,000
5413	106170179	106170179	Võ Xuân Luân	17DT3	2,389,000
5414	106170182	106170182	Hoàng Bảo Nam	17DT3	1,366,000
5415	106170185	106170185	Lê Thị Nguyên	17DT3	2,390,000
5416	106170187	106170187	Phạm Đình Nhân	17DT3	1,707,000
5417	106170189	106170189	Nguyễn Lê Nhật Phong	17DT3	3,686,000
5418	106170195	106170195	Phan Duy Rin	17DT3	1,366,000
5419	106170198	106170198	Đỗ Tuấn Sơn	17DT3	1,366,000
5420	106170201	106170201	Võ Văn Tài	17DT3	1,366,000
5421	106170202	106170202	Hoàng Thiên Tân	17DT3	1,707,000
5422	106170203	106170203	Nguyễn Quang Thái	17DT3	1,366,000
5423	106170205	106170205	Phạm Hoàng Thắng	17DT3	2,048,000
5424	106170207	106170207	Dương Phú Thiện	17DT3	492,000
5425	106170208	106170208	Nguyễn Phước Thuận	17DT3	2,936,000
5426	106170212	106170212	Trương Minh Triết	17DT3	1,366,000
5427	106170213	106170213	Võ Trung Trọng	17DT3	3,072,000
5428	106170215	106170215	Mạc Duy Trung	17DT3	683,000
5429	106170218	106170218	Hà Quốc Việt	17DT3	1,175,000
5430	106170219	106170219	Nguyễn Xuân Minh Vũ	17DT3	2,867,000
5431	106170220	106170220	Trần Văn Ý	17DT3	683,000
5432	106170274	106170274	Đoàn Triệu Vĩ	17DTCLC	819,000
5433	107170010	107170010	Trương Thị Thùy Dung	17H2	1,707,000
5434	107170018	107170018	Hà Thị Thu Hiền	17H2	1,366,000
5435	107170019	107170019	Nguyễn Thị Thảo Hiền	17H2	2,048,000
5436	107170022	107170022	Lê Phước Huy	17H2	1,502,000
5437	107170024	107170024	Lê Mỹ Linh	17H2	492,000
5438	107170037	107170037	Cao Thị Yến Nhi	17H2	1,175,000
5439	107170040	107170040	Phan Thị Nở	17H2	1,707,000
5440	107170041	107170041	Hồ Thị Thanh Phúc	17H2	1,366,000
5441	107170043	107170043	Nguyễn Thị Thảo Phương	17H2	2,049,000
5442	107170044	107170044	Đoàn Thị Bích Phượng	17H2	2,049,000
5443	107170045	107170045	Nguyễn Xuân Quang	17H2	1,707,000
5444	107170046	107170046	Đinh Thị Như Quỳnh	17H2	2,049,000
5445	107170047	107170047	Võ Thị Như Quỳnh	17H2	1,858,000
5446	107170048	107170048	Trần Thị Châu Sa	17H2	2,049,000
5447	107170053	107170053	Phạm Thị Đức Thanh	17H2	1,707,000
5448	107170057	107170057	Nguyễn Thị Thu Thảo	17H2	1,858,000
5449	107170058	107170058	Trần Thị Thanh Thảo	17H2	2,048,000
5450	107170062	107170062	Nguyễn Thị Hồng Thúy	17H2	683,000
5451	107170065	107170065	Trần Ngọc Trâm	17H2	1,707,000
5452	107170067	107170067	Mang Bảo Trân	17H2	819,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5453	107170071	107170071	Trần Thị Thanh Tú	17H2	1,707,000
5454	107170074	107170074	Nguyễn Thị Hồng Uyên	17H2	2,049,000
5455	107170077	107170077	Trương Thị Thảo Vi	17H2	1,366,000
5456	107170079	107170079	Phan Thị Như Ý	17H2	1,366,000
5457	107170091	107170091	Võ Quốc Khánh	17H5CLC	492,000
5458	107170093	107170093	Thái Khánh Linh	17H5CLC	492,000
5459	107170094	107170094	Nguyễn Văn Lộc	17H5CLC	492,000
5460	107170104	107170104	Nguyễn Thị Thảo	17H5CLC	492,000
5461	107170107	107170107	Nguyễn Thị Tin	17H5CLC	492,000
5462	107170113	107170113	Võ Trung Văn	17H5CLC	492,000
5463	121170010	121170010	Hồ Thị Mỹ Hằng	17KTCLC1	819,000
5464	121170045	121170045	Trần Minh Tuấn	17KTCLC1	1,638,000
5465	107170115	107170115	Nguyễn Duy Anh	17KTHH1	2,867,000
5466	107170122	107170122	Hoàng Thị Hà	17KTHH1	171,000
5467	107170124	107170124	Nguyễn Thị Thu Hạnh	17KTHH1	3,004,000
5468	107170126	107170126	Nguyễn Thị Hiền	17KTHH1	2,390,000
5469	107170130	107170130	Nguyễn Quang Khánh Huy	17KTHH1	833,000
5470	107170132	107170132	Nguyễn Đình Linh	17KTHH1	171,000
5471	107170136	107170136	Lê Bá Nguyên	17KTHH1	171,000
5472	107170137	107170137	Lê Hồng Minh Nguyệt	17KTHH1	683,000
5473	107170139	107170139	Hoàng Thị Nhàn	17KTHH1	1,502,000
5474	107170140	107170140	Nguyễn Ngọc Thành Nhân	17KTHH1	3,223,000
5475	107170146	107170146	Vương Đình Quỳnh	17KTHH1	171,000
5476	107170148	107170148	Đỗ Thiết Hoàng Sum	17KTHH1	1,537,000
5477	107170149	107170149	Trương Thị Minh Thắm	17KTHH1	1,843,000
5478	107170153	107170153	Huỳnh Minh Thiện	17KTHH1	171,000
5479	107170154	107170154	Nguyễn Thị Anh Thư	17KTHH1	2,199,000
5480	107170156	107170156	Võ Duy Tín	17KTHH1	171,000
5481	107170159	107170159	Trần Thị Thiên Trinh	17KTHH1	1,707,000
5482	107170162	107170162	Dương Thị Kim Tuyền	17KTHH1	2,029,000
5483	107170163	107170163	Lê Thị Thu Vân	17KTHH1	1,707,000
5484	107170169	107170169	Hồ Ngọc Chính	17KTHH2	1,502,000
5485	107170171	107170171	Lê Thị Thùy Dung	17KTHH2	2,390,000
5486	107170172	107170172	Nguyễn Cẩm Giang	17KTHH2	2,049,000
5487	107170175	107170175	Nguyễn Thị Nhật Hảo	17KTHH2	2,049,000
5488	107170176	107170176	Lê Thị Diễm Hiền	17KTHH2	1,366,000
5489	107170177	107170177	Trần Thị Mỹ Huệ	17KTHH2	1,366,000
5490	107170179	107170179	Lê Tất Thành Huy	17KTHH2	1,366,000
5491	107170181	107170181	Ung Nho Kiên	17KTHH2	854,000
5492	107170184	107170184	Đinh Thị Ly Ly	17KTHH2	1,366,000
5493	107170186	107170186	Phạm Thị Thu Nguyên	17KTHH2	2,390,000
5494	107170187	107170187	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	17KTHH2	1,366,000
5495	107170189	107170189	Nguyễn Đoàn Đình Nhân	17KTHH2	1,858,000
5496	107170192	107170192	Lê Thị Ý Nhung	17KTHH2	2,049,000
5497	107170197	107170197	Hoàng Hữu Tâm	17KTHH2	1,878,000
5498	107170198	107170198	Đặng Thị Thanh	17KTHH2	1,366,000
5499	107170200	107170200	Ngô Thị Hồng Thêm	17KTHH2	1,638,000
5500	107170201	107170201	Ngô Thị Minh Thu	17KTHH2	2,049,000
5501	107170203	107170203	Phạm Thị Tiền	17KTHH2	2,049,000
5502	107170204	107170204	Hà Thị Thanh Trà	17KTHH2	1,366,000
5503	107170205	107170205	Châu Thị Thanh Trang	17KTHH2	171,000
5504	107170207	107170207	Phạm Trần Minh Trung	17KTHH2	1,366,000
5505	107170208	107170208	Đoàn Tuấn	17KTHH2	1,537,000
5506	107170209	107170209	Nguyễn Thị Kim Tuyến	17KTHH2	683,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5507	107170212	107170212	Trịnh Thị Vy	17KTHH2	171,000
5508	103170172	103170172	Nguyễn Văn Thành An	17KTTT	819,000
5509	103170175	103170175	Huỳnh Tấn Bình	17KTTT	1,638,000
5510	103170176	103170176	Đinh Hoàng Cầu	17KTTT	1,638,000
5511	103170178	103170178	Trần Đình Sơn Giang	17KTTT	1,638,000
5512	103170180	103170180	Phan Viết Hào	17KTTT	1,638,000
5513	103170185	103170185	Võ Trung Hoàng	17KTTT	1,024,000
5514	103170195	103170195	Trần Đức Luyện	17KTTT	2,321,000
5515	103170199	103170199	Lê Văn Nhật	17KTTT	1,707,000
5516	103170201	103170201	Bùi Văn Tài	17KTTT	2,390,000
5517	103170202	103170202	Nguyễn Minh Tâm	17KTTT	2,390,000
5518	103170205	103170205	Nguyễn Sĩ Thiên	17KTTT	2,526,000
5519	103170206	103170206	Lê Huỳnh Thịnh	17KTTT	819,000
5520	103170207	103170207	Nguyễn Thị Hồng Thủy	17KTTT	2,936,000
5521	103170215	103170215	Trần Văn Tùng	17KTTT	2,253,000
5522	103170216	103170216	Võ Văn Viên	17KTTT	1,707,000
5523	118170003	118170003	Nguyễn Xuân Bình	17KX1	1,707,000
5524	118170004	118170004	Lê Thị Ngọc Châu	17KX1	1,024,000
5525	118170005	118170005	Lê Chí Đạt	17KX1	1,707,000
5526	118170006	118170006	Bùi Thị Lệ Diễm	17KX1	2,526,000
5527	118170008	118170008	Lê Ngọc Dũng	17KX1	1,366,000
5528	118170009	118170009	Trần Lê Duy	17KX1	1,707,000
5529	118170010	118170010	Trần Thị Mỹ Duyên	17KX1	2,185,000
5530	118170012	118170012	Tăng Thu Hà	17KX1	1,502,000
5531	118170013	118170013	Nguyễn Đình Hạc	17KX1	2,526,000
5532	118170014	118170014	Nguyễn Thị Thu Hằng	17KX1	683,000
5533	118170017	118170017	Bùi Minh Hiếu	17KX1	683,000
5534	118170018	118170018	Trần Ngọc Hiếu	17KX1	1,707,000
5535	118170019	118170019	Nguyễn Văn Hiệu	17KX1	1,024,000
5536	118170020	118170020	Trần Thị Hồng	17KX1	1,707,000
5537	118170021	118170021	Nguyễn Ngọc Hưng	17KX1	1,707,000
5538	118170022	118170022	Võ Chánh Hữu	17KX1	2,390,000
5539	118170025	118170025	Lê Nguyên Kha	17KX1	1,707,000
5540	118170028	118170028	Lê Thị Thanh Lan	17KX1	1,707,000
5541	118170029	118170029	Lê Trần Khánh Linh	17KX1	819,000
5542	118170030	118170030	Nguyễn Phước Lợi	17KX1	1,707,000
5543	118170031	118170031	Phạm Thị Hồng Mạnh	17KX1	2,185,000
5544	118170032	118170032	Đinh Thị Kim Ngân	17KX1	2,335,000
5545	118170033	118170033	Nguyễn Thị Ngọc	17KX1	683,000
5546	118170034	118170034	Dương Khánh Nguyên	17KX1	1,516,000
5547	118170035	118170035	Trần Thị Bích Nguyên	17KX1	1,516,000
5548	118170036	118170036	Lê Phan Quỳnh Như	17KX1	1,707,000
5549	118170041	118170041	Nguyễn Hồng Quân	17KX1	1,707,000
5550	118170044	118170044	Đinh Thị Ngọc Quyền	17KX1	1,365,000
5551	118170046	118170046	Phạm Thái Sơn	17KX1	2,457,000
5552	118170047	118170047	Nguyễn Văn Tài	17KX1	1,843,000
5553	118170049	118170049	Bùi Viết Thanh	17KX1	2,185,000
5554	118170051	118170051	Nguyễn Thị Thay	17KX1	1,160,000
5555	118170053	118170053	Nguyễn Xuân Thông	17KX1	1,229,000
5556	118170055	118170055	Hồ Văn Thứ	17KX1	2,185,000
5557	118170057	118170057	Trương Thị Như Thương	17KX1	2,390,000
5558	118170059	118170059	Võ Trần Phương Thúy	17KX1	819,000
5559	118170063	118170063	Nguyễn Thị Trâm	17KX1	2,185,000
5560	118170067	118170067	Phạm Công Tuyền	17KX1	2,185,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5561	118170068	118170068	Trần Văn Việt	17KX1	2,049,000
5562	118170070	118170070	Đinh Thanh Xuân	17KX1	2,049,000
5563	118170072	118170072	Hồ Bình	17KX2	3,687,000
5564	118170074	118170074	Nguyễn Quế Chi	17KX2	2,185,000
5565	118170075	118170075	Võ Văn Minh Đạt	17KX2	2,048,000
5566	118170076	118170076	Nguyễn Thị Diễm	17KX2	1,707,000
5567	118170077	118170077	Trương Công Định	17KX2	683,000
5568	118170078	118170078	Đặng Thị Dung	17KX2	1,024,000
5569	118170079	118170079	Đoàn Thị Mỹ Duyên	17KX2	1,366,000
5570	118170081	118170081	Nguyễn Thị Hà	17KX2	683,000
5571	118170086	118170086	Trần Hồng Hiền	17KX2	2,184,000
5572	118170088	118170088	Triệu Vũ Hiếu	17KX2	2,184,000
5573	118170089	118170089	Nguyễn Đình Hoan	17KX2	1,366,000
5574	118170090	118170090	Võ Đình Hùng	17KX2	2,185,000
5575	118170091	118170091	Lê Thị Hương	17KX2	683,000
5576	118170092	118170092	Hoàng Ngọc Gia Huy	17KX2	1,366,000
5577	118170096	118170096	Phan Ngọc Anh Khoa	17KX2	1,024,000
5578	118170097	118170097	Lê Thị Quỳnh Lan	17KX2	1,365,000
5579	118170098	118170098	Nguyễn Thị Kim Liên	17KX2	1,707,000
5580	118170101	118170101	Trịnh Thị Quỳnh Nga	17KX2	1,912,000
5581	118170105	118170105	Hoàng Thị Xuân Nhi	17KX2	492,000
5582	118170108	118170108	Hồ Vũ Hoàng Phương	17KX2	1,843,000
5583	118170109	118170109	Trương Văn Minh Quan	17KX2	1,502,000
5584	118170110	118170110	Hoàng Ngọc Quang	17KX2	1,502,000
5585	118170112	118170112	Huỳnh Thị Minh Quý	17KX2	2,677,000
5586	118170114	118170114	Ngô Thị Sinh	17KX2	1,638,000
5587	118170116	118170116	Trương Nhật Tâm	17KX2	1,516,000
5588	118170117	118170117	Nguyễn Văn Thắng	17KX2	2,731,000
5589	118170119	118170119	Nguyễn Thị Kim Thảo	17KX2	1,516,000
5590	118170120	118170120	Trương Công Thật	17KX2	1,024,000
5591	118170122	118170122	Lê Văn Thiệp	17KX2	1,502,000
5592	118170124	118170124	Trần Thị Anh Thư	17KX2	492,000
5593	118170125	118170125	Lê Văn Thức	17KX2	1,707,000
5594	118170127	118170127	Võ Thị Hoài Thương	17KX2	819,000
5595	118170131	118170131	Trần Tin	17KX2	2,526,000
5596	118170133	118170133	Lê Huyền Trang	17KX2	2,731,000
5597	118170134	118170134	Lê Thị Việt Trinh	17KX2	2,049,000
5598	118170135	118170135	Nguyễn Đình Trọng	17KX2	2,526,000
5599	118170138	118170138	Đỗ Thị Phương Vy	17KX2	1,707,000
5600	118170139	118170139	Lai Huyền Tôn Nữ Thị Xinh	17KX2	2,526,000
5601	117170002	117170002	Phan Thị Tú Anh	17MT	1,175,000
5602	117170003	117170003	Trịnh Thị Phương Anh	17MT	2,526,000
5603	117170004	117170004	Phạm Thị Tố Cẩm	17MT	2,185,000
5604	117170005	117170005	Mai Phước Cường	17MT	2,867,000
5605	117170008	117170008	Nguyễn Lương Đức	17MT	2,185,000
5606	117170010	117170010	Nguyễn Trung Đức	17MT	1,366,000
5607	117170011	117170011	Nguyễn Thị Hà	17MT	1,024,000
5608	117170013	117170013	Dương Thị Bích Hằng	17MT	683,000
5609	117170015	117170015	Thái Thị Mỹ Hạnh	17MT	2,526,000
5610	117170017	117170017	Huỳnh Thị Ngọc Hiền	17MT	3,481,000
5611	117170018	117170018	Nguyễn Thị Thanh Hiền	17MT	1,366,000
5612	117170021	117170021	Trần Thị Huế	17MT	1,707,000
5613	117170022	117170022	Trương Thị Mỹ Huệ	17MT	1,843,000
5614	117170024	117170024	Lê Công Huynh	17MT	1,707,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5615	117170029	117170029	Lê Thiên Ngọc	17MT	1,707,000
5616	117170031	117170031	Hoàng Thị Hiệp Như	17MT	1,843,000
5617	117170032	117170032	Nguyễn Tấn Nhựt	17MT	2,390,000
5618	117170033	117170033	Trần Minh Nhựt	17MT	1,707,000
5619	117170034	117170034	Nguyễn Nhã Hồng Phương	17MT	1,366,000
5620	117170035	117170035	Phan Thị Phượng	17MT	1,366,000
5621	117170036	117170036	Trịnh Ngọc Quân	17MT	1,366,000
5622	117170037	117170037	Nguyễn Thị Như Quỳnh	17MT	1,366,000
5623	117170038	117170038	Tào Viết Sang	17MT	1,502,000
5624	117170039	117170039	Trần Thị Thành Tâm	17MT	1,366,000
5625	117170042	117170042	Nguyễn Văn Thành	17MT	1,366,000
5626	117170043	117170043	Cao Thị Thu Thùy	17MT	1,707,000
5627	117170045	117170045	Nguyễn Minh Tiến	17MT	1,707,000
5628	117170047	117170047	Phạm Trung Tín	17MT	1,366,000
5629	117170048	117170048	Trần Thị Thanh Trà	17MT	1,707,000
5630	117170051	117170051	Nguyễn Quang Trung	17MT	683,000
5631	117170052	117170052	Nguyễn Văn Trung	17MT	3,140,000
5632	117170054	117170054	Đinh Thị Thanh Tuyền	17MT	2,185,000
5633	104170010	104170010	Trần Đàm Đức	17N1	2,731,000
5634	104170013	104170013	Ngô Ngọc Duy	17N1	2,867,000
5635	104170017	104170017	Nguyễn Minh Hiếu	17N1	683,000
5636	104170021	104170021	Hoàng Văn Hưng	17N1	819,000
5637	104170024	104170024	Nguyễn Trọng Quang Huy	17N1	2,048,000
5638	104170026	104170026	Huỳnh Quang Huynh	17N1	1,638,000
5639	104170027	104170027	Trần Anh Khiết	17N1	1,707,000
5640	104170028	104170028	Nguyễn Văn Lâm	17N1	1,707,000
5641	104170031	104170031	Lê Đình Lợi	17N1	819,000
5642	104170032	104170032	Nguyễn Phi Long	17N1	2,185,000
5643	104170034	104170034	Nguyễn Văn Mạnh	17N1	2,048,000
5644	104170035	104170035	Đặng Công Minh	17N1	683,000
5645	104170041	104170041	Nguyễn Ngọc Phi	17N1	2,048,000
5646	104170042	104170042	Trần Bảo Phong	17N1	2,390,000
5647	104170049	104170049	Nguyễn Đức Trường Sơn	17N1	3,564,000
5648	104170050	104170050	Trần Phước Nguyên Tài	17N1	1,024,000
5649	104170051	104170051	Nguyễn Thế Tâm	17N1	3,414,000
5650	104170053	104170053	Nguyễn Công Thái	17N1	1,502,000
5651	104170054	104170054	Nguyễn Thành Thắng	17N1	1,229,000
5652	104170056	104170056	Mạc Thanh Thịnh	17N1	1,843,000
5653	104170057	104170057	Nguyễn Ngọc Thọ	17N1	1,024,000
5654	104170058	104170058	Lê Thị Thông	17N1	1,024,000
5655	104170061	104170061	Trần Văn Trình	17N1	1,843,000
5656	104170064	104170064	Nguyễn Ngọc Tuấn	17N1	1,878,000
5657	104170066	104170066	Hoàng Trọng Việt	17N1	1,024,000
5658	104170069	104170069	Nguyễn Thanh Vĩnh	17N1	2,662,000
5659	104170075	104170075	Phạm Phan Tấn Công	17N2	1,707,000
5660	104170076	104170076	Lương Văn Cường	17N2	3,072,000
5661	104170078	104170078	Nguyễn Văn Đoàn	17N2	3,276,000
5662	104170082	104170082	Nguyễn Xuân Đương	17N2	3,414,000
5663	104170083	104170083	Nguyễn Lê Xuân Duyên	17N2	3,140,000
5664	104170085	104170085	Phạm Văn Hậu	17N2	1,638,000
5665	104170086	104170086	Lê Quang Hiển	17N2	1,707,000
5666	104170090	104170090	Hồ Ngọc Hoàng	17N2	1,638,000
5667	104170093	104170093	Hoàng Hữu Huy	17N2	2,731,000
5668	104170095	104170095	Nguyễn Văn Huy	17N2	819,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5669	104170102	104170102	Nguyễn Lợi	17N2	819,000
5670	104170104	104170104	Trần Văn Lý	17N2	1,707,000
5671	104170106	104170106	Trần Công Minh	17N2	2,390,000
5672	104170110	104170110	Phan Hoàng Nhật	17N2	2,457,000
5673	104170111	104170111	Võ Minh Phát	17N2	1,994,000
5674	104170113	104170113	Nguyễn Hoàng Phúc	17N2	1,365,000
5675	104170114	104170114	Nguyễn Bình Phương	17N2	2,526,000
5676	104170116	104170116	Hồ Văn Anh Quốc	17N2	1,707,000
5677	104170118	104170118	Huỳnh Quang Sĩ	17N2	1,707,000
5678	104170119	104170119	Lê Hữu Hoàng Sơn	17N2	1,707,000
5679	104170120	104170120	Nguyễn Tấn Tài	17N2	1,707,000
5680	104170121	104170121	Nguyễn Hữu Tâm	17N2	683,000
5681	104170122	104170122	Phan Văn Tâm	17N2	1,707,000
5682	104170125	104170125	Lương Công Thành	17N2	1,024,000
5683	104170126	104170126	Nguyễn Đức Thành Thiên	17N2	1,024,000
5684	104170127	104170127	Trần Đình Ngọc Thịnh	17N2	1,707,000
5685	104170129	104170129	Nguyễn Hữu Tiễn	17N2	1,365,000
5686	104170130	104170130	Đỗ Viết Quang Tĩnh	17N2	683,000
5687	104170131	104170131	Phạm Văn Trí	17N2	1,707,000
5688	104170132	104170132	Nguyễn Ngọc Trọng	17N2	1,366,000
5689	104170133	104170133	Nguyễn Việt Trung	17N2	1,878,000
5690	104170135	104170135	Trần Văn Tuấn	17N2	1,707,000
5691	104170136	104170136	Võ Khắc Vĩ	17N2	2,813,000
5692	104170138	104170138	Trần Tiến Việt	17N2	1,707,000
5693	104170139	104170139	Nguyễn Văn Vinh	17N2	3,686,000
5694	104170140	104170140	Trần Trung Vĩnh	17N2	2,321,000
5695	118170141	118170141	Lê Nguyễn Bảo Anh	17QLCN	1,843,000
5696	118170142	118170142	Nguyễn Thị Kim Anh	17QLCN	2,389,000
5697	118170143	118170143	Nguyễn Thị Minh Ánh	17QLCN	1,707,000
5698	118170144	118170144	Bùi Thị Thái Bình	17QLCN	3,345,000
5699	118170145	118170145	Nguyễn Hà Hồng Châu	17QLCN	2,389,000
5700	118170146	118170146	Trần Văn Chiến	17QLCN	1,366,000
5701	118170147	118170147	Nguyễn Hữu Đạt	17QLCN	1,843,000
5702	118170148	118170148	Nguyễn Quang Đạt	17QLCN	2,184,000
5703	118170149	118170149	Đỗ Thị Ngọc Diễm	17QLCN	683,000
5704	118170150	118170150	Trương Văn Đức	17QLCN	1,024,000
5705	118170151	118170151	Nguyễn Thị Kiều Duyên	17QLCN	2,185,000
5706	118170153	118170153	Nguyễn Thị Ngọc Hân	17QLCN	1,366,000
5707	118170154	118170154	Dương Thị Thanh Hiền	17QLCN	2,867,000
5708	118170155	118170155	Trần Thị Diệu Hiền	17QLCN	1,707,000
5709	118170157	118170157	Ao Văn Hiếu	17QLCN	1,366,000
5710	118170160	118170160	Phạm Thị Xuân Hoài	17QLCN	1,502,000
5711	118170162	118170162	Phan Thị Giang Hương	17QLCN	683,000
5712	118170163	118170163	Nguyễn Thị Khánh Huyền	17QLCN	2,731,000
5713	118170165	118170165	Đặng Minh Khoái	17QLCN	1,843,000
5714	118170167	118170167	Nguyễn Thị Xuân Lan	17QLCN	683,000
5715	118170168	118170168	Trầm Thị Liên	17QLCN	1,365,000
5716	118170169	118170169	La Thị Mỹ Linh	17QLCN	1,365,000
5717	118170170	118170170	Phan Thị Cẩm Linh	17QLCN	819,000
5718	118170171	118170171	Tống Thị Linh	17QLCN	2,867,000
5719	118170179	118170179	Bùi Thị Thanh Ngân	17QLCN	2,184,000
5720	118170180	118170180	Đinh Ngọc Thủy Ngân	17QLCN	819,000
5721	118170185	118170185	Lê Phúc Nhân	17QLCN	1,502,000
5722	118170186	118170186	Võ Minh Nhật	17QLCN	1,366,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5723	118170189	118170189	Huỳnh Ngọc Ny Ny	17QLCN	2,048,000
5724	118170190	118170190	Phạm Thị Phương	17QLCN	2,048,000
5725	118170192	118170192	Nguyễn Minh Quy	17QLCN	1,024,000
5726	118170197	118170197	Phạm Ngọc Thạch	17QLCN	3,481,000
5727	118170200	118170200	Trần Văn Thắng	17QLCN	1,858,000
5728	118170201	118170201	Huỳnh Thị Kim Thành	17QLCN	1,843,000
5729	118170202	118170202	Đỗ Minh Thịnh	17QLCN	1,366,000
5730	118170203	118170203	Trần Công Thịnh	17QLCN	1,366,000
5731	118170204	118170204	Lê Văn Thứ	17QLCN	1,502,000
5732	118170205	118170205	Phan Thị Thu Thủy	17QLCN	1,502,000
5733	118170206	118170206	Trần Tôn Phương Trâm	17QLCN	1,843,000
5734	118170208	118170208	Bùi Thị Thuỳ Trang	17QLCN	1,638,000
5735	118170209	118170209	Đặng Thị Trang	17QLCN	1,707,000
5736	118170211	118170211	Trương Văn Trình	17QLCN	3,209,000
5737	118170213	118170213	Đỗ Tú	17QLCN	1,516,000
5738	118170214	118170214	Hoàng Thị Tuyền	17QLCN	2,526,000
5739	118170215	118170215	Lê Thị Lan Vi	17QLCN	1,311,000
5740	118170216	118170216	Ngô Thị Hồng Vy	17QLCN	2,526,000
5741	118170217	118170217	Trương Nữ Hoàng Vy	17QLCN	1,707,000
5742	117170055	117170055	Hồ Quốc Bảo	17QLMT	1,502,000
5743	117170056	117170056	Hoàng Trọng Bảo	17QLMT	1,366,000
5744	117170060	117170060	Ngô Lê Trường Đại	17QLMT	1,843,000
5745	117170061	117170061	Cao Hoàng Đạt	17QLMT	1,843,000
5746	117170065	117170065	Nguyễn Thị Thu Hà	17QLMT	1,707,000
5747	117170076	117170076	Nguyễn Quốc Hưng	17QLMT	1,638,000
5748	117170077	117170077	Huỳnh Công Hữu	17QLMT	1,502,000
5749	117170081	117170081	Nguyễn Trung Kiên	17QLMT	819,000
5750	117170085	117170085	Võ Thị Hà My	17QLMT	1,707,000
5751	117170099	117170099	Nguyễn Thị Minh Tâm	17QLMT	819,000
5752	117170102	117170102	Trương Thị Thu Thảo	17QLMT	683,000
5753	117170104	117170104	Phạm Thị Thuỷ	17QLMT	2,321,000
5754	117170105	117170105	Đào Ngọc Toàn	17QLMT	2,457,000
5755	117170114	117170114	Phan Thị Hồng Vui	17QLMT	1,707,000
5756	107170213	107170213	Đỗ Ngọc Ân	17SH	1,707,000
5757	107170215	107170215	Lê Ngọc Trâm Anh	17SH	2,731,000
5758	107170216	107170216	Nguyễn Thị Hoàng Anh	17SH	1,858,000
5759	107170217	107170217	Phan Châu Anh	17SH	2,731,000
5760	107170220	107170220	Lê Hồng Diễm	17SH	2,049,000
5761	107170221	107170221	Nguyễn Thị Diệp	17SH	2,390,000
5762	107170223	107170223	Trương Châu Giang	17SH	4,042,000
5763	107170226	107170226	Lê Thị Ngọc Hân	17SH	4,042,000
5764	107170228	107170228	Lê Thị Ngọc Hiếu	17SH	1,366,000
5765	107170229	107170229	Đinh Thị Hoài	17SH	2,049,000
5766	107170232	107170232	Lê Quốc Huy	17SH	2,199,000
5767	107170235	107170235	Nguyễn Thị Kim Liên	17SH	1,366,000
5768	107170237	107170237	Võ Văn Long	17SH	2,048,000
5769	107170239	107170239	Nguyễn Thị Cẩm Ly	17SH	854,000
5770	107170240	107170240	Võ Thị Hồng Ly	17SH	1,858,000
5771	107170242	107170242	Trần Minh	17SH	2,048,000
5772	107170246	107170246	Đặng Thị Thủy Ngân	17SH	1,707,000
5773	107170248	107170248	Phạm Thùy Ngân	17SH	819,000
5774	107170249	107170249	Nguyễn Thị Nguyệt	17SH	1,707,000
5775	107170251	107170251	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	17SH	1,707,000
5776	107170252	107170252	Phạm Thị Quỳnh Như	17SH	1,707,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5777	107170253	107170253	Mai Thị Kim Nữ	17SH	1,707,000
5778	107170254	107170254	Lê Đức Phú	17SH	1,365,000
5779	107170255	107170255	Tôn Thất Phước Phú	17SH	1,502,000
5780	107170257	107170257	Vũ Thị Thanh Phương	17SH	2,731,000
5781	107170260	107170260	Nguyễn Khoa Quang	17SH	1,707,000
5782	107170261	107170261	Ngô Kha Quý	17SH	1,366,000
5783	107170263	107170263	Lê Chánh Chí Tài	17SH	2,390,000
5784	107170264	107170264	Phan Thanh Thái	17SH	1,707,000
5785	107170266	107170266	Đào Thị Thu Thảo	17SH	1,366,000
5786	107170268	107170268	Đào Quang Thịnh	17SH	683,000
5787	107170269	107170269	Nguyễn Thị Anh Thư	17SH	2,199,000
5788	107170270	107170270	Phạm Thị Anh Thư	17SH	819,000
5789	107170272	107170272	Phạm Thị Thủy Tiên	17SH	1,366,000
5790	107170276	107170276	Cao Thị Thùy Trang	17SH	1,858,000
5791	107170277	107170277	Hoàng Thanh Trang	17SH	2,390,000
5792	107170278	107170278	Trần Thu Trang	17SH	2,882,000
5793	107170280	107170280	Lê Vũ Kiều Trinh	17SH	2,949,000
5794	107170281	107170281	Văn Thị Ánh Trinh	17SH	819,000
5795	107170282	107170282	Lê Minh Tuấn	17SH	1,516,000
5796	107170283	107170283	Nguyễn Hồ Tri Tùng	17SH	1,707,000
5797	107170284	107170284	Trần Hữu Việt Tùng	17SH	1,878,000
5798	107170285	107170285	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	17SH	1,024,000
5799	107170287	107170287	Hồ Quốc Vịnh	17SH	1,878,000
5800	108170002	108170002	Lương Hoài Đại	17SK	492,000
5801	108170006	108170006	Trần Anh Huy	17SK	3,768,000
5802	108170014	108170014	Hoàng Đức Mạnh	17SK	819,000
5803	108170024	108170024	Trương Hoàng Quân	17SK	2,457,000
5804	108170029	108170029	Nguyễn Công Thạch	17SK	819,000
5805	102170315	102170315	Quách Hùng Nam	17T_B2	1,366,000
5806	102170001	102170001	Nguyễn Thị Duy An	17T1	1,024,000
5807	102170004	102170004	Phan Văn Ben	17T1	1,707,000
5808	102170005	102170005	Phan Thành Bình	17T1	1,024,000
5809	102170012	102170012	Lê Hữu Đức	17T1	2,048,000
5810	102170015	102170015	Phạm Phú Duy	17T1	1,366,000
5811	102170018	102170018	Bùi Văn Hóa	17T1	1,502,000
5812	102170023	102170023	Tôn Thất Hưng	17T1	1,707,000
5813	102170026	102170026	Phan Văn Khải	17T1	2,321,000
5814	102170029	102170029	Hoàng Trọng Kiên	17T1	1,707,000
5815	102170032	102170032	Hoàng Minh Lộc	17T1	1,502,000
5816	102170040	102170040	Nguyễn Ngọc Quang Nhân	17T1	683,000
5817	102170043	102170043	Trịnh Thanh Phú	17T1	3,018,000
5818	102170047	102170047	Trần Gia Hồng Quân	17T1	1,366,000
5819	102170048	102170048	Trần Minh Quang	17T1	683,000
5820	102170051	102170051	Phan Gia Sang	17T1	1,707,000
5821	102170064	102170064	Nguyễn Văn Tự	17T1	2,389,000
5822	102170067	102170067	Phạm Văn Vũ	17T1	1,537,000
5823	102170068	102170068	Nguyễn Hoàng Anh	17T2	1,707,000
5824	102170073	102170073	Nguyễn Đông Cao	17T2	819,000
5825	102170079	102170079	Võ Minh Đức	17T2	1,366,000
5826	102170081	102170081	Phạm Thị Thùy Dương	17T2	1,366,000
5827	102170082	102170082	Huỳnh Văn Hải	17T2	1,366,000
5828	102170083	102170083	Nguyễn Văn Hảo	17T2	1,024,000
5829	102170084	102170084	Nguyễn Minh Hiếu	17T2	683,000
5830	102170087	102170087	Võ Xuân Mai Hoàng	17T2	1,365,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5831	102170089	102170089	Võ Văn Hùng	17T2	2,731,000
5832	102170090	102170090	Võ Văn Hưng	17T2	1,365,000
5833	102170095	102170095	Bùi Quốc Khôi	17T2	1,707,000
5834	102170098	102170098	Lê Thị Liễu	17T2	1,707,000
5835	102170100	102170100	Nguyễn Thành Luân	17T2	1,024,000
5836	102170101	102170101	Võ Quang Lưu	17T2	2,048,000
5837	102170103	102170103	Nguyễn Bá Nam	17T2	1,366,000
5838	102170106	102170106	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	17T2	1,365,000
5839	102170109	102170109	Nguyễn Văn Phong	17T2	1,707,000
5840	102170112	102170112	Lê Thị Phương	17T2	683,000
5841	102170116	102170116	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	17T2	1,707,000
5842	102170117	102170117	Nguyễn Hoàng Sang	17T2	1,365,000
5843	102170120	102170120	Đặng Hữu Thạch	17T2	1,024,000
5844	102170121	102170121	Đào Tất Thanh	17T2	1,366,000
5845	102170131	102170131	Hoàng Quốc Tuấn	17T2	2,048,000
5846	102170132	102170132	Nguyễn Văn Huy Tưởng	17T2	2,185,000
5847	102170137	102170137	Đoàn Quốc Bảo	17T3	1,366,000
5848	102170138	102170138	Trần Mưa Phi Bảo	17T3	2,048,000
5849	102170139	102170139	Dương Sỹ Bình	17T3	1,707,000
5850	102170141	102170141	Viengmany Chanthakhan	17T3	1,707,000
5851	102170143	102170143	Trần Tấn Chung	17T3	1,366,000
5852	102170144	102170144	Võ Thành Công	17T3	1,707,000
5853	102170146	102170146	Trịnh Quang Duẫn	17T3	1,707,000
5854	102170147	102170147	Phan Huỳnh Đức	17T3	683,000
5855	102170148	102170148	Đàm Thị Dung	17T3	683,000
5856	102170149	102170149	Phạm Mạnh Dũng	17T3	1,707,000
5857	102170150	102170150	Trần Tùng Dương	17T3	1,366,000
5858	102170151	102170151	Nguyễn Trường Hải	17T3	1,843,000
5859	102170152	102170152	Mai Văn Hiền	17T3	1,707,000
5860	102170155	102170155	Phạm Văn Hoàng	17T3	2,048,000
5861	102170157	102170157	Nguyễn Hữu Hùng	17T3	1,229,000
5862	102170158	102170158	Nguyễn Tiến Hưng	17T3	683,000
5863	102170159	102170159	Hồ Lê Huy	17T3	1,707,000
5864	102170167	102170167	Lê Thị Hoàng Loan	17T3	2,049,000
5865	102170168	102170168	Tăng Văn Lộc	17T3	1,366,000
5866	102170183	102170183	Nguyễn Văn Quang	17T3	1,570,000
5867	102170184	102170184	Nguyễn Thị Như Quyên	17T3	2,526,000
5868	102170185	102170185	Mai Tấn Sang	17T3	2,731,000
5869	102170187	102170187	Sivilay Sompasith	17T3	1,638,000
5870	102170188	102170188	Vũ Hoàng Sơn	17T3	1,366,000
5871	102170192	102170192	Mai Văn Thành	17T3	1,707,000
5872	102170194	102170194	Hà Văn Thạnh	17T3	1,707,000
5873	102170199	102170199	Đặng Thanh Trung	17T3	2,390,000
5874	102170202	102170202	Trần Quang Văn	17T3	2,390,000
5875	102170204	102170204	Nguyễn Đăng Hoàng Ý	17T3	341,000
5876	102170210	102170210	Lê Bá Hải Đăng	17TCLC1	819,000
5877	102170268	102170268	Nguyễn Tuấn Đạt	17TCLC2	819,000
5878	105170269	105170269	Ngô Hữu An	17TDH1	1,024,000
5879	105170270	105170270	Nguyễn Hoài Phương Bảo	17TDH1	3,073,000
5880	105170271	105170271	Võ Văn Chánh	17TDH1	1,858,000
5881	105170273	105170273	Nguyễn Văn Danh	17TDH1	1,707,000
5882	105170276	105170276	Ngô Chí Đường	17TDH1	1,024,000
5883	105170277	105170277	Nguyễn Đình Nhật Duy	17TDH1	2,048,000
5884	105170280	105170280	Hoàng Hải	17TDH1	819,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5885	105170282	105170282	Đặng Văn Hiệu	17TDH1	2,390,000
5886	105170283	105170283	Đặng Ngọc Hòa	17TDH1	1,366,000
5887	105170284	105170284	Bùi Hữu Hoàng	17TDH1	1,707,000
5888	105170288	105170288	Huỳnh Minh Hưng	17TDH1	2,185,000
5889	105170290	105170290	Mai Xuân Huy	17TDH1	1,366,000
5890	105170294	105170294	Trần Hữu Đăng Khoa	17TDH1	1,366,000
5891	105170299	105170299	Lê Ngọc Minh	17TDH1	3,414,000
5892	105170301	105170301	Nguyễn Văn Phước Nguyên	17TDH1	1,707,000
5893	105170304	105170304	Phạm Đắc Nin	17TDH1	683,000
5894	105170305	105170305	Đinh Viết Phú	17TDH1	2,390,000
5895	105170311	105170311	Nguyễn Thanh Tân	17TDH1	1,366,000
5896	105170312	105170312	Lê Tấn Thạch	17TDH1	1,366,000
5897	105170315	105170315	Nguyễn Thọ Thành	17TDH1	2,526,000
5898	105170316	105170316	Văn Huy Thành	17TDH1	1,843,000
5899	105170321	105170321	Nguyễn Võ Khánh Toàn	17TDH1	1,175,000
5900	105170322	105170322	Võ Trí Toàn	17TDH1	1,994,000
5901	105170323	105170323	Nguyễn Thế Trường	17TDH1	1,707,000
5902	105170325	105170325	Lê Anh Tuấn	17TDH1	2,253,000
5903	105170326	105170326	Phạm Tuấn	17TDH1	1,707,000
5904	105170327	105170327	Trần Quang Tùng	17TDH1	1,707,000
5905	105170328	105170328	Lê Văn Viên	17TDH1	2,048,000
5906	105170332	105170332	Hoàng Văn Bình	17TDH2	2,049,000
5907	105170333	105170333	Đặng Lê Chí Công	17TDH2	1,502,000
5908	105170334	105170334	Nguyễn Võ Xuân Đài	17TDH2	2,048,000
5909	105170337	105170337	Nguyễn Mạnh Dũng	17TDH2	1,707,000
5910	105170339	105170339	Nguyễn Tài Duy	17TDH2	2,049,000
5911	105170340	105170340	Lê Khánh Hà	17TDH2	3,414,000
5912	105170341	105170341	Hồ Xuân Hải	17TDH2	1,366,000
5913	105170342	105170342	Nguyễn Đăng Hiệp	17TDH2	819,000
5914	105170343	105170343	Lại Chí Hiếu	17TDH2	1,707,000
5915	105170344	105170344	Võ Văn Hoà	17TDH2	1,024,000
5916	105170345	105170345	Đoàn Lê Khải Hoàn	17TDH2	2,867,000
5917	105170348	105170348	Huỳnh Quốc Hùng	17TDH2	2,048,000
5918	105170351	105170351	Võ Thu Hương	17TDH2	1,366,000
5919	105170353	105170353	Nguyễn Xuân Huy	17TDH2	1,707,000
5920	105170354	105170354	Trần Văn Huy	17TDH2	3,140,000
5921	105170360	105170360	Lê Ngọc Hoàng Nam	17TDH2	1,707,000
5922	105170362	105170362	Lương Vũ Ánh Nguyệt	17TDH2	1,366,000
5923	105170363	105170363	Đặng Minh Nhật	17TDH2	2,936,000
5924	105170368	105170368	Nguyễn Đắc Quy	17TDH2	2,049,000
5925	105170369	105170369	Huỳnh Hải Sơn	17TDH2	1,707,000
5926	105170371	105170371	Trương Thế Tâm	17TDH2	1,858,000
5927	105170373	105170373	Võ Đình Thái	17TDH2	1,707,000
5928	105170374	105170374	Lê Văn Thắng	17TDH2	2,199,000
5929	105170377	105170377	Nguyễn Hùng Thịnh	17TDH2	1,707,000
5930	105170378	105170378	Phạm Quốc Thọ	17TDH2	2,390,000
5931	105170381	105170381	Đinh Sỹ Toán	17TDH2	1,707,000
5932	105170382	105170382	Trần Ngọc Toàn	17TDH2	1,707,000
5933	105170383	105170383	Ngô Quang Trường	17TDH2	1,707,000
5934	105170384	105170384	Võ Đức Trường	17TDH2	1,707,000
5935	105170385	105170385	Cao Tấn Tuấn	17TDH2	683,000
5936	105170387	105170387	Lê Thanh Tùng	17TDH2	1,843,000
5937	105170388	105170388	Nguyễn Quang Tuyên	17TDH2	2,867,000
5938	105170389	105170389	Huỳnh Văn Việt	17TDH2	2,185,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5939	105170390	105170390	Lê Văn Anh Vũ	17TDH2	1,707,000
5940	105170391	105170391	Trần Văn Vương	17TDH2	1,707,000
5941	105170406	105170406	Nguyễn Hữu Khải	17TDHCLC1	1,638,000
5942	105170451	105170451	Nguyễn Ngọc Phú	17TDHCLC2	2,867,000
5943	111170001	111170001	Lê Việt An	17THXD	2,185,000
5944	111170002	111170002	Lê Quang Nhật Anh	17THXD	819,000
5945	111170005	111170005	Trương Quốc Bảo	17THXD	683,000
5946	111170006	111170006	Trương Thái Bin	17THXD	2,130,000
5947	111170007	111170007	Đoàn Công Đạt	17THXD	1,843,000
5948	111170008	111170008	Lê Tấn Đạt	17THXD	3,018,000
5949	111170011	111170011	Diệp Văn Dũng	17THXD	1,707,000
5950	111170012	111170012	Nguyễn Hoàng Dương	17THXD	2,048,000
5951	111170013	111170013	Hoàng Hà Duy	17THXD	1,843,000
5952	111170014	111170014	Nguyễn Hữu Duy	17THXD	1,707,000
5953	111170015	111170015	Đặng Trường Giang	17THXD	2,949,000
5954	111170016	111170016	Lê Tấn Hoàng Hải	17THXD	1,365,000
5955	111170018	111170018	Lê Quốc Hoàng	17THXD	1,024,000
5956	111170021	111170021	Nguyễn Kim Huy	17THXD	1,502,000
5957	111170025	111170025	Lê Tấn Kiên	17THXD	1,707,000
5958	111170027	111170027	Lê Văn Linh	17THXD	2,253,000
5959	111170030	111170030	Trần Phước Luyện	17THXD	2,949,000
5960	111170032	111170032	Bùi Trọng Nghĩa	17THXD	1,365,000
5961	111170034	111170034	Phan Nhuận	17THXD	1,707,000
5962	111170037	111170037	Nguyễn Phước Quang	17THXD	2,335,000
5963	111170039	111170039	Bùi Thanh Sơn	17THXD	2,526,000
5964	111170041	111170041	Bùi Thế Thiên	17THXD	1,707,000
5965	111170043	111170043	Phạm Minh Thiện	17THXD	1,025,000
5966	111170045	111170045	Huỳnh Phúc Tín	17THXD	2,526,000
5967	111170046	111170046	Phan Đăng Toàn	17THXD	2,540,000
5968	111170047	111170047	Trần Hồ Trí	17THXD	1,502,000
5969	111170048	111170048	Huỳnh Nhật Triệu	17THXD	2,048,000
5970	111170051	111170051	Đặng Công Tú	17THXD	1,707,000
5971	111170054	111170054	Nguyễn Đình Vương	17THXD	2,867,000
5972	109170002	109170002	Nguyễn Thiện Anh	17VLXD	2,526,000
5973	109170004	109170004	Trần Văn Chinh	17VLXD	1,366,000
5974	109170007	109170007	Lê Thanh Hạnh	17VLXD	2,390,000
5975	109170008	109170008	Đỗ Nguyên Hiển	17VLXD	1,502,000
5976	109170010	109170010	Hồ Minh Hiếu	17VLXD	1,843,000
5977	109170011	109170011	Nguyễn Hồ Tấn Hiếu	17VLXD	1,365,000
5978	109170012	109170012	Lê Văn Huy	17VLXD	2,526,000
5979	109170014	109170014	Nguyễn Văn Huy	17VLXD	2,184,000
5980	109170018	109170018	Ngô Minh Khải	17VLXD	2,185,000
5981	109170019	109170019	Nguyễn Đức Khải	17VLXD	2,321,000
5982	109170022	109170022	Lê Văn Minh	17VLXD	2,526,000
5983	109170023	109170023	Nguyễn Thị Hồng My	17VLXD	1,707,000
5984	109170024	109170024	Châu Thiện Nhân	17VLXD	1,024,000
5985	109170025	109170025	Nguyễn Hoài Phong	17VLXD	2,321,000
5986	109170027	109170027	Hồ Thanh Sang	17VLXD	2,185,000
5987	109170028	109170028	Trần Thái Sơn	17VLXD	2,867,000
5988	109170029	109170029	Vương Nguyên Sơn	17VLXD	683,000
5989	109170030	109170030	Nguyễn Đức Tạo	17VLXD	2,185,000
5990	109170031	109170031	Nguyễn Đình Thắng	17VLXD	2,130,000
5991	109170032	109170032	Lê Thị Phương Thảo	17VLXD	1,366,000
5992	109170033	109170033	Võ Đăng Thôi	17VLXD	1,366,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
5993	109170034	109170034	Đặng Thị Kim Thủy	17VLXD	1,366,000
5994	109170036	109170036	Nguyễn Đức Tuấn	17VLXD	1,707,000
5995	110170004	110170004	Lưu Quốc Bảo	17X1A	2,321,000
5996	110170005	110170005	Trần Ngọc Bổn	17X1A	2,049,000
5997	110170006	110170006	Nguyễn Cảm	17X1A	2,185,000
5998	110170007	110170007	Nguyễn Tấn Công	17X1A	1,858,000
5999	110170008	110170008	Phạm Cường	17X1A	1,707,000
6000	110170011	110170011	Lê Bá Đông	17X1A	1,707,000
6001	110170012	110170012	Nguyễn Dự	17X1A	1,707,000
6002	110170013	110170013	Nguyễn Hữu Đức	17X1A	1,707,000
6003	110170015	110170015	Nguyễn Dương	17X1A	1,366,000
6004	110170018	110170018	Trần Công Hạnh	17X1A	2,541,000
6005	110170019	110170019	Nguyễn Viết Hiệp	17X1A	1,366,000
6006	110170024	110170024	Nguyễn Quang Hồng	17X1A	1,502,000
6007	110170025	110170025	Võ Xuân Hùng	17X1A	1,843,000
6008	110170026	110170026	Nguyễn Lê Đức Hữu	17X1A	683,000
6009	110170029	110170029	Võ Diệp Quang Huy	17X1A	2,049,000
6010	110170032	110170032	Nguyễn Thanh Khoa	17X1A	2,049,000
6011	110170033	110170033	Võ Đình Khôi	17X1A	1,366,000
6012	110170038	110170038	Nguyễn Văn Long	17X1A	1,024,000
6013	110170040	110170040	Nguyễn Văn Luyến	17X1A	2,731,000
6014	110170043	110170043	Phạm Quang Nam	17X1A	1,502,000
6015	110170046	110170046	Kiều Khắc Nguyên	17X1A	2,049,000
6016	110170048	110170048	Trần Phước Nhật	17X1A	2,049,000
6017	110170049	110170049	Huỳnh Đức Nhiên	17X1A	1,024,000
6018	110170051	110170051	Phạm Tấn Phúc	17X1A	2,048,000
6019	110170054	110170054	Huỳnh Nam Quang	17X1A	1,366,000
6020	110170057	110170057	Đinh Ngọc Sang	17X1A	819,000
6021	110170059	110170059	Lê Xuân Sơn	17X1A	1,638,000
6022	110170062	110170062	Nguyễn Hữu Thắng	17X1A	1,502,000
6023	110170063	110170063	Phạm Tấn Thắng	17X1A	683,000
6024	110170065	110170065	Trần Minh Thiện	17X1A	1,175,000
6025	110170066	110170066	Nguyễn Đại Thụy	17X1A	1,502,000
6026	110170068	110170068	Bùi Bảo Toàn	17X1A	2,199,000
6027	110170070	110170070	Trần Đình Ngọc Trai	17X1A	1,994,000
6028	110170071	110170071	Nguyễn Văn Trọng	17X1A	1,707,000
6029	110170072	110170072	Bùi Văn Trung	17X1A	2,390,000
6030	110170073	110170073	Trần Minh Trung	17X1A	2,457,000
6031	110170081	110170081	Võ Quang Vinh	17X1A	1,707,000
6032	110170086	110170086	Hà Ngọc Thiên Ân	17X1B	1,024,000
6033	110170093	110170093	Nguyễn Đình Danh	17X1B	1,366,000
6034	110170094	110170094	Phùng Văn Đạt	17X1B	1,502,000
6035	110170095	110170095	Trương Văn Diệu	17X1B	1,502,000
6036	110170096	110170096	Phạm Thanh Đông	17X1B	2,185,000
6037	110170097	110170097	Hồ Sỹ Đức	17X1B	1,707,000
6038	110170099	110170099	Vũ Văn Dũng	17X1B	2,867,000
6039	110170101	110170101	Lê Phương Duy	17X1B	1,912,000
6040	110170102	110170102	Nguyễn Duy Hải	17X1B	1,707,000
6041	110170105	110170105	Trần Công Hiếu	17X1B	1,707,000
6042	110170106	110170106	Hồ Xuân Hoàng	17X1B	2,335,000
6043	110170108	110170108	Giáp Thị Kiều Hoanh	17X1B	1,366,000
6044	110170109	110170109	Bùi Đăng Hùng	17X1B	683,000
6045	110170115	110170115	Hoàng Công Phước Khánh	17X1B	1,366,000
6046	110170117	110170117	Trần Đăng Khoa	17X1B	2,048,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
6047	110170120	110170120	Trần Đại Lâm	17X1B	1,502,000
6048	110170122	110170122	Phan Ngọc Lợi	17X1B	4,042,000
6049	110170124	110170124	Võ Văn Trung Lưu	17X1B	2,048,000
6050	110170125	110170125	Đặng Lỳ	17X1B	1,707,000
6051	110170126	110170126	Lê Văn Mến	17X1B	1,707,000
6052	110170129	110170129	Võ Văn Nghĩa	17X1B	683,000
6053	110170130	110170130	Ngô Thị Hồng Ngọc	17X1B	1,024,000
6054	110170131	110170131	Lê Thành Nhân	17X1B	2,526,000
6055	110170134	110170134	Nguyễn Văn Phát	17X1B	1,707,000
6056	110170135	110170135	Nguyễn Đăng Hoàng Phúc	17X1B	1,707,000
6057	110170140	110170140	Nguyễn Đình Quốc	17X1B	1,366,000
6058	110170144	110170144	Nguyễn Hữu Sơn	17X1B	683,000
6059	110170146	110170146	Phan Công Thái	17X1B	2,731,000
6060	110170147	110170147	Phan Đức Thắng	17X1B	1,024,000
6061	110170149	110170149	Trần Xuân Thiết	17X1B	1,843,000
6062	110170152	110170152	Ngô Văn Tín	17X1B	2,049,000
6063	110170154	110170154	Nguyễn Văn Toản	17X1B	1,502,000
6064	110170157	110170157	Đỗ Thành Trung	17X1B	853,500
6065	110170159	110170159	Phạm Văn Trường	17X1B	1,707,000
6066	110170160	110170160	Thái Khắc Tú	17X1B	1,707,000
6067	110170162	110170162	Võ Quang Tùng	17X1B	2,731,000
6068	110170164	110170164	Hoàng Anh Việt	17X1B	3,018,000
6069	110170171	110170171	Lê Đình Tú Anh	17X1C	1,707,000
6070	110170172	110170172	Trịnh Hoàng Anh	17X1C	683,000
6071	110170173	110170173	Lê Nguyễn Gia Bảo	17X1C	1,843,000
6072	110170174	110170174	Huỳnh Hoàng Bình	17X1C	2,048,000
6073	110170176	110170176	Võ Văn Chung	17X1C	2,390,000
6074	110170178	110170178	Huỳnh Quốc Đạt	17X1C	1,024,000
6075	110170180	110170180	Đỗ Quang Đông	17X1C	2,321,000
6076	110170189	110170189	Nguyễn Phước Hiếu	17X1C	1,843,000
6077	110170190	110170190	Nguyễn Quang Hòa	17X1C	2,526,000
6078	110170192	110170192	Võ Đại Hoàng	17X1C	1,366,000
6079	110170194	110170194	Nguyễn Bá Hùng	17X1C	2,253,000
6080	110170196	110170196	Bùi Quốc Huy	17X1C	1,707,000
6081	110170197	110170197	Nguyễn Ngọc Huy	17X1C	1,024,000
6082	110170202	110170202	Mai Văn Minh Khoán	17X1C	1,024,000
6083	110170204	110170204	Hồ Quang Kiệt	17X1C	1,858,000
6084	110170205	110170205	Huỳnh Văn Lai	17X1C	1,707,000
6085	110170206	110170206	Hoàng Lanh	17X1C	1,707,000
6086	110170207	110170207	Nguyễn Hoàng Nhất Linh	17X1C	1,858,000
6087	110170208	110170208	Nguyễn Đình Long	17X1C	2,867,000
6088	110170210	110170210	Hoàng Trọng Lũy	17X1C	2,949,000
6089	110170211	110170211	Bùi Quốc Mạnh	17X1C	1,175,000
6090	110170212	110170212	Lê Công Minh	17X1C	3,209,000
6091	110170213	110170213	Lê Văn Nam	17X1C	1,366,000
6092	110170214	110170214	Lê Công Nghĩa	17X1C	1,707,000
6093	110170215	110170215	Hồ Bảo Ngọc	17X1C	1,024,000
6094	110170219	110170219	Vũ Minh Nhật	17X1C	1,858,000
6095	110170221	110170221	Nguyễn Văn Phúc	17X1C	1,994,000
6096	110170222	110170222	Trịnh Gia Phúc	17X1C	1,175,000
6097	110170224	110170224	Nguyễn Phú Quang	17X1C	1,024,000
6098	110170225	110170225	Nguyễn Hữu Quyền	17X1C	2,185,000
6099	110170241	110170241	Bùi Quốc Trung	17X1C	1,707,000
6100	110170242	110170242	Nguyễn Hoàng Trung	17X1C	2,048,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
6101	110170243	110170243	Lê Thanh Trường	17X1C	2,253,000
6102	110170244	110170244	Võ Văn Trường	17X1C	2,731,000
6103	110170247	110170247	Nguyễn Văn Tường	17X1C	2,526,000
6104	110170248	110170248	Trần Hoàng Vĩ	17X1C	3,345,000
6105	110170249	110170249	Nguyễn Tuấn Việt	17X1C	1,366,000
6106	110170251	110170251	Huỳnh Tuấn Vũ	17X1C	2,048,000
6107	111170060	111170060	Nguyễn Phúc Nguyên Chương	17X2	2,526,000
6108	111170061	111170061	Lương Quốc Cường	17X2	1,516,000
6109	111170062	111170062	Lại Thành Danh	17X2	1,707,000
6110	111170063	111170063	Lê Văn Phát Đạt	17X2	2,457,000
6111	111170064	111170064	Nguyễn Tiến Dũng	17X2	2,662,000
6112	111170065	111170065	Nguyễn Thanh Hải	17X2	2,048,000
6113	111170066	111170066	Lê Thị Hồng Hạnh	17X2	2,048,000
6114	111170068	111170068	Nguyễn Tài Hiếu	17X2	1,502,000
6115	111170069	111170069	Đỗ Thiên Hoài	17X2	1,843,000
6116	111170070	111170070	Nguyễn Tất Hoàng	17X2	1,707,000
6117	111170071	111170071	Trần Ngọc Hùng	17X2	1,638,000
6118	111170072	111170072	Đặng Hoàng Long	17X2	2,457,000
6119	111170073	111170073	Hoàng Nhật Minh	17X2	1,912,000
6120	111170075	111170075	Nguyễn Thị Nga	17X2	2,048,000
6121	111170076	111170076	Phạm Thị Minh Nguyệt	17X2	1,229,000
6122	111170079	111170079	Võ Đăng Thanh Sang	17X2	2,662,000
6123	111170081	111170081	Nguyễn Hùng Thịnh	17X2	1,502,000
6124	111170082	111170082	Phan Quốc Tiến	17X2	3,072,000
6125	111170084	111170084	Phạm Thanh Vũ	17X2	2,457,000
6126	109170037	109170037	Hoàng Việt An	17X3	2,048,000
6127	109170039	109170039	Trần Thế Bảo	17X3	1,024,000
6128	109170041	109170041	Lương Quý Bình	17X3	2,390,000
6129	109170043	109170043	Nguyễn Văn Cành	17X3	1,843,000
6130	109170045	109170045	Lê Nguyên Dạ	17X3	2,321,000
6131	109170047	109170047	Phạm Thành Đạt	17X3	2,867,000
6132	109170048	109170048	Huỳnh Đức	17X3	2,390,000
6133	109170049	109170049	Nguyễn Quốc Dũng	17X3	1,366,000
6134	109170050	109170050	Phạm Viết Dũng	17X3	1,502,000
6135	109170052	109170052	Nguyễn Xuân Duy	17X3	1,502,000
6136	109170054	109170054	Phan Quang Hải	17X3	1,707,000
6137	109170057	109170057	Lê Quang Hiếu	17X3	3,154,000
6138	109170059	109170059	Lê Hổ	17X3	1,502,000
6139	109170061	109170061	Trần Ngọc Minh Hoàng	17X3	1,707,000
6140	109170064	109170064	Trần Ngọc Minh Hưng	17X3	1,024,000
6141	109170065	109170065	Trần Văn Hưng	17X3	1,366,000
6142	109170066	109170066	Lê Hồ Nhật Huy	17X3	3,550,000
6143	109170067	109170067	Trần Quang Huy	17X3	2,867,000
6144	109170070	109170070	Vũ Văn Khang	17X3	2,130,000
6145	109170071	109170071	Nguyễn Công Khanh	17X3	1,707,000
6146	109170072	109170072	Phạm Trường Khanh	17X3	2,185,000
6147	109170073	109170073	Đỗ Trường Khánh	17X3	819,000
6148	109170074	109170074	Nguyễn Xuân Khánh	17X3	2,390,000
6149	109170075	109170075	Lê Khôi	17X3	1,707,000
6150	109170076	109170076	Đào Trọng Long	17X3	1,024,000
6151	109170077	109170077	Nguyễn Dương Tiểu Long	17X3	1,024,000
6152	109170079	109170079	Lê Minh Lý	17X3	3,481,000
6153	109170080	109170080	Ngô Văn Nam	17X3	2,540,000
6154	109170081	109170081	Nguyễn Đình Vũ Nam	17X3	1,707,000

STT	MÃ HS	SỐ THẺ SV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	HỌC PHÍ PHẢI NỘP
6155	109170082	109170082	Tôn Thất Bảo Nam	17X3	2,185,000
6156	109170083	109170083	Lê Trọng Nghĩa	17X3	4,164,000
6157	109170085	109170085	Huỳnh Văn Ngọc Nhân	17X3	1,024,000
6158	109170086	109170086	Phạm Duy Nhân	17X3	1,024,000
6159	109170089	109170089	Đoàn Đại Phong	17X3	2,526,000
6160	109170091	109170091	Hồ Nhật Quân	17X3	2,185,000
6161	109170092	109170092	Phạm Viết Quốc	17X3	1,994,000
6162	109170099	109170099	Trần Phước Quang Thành	17X3	1,707,000
6163	109170100	109170100	Trần Thế Thiện	17X3	3,550,000
6164	109170101	109170101	Nguyễn Văn Thịnh	17X3	2,867,000
6165	109170102	109170102	Hoàng Văn Tỉnh	17X3	683,000
6166	109170103	109170103	Hoàng Ngọc Toàn	17X3	2,185,000
6167	109170105	109170105	Phạm Đình Triều	17X3	2,390,000
6168	109170106	109170106	Lương Văn Trông	17X3	1,502,000
6169	109170107	109170107	Huỳnh Đức Trung	17X3	2,199,000
6170	109170108	109170108	Lê Minh Trung	17X3	1,843,000
6171	109170110	109170110	Phan Ngọc Tú	17X3	853,500
6172	109170111	109170111	Đinh Công Tuấn	17X3	1,707,000
6173	109170112	109170112	Lê Quốc Tuấn	17X3	2,185,000
6174	109170114	109170114	Nguyễn Minh Tuấn	17X3	1,024,000
6175	109170116	109170116	Lê Văn Tùng	17X3	1,366,000
6176	109170117	109170117	Võ Viết Tùng	17X3	1,024,000
6177	109170118	109170118	Lê Thế Tuyền	17X3	1,707,000
6178	103180001	103180001	Lê Tiến Sỹ	18C4_B2	683,000
6179	105180001	105180001	Ngô Đình Duy	18D_B2	3,073,000